

## MỞ ĐẦU

### 1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

Tại Việt Nam, cũng như ở nhiều nước trên thế giới, nông, lâm nghiệp là các lĩnh vực đặc biệt, có tầm ảnh hưởng quan trọng đối với nền kinh tế quốc dân. Với phần lớn dân số sống ở nông thôn, gần một nửa lao động đang làm việc ở nhóm ngành nông, lâm nghiệp, nhóm ngành này được coi là bộ đỡ mỗi khi đất nước gặp khó khăn từ bên ngoài, đóng góp tích cực trong việc kiềm chế lạm phát, kiềm chế nhập siêu, giải quyết lao động, việc làm.

Chính sách đối với khu vực nông, lâm sản nói chung và chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản nói riêng luôn được chính phủ nhiều nước, từ các nước đang phát triển đến các nước công nghiệp phát triển quan tâm. Việt Nam đang trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế khu vực và toàn thế giới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản đã đạt được một số thành tựu nhất định.

Hà Tĩnh là một trong những tỉnh có tiềm năng lớn về xuất khẩu nông, lâm sản. Những năm qua nền kinh tế Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn, giá cả nguyên vật liệu biến động đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến lĩnh vực xuất khẩu của Hà Tĩnh. Tuy nhiên, với nhiều giải pháp kích cầu và sự nỗ lực vượt lên khó khăn của các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu hàng năm của Hà Tĩnh vẫn tăng mạnh, góp phần đẩy mạnh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho hàng chục nghìn lao động.

Theo thông tin của Cục Hải quan Hà Tĩnh, kết quả thu ngân sách năm 2015 của đơn vị đạt 5.035,5 tỷ đồng. Tỉnh có gần 40 doanh nghiệp mở tờ khai xuất khẩu hàng hóa với nhiều lĩnh vực ra thị trường quốc tế. Trong đó, có 23 DN tổ chức xuất khẩu ra thị trường các nước, 6 đơn vị còn lại thực hiện mở tờ khai xuất khẩu vào khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo. Những mặt hàng xuất khẩu truyền thống của Hà Tĩnh là dăm gỗ, gỗ, chè, vật liệu xây dựng và nông, thủy sản các loại... Những năm gần đây, các mặt hàng truyền thống đều có mức tăng trưởng bình quân 25-30%/năm. Thị trường xuất khẩu chủ yếu của Hà Tĩnh là Trung Quốc (chiếm 40%), Nhật Bản (30%), Lào (7%), còn lại là các thị trường khác như Singapore, Hồng Kông, Đài Loan, Hàn Quốc...

Cũng theo Niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh năm 2015, tổng kim ngạch mặt hàng nông sản năm 2015 đạt 22 triệu USD, tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2010-2015 là 30,8%/năm và các mặt hàng lâm sản đạt 58 triệu USD, tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2010-2015 là 6,77%/năm, chủ yếu là mặt hàng dăm gỗ xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là khu vực Châu Á [18]. Đây là mức tăng trưởng ấn tượng trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn.

Thị trường châu Á là thị trường có kim ngạch xuất khẩu cao nhất với các mặt hàng nông, lâm sản như dăm gỗ, cao su, chè, gỗ xẻ, gỗ ván ép... Nhiều sản phẩm, hàng hoá do các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sản xuất, gia công, chế tạo có chất lượng cao, từng bước khẳng định thị phần, thương hiệu trên thị trường thế giới và trong nước, tạo sức lan toả, kích thích việc nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã của nhiều loại hàng hoá được sản xuất và tiêu thụ trong nước.

Bên cạnh những thành công đạt được trong hoạt động xuất khẩu, vẫn còn tồn tại một số khó khăn đối với hoạt động xuất khẩu nói chung và xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh nói riêng. Cụ thể:

Xét về tổng thể, hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp Hà Tĩnh vẫn mang tính nhỏ lẻ, thiếu tính bền vững, nhiều doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tồn kho một lượng hàng hóa lớn khi chính phủ cấm xuất thô sản phẩm, dăm gỗ là mặt hàng chủ lực xuất khẩu nhưng hiện nay đã chuyển sang hướng chế biến sâu nên không khuyến khích xuất thô, các mặt hàng xuất khẩu truyền thống như: thủy sản, chè... gặp khó về nguồn nguyên liệu. Bên cạnh đó, nguyên liệu để chế biến ở Hà Tĩnh rất hạn chế nên các công ty thường phải thu mua ở các tỉnh phía Nam, thậm chí là mua của nước ngoài, nên chi phí khá cao, gây khó khăn cho việc mở rộng quy mô, đa dạng hóa sản phẩm của các doanh nghiệp.

Các mặt hàng nông sản khác thậm chí là đặc sản như nhung hươu của Hà Tĩnh có tiềm năng khá lớn nhưng không có doanh nghiệp nào trong tỉnh đứng ra tổ chức thu mua, chế biến xuất khẩu. Những dự án mới được đầu tư trên địa bàn cũng chưa mang lại kết quả như kỳ vọng.

Theo đánh giá của các thành viên thực hiện đề án phát triển xuất khẩu, hoạt động xuất khẩu thời gian qua vẫn còn nhiều khó khăn. Mặt hàng, giá trị kim ngạch xuất khẩu và quy mô sản xuất hàng hóa nông, lâm sản xuất khẩu của các doanh nghiệp hạn chế, chủ yếu là các mặt hàng truyền thống, chưa có các sản phẩm mới có

giá trị lớn; công tác mở rộng thị trường yếu. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp xuất khẩu chủ yếu thông qua hình thức ủy thác nên thiếu chủ động, rủi ro cao, lợi nhuận thấp... Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Hà Tĩnh tham gia xuất khẩu thấp, bởi phần lớn đơn vị không có chuyên gia về lĩnh vực này, thiếu chuyên nghiệp, nghiệp vụ nắm bắt thông tin thị trường, luật pháp, thông lệ quốc tế cũng rất hạn chế. Về cơ sở hạ tầng, do không có cảng container nên các doanh nghiệp xuất khẩu phải gom hàng đủ container rồi chở ra xuất tại cảng Hải Phòng, dẫn đến gặp nhiều khó khăn, chi phí lớn... Bên cạnh đó, doanh nghiệp không đủ tiềm lực đầu tư cải tiến dây chuyền công nghệ để đầu tư chế biến sâu, nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã sản phẩm...

Về cơ bản, tỉnh Hà Tĩnh đã có nhiều chính sách quan tâm đến hoạt động thúc đẩy xuất khẩu hàng nông, lâm sản bằng nhiều hình thức như hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ giống cây trồng, đất... và nhiều hình thức khác như hỗ trợ truyền thông, quảng cáo, đào tạo cán bộ quản lý, nâng cấp các trang thiết bị sản xuất... Tuy nhiên, để có thể phát triển hơn nữa ngành xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh, cần có một chiến lược dài hạn và các chính sách phù hợp trong thời gian tới. Bên cạnh đó, các hoạt động nghiên cứu, sách báo liên quan tới chính sách thúc đẩy hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của Hà Tĩnh không nhiều và chưa chuyên sâu. Chính vì vậy đặt ra yêu cầu cần có những nghiên cứu cụ thể, chuyên sâu hơn về các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh, đặc biệt là các nghiên cứu mang tính đồng bộ, tổng thể về xuất khẩu nông, lâm sản.

Nhận thức được nhu cầu cấp thiết cần tiếp tục cải cách các chính sách nhằm thúc đẩy hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản tỉnh Hà Tĩnh, tác giả đã chọn đề tài: ***“Chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh”*** làm đề tài nghiên cứu của mình.

## 2. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

### 2.1 Mục tiêu nghiên cứu:

Đề xuất được các giải pháp và kiến nghị góp phần hoàn thiện chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh tới năm 2025, tầm nhìn 2030.

### 2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản và thực tiễn về chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của một địa phương (cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

- Phân tích, đánh giá thực trạng xuất khẩu và chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian qua.

- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

### 3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về chính sách thúc đẩy XK-NLS của địa phương; với địa bàn nghiên cứu tại tỉnh Hà Tĩnh.

#### 3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi về nội dung*: Đề tài nghiên cứu và phân tích, đánh giá thực trạng chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh, đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh tới năm 2025, tầm nhìn 2030.

- *Phạm vi về thời gian*: Các số liệu nghiên cứu sử dụng trong đề tài được thu thập chủ yếu trong khoảng từ 10 năm trở lại đây. Từ 2005 - 2015 là mốc thời gian để lấy số liệu, tư liệu; từ 2017 - 2020 và tầm nhìn 2030 là thời gian nghiên cứu và đề xuất các giải pháp của đề tài.

- *Phạm vi về không gian*: Chủ yếu nghiên cứu tại địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, có đối sánh với một số địa phương khác.

### 4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 4.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Đề tài vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm đường lối của Đảng và Nhà nước Việt Nam về hoạt động xuất khẩu nói chung, các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản nói riêng, và coi đây là phương pháp luận chung cho các phương pháp nghiên cứu của Đề tài.

#### 4.2. Các phương pháp thu thập dữ liệu

- Dữ liệu thứ cấp:

Sử dụng dữ liệu thứ cấp từ các báo cáo, thống kê của Cục Thống kê Hà Tĩnh, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh Hà Tĩnh.

- Dữ liệu sơ cấp được thu thập từ hai nguồn: Điều tra xã hội học đối với các doanh nghiệp XK-NLS (phụ lục 1), các cán bộ quản lý nhà nước liên quan tới việc ban hành và thực thi chính sách thúc đẩy XK-NLS của Tỉnh (phụ lục 2), các hộ dân và các cơ sở sản xuất, tăng gia các sản phẩm nông lâm sản phục vụ xuất khẩu (phụ

lục 3); Phòng vẫn trực tiếp đối với các cán bộ quản lý nhà nước chịu trách nhiệm nghiên cứu, ban hành và tổ chức thực hiện chính sách thúc đẩy XKNLS.

### **4.3. Sơ bộ về điều tra xã hội học**

- Điều tra xã hội học được thực hiện nhằm phản ánh thực trạng hoạt động XKNLS cũng như các vấn đề liên quan đến chính sách thúc đẩy XKNLS với các mục tiêu cụ thể như sau:

+ Khảo sát tình hình XKNLS của các doanh nghiệp XKNLS của tỉnh Hà Tĩnh;

+ Khảo sát và đánh giá thực trạng quy trình xây dựng và thực thi các chính sách thúc đẩy XKNLS của tỉnh;

+ Thực trạng các chính sách thúc đẩy XKNLS và tác động của chúng đối với hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh;

+ Đánh giá của doanh nghiệp về các chính sách thúc đẩy XKNLS của tỉnh Hà Tĩnh thời gian qua.

Trên cơ sở kết quả phân tích, đánh giá trên hướng tới việc đề xuất các giải pháp hoàn thiện Chính sách thúc đẩy XKNLS của tỉnh Hà Tĩnh thời gian tới.

#### *- Phương thức điều tra:*

Do tính chất của vấn đề nghiên cứu, để đạt được các mục tiêu đặt ra, tác giả thực hiện một cuộc điều tra độc lập kết hợp khảo sát trực tiếp các công ty hoạt động trong lĩnh vực XKNLS, cán bộ quản lý các cấp, các hộ dân và các cơ sở tăng gia, sản xuất, trồng trọt các sản phẩm nông, lâm sản phục vụ xuất khẩu.

#### *- Quy mô và mẫu điều tra*

Nghiên cứu này tập trung chủ yếu vào các công ty hoạt động trong lĩnh vực XKNLS hoạt động trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Nghiên cứu một số đối tượng có liên quan như các cán bộ quản lý liên quan tới việc nghiên cứu, ban hành và thực thi chính sách thúc đẩy XKNLS ở Hà Tĩnh, cũng như các hộ dân và các cơ sở tăng gia, sản xuất, trồng trọt các sản phẩm nông, lâm sản phục vụ xuất khẩu trên địa bàn Tỉnh Hà Tĩnh.

Cuộc khảo sát được tiến hành từ 03/2015 đến 06/2015 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh với 4 đối tượng: Các hộ dân sản xuất NLS xuất khẩu, các DN XKNLS và các nhà quản lý. Phiếu điều tra được thiết kế để tập trung thu thập được những thông tin như: các thông tin cơ bản của DN, đánh giá của DN về thực trạng, tiềm năng và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của Hà Tĩnh; đánh giá của DN về chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của Hà Tĩnh, các đề xuất của doanh nghiệp nhằm phát triển hoạt động sản xuất, xuất khẩu nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, định hướng một số nguyên nhân của tồn tại.

Điều tra 130 hộ dân là các hộ sản xuất, trồng trọt và kinh doanh các sản phẩm nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Đối với điều tra doanh nghiệp, dựa trên báo cáo về số lượng doanh nghiệp xuất khẩu của Đoàn liên ngành rà soát doanh nghiệp xuất khẩu (UBND tỉnh Hà Tĩnh) năm 2014 có 45 doanh nghiệp xuất khẩu nông, lâm sản hoạt động trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, tác giả quyết định điều tra toàn bộ các doanh nghiệp đã đề cập ở trên.

Đối với điều tra cán bộ quản lý các cấp liên quan tới việc nghiên cứu, ban hành và triển khai các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản, tác giả đã tiến hành điều tra 56 cán bộ thuộc Văn phòng UBND tỉnh, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cán bộ một số huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh.

*- Thiết kế bảng câu hỏi điều tra*

Các bảng câu hỏi được thiết kế phù hợp với mục đích của nghiên cứu này. Bảng câu hỏi cụ thể mà bao gồm một loạt các câu hỏi (được trình bày trong phụ lục số 1, 2 và 3).

Để đảm bảo độ chính xác, bảng câu hỏi này được xây dựng qua một quá trình toàn diện theo phương pháp của Schwab:

- + Xác định những cấu trúc cần thiết dựa trên mục đích của nghiên cứu và điểm luận.
- + Quyết định loại câu hỏi (mở hoặc bán cấu trúc hoặc cấu trúc đóng).
- + Quyết định nội dung hoặc câu hỏi nhỏ hơn của từng cấu trúc.
- + Quyết định đặt từ cho mỗi câu hỏi để phản ánh tốt nhất nội dung hoặc ý nghĩa muốn hỏi.
- + Quyết định và sắp xếp chuỗi câu hỏi một cách hợp lý trong bảng câu hỏi.
- + Soạn thảo ra bản câu hỏi dựa trên các yếu tố trên.
- + Đề trình bản câu hỏi đầu tiên này đến người hướng dẫn khoa học và thảo luận với người hướng dẫn khoa học nhằm kiểm tra lại, chỉnh sửa, cải tiến và cuối cùng là thông qua bảng câu hỏi.
- + Điều tra thử nghiệm trên một số đối tượng trên mỗi mẫu khảo sát để xem xét tính thực tiễn của bảng câu hỏi.

*- Thang đo bảng câu hỏi*

Đây là loại bảng câu hỏi được cấu trúc đóng, bao gồm nhiều kiểu thang đo cho mỗi nhân tố. Dựa trên đặc điểm của nhân tố, độ nhạy cảm cũng như sự sẵn có của thông tin, các nhân tố có thể được đo bằng kiểu định danh (tách đôi, phân loại), cấp bậc (thang đo Likert trên thang 5 điểm), số hoặc tỉ lệ được dự đoán bởi người trả lời. Thang đo đa dạng này nhằm thể hiện tốt nhất các thông tin cơ bản

của các DN, đánh giá của DN về thực trạng, tiềm năng và các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất, xuất khẩu nông, lâm sản của Hà Tĩnh; đánh giá của DN về chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của Hà Tĩnh; các đề xuất của DN nhằm phát triển hoạt động sản xuất, xuất khẩu nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và quan điểm của các nhà quản lý hoạt động XKNLS trong định hướng một số nguyên nhân và giải pháp của các vấn đề còn tồn tại.

*- Phương pháp thu thập số liệu*

Trước khi đưa ra bảng câu hỏi chính thức, tác giả đã tiến hành một cuộc kiểm tra thử nghiệm trên 5 đối tượng (với mỗi mẫu khảo sát). Sau cuộc kiểm tra này, một số điều chỉnh đã được thực hiện. Những sự điều chỉnh này chủ yếu nhằm vào cách dùng từ ngữ sao cho hợp nhất với cách hiểu thực tế, và sắp xếp lại các câu hỏi theo trình tự hợp lý hơn. Tất cả những sự chỉnh sửa hay điều chỉnh này nhằm làm cho đối tượng nghiên cứu hiểu một cách tốt nhất ý nghĩa của câu hỏi.

Sau đó, một bảng hỏi có cấu trúc chính thức được gửi cho đối tượng nghiên cứu bằng các phương tiện như gửi qua bưu điện, thư điện tử và fax. Tiếp sau là những cuộc gọi điện thoại tới các đối tượng để đảm bảo sự tham gia và gửi lại bản câu hỏi cho người nghiên cứu.

#### **4.4. Phỏng vấn và khảo sát trực tiếp**

Nhằm làm rõ các nội dung điều tra và bổ sung các nội dung chi tiết, đồng thời để phản ánh cụ thể và chính xác thực trạng ban hành và triển khai CSXKNLS trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, định hướng các giải pháp cho đề tài nghiên cứu, tác giả đã tiến hành phỏng vấn và khảo sát trực tiếp một số doanh nghiệp và cán bộ quản lý liên quan tới lĩnh vực này của tỉnh Hà Tĩnh. Việc phỏng vấn và khảo sát trực tiếp tập trung vào thực trạng tình hình XKNLS, các chương trình, chủ trương, kế hoạch, định hướng đối với lĩnh vực này, từ đó có cái nhìn khách quan hơn về những vấn đề còn tồn tại.

Ngoài ra, tác giả cũng sử dụng kết quả phân tích, nhận xét và các đánh giá của các chuyên gia, các nhà nghiên cứu được công bố trong các báo cáo và các bài viết có liên quan tới vấn đề XKNLS và CSXKNLS để bổ sung cho kết quả nghiên cứu của mình.

Kết quả của quá trình phỏng vấn, khảo sát và nghiên cứu trực quan nói trên sẽ được phân tích cụ thể trong các phần tiếp theo của đề tài.

#### **4.5 Các công cụ phân tích và đánh giá dữ liệu khảo sát**

- Dữ liệu thứ cấp: sử dụng các phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp.
- Dữ liệu sơ cấp: Tác giả đã sử dụng chương trình Microsoft Excel để tổng hợp và làm sạch số liệu từ bảng câu hỏi.

Sử dụng chương trình phân tích thống kê để phân tích toàn bộ số liệu theo mục đích nghiên cứu. Nghiên cứu này chủ yếu sử dụng thống kê mô tả để thể hiện những thông tin cần thiết, làm cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng vấn đề nghiên cứu.

#### **4.6. Các phương pháp khác**

- Phương pháp nghiên cứu tại bàn và kế thừa: Nghiên cứu các tài liệu liên quan tới xuất khẩu nông, lâm sản và chính sách thúc đẩy XK-NLS trong và ngoài nước để tổng hợp và hệ thống hóa cơ sở lý luận về vấn đề chính sách thúc đẩy XK-NLS của một địa phương.

- Ngoài ra, đề tài còn sử dụng các phương pháp khác như: Phương pháp thống kê, quan sát trực tiếp, nghiên cứu dữ liệu từ Internet,...

### **5. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA ĐỀ TÀI**

5.1. Đề tài là công trình nghiên cứu độc lập về chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của một địa phương. Đề tài đã hệ thống hóa các vấn đề lý luận về chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản, làm rõ nội hàm khái niệm về “chính sách”, “chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản”; Chỉ rõ đặc điểm, nội dung, vai trò của chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của địa phương; Đưa ra nội dung cơ bản về quy trình xây dựng, thực thực chính sách thúc đẩy XK-NLS cấp tỉnh; các nhân tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến chính sách thúc đẩy XK-NLS của một tỉnh, bao gồm: Chiến lược phát triển kinh tế quốc gia; tình hình thị trường nông, lâm sản thế giới, trong nước và định hướng phát triển nông, lâm nghiệp của trung ương, địa phương; đặc điểm, lợi thế và tiềm năng về sản xuất và xuất khẩu nông, lâm sản của từng địa phương; Chính sách của các quốc gia xuất, nhập khẩu nông lâm sản trên thế giới; Yêu cầu về chính sách thương mại đối với hàng nông, lâm sản của các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới ...

5.2. Đề tài đã phân tích và đánh giá thực trạng về xuất khẩu và chính sách xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian từ năm 2005 đến 2015 và chỉ rõ tồn tại, những hạn chế, yếu kém trong hoạt động xuất khẩu nông lâm sản tỉnh Hà Tĩnh và chỉ rõ nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại đó.

5.3. Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích điều kiện kinh tế - xã hội, về thực trạng hoạt động xuất khẩu và chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông sản của Hà Tĩnh. Đề tài đã đề xuất các giải pháp có tính khả thi, giúp cho các Cơ quan quản lý Nhà nước, nhà quản lý xem xét, nghiên cứu áp dụng vào tình hình thực tiễn tại địa phương.

Các giải pháp và đề xuất của đề tài về cơ bản là phù hợp với tình hình và bối cảnh chung, phù hợp với các chiến lược xuất khẩu nông, lâm sản của Việt Nam nói chung và tỉnh Hà Tĩnh nói riêng tới năm 2025, tầm nhìn 2030.



## 6. KẾT CẤU CỦA ĐỀ TÀI

Ngoài phần mục lục, danh mục các bảng, hình vẽ, các từ viết tắt, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, đề tài kết cấu thành 5 chương như sau:

- Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu
- Chương 2: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của địa phương
- Chương 3: Phân tích và đánh giá thực trạng chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2005-2015
- Chương 4: Các giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025, tầm nhìn 2030

## CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Việc nghiên cứu và thảo luận những vấn đề liên quan đến chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản đã thu hút được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu, các cơ quan quản lý và đã được thực hiện khá nhiều. Sau đây là một số công trình nghiên cứu tiêu biểu ở nước ngoài và trong nước.

### 1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRÊN THẾ GIỚI

Về vấn đề chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản, đã có rất nhiều nghiên cứu trên thế giới về vấn đề này. Các nghiên cứu đã chỉ ra nhiều bài học thành công cũng như những kinh nghiệm có thể vận dụng cho việc đẩy mạnh chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản tỉnh Hà Tĩnh. Các nghiên cứu này bao gồm:

*Thứ nhất*, các nghiên cứu của nước ngoài liên quan đến xuất khẩu và chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản thuộc các nước đang phát triển và các nước có điều kiện tương đồng với Việt Nam:

ITS Global (2011), *Sự đóng góp kinh tế của rừng của Indonesia - Dựa vào công nghệ* (The Economic Contribution of Indonesia's Forest-Based Industries)

Nghiên cứu này cung cấp một ví dụ điển hình là tỉnh Riau, một trong những tỉnh giàu có nhất ở Indonesia. Là tỉnh giàu tài nguyên thiên nhiên và là nơi trồng nhiều cao su và cọ lấy dầu nhất. Chính phủ Indonesia đã áp dụng nhiều biện pháp tích cực hỗ trợ việc phát triển lâm nghiệp tại tỉnh này, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu lâm sản sang các nước trên thế giới. Việc phân tích các chính sách này sẽ là giúp cho việc thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm nông, lâm sản tốt hơn.

\*Vu Hoai Minh, Hans Warfvinge (2002), *Các vấn đề trong quản lý rừng tự nhiên do hộ gia đình và cộng đồng địa phương của ba tỉnh ở Việt Nam: Hòa Bình, Nghệ An và Thừa Thiên Huế*, Asia Forest Network, Santa Barbara, California USA

Một nghiên cứu khảo sát ngắn gọn về ngành lâm nghiệp của ba tỉnh Hòa Bình, Nghệ An và Thừa Thiên Huế tại Việt Nam. Nghiên cứu chỉ ra khó khăn của ngành lâm nghiệp khi chưa có một khuôn khổ chính thức. Trong phần tiếp theo, ví dụ thực tế 3 tỉnh Hòa Bình, Nghệ An, Thừa Thiên Huế nơi cộng đồng địa phương đã quản lý để phá vỡ những hạn chế chính thức và thực sự thiết lập hệ thống riêng của họ cho việc quản lý rừng tự nhiên, có thể hoặc không có sự trợ giúp từ bên ngoài. Cuối cùng, nghiên cứu chỉ ra một số vấn đề tồn tại và đề xuất đối với các vấn đề đó trong lĩnh vực lâm nghiệp quy mô nhỏ, góp phần hỗ trợ thúc đẩy lâm nghiệp phát triển.

\* Forest Science Institute of Vietnam (2009), *Nghiên cứu triển vọng lâm nghiệp Việt Nam, Tổ chức nông nghiệp và lương thực của Liên Hợp Quốc - Văn phòng khu vực châu Á và Thái Bình, Bangkok.*

Nghiên cứu này được phát triển dựa trên cơ sở của cả hai cấu trúc chung theo đề nghị của FAO và điều chỉnh theo tình hình tại Việt Nam trong đó trình bày một số vấn đề hiện trạng rừng và lâm nghiệp tại Việt Nam bao gồm cả tình trạng và xu hướng quản lý tài nguyên rừng, gỗ và lâm sản, các chức năng dịch vụ của rừng và khuôn khổ chính trị và thể chế..., đồng thời cũng đề cập tới vấn đề làm thế nào để ngành lâm nghiệp có một tương lai tốt hơn, thảo luận về việc quy hoạch phát triển ngành lâm nghiệp, bảo vệ rừng và quản lý, phát huy nguồn lực đầu tư và nguồn nhân lực và các giải pháp thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp.

\* Bui Thi Huong, Truong Minh Dao, Julie MacCartee, Ryan Boone (2011), *Nhiều cơ hội cho thực phẩm và các sản phẩm nông nghiệp của Hoa Kỳ, nhưng cũng không ít rủi ro*, Global Agricultural Information Network, Hanoi.

Nghiên cứu cung cấp những cập nhật quan trọng về chính sách và các qui định của Việt Nam có thể ảnh hưởng đến sự lựa chọn của các nhà xuất khẩu và hướng dẫn họ làm thế nào để tiếp cận thị trường năng động này. Mặc dù các quy định của Việt Nam đôi khi dẫn tới các rào cản thương mại phiền hà tuy nhiên Việt Nam hiện nay đã có những hành động tiến bộ trong việc giảm thuế nhập khẩu theo quy định của WTO và áp dụng các thông lệ kinh doanh thân thiện hơn.

Trên đây là những nghiên cứu của các tác giả nước ngoài về các hoạt động kinh tế cũng như chính sách thúc đẩy XKNLS tại Việt Nam. Những nghiên cứu trên đã hệ thống hóa những lý luận cơ bản về vấn đề phát triển nông, lâm nghiệp nói chung và hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản nói riêng. Tuy nhiên, các nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở việc hướng dẫn các hoạt động xuất khẩu đối với các quốc gia vào Việt Nam cũng như các chính sách bảo vệ nguồn tài nguyên lâm nghiệp, dự báo thực trạng nguồn tài nguyên nông, lâm nghiệp đến năm 2020. Như vậy có thể thấy, nghiên cứu của các tác giả nước ngoài về chính sách thúc đẩy nông, lâm sản tại Việt Nam nói chung cũng như tỉnh Hà Tĩnh nói riêng là khá hạn chế.

\* International Trade Centre (2009), *Xúc tiến xuất khẩu và WTO*, International Trade Centre, Switzerland

Cuốn sách nhấn mạnh các qui tắc liên quan trong hiệp định WTO về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (ASCM), bao gồm hàng hóa sản xuất và các Hiệp định WTO về nông nghiệp (AoA). Cuốn sách giúp trả lời các câu hỏi mà các chính phủ và công ty xuất khẩu tư nhân thường xuyên phải đối mặt khi thiết kế và thực hiện các đề án xúc tiến xuất khẩu. Nghiên cứu đưa ra các công cụ khác nhau, chẳng hạn như hoàn thuế tín dụng xuất khẩu và bảo lãnh xuất khẩu... Để minh họa điều này, kinh nghiệm từ các nước phát triển và kém phát triển nhất được phân tích để phục vụ nghiên cứu cho những trường hợp khác.

\* Giovanni Anania (2013), *Hạn chế xuất khẩu nông nghiệp và WTO: Những tùy chọn chính sách - nhà sản xuất cho thúc đẩy an ninh lương thực*, International Centre for Trade and Sustainable Development (ICTSD), Switzerland.

Nghiên cứu tập trung vào hạn chế xuất khẩu trong nông nghiệp như một biện pháp khẩn cấp trong phản ứng đối với giá quốc tế tăng cao và trên các cuộc đàm. Mục đích là để đóng góp vào cuộc tranh luận đang diễn ra về việc giới thiệu hiệu quả hơn, các quy tắc đa phương đồng ý và thực thi về các hạn chế xuất khẩu để tránh những vấn đề bổ sung mà họ áp đặt vào người tiêu dùng nghèo trên toàn thế giới trong trường hợp tăng giá ấn tượng.

\* Chris Brown and Patrick B. Durst (2003), *Nhà nước về lâm nghiệp trong khu vực châu Á và Thái Bình Dương - 2003: Tình trạng, thay đổi và xu hướng*, Food and Agriculture Organization of the United Nations - Regional Office for Asia and the Pacific, Bangkok.

Nghiên cứu cung cấp một cái nhìn toàn cảnh về ngành lâm nghiệp, đặc biệt nhấn mạnh cách tiếp cận tương phản được chấp nhận bởi các quốc gia trong khu vực trong việc giải quyết những thách thức cấp bách nhất đối đầu với khu vực, bao gồm phát triển trong quản lý rừng, bảo tồn rừng, khai thác gỗ bất hợp pháp, thúc đẩy quản lý bền vững và cơ cấu lại tổ chức. Đề cập tới các chính sách lâm nghiệp quốc gia và pháp luật về lâm nghiệp nhằm giải quyết vấn đề quan trọng đặt ra.

\* Keith Barney (2005), *Kế hoạch trung ương và xuất khẩu toàn cầu: Theo dõi các ngành hàng lâm nghiệp của Việt Nam và các liên kết xuất khẩu sang Trung Quốc*, Forest Trends, Washington, D.C.

Nghiên cứu phác thảo những thay đổi đang diễn ra trong quản lý đất lâm nghiệp và phát triển lâm nghiệp Việt Nam và sau đó liên kết các thay đổi trong chính sách với các xu hướng phát triển công nghiệp trong các lĩnh vực sản xuất đồ gỗ trên cả nước. Nghiên cứu cũng làm rõ tiềm năng xuất khẩu lâm sản và các sản phẩm chế biến từ gỗ từ Việt Nam xuất sang thị trường Trung Quốc tập trung phần lớn vào sản phẩm bột giấy và dăm gỗ rừng, nghiên cứu sâu hơn về tác động của mô hình nhập khẩu vào Trung Quốc của các sản phẩm lâm sản từ Việt Nam.

\* Arthur J. Miller, Ph.D (2006), *Cơ hội và yêu cầu để xuất khẩu thực phẩm Thái Lan và các sản phẩm nông nghiệp cho Hoa Kỳ*, Exponent Inc, Washington D.C.

Nghiên cứu trình bày tổng quan về các khu vực an toàn tư nhân Mỹ về thực phẩm, chất lượng, và các hệ thống bảo hộ nông nghiệp, cung cấp thực phẩm tiêu dùng Mỹ và các xu hướng tiếp thị có thể được hưởng lợi xuất khẩu của Thái Lan,

và mô tả triển vọng cho các sự kiện và các yêu cầu có thể ảnh hưởng sự phát triển của ngành nông nghiệp Thái Lan và kim ngạch xuất khẩu trong tương lai.

\* Terence P. Stewart, Jin Ma (2007), *chương trình hỗ trợ của Trung Quốc với một số ngành: Nông nghiệp*, The Trade Lawyers Advisory Group LLC, U.S.

Trong nhiều thập kỷ, Trung Quốc đã theo đuổi chính sách thuế nông nghiệp để hỗ trợ việc công nghiệp hóa đô thị. Mặc dù đạt được sự thành công nhất định trong lĩnh vực công nghiệp tuy nhiên sự khác biệt trong tỷ lệ tăng trưởng của lĩnh vực sản xuất so với ngành nông nghiệp đã dẫn đến tình trạng bất bình đẳng trong thu nhập rất lớn giữa thành thị và nông thôn. Điều này gây ra một mối đe dọa cho sự ổn định của quốc gia.

Nghiên cứu chỉ ra các chính sách hỗ trợ nông nghiệp của chính phủ Trung Quốc dành cho ngành nông nghiệp và người nông dân trong một số năm trở lại đây trên nhiều mặt như hỗ trợ khoa học kỹ thuật, hỗ trợ về thuế xuất khẩu... Đây là những chính sách khá hiệu quả mang lại sự ổn định cho ngành nông nghiệp Trung Quốc nói chung cũng như hoạt động xuất khẩu nông sản nói riêng.

\* Global SPC (2008), *Đẩy mạnh xuất khẩu nông nghiệp của Armenia*, Global SPC, Yerevan

Nghiên cứu đề cập tới một số phương pháp thúc đẩy hoạt động xuất khẩu nông nghiệp cho Cộng hòa Armenia bao gồm một số biện pháp như về thuế xuất khẩu, hỗ trợ tài chính, các thỏa thuận hỗ trợ nông nghiệp cũng như các hoạt động xúc tiến thương mại đối với sản phẩm xuất khẩu, bên cạnh đó, tổ chức các hội nhóm xuất khẩu và nghiên cứu, phát triển hoạt động xuất khẩu nông nghiệp cũng được quan tâm và đề cập tới.

\* Atsunobu Sato (2012), *Chiến lược xuất sản phẩm nông nghiệp của Nhật Bản: Một Tập trung vào quản lý sản xuất tại Nhật Bản nông nghiệp Hợp tác xã*, ICCS Journal of Modern Chinese Studies, Japan.

Xuất khẩu nông sản của Nhật Bản đã được mở rộng cả về lượng và giá trị. Các nhà xuất khẩu Nhật Bản phải sản xuất sản phẩm nông nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm dịch thực vật theo yêu cầu của thị trường xuất khẩu. Nghiên cứu này phân tích kim ngạch xuất khẩu sản phẩm khoai lang từ Nhật Bản đến Đài Loan bằng cách kiểm tra các vấn đề cố hữu trong hệ thống quản lý sản xuất ảnh hưởng đến khả năng vượt qua hoạt động kiểm tra kiểm dịch thực vật, và khả năng của các hợp tác xã nông nghiệp Nhật Bản có thể đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tại Đài Loan. Hợp tác xã nông nghiệp ở Hokkaido đã được cải thiện về phương pháp đóng gói và chất lượng thiết bị của mình, để tăng cường hệ thống quản lý sản xuất của nó. Những cải tiến này đã dẫn đến sự gia tăng trong chi phí thiết bị. Vì vậy, điều quan

trọng là các nhà xuất khẩu cần nhận được các khoản trợ cấp từ chính phủ để giúp Nhật Bản cải thiện sản xuất khoai lang và bán hàng, không chỉ quốc tế, mà còn ở trong nước.

\* Sukanya Sirikeratikul (2014), *Hướng dẫn xuất khẩu Thái Lan 2013*, Global Agricultural Information Network, Bangkok.

Nghiên cứu cung cấp một cái nhìn tổng quan cho các công ty đang tìm hiểu để làm kinh doanh ở Thái Lan và cung cấp lời khuyên thiết thực và thông tin về hoạt động kinh doanh địa phương, sở thích và xu hướng tiêu dùng, tiêu chuẩn thực phẩm và các quy định, thủ tục nhập khẩu, kiểm tra. Nghiên cứu này cũng xác định các cơ hội và phương pháp tiếp cận cho ba lĩnh vực thị trường lớn là bán lẻ thực phẩm, dịch vụ thực phẩm và chế biến thực phẩm. Ngoài ra, nghiên cứu còn hướng dẫn các sản phẩm triển vọng có giá trị cao nhất và các địa chỉ liên lạc quan trọng.

Trên đây là một số nghiên cứu của các tác giả nước ngoài về chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản thuộc các nước đang phát triển và các nước có điều kiện tương đồng với Việt Nam. Những nghiên cứu trên đã hệ thống hóa những lý luận cơ bản về vấn đề phát triển nông, lâm nghiệp nói chung và hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản nói riêng. Bên cạnh đó, các nghiên cứu cũng đưa ra các chính sách thực tế nhằm đẩy mạnh xuất khẩu nông, lâm sản đi đôi với việc quản lý và bảo vệ nguồn tài nguyên lâm sản (hoạt động quản lý, bảo tồn rừng, khai thác gỗ bất hợp pháp), hỗ trợ khoa học kỹ thuật, hỗ trợ về thuế xuất khẩu... nhằm phát triển hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản một cách bền vững. Đây là những bài học kinh nghiệm có thể học tập và áp dụng cho các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản tại Việt Nam nói chung cũng như tỉnh Hà Tĩnh nói riêng.

*Thứ hai*, nghiên cứu của các tác giả nước ngoài về chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của Việt Nam cũng như một số tỉnh, thành phố:

## 1.2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở VIỆT NAM

Chính sách thúc đẩy XK-NLS đã có nhiều nghiên cứu tại Việt Nam và quốc tế về vấn đề này, các nghiên cứu được xem xét dựa trên hai dạng chính, bao gồm các công trình nghiên cứu ở Việt Nam về các vấn đề liên quan tới hoạt động XNK nói chung và các công trình nghiên cứu của quốc tế liên quan trực tiếp tới các chính sách thúc đẩy XK-NLS.

Các nghiên cứu chính liên quan tới đề tài nghiên cứu này, bao gồm:

\* Bùi Hữu Đức (2004), *Một số giải pháp phát triển thị trường nông thôn trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Hà Tây*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Thương mại.

Luận án tập trung nghiên cứu phát triển thị trường nông thôn, chưa đi sâu nghiên cứu các chính sách thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa nông, lâm sản, đặc biệt là đối với một địa phương như Hà Tĩnh; về thời gian nghiên cứu (từ năm 2004), so với hiện tại thì có nhiều thay đổi trong quá trình đất nước phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

\* Đỗ Huyền Trang (2012), *Hoàn thiện phân tích hiệu quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu khu vực Nam Trung bộ*, Luận án tiến sĩ kinh doanh và quản lý, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Luận án chủ yếu nghiên cứu về hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất và chế biến gỗ xuất khẩu nên về các chính sách liên quan tới thúc đẩy xuất khẩu lâm sản chưa thực sự nghiên cứu sâu, bên cạnh đó, đối tượng nghiên cứu của luận án là các doanh nghiệp ở Nam Trung Bộ, về điều kiện địa lý, tiềm năng, hạn chế có sự khác biệt so với tỉnh Hà Tĩnh nên về giải pháp kiến nghị được đề xuất, cần tham khảo một cách chọn lọc, đặc biệt là có thể học hỏi được từ luận án các phương pháp đánh giá hiệu quả kinh doanh của hoạt động xuất khẩu lâm sản.

\* Hồ Trung Thanh (2009), *Xuất khẩu và công tác điều hành xuất khẩu năm 2008: thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Tạp chí Quản lý nhà nước, số 156, Học viện Hành chính.

Bài viết tập trung phân tích, đánh giá thực trạng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong năm 2008, chỉ rõ những thành công đã đạt được và những điểm hạn chế cần khắc phục, từ kết quả thực tế trong xuất khẩu để rút ra kinh nghiệm cho công tác điều hành kinh tế vĩ mô trong bối cảnh toàn cầu hóa: Năng lực dự báo; Vấn đề điều hành tỉ giá ngoại tệ; Về chính sách thuế và hạn ngạch; Trình bày về dự báo xuất khẩu và một số kiến nghị. Trong phạm vi bài viết tác giả đã chỉ ra một số những hạn chế cần khắc phục trong công tác điều hành hoạt động xuất khẩu của Nhà nước.

\* Lê Quốc Phương (2009), *"Nhìn lại xuất khẩu của Việt Nam sau hơn 20 năm đổi mới"*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 17.

Bài viết đưa ra những định hướng chiến lược xuất khẩu của Việt Nam. Để triển khai áp dụng cho từng địa phương cụ thể, cần những nghiên cứu mang tính thực tiễn hơn, đồng thời một số nhận định của tác giả đưa ra cần được kiểm chứng bằng thực tiễn.

\* Nguyễn Thị Tình (2010), *"Thực trạng và giải pháp xuất khẩu hàng hoá ở Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế"*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 11.

Bài viết đưa ra những định hướng chiến lược xuất khẩu hàng hóa nói chung của Việt Nam. Một số nhận định của tác giả đưa ra cần được kiểm chứng bằng thực tiễn.

\* Trịnh Kim Liên (2013), *Phát triển làng nghề sản xuất hàng xuất khẩu trên địa bàn Hà Nội đến năm 2020*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Luận án tập trung nghiên cứu hoạt động phát triển làng nghề sản xuất hàng xuất khẩu, chỉ là một trong những thành phần của hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản. Bên cạnh đó, về các chính sách liên quan tới thúc đẩy nông, lâm sản chưa thực sự đi sâu. Ta có thể vận dụng một số yếu tố liên quan tới phát triển bền vững của đề tài này cho thực tế chính sách phát triển nông, lâm sản tỉnh Hà Tĩnh.

\* Trịnh Thị Ái Hoa (2006), *Chính sách xuất khẩu nông sản của Việt Nam - Thực trạng và giải pháp*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Luận án phân tích, đánh giá cũng như đưa ra những giải pháp mang tính định hướng cho toàn bộ hoạt động xuất khẩu nông sản trên cả nước. Tuy nhiên, mỗi tỉnh, thành phố có những đặc điểm địa lý, tiềm năng lợi thế khác nhau. Vì vậy những giải pháp mà luận án đưa ra khi triển khai áp dụng cần cân nhắc kỹ lưỡng, phân tích tình hình thực tế tại địa phương để lựa chọn giải pháp phù hợp.

\* Ngô Thị Tuyết Mai (2012), *Nâng cao sức cạnh tranh một số mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường đại học Kinh tế Quốc dân

Luận án chủ yếu nghiên cứu về nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản, nên chưa thực sự nghiên cứu sâu về chính sách liên quan tới thúc đẩy xuất khẩu nông sản, bên cạnh đó, luận án nghiên cứu trên phạm vi tổng quát là Việt Nam. Đối với các tỉnh, địa phương với các tiềm năng, lợi thế riêng sẽ có những sự khác biệt nhất định cần phải nghiên cứu.

\* Nguyễn Minh Sơn (2010), *Các giải pháp kinh tế nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Luận án đã khái quát được sự cần thiết phải đẩy mạnh xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, đối với các tỉnh, địa phương với các đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội khác nhau với các tiềm năng, lợi thế khác nhau cần có các chính sách riêng, cụ thể phù hợp với từng tỉnh, địa phương đó. Bên cạnh đó, việc lựa chọn các giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu nông



sản đổi với từng tỉnh, địa phương cũng cần có những chính sách riêng nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế sẵn có.

\* Nguyễn Thị Đường (2012), *Giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam vào thị trường Trung Quốc*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Viện nghiên cứu thương mại, Bộ Công Thương

Luận án nghiên cứu thực trạng và giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, chưa cụ thể đối với một tỉnh hay địa phương trong nước; Bên cạnh đó, mỗi tỉnh, địa phương có các lợi thế, tiềm năng, khó khăn, thuận lợi khác nhau, nên chính sách thúc đẩy nông, lâm sản đổi với mỗi địa phương là khác nhau. Ngoài ra, thị trường Trung Quốc là thị trường quan trọng và tiềm năng cho xuất khẩu nông, lâm sản Việt Nam, tuy nhiên còn nhiều thị trường mới có thể khai thác khi Việt Nam gia nhập WTO cũng như ASEAN.

\* Nguyễn Thu Quỳnh (2013), *Phát triển chiến lược thị trường xuất khẩu nông sản của các doanh nghiệp Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Thương mại

Luận án tập trung nghiên cứu chiến lược xuất khẩu nông sản gắn với hoạt động thương mại của doanh nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động của các doanh nghiệp chỉ là một phần của chiến lược xuất khẩu nông sản. Để thúc đẩy hoạt động xuất khẩu nông sản có rất nhiều vấn đề liên quan khác cần nghiên cứu từ phía nhà nước và người sản xuất hàng hóa nông lâm sản xuất khẩu.

\* Đinh Thị Thu Oanh (2013), *Giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

Luận án này đã phân tích khá sâu các vấn đề liên quan tới đẩy mạnh xuất khẩu ngành chế biến và sản xuất gỗ vào Hoa Kỳ của các doanh nghiệp Việt Nam, tuy nhiên, trước hội nhập kinh tế thế giới, còn rất nhiều thị trường tiềm năng có thể khai thác để phát triển xuất khẩu lâm sản cho Việt Nam. Bên cạnh đó, luận án tập trung vào hoạt động đẩy mạnh xuất khẩu; tuy nhiên các nghiên cứu về chính sách thúc đẩy xuất khẩu từ phía nhà nước chưa thực sự được nghiên cứu sâu, đặc biệt là đổi với các tỉnh, thành phố với các vị trí địa lý, tiềm năng, lợi thế riêng thì việc nghiên cứu tổng thể các doanh nghiệp trên cả nước chưa đáp ứng được yêu cầu về chính sách thúc đẩy xuất khẩu lâm sản.

\* Nguyễn Khắc Thanh (2004), *Điều tiết nhà nước trong xuất khẩu những mặt hàng chủ lực và có lợi thế của Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Đề tài phân tích, đánh giá cũng như đưa ra những giải pháp mang tính định hướng, cho toàn bộ hoạt động xuất khẩu của các loại hàng hóa chủ lực, trên cả

nước. Tuy nhiên, mỗi tỉnh, thành phố có những đặc điểm địa lý, tiềm năng lợi thế khác nhau. Đồng thời mặt hàng nông, lâm sản có những đặc điểm riêng. Vì vậy, giải pháp mà đề tài đưa ra khi triển khai áp dụng cần cân nhắc kỹ lưỡng, phân tích tình hình thực tế tại địa phương để lựa chọn giải pháp phù hợp.

\* Nguyễn Võ Linh (2004), *Chiến lược thị trường nông, lâm sản Việt Nam trong thập kỉ tới*, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.

Bài viết chỉ ra những định hướng chiến lược cho thị trường nông lâm sản. Đề triển khai áp dụng cho từng địa phương cụ thể cần những nghiên cứu mang tính thực tiễn hơn, đồng thời một số nhận định của tác giả đưa ra cần được kiểm chứng bằng thực tiễn.

\* Đặng Ngọc Lợi (2006), *Tiếp tục đổi mới chính sách xuất khẩu của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế đến năm 2010*, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Đề tài chỉ phân tích, đánh giá cũng như đưa ra những giải pháp mang tính định hướng chính sách xuất khẩu của Việt Nam. Tuy nhiên, mỗi tỉnh, thành phố có những đặc điểm địa lý, tiềm năng lợi thế khác nhau. Đồng thời mặt hàng nông, lâm sản có những đặc điểm riêng. Vì vậy những giải pháp mà đề tài đưa ra khi triển khai áp dụng cần cân nhắc kỹ lưỡng, phân tích tình hình thực tế tại địa phương để lựa chọn giải pháp phù hợp.

\* Nguyễn Anh Minh (2005), *Những bài học kinh nghiệm về thực hiện chính sách thúc đẩy xuất khẩu của Trung Quốc thời kỳ cải cách và mở cửa kinh tế*, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Đại học Kinh tế Quốc dân

Bài viết mang tính tham khảo kinh nghiệm, có thể vận dụng ở mức độ nhất định trong hoạch định chính sách thúc đẩy XK/NLS của Việt Nam.

\* Hoàng Sỹ Động (2007), *Chiến lược phát triển hàng hoá lâm sản xuất khẩu hiệu quả và bền vững*, Tạp chí Kinh tế & Dự báo, số 02, Viện Chiến lược Phát triển.

Bài viết đưa ra những định hướng chiến lược cho thị trường nông lâm sản, đồng thời một số nhận định của tác giả đưa ra cần được kiểm chứng bằng thực tiễn

\* Bùi Hữu Đức (2008), *Phát triển thị trường nông sản nước ta trong điều kiện gia nhập Tổ chức thương mại thế giới*, Tạp chí Cộng sản, số 788.

Bài viết phân tích việc phát triển thị trường xuất khẩu nông sản Việt Nam trong điều kiện Việt Nam gia nhập WTO ở mức tổng quan toàn thị trường nông nghiệp, đối với các tỉnh, địa phương với điều kiện tự nhiên, xã hội, các tiềm năng, lợi thế khác nhau thì việc áp dụng các kiến nghị mà bài viết đưa ra cần xem xét

một cách cụ thể hơn. Bên cạnh đó, phát triển thị trường chỉ là một khía cạnh trong cách chính sách phát triển nông, lâm sản của một tỉnh, cần phải xem xét trên nhiều khía cạnh hơn nữa để đáp ứng yêu cầu đề tài.

\* Nguyễn Hồng Cử (2010), *Phương hướng phát triển bền vững sản xuất nông sản xuất khẩu vùng Tây Nguyên*, Tạp chí khoa học và Công nghệ, số 5(40), Đại học Đà Nẵng.

Bài viết giới hạn trong phạm vi các tỉnh khu vực Tây Nguyên, đồng thời một số phương hướng, giải pháp trong nghiên cứu đưa ra chưa thực sự khả thi đối với các tỉnh Miền trung, từ tỉnh Thanh Hóa đến tỉnh Thừa Thiên Huế.

\* Vu Van Me (1998), *Tổng quan về bảo vệ rừng ở Việt Nam và cơ sở để xác định đất thành lập rừng phòng hộ trong vùng dự án của Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị*, Ministry of Agriculture and Rural Development, Hanoi, Vietnam.

- Nội dung chính của nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo yêu cầu của Giám đốc và Cố vấn trưởng của dự án: Trồng rừng ở Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị với mục tiêu hệ thống hóa các quy định hiện hành và luật sẽ ảnh hưởng đến việc quản lý và bảo vệ rừng trồng, giới thiệu các tiêu chí có thể được sử dụng để lựa chọn đất xây dựng rừng phòng hộ trong vùng dự án và đưa ra khuyến nghị rằng có thể giúp làm cho các hoạt động rừng một cách chính xác, hiệu quả và bền vững. Nghiên cứu bao gồm một số nội dung như các chính sách hiện hành và cơ sở pháp lý về việc sử dụng rừng và đất nông nghiệp, pháp luật về các quy định hiện hành bảo vệ rừng, tác động của chính sách quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng và việc sử dụng diện tích đất trồng. Cơ sở và tiêu chí xác định đất trong khu vực dự án thành lập khu rừng bảo vệ và cuối cùng đưa ra kết luận và một số kiến nghị cần thực hiện.

\* Pham Van Khoi (2008), *nông nghiệp Việt Nam: Một năm gia nhập WTO*, East Asia Economic Research Group Discussion, Paper No.15, June 2008, School of Economics, The University of Queensland, Brisbane, Australia.

Bài viết này chỉ ra một số thành tựu của ngành nông nghiệp Việt Nam sau một năm gia nhập WTO và đề xuất các giải pháp cho nó để vượt qua các thách thức sau khi đã trở thành thành viên của WTO.

Có thể thấy, số lượng những đề tài nghiên cứu về lĩnh vực kinh tế nói chung cũng như hoạt động xuất khẩu hàng hóa là khá lớn. Những nghiên cứu trên đã hệ thống hóa những lý luận cơ bản về hoạt động sản xuất nông nghiệp, chính sách xuất khẩu, đồng thời khái quát tình hình kinh tế cũng như các hoạt động xuất nhập khẩu của nước ta trong những năm qua. Đây là cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng trong đề tài nghiên cứu của tác giả, đưa ra bức tranh tổng thể về tình hình

kinh tế, các hoạt động xuất nhập khẩu và các vấn đề liên quan. Tuy nhiên đây là những nghiên cứu mang tính tổng quát, đồng thời những giải pháp của các nghiên cứu đưa ra là những giải pháp mang tính định hướng, khi muốn áp dụng vào chính sách quản lý, thúc đẩy xuất khẩu nông lâm sản của từng địa phương thì cần căn cứ vào các điều kiện thực tế và có những điều chỉnh cho phù hợp.

Thứ hai, về các nghiên cứu liên quan trực tiếp tới các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của Việt Nam cũng như các tỉnh, thành phố bao gồm:

\* Nguyễn Hữu Khải (2002), *Đẩy mạnh xuất khẩu nông sản với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Trường Đại học Ngoại thương

Đề tài chỉ phân tích, đánh giá cũng như đưa ra những giải pháp mang tính định hướng, cho toàn bộ hoạt động xuất khẩu nông sản trên cả nước. Tuy nhiên, mỗi tỉnh, thành phố có những đặc điểm địa lý, tiềm năng, lợi thế khác nhau. Vì vậy các giải pháp mà đề tài đưa ra cần xem xét kỹ trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương để lựa chọn giải pháp phù hợp.

\* Bùi Hữu Đức (2009), *Giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng mây tre đan của các làng nghề vùng Đồng bằng Sông Hồng*, Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, Trường Đại học Thương mại.

Đề tài đã nghiên cứu về các hoạt động xuất khẩu cũng như đẩy mạnh xuất khẩu, tuy nhiên phạm vi mới chỉ dừng lại ở các mặt hàng mây tre đan và trong phạm vi khu vực ĐBSH. Để mở rộng phạm vi đề tài cần có những nghiên cứu khác với phạm vi rộng hơn.

\* Bùi Hữu Đức (2008), *Một số giải pháp nâng cao sức cạnh tranh xuất khẩu nông sản của các doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Tạp chí Khoa học Thương mại số 23, Trường Đại học Thương mại.

Bài viết tập trung vào việc nâng cao sức cạnh tranh xuất khẩu nông sản nên những chính sách nhà nước về thúc đẩy xuất khẩu nông sản chưa thực sự được đi sâu, bên cạnh đó, nghiên cứu mang tính tổng quát, đối với các tỉnh, địa phương với các lợi thế và tiềm năng khác nhau, sẽ cần có những sự điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế.

\* Bùi Hữu Đức (2005), *Sự hình thành ACFTA và vấn đề xuất khẩu nông sản của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: “Quan hệ ASEAN - Trung Quốc với phát triển thị trường và thương mại Việt Nam”, Trường Đại học Thương mại.

Bài viết dừng lại ở việc phân tích thực trạng tác động của ACFTA đến khả năng xuất khẩu nông sản ở Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, chỉ là một trong

nhieu thị trường tiềm năng cho xuất khẩu nông sản. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu mang tính tổng quan cho tất cả các tỉnh, địa phương, đối với mỗi tỉnh, địa phương khác nhau thì sẽ có các đặc điểm, tiềm năng, lợi thế khác nhau nên các chính sách có thể sẽ cần điều chỉnh một số vấn đề để phù hợp với thực tế.

\* Do Dinh Sam, Le Quang Trung (2001), *Xu hướng chính sách lâm nghiệp ở Việt Nam*, Forest Science Institute of Vietnam, Vietnam.

Nghiên cứu đi sâu phân tích chính sách theo hướng lâm nghiệp xã hội đặc biệt nhấn mạnh sự tham gia của địa phương trong việc phát triển và bảo vệ rừng. Đất rừng (có và không có độ che phủ rừng) đã được giao và ký hợp đồng để các hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức cho mục đích lâm nghiệp lâu dài, và người dân địa phương cũng đưa ra nhiều lợi ích hơn thông qua chính sách chia sẻ lợi ích. Bên cạnh những thay đổi này, chính sách của ngành được chú ý nhiều hơn đến sự phát triển của hoạt động quản lý rừng truyền thống.

Đây là các nghiên cứu liên quan trực tiếp một phần đề tài nghiên cứu của tác giả, nội dung tập trung chủ yếu vào chính sách thúc đẩy lâm sản của Việt Nam cũng như các tỉnh, thành phố. Đây là một nghiên cứu có tính lý luận và thực tiễn cao, tác giả có thể nghiên cứu có thể tham khảo trong quá trình nghiên cứu. Tuy nhiên, trong những nghiên cứu này, chưa nghiên cứu chuyên sâu về chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản cũng như thực trạng tình hình xuất khẩu nông, lâm sản của Việt Nam.

\* Vũ Anh Tuấn (2014), *Một số vấn đề về chính sách công ở Việt Nam hiện nay*, <http://tcnn.vn/Plus.aspx/vi/News/125/0/>

Bài viết tập trung vào việc phân tích những vấn đề mới và đang tồn tại đối với chính sách công ở Việt Nam, các quan điểm về hoạch định chính sách, phân tích chính sách và đưa ra một số giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả của các hoạt động hoạch định và thực thi chính sách công ở nước ta trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

Đây là một bài viết nghiên cứu liên quan đến một phần Đề tài của tác giả đó là phần chính sách của Nhà nước, tuy vậy, đây là bài viết với quy mô rộng, đối tượng là tất cả các loại chính sách của Nhà nước, không phải nghiên cứu riêng về chính sách thúc đẩy xuất khẩu.

\* Nguyễn Đăng Thành (2012), *Đánh giá chính sách công ở Việt Nam: vấn đề và giải pháp*, *Tạp chí Cộng sản*

Bài viết tập trung vào việc đánh giá chính sách công ở Việt Nam, từ việc phân tích thực tiễn, tầm quan trọng, sự cần thiết của việc đánh giá chính sách công, tác giả đưa ra các tiêu chí, giải pháp để đánh giá chính sách công.

Đây là nghiên cứu nằm trong một phần của chính sách công, tuy nhiên, đây là nghiên cứu ở phạm vi rộng, đó là đánh giá chính sách của Nhà nước nói chung, chưa nghiên cứu cụ thể về đánh giá chính sách liên quan đến xuất khẩu nói riêng và chính sách xuất khẩu nông, lâm sản của một tỉnh nói riêng.

### 1.3. KẾT LUẬN RÚT RA TỪ VIỆC TỔNG HỢP TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Qua tổng kết tình hình triển khai nghiên cứu, có thể nhận thấy chính sách xuất khẩu nông, lâm sản hiện đang được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu, trong đó nhiều công trình có giá trị nghiên cứu các mô hình thực hiện chính sách xuất khẩu nông, lâm sản đã được đưa ra. Mặc dù vẫn còn một số tranh luận về việc sử dụng các biện pháp trợ cấp xuất khẩu, sử dụng hàng rào phi thuế quan... nhưng về cơ bản, hệ thống lý luận về hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp, chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản đã được hình thành và đang ngày càng hoàn thiện.

Với những nước đang phát triển như Việt Nam, để phát triển hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản có thể vận dụng những bài học kinh nghiệm của các quốc gia đi trước, đây là thuận lợi rất lớn. Một số quốc gia đạt được nhiều thành công trong quá trình xây dựng và triển khai áp dụng chính sách xuất khẩu nông, lâm sản có thể kể đến như Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia...

Hiện nay, cũng có khá nhiều nghiên cứu của các nhà nghiên cứu nước ngoài về thực trạng chính sách xuất khẩu của Việt Nam trong thời gian qua. Phần lớn những nghiên cứu đều tập trung phân tích chính sách quản lý, thúc đẩy hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của Việt Nam từ năm 1990 trở lại đây. Đây là những nghiên cứu mang tính tổng quát, tập trung vào những vấn đề quản lý nói chung, chưa có nhiều nghiên cứu mang tính thực tiễn với mỗi vấn đề của từng địa phương cụ thể.

Bên cạnh các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước, cũng có những công trình nghiên cứu có giá trị mang tính thực tiễn cao về thực trạng xây dựng, triển khai chính sách xuất khẩu ở một số quốc gia cụ thể, đồng thời gợi mở, đưa ra một số giải pháp giải quyết những khó khăn mà các nước gặp phải.

Kết quả tổng hợp các nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam cho thấy, thời gian qua đã có nhiều tài liệu, nghiên cứu có giá trị về chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản. Các kết quả nghiên cứu đã góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận và giải quyết một số vấn đề thực tiễn đặt ra.

- Về mặt lý luận, các nghiên cứu thời gian qua đã góp phần:

+ Hệ thống các lý luận về chính sách xuất khẩu, chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản: các khái niệm, lịch sử phát triển, nguyên tắc xây dựng, ban hành...

+ Nội dung chính, chức năng, vai trò của chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản đối với nền kinh tế.

+ Một số nghiên cứu đã tổng kết kinh nghiệm của các quốc gia như Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia... từ đó đề xuất các giải pháp ứng dụng trong điều kiện và hoàn cảnh của nước ta.

+ Các báo cáo nghiên cứu thị trường của một số tổ chức nghiên cứu về thực trạng xuất khẩu nông, lâm sản của Việt Nam cũng cung cấp những số liệu rất hữu ích.

- Về thực tiễn, phần lớn những nghiên cứu cho tới nay chỉ mang tính định hướng mà chưa đưa ra giải pháp tổng thể, toàn diện cho hoạt động thúc đẩy xuất khẩu nông sản cho một địa phương. Tuy nhiên, thực tế hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản Việt Nam cũng đã đạt được những kết quả tích cực:

+ Hệ thống các văn bản pháp luật: Nhà nước đã có những quy định chung về xuất khẩu nông sản; tỉnh Hà Tĩnh đã có những văn bản chỉ đạo và những quy định cụ thể về phương hướng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị quản lý hoạt động xuất khẩu nông lâm sản của tỉnh.

+ Hệ thống các cơ quan quản lý: đã hình thành được một hệ thống các cơ quan chịu trách nhiệm quản lý và xây dựng cách thức phối hợp hoạt động giữa các cơ quan.

+ Hàng hóa nông lâm sản vẫn là một trong những sản phẩm chủ lực của Việt Nam trong cơ cấu ngành hàng xuất khẩu.

- Bên cạnh những kết quả đã đạt được, các nghiên cứu về chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản hiện nay còn tồn tại một số vấn đề:

+ Chưa có bất kỳ một công trình nghiên cứu nào đề cập đến chính sách xuất khẩu nông, lâm sản của một tỉnh, đặc biệt là ở Hà Tĩnh. Các khái niệm, nội dung, đặc điểm, các chỉ tiêu đánh giá chính sách địa phương cấp tỉnh chưa được đề cập; chưa có những giải pháp tổng thể, đồng bộ và có tính khả thi để thúc đẩy xuất khẩu nông sản đối với một địa phương cấp tỉnh.

+ Các sản phẩm nông, lâm sản Việt Nam vẫn chưa tiếp cận được một số thị trường giàu tiềm năng. Chất lượng sản phẩm chưa đáp ứng được các yêu cầu của những thị trường khó tính.

+ Các doanh nghiệp xuất khẩu nông, lâm sản phần lớn là những doanh nghiệp nhỏ, sức cạnh tranh trên thị trường không cao.

Với các vấn đề tồn tại nêu trên, đòi hỏi cần phải có những nghiên cứu toàn diện mang tính lý luận, thực tiễn về chính sách thúc đẩy hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của địa phương nói chung và Hà Tĩnh nói riêng.

Từ các kết quả tổng hợp trên tác giả có thể kết luận: vấn đề chính sách xuất khẩu và phát triển xuất khẩu nông, lâm sản đã được nhiều công trình nghiên cứu. Tuy nhiên, "chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản" (trong đó "thúc đẩy" được hiểu theo nghĩa là tác động thêm vào, tăng cường sức mạnh, dành ưu tiên ưu đãi để sự vật tiến triển nhanh hơn, cao hơn, xa hơn, lớn hơn); Chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản gồm những chính sách cụ thể nào? Vận dụng vào điều kiện cụ thể của một tỉnh nghèo như Hà Tĩnh, kinh ngạch xuất khẩu còn rất khiêm tốn; Trong điều kiện cụ thể của Hà Tĩnh, việc vận dụng lý thuyết về lợi thế tuyệt đối để có những chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản phù hợp, giúp đẩy mạnh các hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh, góp phần nâng cao kinh ngạch xuất khẩu và phát triển kinh tế của Tỉnh là vấn đề chưa từng được nghiên cứu trước đây. Điều này khẳng định vấn đề nghiên cứu của tác giả không trùng lặp với bất kỳ đề tài nghiên cứu nào trước đó và mang giá trị thực tiễn, có tính thời sự cao. Dựa trên những nghiên cứu trước đây và tổng hợp của tác giả, đề tài sẽ hệ thống hóa cơ sở lý luận và đưa ra các quan điểm về chính sách xuất khẩu của địa phương cấp tỉnh về chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản. Bên cạnh đó, sử dụng các nghiên cứu trong và ngoài nước để tổng hợp và rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc thực thi chính sách thúc đẩy hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản cho Hà Tĩnh.

- Với những cơ sở nói trên, tác giả kỳ vọng đề tài có thể giải quyết những vấn đề sau:

+ Hệ thống hoá và đưa ra những lý luận cơ bản về chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của một địa phương.

+ Phân tích những yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản và hiệu quả của chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản.

+ Nghiên cứu kinh nghiệm xuất khẩu nông, lâm sản địa phương trong nước và một số quốc gia trên thế giới. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm đối với hoạt động xây dựng và thực thi chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản.

+ Phân tích, đánh giá thực trạng chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh trong 10 năm (từ năm 2005 đến năm 2015).

+ Đề xuất các giải pháp chủ yếu hoàn thiện chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025, tầm nhìn 2030.



## CHƯƠNG 2

### MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHÍNH SÁCH THỨC ĐẨY XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM SẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

#### 2.1. LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CHÍNH SÁCH THỨC ĐẨY XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM SẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

##### 2.1.1. Một số vấn đề chung về chính sách xuất khẩu nông, lâm sản cấp tỉnh

###### 2.1.1.1. Các khái niệm cơ bản

###### \* Chính sách

Chính sách xuất khẩu nông sản, lâm sản thuộc nhóm chính sách của Nhà nước. Trước khi tìm hiểu khái niệm chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản, cần làm rõ khái niệm chính sách nói chung.

Theo tác giả Vũ Cao Đàm, “Chính sách là tập hợp các biện pháp được thể chế hóa của một chủ thể quản lý tác động vào đối tượng quản lý nhằm thúc đẩy đối tượng quản lý thực hiện mục tiêu mà chủ thể quản lý vạch ra” [8, tr.16].

James Anderson cho rằng: "Chính sách là một quá trình hành động có mục đích được theo đuổi bởi một hoặc nhiều chủ thể trong việc giải quyết các vấn đề mà họ quan tâm" [20, tr.37].

Một tác giả khác cho rằng: "Chính sách là phương thức hành động được một chủ thể khẳng định và thực hiện nhằm giải quyết những vấn đề lặp đi lặp lại" [21, tr.13].

Từ các khái niệm trên, chúng ta có thể thấy chính sách có ba đặc trưng:

- Là hệ thống các hoạt động có mục đích của chủ thể quản lý trong việc giải quyết một vấn đề nào đó của hệ thống, của tổ chức.
- Là một tập hợp các bước giải quyết những vấn đề của hệ thống của tổ chức.
- Luôn gắn với mục tiêu do chủ thể quản lý đặt ra.

Sau khi phân tích các khái niệm chính sách nêu trên, tác giả xin đưa ra khái niệm: “*Chính sách là tập hợp các phương thức hành động mà chủ thể quản lý lựa chọn thực hiện nhằm đạt được một hoặc nhiều mục tiêu mà họ xác định cho hệ thống quản lý của mình*”.

###### \* Chính sách công:

Mọi tổ chức đều có chính sách riêng áp dụng trong phạm vi hoạt động của mình. Như vậy, nếu căn cứ vào chủ thể ra quyết định chính sách, có thể phân chia chính sách thành hai loại: chính sách công do các cấp chính quyền trong bộ máy nhà nước ban hành và chính sách tư do các tổ chức không thuộc bộ máy nhà nước ban hành.

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, khái niệm chính sách được đề cập, đều thuộc nhóm chính sách công, cụ thể hơn là chính sách công trong lĩnh vực kinh tế.

Nhà kinh tế học người Anh, Frank Ellis cho rằng: chính sách công bao gồm đường lối hành động của Chính phủ, mục tiêu và các phương pháp mà Chính phủ lựa chọn đối với một lĩnh vực nào đó của nền kinh tế. [20, tr. 35].

Điểm đáng chú ý là Frank Ellis cũng như nhiều nhà kinh tế khác đều cho rằng, kể cả những quyết định không can thiệp vào nền kinh tế cũng thuộc phạm vi chính sách. Mục tiêu chính sách cũng được coi là một trong những yếu tố của chính sách.

Còn theo Thomas Dye cho rằng: “Chính sách công là tất cả những gì Nhà nước lựa chọn làm hoặc không làm” [40, tr.1]

Jem Adersm định nghĩa “Chính sách là quá trình hoạt động có mục đích được theo đuổi bởi một hay nhiều chủ thể trong việc giải quyết các vấn đề mà họ quan tâm”. [33, tr.5]

Paul Samuelson cho rằng: “Chính sách còn là sự thỏa hiệp của Chính phủ đối với nền kinh tế, ngay cả khi không ban hành chính sách” [75, tr.105].

Trong giáo trình Chính sách kinh tế - xã hội của Đại học Kinh tế Quốc dân cho rằng: “Chính sách kinh tế - xã hội là tổng thể các quan điểm, các giải pháp và công cụ mà Nhà nước sử dụng để tác động lên các chủ thể kinh tế - xã hội nhằm giải quyết vấn đề chính sách, thực hiện các mục tiêu nhất định theo định hướng mục tiêu tổng thể của đất nước”. [9, tr.26]

Như vậy, chính sách công là các chính sách của nhà nước, của chính phủ (do nhà nước, do chính phủ đưa ra), là một bộ phận thuộc chính sách kinh tế và chính sách nói chung của mỗi nước.

Trên cơ sở nghiên cứu các quan niệm của các tác giả trong và ngoài nước, có thể đưa ra các đặc trưng cơ bản sau đây về chính sách công:

- Chủ thể ban hành chính sách: Là các cơ quan thuộc Nhà nước.
- Chính sách là một hệ thống (một tập hợp) các hoạt động của chủ thể chính sách.
- Mục đích ban hành chính sách là một hoặc một số mục tiêu ngắn hạn hoặc dài hạn.
- Các hoạt động về chính sách phải ảnh hưởng rộng lớn đến đối tượng tác động của chính sách.
- Chính sách không mâu thuẫn với hệ thống pháp luật hiện hành.

Chính sách xuất khẩu nông, lâm sản là một bộ phận của chính sách công, nó khác biệt với chính sách công về đối tượng chính sách.

*\* Xuất khẩu*

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài tác giả sử dụng khái niệm xuất khẩu theo điều 28, mục 1, chương 2, Luật Thương mại năm 2005: “Xuất khẩu hàng hóa là việc hàng hóa được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc đưa vào khu vực đặc biệt trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật“ [46, tr.49]

Như vậy, có thể thấy hoạt động xuất khẩu hàng hóa là việc bán hàng hóa, dịch vụ cho nước ngoài, hoạt động xuất khẩu hàng hóa được xác lập ngay khi hàng hóa được đưa khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc một số khu vực đặc biệt trên lãnh thổ Việt Nam.

*\* Chính sách thúc đẩy xuất khẩu và chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản*

Chính sách thúc đẩy xuất khẩu được hiểu các chính sách do các cơ quan quản lý nhà nước (trung ương hoặc địa phương) ban hành tác động vào lĩnh vực xuất khẩu nói chung hoặc một lĩnh vực cụ thể nhằm mục đích tăng cường sức mạnh, dành ưu tiên ưu đãi để các hoạt động xuất khẩu được tiến triển nhanh hơn, đạt kết quả cao hơn lớn hơn.

Từ các khái niệm trên và sau khi xem xét bản chất chính sách thúc đẩy XKNSL, xuất phát từ đối tượng và phạm vi của đề tài nghiên cứu, chính sách thúc đẩy XNK nông lâm sản có thể định nghĩa như sau:

*"Chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản là tổng thể các quan điểm, chủ trương, chiến lược, qui hoạch, nguyên tắc, công cụ, biện pháp mà nhà nước (trung ương hoặc địa phương) lựa chọn để tác động vào lĩnh vực xuất khẩu nông, lâm sản của quốc gia (hoặc địa phương) trong một thời kỳ nhất định nhằm đạt được những mục tiêu đã định."*

*\* Chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản cấp tỉnh:*

Từ các vấn đề nêu trên, có thể định nghĩa chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của một tỉnh như sau:

*Chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của một tỉnh là các quan điểm, chủ trương, chiến lược, qui hoạch, nguyên tắc, công cụ, biện pháp mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền của tỉnh đưa ra để tác động tích cực vào lĩnh vực sản xuất hàng nông, lâm sản phục vụ xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh trong một thời kỳ nhất định nhằm đạt được những mục tiêu đã định.*

*Khái niệm chính sách thúc đẩy XKNLS cấp tỉnh, được hiểu cụ thể như sau:*

- Chính sách XKNLS cấp tỉnh do Tỉnh ban hành: Cơ quan ban hành ở đây có thể được cụ thể hóa bằng: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc các Chỉ thị, Nghị Quyết, Quyết định của UBND tỉnh.

- Chính sách thúc đẩy XKNLS là các quyết định, biện pháp của cơ quan cấp tỉnh can thiệp tích cực vào các hoạt động từ sản xuất hàng hóa xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu nhằm đưa lại mục tiêu, hiệu quả thiết thực.

- Yêu cầu của chính sách thúc đẩy XKNLS cấp tỉnh:

+ Chính sách đó là tuân thủ các chủ trương của Đảng và Pháp luật của Nhà nước; các quy định của các Bộ, Ngành trung ương; các hiệp định thương mại giữa Việt Nam và các tổ chức quốc tế, các nước trên thế giới.

+ Tuân thủ quy hoạch chung về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phù hợp với các chủ trương, chiến lược, quy hoạch, nguyên tắc, công cụ, biện pháp được lựa chọn.

+ Chính sách đó được đưa ra dựa trên khả năng nguồn lực của địa phương.

+ Phải có tác động tích cực, nhằm đạt được các mục tiêu đề ra và đưa hoạt động xuất khẩu nông lâm sản ngày một phát triển.

+ Phải được xây dựng, thực thi, tổ chức thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

+ Chỉ có hiệu lực trong một khoảng thời gian nhất định và trong phạm vi của tỉnh.

- Đối tượng tác động của chính sách là lĩnh vực sản xuất hàng hóa nông, lâm sản xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu của địa phương.

- Cũng như các chính sách khác, chính sách XKNLS cấp tỉnh có mục tiêu xác định và thay đổi theo sự thay đổi của mục tiêu. Chính sách và mục tiêu gắn bó chặt chẽ với nhau nhưng mục tiêu không có trong thành phần của chính sách XKNLS. Mục tiêu của chính sách thúc đẩy XKNLS cấp tỉnh phải gắn với một số tiêu chí quan trọng như:

+ Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng trưởng GRDP của tỉnh;

+ Mức độ tăng trưởng về kim ngạch xuất khẩu nông, lâm sản;

+ Sản lượng, chất lượng và chủng loại hàng hóa nông, lâm sản xuất khẩu;

+ Tạo việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân; nâng cao đời sống nhân dân.

- Đối tượng tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của chính sách này, bao gồm: hộ nông dân, doanh nghiệp kinh doanh NLSXK, ngân hàng, nhà khoa học, người tiêu dùng ... Tuy nhiên, nếu xét đến cùng, chính sách sẽ mang lại lợi ích toàn xã hội, lợi ích của tỉnh nói riêng và Quốc gia. Trong một số trường hợp riêng biệt, nó có thể mang lại lợi ích cho nhóm người này nhưng lại gây bất lợi cho nhóm người khác. Tuy nhiên, tiêu chuẩn để đánh giá chính sách XKNLS phải là lợi ích toàn xã hội, lợi ích quốc gia.

*\* Một số khái niệm có liên quan*

*Hàng hóa xuất khẩu:* là hàng hóa sản xuất để đưa ra thị trường, mua bán trao đổi trên thị trường nước ngoài. Hàng hóa này phải di chuyển qua biên giới giữa các quốc gia, đồng thời đáp ứng được những tiêu chuẩn, chất lượng mà thị trường đó đòi hỏi.

*Giá cả xuất khẩu:* Là mức giá của hàng hóa xuất khẩu, nó được đưa ra dựa trên mức giá quốc tế và sự chấp nhận giữa hai bên.

*Kim ngạch xuất khẩu:* được hiểu là tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu của một doanh nghiệp, một đơn vị hay một quốc gia trong khoảng thời gian nào đó.

*Hạn ngạch xuất khẩu:* là công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước, được hiểu là quy định của Nhà nước về sản lượng hay giá trị của một nhóm mặt hàng sang một thị trường nhất định, trong một khoảng thời gian nhất định thông qua hình thức cấp giấy phép xuất khẩu (Quota xuất khẩu).

### **2.1.1.2. Đặc điểm chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh**

Đặc điểm của chính sách XKNLS của tỉnh gắn liền với đặc điểm về kinh tế - xã hội và điều kiện tự nhiên của Quốc gia và của tỉnh, cũng như gắn với đặc điểm của chính sách xuất khẩu của quốc gia và nền sản xuất nông nghiệp, nền kinh tế nông nghiệp. Chính vì vậy, có thể thấy chính sách XKNLS có một số đặc điểm chủ yếu sau:

- *Chính sách thúc đẩy XKNLS của tỉnh phụ thuộc đặc điểm kinh tế - xã hội và chính sách xuất khẩu của Quốc gia, cũng như các hiệp định thương mại ký kết giữa Việt Nam và các đối tác trên thế giới.*

Cũng như các chính sách khác, chính sách XKNLS của tỉnh chịu tác động trực tiếp từ đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và các quy định của Trung ương về chính sách xuất khẩu nói chung và nông, lâm sản nói riêng.

Phần đông các quốc gia trên thế giới đều có các chính sách về xuất khẩu nông, lâm sản dựa trên các điều kiện kinh tế xã hội của mình và các ràng buộc liên quan đến các hiệp định thương mại được ký kết. Ở Việt Nam hiện nay, cùng đã và đang có nhiều chính sách về khuyến khích hoạt động xuất khẩu, chính sách về phát triển các mặt hàng có lợi thế về xuất khẩu nông, lâm sản. Một địa phương thường được hưởng các lợi ích từ các chính sách do cơ quan nhà nước Trung ương ban hành.

Theo quy định pháp luật, các văn bản quy phạm, văn bản chỉ đạo, điều hành của địa phương phải phù hợp với hiến pháp, pháp luật và không được trái với quy định của Chính phủ, các Bộ, Ngành Trung ương. Do vậy, chính sách thúc đẩy

XKNLS của địa phương cũng không được ngoài lệ và phụ thuộc lớn vào các quy định pháp luật, chủ trương, định hướng và chính sách của Trung ương.

Chính sách thúc đẩy XKNLS của một tỉnh phải chịu sự chi phối của các chính sách nhập khẩu của các nước và các quy định tại các hiệp định thương mại mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết, ký kết với các tổ chức thương mại, các quốc gia trên thế giới.

*- Chính sách thúc đẩy XKNLS của tỉnh phụ thuộc vào tiềm năng, lợi thế về kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên và khả năng nguồn lực của tỉnh.*

Ở bất kỳ quốc gia nào hay địa phương nào, việc ban hành chính sách đều phải dựa vào rất nhiều yếu tố như: quy định thương mại quốc tế, pháp luật, tiềm năng lợi thế, nguồn lực và khả năng tổ chức thực hiện ... Việc nghiên cứu, hoạch định và ban hành chính sách XKNLS của một tỉnh cũng cần phải dựa trên các nhân tố trên và phải dựa trên cơ sở tiềm năng, lợi thế về hàng hóa nông, lâm sản của tỉnh và các điều kiện kinh tế - xã hội và các điều kiện tự nhiên khác. Tỉnh cũng không thể ban hành các chính sách mà không cân đối được nguồn lực, do nguồn lực thực thi các chính sách do tỉnh ban hành được trích từ nguồn lực và ngân sách địa phương, mà nguồn lực của địa phương là có hạn và các chính sách này thường không được trung ương hỗ trợ (trừ trường hợp cá biệt).

*- Chính sách thúc đẩy XKNLS của tỉnh do cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương cấp tỉnh ban hành.*

Một trong những đặc điểm quan trọng để so sánh, phân biệt chính sách công với các chính sách khác (chính sách tư), là chính sách công do Nhà nước ban hành. Nhà nước ở đây với tư cách là chủ thể của chính sách công, là các cơ quan có thẩm quyền trong bộ máy nhà nước bao gồm: Quốc hội, Chính phủ, các Bộ (các chính sách mang tầm quốc gia), chính quyền địa phương các cấp. Chính vì vậy, chính sách công mang bản chất giai cấp của nhà nước.

Theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành, cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương cấp tỉnh ở địa phương là Hội đồng Nhân dân tỉnh và UBND tỉnh.

Theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015:

+ Hội đồng nhân dân tỉnh gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh do cử tri ở địa phương bầu ra, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên. Theo quy định của Pháp luật, Hội đồng nhân dân tỉnh được ban hành các Nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh, trong đó có Chính sách phát triển kinh tế - xã hội, chính sách thúc đẩy XKNLS của tỉnh.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương, Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên. Theo quy định của Pháp luật, UBND tỉnh được ban hành các Nghị quyết, Chỉ thị, Quyết định theo thẩm quyền của UBND tỉnh, trong đó có việc ban hành các chính sách liên quan đến phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

- *Chính sách thúc đẩy XK NLS thường có tính nhạy cảm cao.*

Chính sách thúc đẩy XK NLS của một địa phương, cũng như của một quốc gia và các nước trên thế giới, đối tượng tác động của chính sách XK NLS là hoạt động sản xuất và hoạt động xuất khẩu NLS. Tuy nhiên, nông dân, doanh nghiệp xuất khẩu lại là những đối tượng trực tiếp chịu tác động của chính sách này. Đây là những đối tượng nhạy cảm của nền kinh tế. Chính vì vậy, chính sách XK NLS mang tính nhạy cảm của đối tượng mà nó tác động. Tính nhạy cảm đó thể hiện ở chỗ một tác động nhỏ của chính sách này có thể gây ra những hệ quả to lớn cho cả khu vực nông nghiệp, nông thôn, nông dân và cho cả nền kinh tế. Bởi lẽ, một mặt, nông dân - đối tượng chịu tác động của chính sách XK NLS - là một lực lượng chiếm tỷ lệ cao trong dân số cả nước, sống trên địa bàn rộng lớn, phần đông có thu nhập thấp và chủ yếu dựa vào thu nhập từ sản xuất nông sản, một hoạt động chịu ảnh hưởng nhiều của thời tiết, khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ... Đây là những biến ngoại sinh, nằm ngoài phạm vi kiểm soát của chính sách. Do vậy, trong xã hội, nông dân là người dễ bị tổn thương nhất trước những biến động của các yếu tố ngoại sinh này. Nếu tác động của chính sách thuận chiều thì nó sẽ hỗ trợ tích cực cho nông dân, ảnh hưởng lớn tới khu vực nông thôn và tới toàn bộ nền kinh tế. Chẳng hạn, nếu tác động của chính sách là tích cực, thu nhập dân cư nông thôn được cải thiện, giảm thiểu được tình trạng đói nghèo và các tệ nạn xã hội ở nông thôn, hạn chế được tình trạng di dân tự do, nạn chặt phá rừng ... Những tác động đó là rất to lớn đối với nền kinh tế.

Mặt khác, do sản xuất nông nghiệp nói chung, sản xuất NLSXK nói riêng có vai trò nuôi sống toàn xã hội nên tính nhạy cảm của chính sách XK NLS còn thể hiện ở chỗ tác động của nó tới sản xuất nông sản là tác động vào nhu cầu sống của cả xã hội, ảnh hưởng lớn tới sự bình yên của xã hội và sự ổn định của nền kinh tế.

Sản xuất nông sản là lĩnh vực nhạy cảm không chỉ ở một tỉnh, quốc gia, mà còn ở cả hầu hết các nước, kể cả nước phát triển và nước đang phát triển, nên chính sách XK NLS có thể gây ra phản ứng bất lợi cho sản xuất, đời sống khu vực nông dân, cho các hàng xuất khẩu khác và cho nền kinh tế của tỉnh, cũng như quốc gia.

*- Chính sách thúc đẩy XK-NLS gắn với việc bảo đảm an ninh lương thực quốc gia*

An ninh lương thực quốc gia dựa trên yếu tố lương thực của các tỉnh, mặc dù một tỉnh, nếu thất bại trong vấn đề nông nghiệp chưa ảnh hưởng lớn đến an ninh lương thực quốc gia, tuy nhiên, nếu tất cả các tỉnh đều thất bại thì vấn đề an ninh lương thực quốc gia cũng gặp khó khăn. Xét về lợi ích tương đối, các chính sách bảo đảm an ninh lương thực có hiệu quả hơn những chính sách tự túc lương thực. Điều này có được khi có thương mại tự do giữa các quốc gia. Nhưng rất tiếc là hiện nay hầu như không có chính phủ nước nào lại không áp dụng những biện pháp cản trở thương mại, đặc biệt đối với hàng nông sản. Đặc biệt chính sách của các nước phát triển còn gây tình trạng thương mại không công bằng giữa các nước phát triển và các nước ĐPT. Trong điều kiện đó, những lợi ích mà chính sách an ninh lương thực mang lại không thể thực hiện được một cách đầy đủ.

Việt Nam đã từng trải qua thời kỳ mất an ninh lương thực nghiêm trọng nên ý thức rất rõ sự cấp thiết phải bảo đảm an ninh lương thực. Hơn nữa, ngay cả khi đã trở thành nước xuất khẩu gạo thứ hai, thứ ba thế giới, vấn đề bảo đảm an ninh lương thực quốc gia của Việt Nam vẫn chưa vững chắc, đặc biệt là đối với vùng núi. Trong bối cảnh đó, Việt Nam phải tự túc lương thực, không thể chỉ trông chờ các lực lượng thị trường, trông cậy vào sự viện trợ quốc tế hoặc nhập khẩu lương thực của nước ngoài trong vấn đề bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.

*- Chính sách thúc đẩy XK-NLS gắn liền với phát triển nông nghiệp bền vững*

Khái niệm "phát triển nông nghiệp bền vững" hình thành và phát triển cùng với khái niệm "phát triển bền vững". Tại phiên họp thứ 8 (tháng 4 và 5/2000), Ủy ban về phát triển bền vững của Liên hợp quốc đã đưa ra bốn đặc trưng, đồng thời là bốn yêu cầu của nền nông nghiệp bền vững như sau: i) nuôi dưỡng các nguồn tài nguyên của toàn bộ thế giới cho thế hệ ngày nay và các thế hệ mai sau; ii) áp dụng ở mỗi địa phương những cách làm nông nghiệp của địa phương; iii) bảo đảm vai trò thích đáng của nông dân trong mọi khâu của quá trình ra quyết định; iv) phân phối quyền tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên và các sản phẩm nông nghiệp một cách công bằng hơn.

Như vậy khái niệm nông nghiệp bền vững bao hàm những nội dung mà theo đó, dung hòa và kết hợp giữa hai lĩnh vực dường như mâu thuẫn nhau. Đó là ý chí phát triển sản xuất, cải thiện thu nhập với bảo vệ tài nguyên môi trường, giữa hiệu quả và công bằng (kinh tế và xã hội), giữa những giải pháp ngắn hạn (như tăng năng suất, giảm giá thành) với mục tiêu dài hạn (tăng trưởng bền vững).

Chính sách XK-NLS của một tỉnh hay một quốc gia trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng XHCN cần phải bảo đảm thực hiện các yêu cầu của một



nền nông nghiệp bền vững và rộng hơn nữa là bảo đảm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

Chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp bền vững của một tỉnh bảo đảm khai thác ở mức độ hợp lý hiệu quả các nguồn lực, tránh làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên. Chẳng hạn, Hà Tĩnh thực hiện quy hoạch vùng trồng cây cao su, theo đó, diện tích trồng cao su bị thu hẹp, hạn chế tình trạng nông dân phá rừng trồng cao su, ảnh hưởng đến rừng và gây tác hại đến vấn đề môi trường; giảm cung sản lượng mủ cao su xuất khẩu nhằm cải thiện giá xuất khẩu; chuyển diện tích đất cao su sang trồng các nông sản khác có giá trị kinh tế cao hơn như cây ăn quả, chè ... và bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững. Hệ quả của chính sách trên là vừa nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, đồng thời giữ gìn môi trường tự nhiên. Như vậy, yêu cầu thứ nhất của phát triển nông nghiệp bền vững được đáp ứng.

Trong hoạch định và thực hiện chính sách khuyến nông, các giống mới, các biện pháp kỹ thuật canh tác hiện đại được đưa vào áp dụng, kết hợp với các kỹ thuật canh tác truyền thống của từng địa phương có tác động bảo vệ môi trường, đồng thời bảo đảm nhu cầu cho tiêu dùng hiện tại. Những biện pháp canh tác truyền thống có ưu điểm thường quan tâm tới dưỡng đất và giữ nước, tránh không khai thác quá mức các nguồn lực như đất và nước. Chính sách phát triển nông sản hữu cơ xuất khẩu vừa đáp ứng yêu cầu thị trường, vừa bảo đảm vấn đề môi trường, nuôi dưỡng đất đai, hạn chế ô nhiễm đất và nước, không khí, bảo đảm an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng, an toàn sức khỏe của người sản xuất. Điều đó giải quyết mâu thuẫn giữa phát triển sản xuất, cải thiện đời sống với bảo vệ môi trường.

Chính sách cung cấp đủ thông tin thị trường, kỹ thuật sản xuất... cho người sản xuất, kinh doanh NLSXK; việc minh bạch hóa chính sách, tăng khả năng tiên liệu của chính sách, việc bảo đảm cho người sản xuất kinh doanh NLSXK được quyền chủ động quyết định lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh, lựa chọn đầu tư phát triển nông sản gì cho xuất khẩu... là những chính sách bảo đảm tính chính xác của những quyết định của người sản xuất, kinh doanh NLSXK, nâng cao hiệu quả của những quyết định đó. Theo đó, yêu cầu thứ ba của nền nông nghiệp bền vững được thực hiện.

Mặt khác, những chính sách của tỉnh tạo cơ hội, điều kiện bình đẳng cho những người sản xuất, kinh doanh NLSXK trong việc tiếp cận với các nguồn vốn chính thức, đất đai, các nguồn lực khác; chính sách thu hẹp mức thuế quan, giảm thiểu những trường hợp ưu tiên, miễn giảm thuế; chính sách tỷ giá... có tác dụng bảo đảm tính công bằng trong phân phối nguồn lực, phân phối thu nhập, tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực cho sản xuất NLSXK, cho phát triển kinh tế. Đó cũng là

thực hiện yêu cầu thứ tư của nền nông nghiệp bền vững, dung hòa giữa hiệu quả và công bằng.

*- Chính sách thúc đẩy XK-NLS của địa phương gắn với sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa, chất lượng cao.*

Trong bối cảnh cạnh tranh giữa các quốc gia xuất khẩu ngày càng gay gắt như hiện nay, mỗi quốc gia, mỗi tỉnh cũng cần có những chính sách phù hợp nhằm phát triển được lợi thế của mình trong việc định hướng và phát triển sản phẩm nông nghiệp theo hướng hàng hóa, có chất lượng cao, đặc biệt là các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm. Sản xuất nông nghiệp của Việt Nam hiện nay, cũng như ở các tỉnh đang ở giai đoạn quá độ giữa sản xuất tự cung tự cấp và sản xuất chuyên môn hóa hiện đại.

### ***2.1.1.3. Vai trò của chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh***

*- Góp phần khai thác và phát huy tiềm năng, lợi thế về nông, lâm nghiệp của địa phương.*

Ngày nay, sản xuất nông, lâm sản của hầu hết các nước đang phát triển (ĐPT) đang ở thời kỳ chuyển từ sản xuất tự cung, tự cấp sang sản xuất nông, lâm sản theo hướng đa dạng hóa sản phẩm. Bên cạnh đó, các nước ĐPT thường có nguồn lực đất đai, lao động dồi dào và có các điều kiện tự nhiên tương đối thuận lợi cho sản xuất nông, lâm sản. Trong khi đó, vốn và khoa học công nghệ là những nguồn lực khan hiếm ở những nước này. Vai trò của chính sách thúc đẩy nông, lâm sản ở các nước ĐPT, trước hết, thể hiện ở chỗ nó giúp khai thác nguồn lực đất đai, lao động dồi dào, chưa được sử dụng hết, khai thác những điều kiện tự nhiên thuận lợi cho sản xuất nông, lâm nghiệp. Qua đó, góp phần tăng trưởng nền kinh tế quốc dân, đặc biệt cho tăng trưởng kinh tế nông nghiệp.

Chính sách thúc đẩy sản xuất nông, lâm sản buộc người nông dân phải gắn sản xuất của mình với nhu cầu của thị trường quốc tế. Điều đó tác động mạnh đến tư duy nông dân, đổi mới nhận thức và nâng cao kiến thức của họ về sản xuất hàng hóa, về thị trường. Theo đó, chất lượng lao động nông, lâm nghiệp từng bước được cải thiện.

Chính sách thúc đẩy sản xuất nông, lâm sản tạo điều kiện cho sản xuất của các hộ nông dân thoát khỏi tình trạng độc canh, manh mún, năng suất thấp, tự cung, tự cấp và chuyển sang sản xuất các loại nông, lâm sản có giá trị xuất khẩu cao. Những hoạt động này tạo cơ hội cho các hộ nông dân tận dụng được thời gian nông nhàn, sử dụng tốt hơn, hiệu quả hơn nguồn lao động dư thừa ở nông thôn. Bên cạnh đó, chính sách thúc đẩy sản xuất nông, lâm sản sẽ có tác dụng khuyến khích nông dân duy trì, phát triển những loại nông, lâm sản là đặc sản riêng có của từng vùng cho xuất khẩu. Theo đó, các tiềm năng đặc biệt của từng vùng về thổ

nhuỡng, khí hậu, giống, kỹ năng, kinh nghiệm, bí quyết sản xuất của nông dân... được khai thác cho sản xuất nông, lâm với hiệu quả kinh tế cao, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế.

*- Thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu nông, lâm nghiệp theo hướng bền vững*

Chính sách thúc đẩy XKNLS đối với việc hình thành cơ cấu kinh tế được thể hiện ở chỗ nó tác động thúc đẩy thương mại nông, lâm sản, từ đó, sẽ tạo điều kiện cho thị trường nông, lâm sản hình thành, phát triển và hoàn thiện dần, tăng cường được khâu tổ chức thị trường. Chính nhờ thị trường và cùng với thị trường, chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của Nhà nước có tác động lôi kéo thêm các nguồn tài nguyên chưa được sử dụng vào sản xuất và phân bổ hữu hiệu các yếu tố sản xuất chưa được sử dụng tốt. Do đó, làm tăng năng suất của các yếu tố, hình thành cơ cấu kinh tế nông nghiệp hiệu quả hơn.

Tác động thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nông, lâm nghiệp của chính sách xuất khẩu nông, lâm sản sẽ lan tỏa thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Một bộ phận lao động nông nghiệp sẽ được chuyển sang các ngành nghề phi nông nghiệp khác ở nông thôn như chế biến nông, lâm sản, thủ công xuất khẩu, công nghiệp và dịch vụ, hạn chế dòng di dân nông thôn ra thành thị, một hiện tượng khá phổ biến ở các nước ĐPT. Mặt khác, chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản kích thích đa dạng hóa sản phẩm nông, lâm nghiệp cho xuất khẩu, tăng thu nhập cho nông dân, bảo đảm an ninh lương thực, hạn chế những tổn thương cho nông dân do tác động của thị trường, thiên tai và dịch bệnh... Thu nhập của dân cư nông thôn tăng làm tăng quy mô thị trường- yếu tố sống còn cho sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn nói riêng và CNH, HĐH đất nước nói chung.

Như vậy có thể kết luận rằng, chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản có tác động thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nông lâm nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, theo đó, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung theo hướng có hiệu quả phục vụ CNH, HĐH.

*- Thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản bảo đảm phát triển cân bằng nền kinh tế, tạo việc làm, cải thiện đời sống của nhân dân.*

Chính sách thúc đẩy XKNLS có vai trò thúc đẩy gia tăng xuất khẩu nông, lâm sản, góp phần cải thiện cán cân vãng lai hay cân bằng đối ngoại cho nền kinh tế, giúp nền kinh tế tránh được những nguy hiểm do thâm hụt vãng lai quá lớn gây ra.

Mặt khác, vai trò của chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản trong việc phân bổ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng lợi thế so sánh của đất nước còn có tác dụng góp phần bảo đảm cho nền kinh tế đạt trạng thái cân bằng đối nội, khắc phục tình trạng lạm phát hoặc thất nghiệp.

Chính việc góp phần bảo đảm cân bằng đối nội và cân bằng đối ngoại của nền kinh tế, chính sách thúc đẩy xuất nhập khẩu đã góp phần ổn định và phát triển nền kinh tế. Tóm lại, chính sách thúc đẩy XK-NLS có vai trò quan trọng không chỉ đối với khu vực nông, lâm nghiệp mà còn có ý nghĩa to lớn đối với nền kinh tế quốc dân. Do vậy, chính phủ Việt Nam cũng như chính phủ nhiều nước ĐPT coi chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản là một trong những chính sách cần quan tâm đặc biệt.

- Thúc đẩy xuất khẩu nông lâm sản góp phần mở rộng và thúc đẩy các quan hệ kinh tế đối ngoại.

Việt Nam với chủ trương muốn là bạn của tất cả các nước mở rộng quan hệ ngoại giao, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và các nước khác trên thế giới là nhân tố quan trọng để mở cửa thị trường, tăng hợp tác toàn diện, đặc biệt tăng trưởng khối lượng hàng hoá với các nước, trong đó có hàng nông, lâm sản. Hiện nay khi mà hiệp định thương mại Việt - Mỹ ký kết, Việt Nam được hưởng quy chế đãi ngộ tối huệ quốc (MFN) trong quan hệ buôn bán song thương, điều này là một cơ hội to lớn đối với nước ta, thúc đẩy xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam vào thị trường Mỹ, với một mức thuế suất thấp nhất, có thể còn bằng không, do đó sẽ làm tăng khả năng cạnh tranh của hàng hoá nông sản xuất khẩu nước ta.

#### **2.1.1.4. Mục tiêu của chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản**

Chính sách thúc đẩy XK-NLS của tỉnh có mục tiêu xác định và thay đổi theo sự thay đổi của mục tiêu. Chính sách và mục tiêu gắn bó chặt chẽ với nhau. Mục tiêu của chính sách thúc đẩy XK-NLS là mục tiêu trung gian, mục tiêu bộ phận trong chùm mục tiêu của chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thực hiện các mục tiêu của chính sách thúc đẩy XK-NLS là nhằm hướng tới thực hiện mục tiêu phát triển sản xuất nông, lâm sản và hoạt động XK-NLS và cuối cùng là mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của quốc gia.

Một số mục tiêu mà chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản cần đạt được cụ thể như sau:

- *Khai thác hiệu quả các nguồn lực của địa phương*: Mỗi một địa phương đều có những nguồn lực nhất định về điều kiện kinh tế - xã hội, về vị trí địa lý về tài nguyên thiên nhiên. Việc phát huy hết lợi thế so sánh trong hoạt động xuất khẩu sẽ mang lại hiệu quả thiết thực. Việt Nam, một quốc gia có vị trí địa lý thuận lợi, có tiềm lực để phát triển nông, lâm sản, có lực lượng lao động dồi dào, có khả năng tiếp thu kỹ thuật công nghệ nhanh, cần cù, siêng năng, có nhiều ngành nghề truyền thống, nhạy cảm với cái mới, hơn nữa giá nhân công rẻ. XK-NLS phát triển có nghĩa là đã giải quyết được việc làm, thu nhập cho một lượng lớn người lao động ở khu vực nông thôn và quan trọng hơn đưa lại lợi ích cho cả quốc gia. Mục tiêu đặt

ra cần khai thác được nguồn lực của tỉnh một cách có hiệu quả để đẩy mạnh hoạt động XKNLS theo hướng phát triển bền vững.

- *Mở rộng thị trường, nguồn hàng và đối tác kinh doanh XKNLS nhằm tạo thành cao trào xuất khẩu, coi xuất khẩu là mũi nhọn đột phá cho sự giàu có của địa phương*: Xuất khẩu phải mạnh và có hiệu quả để tạo được chỗ đứng cho kinh tế địa phương trong xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế. Trong điều kiện hiện nay, muốn gia nhập các tổ chức kinh tế quốc tế thì ban thân nước ta phải có được các mối quan hệ kinh tế bền vững với các trung tâm kinh tế chủ yếu của thế giới như Mỹ, Nhật Bản và Châu Âu. Chính những mối quan hệ này là giá đỡ cho một quốc gia có thể tham gia có hiệu quả vào các khối kinh tế khu vực. XKNLS một địa phương muốn hiệu quả trước tiên phải nghiên cứu nhu cầu trên thị trường đồng thời đánh giá khả năng, tiềm năng, lợi thế của địa phương đối với từng mặt hàng, nhóm hàng nông lâm sản có thể mạng xuất khẩu, từ đó tìm các đối tác liên doanh, liên kết tạo nguồn hàng xuất khẩu ổn định.

- *Nâng cao năng lực sản xuất hàng hóa nông lâm sản xuất khẩu để tăng nhanh khối lượng kim ngạch xuất khẩu*: Một nền kinh tế phát triển, ổn định và phát huy hết giá trị, nâng cao đời sống của nhân dân, đặc biệt là nhân dân vùng nông thôn, vấn đề quan trọng mà một địa phương cần đặt ra, nghiên cứu là làm sao phát huy được năng lực hàng hóa nông lâm sản xuất khẩu. Với một nền kinh tế như Việt Nam hiện nay, XKNLS nói chung còn manh mún, nhỏ lẻ, thị trường thiếu ổn định, chất lượng hàng xuất khẩu nhiều mặt hàng chưa đạt chuẩn quốc tế, thiếu ổn định. Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay, đòi hỏi năng lực XKNLS của Việt Nam nói chung và của tỉnh nói riêng cần phải được nâng cao để thu ngoại tệ cho đất nước đồng thời vươn lên chiếm lĩnh ngày càng nhiều thị trường XKNLS.

- *Thúc đẩy hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp của địa phương*.

Có thể thấy hiện nay, xuất khẩu nông, lâm sản có vai trò rất quan trọng đối với nền kinh tế nói chung và sự phát triển của hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp của địa phương nói riêng. Vì vậy, để phát triển hoạt động sản xuất nông, lâm sản trong nước cần kết hợp với hoạt động xuất khẩu, đây cũng là mục tiêu của chính sách thúc đẩy XKNLS.

Để hoạt động xuất khẩu đạt hiệu quả cao nhất cần nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng sản phẩm. Vì vậy, có thể nói, xuất khẩu chính là động lực phát triển hoạt động sản xuất nông, lâm sản của địa phương. Để đạt được những mục tiêu nói trên, tỉnh cần triển khai khá nhiều chính sách liên quan, trong đó có một số chính sách đáng chú ý như: xây dựng những vùng chuyên canh, đẩy mạnh liên kết giữa doanh nghiệp xuất khẩu với doanh nghiệp, cá nhân sản xuất nông, lâm sản, giữa doanh nghiệp với các tổ chức tín dụng, cá cơ quan quản lý nhà nước về

xuất khẩu, ngoài ra còn cần có những chính sách nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm xuất khẩu.

#### **2.1.1.5. Đối tượng tác động của chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản**

Đối tượng tác động của chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản là lĩnh vực sản xuất và hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của địa phương. Đối tượng thụ hưởng các chính sách gồm các đối tượng trực tiếp như: Doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu NLS; các hộ gia đình sản xuất hàng NLS và các đối tượng gián tiếp khác (bao gồm các đối tượng được hưởng lợi từ chính sách đưa lại). Nhìn một cách tổng thể, đối tượng thụ hưởng là các chủ thể tham gia các hoạt động kinh tế trong lĩnh vực liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới sản xuất và tiêu thụ nông, lâm sản xuất khẩu. Phạm vi rộng hẹp của chính sách tùy thuộc mục đích, phạm vi nghiên cứu, nguồn lực của địa phương. Có thể nghiên cứu chính sách xuất khẩu nông lâm sản chỉ giới hạn tác động ở khâu tiêu thụ nông, lâm sản. Ở phạm vi này, chính sách xuất khẩu nông lâm sản là một bộ phận của chính sách thương mại đối với mặt hàng nông, lâm sản. Trong điều kiện mở cửa hội nhập kinh tế quốc, thị trường nông, lâm sản trong nước và thị trường nông, lâm sản thế giới có quan hệ mật thiết với nhau, chính sách thương mại đối với hàng nông, lâm sản phải tác động đến cả nông, lâm sản xuất khẩu ra nước ngoài và nông, lâm sản tiêu thụ nội địa. Mặt khác, chính sách xuất khẩu nông, lâm sản cũng có thể được nghiên cứu ở phạm vi rộng hơn, từ khâu sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu tới khâu tiêu thụ nông, lâm sản xuất khẩu. Nghiên cứu chính sách thúc đẩy nông, lâm sản xuất khẩu như vậy bảo đảm tính đồng bộ, toàn diện của quá trình xuất khẩu nông, lâm sản ra thị trường thế giới.

#### **2.1.1.6. Các giải pháp thực hiện chính sách thúc đẩy XK NLS**

Giải pháp thực hiện chính sách là một trong những nội dung quan trọng mà mọi chính sách cần phải đưa ra để đảm bảo thực thi được các mục tiêu mà chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản đưa ra.

Tùy theo từng loại chính sách, từng thời điểm và điều kiện hoàn cảnh cụ thể, cơ quan ban hành chính sách có thể đề ra các giải pháp thực thi chính sách. Riêng đối với chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của địa phương thường bao gồm các nhóm giải pháp cơ bản như:

- *Nhóm giải pháp về quy hoạch*: đây được xem là giải pháp có tính vĩ mô, dài hạn và ổn định trong một thời gian dài, thường trên 10 năm. Nhóm giải pháp này, bao gồm quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương; quy hoạch phát triển nông lâm thủy sản; Quy hoạch phát triển cây, con chủ lực và quy hoạch phát triển các vùng nguyên liệu phục vụ hàng nông, lâm sản xuất khẩu ...

- *Nhóm giải pháp về tài chính, tín dụng*: Đây là nhóm giải pháp quan trọng, vừa trực tiếp và gián tiếp hỗ trợ các đối tượng được hỗ trợ từ chính sách. Đối với nhóm giải pháp này, cơ quan ban hành cần bố trí đủ nguồn lực tài chính để cấp, hỗ trợ cho các đối tượng mà chính sách đưa ra. Ví dụ: Chính sách hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho các doanh nghiệp liên kết với nông dân để sản xuất hàng nông, lâm sản xuất khẩu cần được chính quyền bố trí ngân sách hàng năm để cấp cho các doanh nghiệp.

- *Nhóm giải pháp về khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, khoa học công nghệ*: Đây cũng là một trong những giải pháp quan trọng để cải thiện cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và đổi mới, áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến trong sản xuất, chế biến, bảo quản nhằm nâng cao năng suất, giá trị, chất lượng của hàng hóa nông, lâm sản xuất khẩu. Ở nhóm giải pháp này, cơ quan ban hành chính sách thường lồng ghép các chương trình, dự án đầu tư và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này.

- *Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực*: Phát triển nguồn nhân lực là một yêu cầu bắt buộc đối với mỗi quốc gia, địa phương trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế. Nguồn nhân lực ở đây bao gồm từ người sản xuất đến nhà quản lý (gồm cả quản lý sản xuất, quản lý doanh nghiệp và quản lý nhà nước). Giải pháp này, thường được cơ quan nhà nước địa phương áp dụng thông qua các chương trình, kế hoạch đào tạo, tập huấn, bố trí, phân bổ nguồn nhân lực...

- *Nhóm giải pháp về tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát*. Đây là một trong những nhóm giải pháp mà mỗi chính sách khi đều phải được tính toán, cân nhắc kỹ lưỡng. Một chính sách được ban hành nếu không đến được với các đối tượng thụ hưởng, không được hướng dẫn và tổ chức thực hiện tốt thì xem như không có hiệu lực, hiệu quả ngay từ lúc mới ban hành. Chính sách thúc đẩy XKNLS cũng không ngoại lệ và trong các giải pháp để thực thi chính sách yêu cầu giải pháp về tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra giám sát là một trong những giải pháp cần có để thực thi chính sách.

- Giải pháp khác: Ngoài các nhóm giải pháp như trên, trên lý thuyết cũng như trong thực tiễn, cơ quan ban hành các chính sách thường lồng ghép nhiều nhóm giải pháp khác như: giải pháp về thời hạn cho thuê đất, cấp phép, cấp ưu đãi đầu tư và ban hành một giải pháp đặc thù khác để thực thi chính sách.

#### **2.1.1.7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản**

Để tổ chức thực hiện chính sách thúc đẩy XKNLS ở một địa phương có hiệu quả, trước hết cần được phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc nghiên cứu, xây dựng và thực thi chính sách.

Việc tổ chức thực thi chính sách ở cấp tỉnh thường được phân cấp cho các sở chuyên ngành, UBND các huyện, thành phố thị xã và các đối tượng thụ hưởng chính sách.

Đối với chính sách thúc đẩy XKNLS cần giao Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, địa phương, đối tượng liên quan tổ chức thực hiện. Việc xây dựng và tổ chức bộ máy quản lý và thực thi chính sách thúc đẩy XKNLS đảm bảo cho chính sách này được triển khai kịp thời, đúng đối tượng, mang lại hiệu lực, hiệu quả. Quá trình này bao gồm việc giao trách nhiệm, quyền hạn đối với từng cá nhân, tổ chức tham gia vào chính sách XKNLS và xây dựng cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa các tổ chức, cá nhân với nhau. Điều này đòi hỏi chính quyền địa phương cần xây dựng kế hoạch thực hiện các mục tiêu của chính sách, từ đó phân công công việc cho từng tổ chức, các nhân cụ thể để thực thi chính sách XKNLS.

Ngoài sự phân công trách nhiệm, địa phương cần có những quy định mang tính pháp lý cụ thể. Những quy định mang tính pháp lý mang tính bắt buộc sẽ tạo nên một cơ chế đảm bảo cho việc thực hiện chính sách thúc đẩy XKNLS mang lại hiệu quả cao nhất. Để làm được điều này đòi hỏi các cơ quan quản lý phải nghiên cứu kỹ lưỡng tình hình thực tế của từng địa phương, đồng thời học hỏi kinh nghiệm, bài học từ những địa phương khác.

### **2.1.2. Quy trình xây dựng và thực thi chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản**

Quy trình xây dựng và thực thi chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông lâm sản bao gồm nhiều giai đoạn khác nhau từ hoạch định cho đến ban hành, tổ chức thi thi các chính sách, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh các chính sách đó. Các quy trình này được xây dựng và thực hiện theo thứ tự, giai đoạn trước là nền tảng để thực hiện giai đoạn sau. Quy trình này được chia làm 3 giai đoạn cơ bản như sau:

#### *\* Hoạch định chính sách*

Giai đoạn đầu tiên trong quy trình xây dựng và thực thi chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông lâm sản là hoạch định chính sách. Hoạch định chính sách là căn cứ để đánh giá toàn bộ quy trình chính sách cũng như việc thực hiện các mục tiêu, khắc phục và hạn chế các nguy cơ có thể xảy ra trong hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản. Việc nghiên cứu và đề xuất chính sách xuất khẩu nông lâm sản do các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp cũng như các nhà hoạch định, các cơ quan có thẩm quyền được ủy quyền thực hiện. Từ đó, Nhà nước phê chuẩn và ban hành công khai dưới hình thức các văn bản quy phạm pháp luật.

Quá trình hoạch định các chính sách xuất khẩu nông, lâm sản bao gồm một số bước như sau:



- Xác định thực trạng và các vấn đề còn tồn tại trong hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của địa phương.

- Xác định các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể mà chính sách xuất khẩu nông, lâm sản cần đạt được.

- Xác định các định hướng và giải pháp cụ thể nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

Các chính sách khi hoạch định cần tuân thủ một số nguyên tắc như phải phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị của địa phương, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, bối cảnh kinh tế chung của cả nước cũng như trong khu vực và quốc tế. Bên cạnh đó, các chính sách đề ra cần tận dụng được các thành tựu khoa học kỹ thuật và quan tâm tới việc phát triển bền vững (môi trường, xã hội, kinh tế). Trên cơ sở hoạch định, lựa chọn phương án khả thi và hiệu quả nhất để đưa vào triển khai.

*\* Tổ chức thực thi chính sách*

Quá trình tổ chức thi chính sách xuất khẩu nông, lâm sản là quá trình hiện thực hóa các mục tiêu được xác định trong giai đoạn hoạch định. Đây là quá trình phức tạp và được thực hiện trong thực tế nên chịu nhiều tác động của các yếu tố bên ngoài. Các nhà lãnh đạo, thực thi chính sách thông qua các chính sách đã được phê duyệt bởi cơ quan có thẩm quyền, tùy vào các điều kiện cụ thể của từng địa phương, có thể áp dụng một hoặc nhiều chính sách khác nhau để thực hiện các mục tiêu như gia tăng sản lượng nông, lâm sản xuất khẩu hay nâng cao giá trị các mặt hàng xuất khẩu v.v.. Có thể nhận thấy bản chất của việc thực hiện các chính sách là xảy ra trong tương lai nên với các chính sách đã ban hành, mức độ thành công sẽ phụ thuộc nhiều vào năng lực nhận biết các yếu tố tương lai của các nhà lãnh đạo.

Thực thi chính sách xuất khẩu nông, lâm sản được thực hiện thông qua việc xây dựng và triển khai các chương trình, dự án. Với mỗi chương trình, dự án thực hiện, đòi hỏi huy động nguồn nhân lực, vật lực và tài chính, bên cạnh đó, việc thực hiện các chính sách, chương trình, dự án này chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, tác động đến lợi ích của nhiều đối tượng như các tổ chức, cá nhân trồng và sản xuất nông, lâm sản, các nhà xuất khẩu hay người tiêu dùng. Ngoài ra, còn nhiều yếu tố như sự biến động của thị trường xuất khẩu thế giới, việc ổn định chính trị tại các quốc gia xuất khẩu v.v.. Các yếu tố này tác động vào các chủ thể chịu ảnh hưởng bởi chính sách xuất khẩu nông, lâm sản với các mức độ khác nhau. Giai đoạn tổ chức thực thi chính sách bao gồm ba giai đoạn chính:

- Giai đoạn chuẩn bị triển khai các chính sách xuất khẩu nông, lâm sản
- Giai đoạn tổ chức triển khai chính sách xuất khẩu nông, lâm sản

- Giai đoạn đánh giá và điều chỉnh các hoạt động thực thi chính sách xuất khẩu nông, lâm sản cho phù hợp các điều kiện thực tế của địa phương cũng như tình hình hoạt động xuất khẩu.

Ba giai đoạn này thực hiện tuần tự và bổ sung cho nhau, từ đó, địa phương có các điều chỉnh phù hợp nhằm phát huy các điều kiện sẵn có, nhận biết và khắc phục các vấn đề còn tồn tại cũng như tạo ra sự chuẩn bị nhằm tận dụng những cơ hội mới trong tương lai.

*\* Kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chính sách*

Sau khi thực hiện các chính sách xuất khẩu nông, lâm sản, để có thể xác định được mức độ hiệu quả cũng như sự phù hợp của các chính sách, cần thông qua giai đoạn kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chính sách. Có thể thấy đây là một trong những giai đoạn rất quan trọng nhằm giúp cho địa phương nhận ra được những hạn chế còn tồn tại trong chính sách xuất khẩu nông, lâm sản của mình cũng như các thế mạnh cần được phát huy. Những người có thẩm quyền sẽ tiến hành phân tích các kết quả thông qua một số kỹ thuật và tiêu chí đánh giá nhất định. Dựa trên những kết quả này, sẽ đưa ra các quyết định có tiếp tục duy trì chính sách hay cần có những sự thay đổi để phù hợp với thực tế hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của địa phương nhằm nâng tính hiệu quả của hoạt động thực thi chính sách trong thực tế.

Dựa trên kết quả đánh giá theo các tiêu chí, so sánh với các mục tiêu đặt ra và thực trạng tình hình xuất khẩu nông, lâm sản địa phương, các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản, từ đó quyết định có sự điều chỉnh, thay đổi trong chính sách xuất khẩu nông, lâm sản hay không.

### **2.1.3. Các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản chủ yếu của địa phương**

#### **2.1.3.1. Chính sách thị trường xuất khẩu nông, lâm sản**

Các chính sách này gồm chính sách thị trường, chính sách mặt hàng, chính sách XTTM đối với hàng NSXK. Đây cũng là ba bộ phận quan trọng trong chiến lược XKNLS của một tỉnh.

- *Chính sách thị trường*: Là việc xác định cơ cấu thị trường, trong đó xác định tổng quan thị trường tiềm năng, thị trường mục tiêu, thị trường trọng điểm, thị trường phụ cận, hỗ trợ... nhằm đảm bảo khai thác tiềm năng, lợi thế của từng thị trường, bảo đảm chủ động về thị trường, tránh hẫng hụt về thị trường do những biến động về kinh tế, chính trị, thiên tai... trên thế giới gây ra.

- *Chính sách mặt hàng*: Là việc quy hoạch và xây dựng các mặt hàng chiến lược, có lợi thế của địa phương, gắn chặt chẽ và tương thích với chính sách thị trường. Chính sách mặt hàng NSXK là việc xác định cơ cấu mặt hàng NSXK trong

ngắn hạn và dài hạn. Cơ cấu mặt hàng NSXK có thể xét trên nhiều giác độ: hàng nông sản là sản phẩm chăn nuôi, trồng trọt; nông sản nguyên liệu dạng thô, nguyên liệu sơ chế, nông sản chế biến sâu, chế biến tinh, nông sản là lương thực đồ uống, thực phẩm; nông sản là mặt hàng chủ lực, nông sản là sản phẩm mới, sản phẩm tiềm năng... Trong đó, xác định mặt hàng NSXK chủ lực, NSXK mới và NSXK khẩu tiềm năng là rất quan trọng, góp phần bảo đảm cho XKNLS tăng trưởng ổn định và vững chắc cả trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn.

- *Chính sách XTTM*: Đối với sản phẩm hàng hóa nông lâm sản được xây dựng trên cơ sở chính sách mặt hàng và chính sách thị trường. Chính sách XTTM đối với nông, lâm sản là những chương trình, biện pháp nhằm xúc tiến, phát triển thương mại nông, lâm sản của tỉnh, được xây dựng nhằm hỗ trợ thực hiện chính sách thị trường, chính sách mặt hàng NLSXK, khai thác lợi thế so sánh của địa phương về sản xuất nông lâm nghiệp và khắc phục những thiên lệch bất lợi cho xuất khẩu do các chính sách khác tạo ra [6, tr.70; 253-254].

Xây dựng chính sách XTTM là xây dựng các chương trình, biện pháp thúc đẩy sự hình thành và tham gia của địa phương vào các hội chợ thương mại, các phái đoàn thương mại, các chiến dịch quảng cáo, cũng như cung cấp các thông tin và tư vấn về triển vọng các thị trường nước ngoài, tiếp cận nghiên cứu, tài trợ thương mại hoặc giải quyết các khó khăn về tiếp cận thị trường.

Trong điều kiện tự do hóa thương mại, các công cụ thuế quan và phi thuế quan bị hạn chế sử dụng hoặc cấm sử dụng, chính sách XTTM có vai trò quan trọng trong thúc đẩy XKNLS của quốc gia, cũng như của một địa phương.

### **2.1.3.2. Chính sách hỗ trợ xuất khẩu nông, lâm sản**

Chính sách hỗ trợ đầu tư cho nông, lâm sản của địa phương thường được thực hiện qua các hình thức như: Hỗ trợ đầu tư hạ tầng; hỗ trợ sản xuất; hỗ trợ khoa học - công nghệ ...

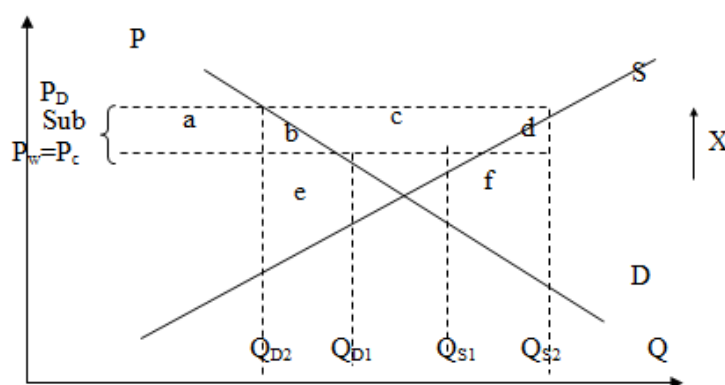
- *Hỗ trợ đầu tư hạ tầng*: Hỗ trợ đầu tư hạ tầng là các khoản đầu tư từ ngân sách của Nhà nước được sử dụng để hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng các vùng quy hoạch phát triển nông, lâm sản cần khuyến khích phát triển; hỗ trợ ngoài hàng rào về giao thông, giải phóng mặt bằng, điện ... cho các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm sản xuất khẩu, bao gồm các công đoạn như: bảo quản, chế biến, xuất khẩu hàng nông, lâm sản.

Mỗi địa phương, tùy theo khả năng về nguồn lực để có mức độ và chính sách hỗ trợ phù hợp. Trong thực tế, đây là một trong những chính sách được áp dụng nhiều ở Việt Nam, vì nó kích thích trực tiếp đề vấn đề thu hút và khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông, lâm sản.

- *Hỗ trợ sản xuất*: Hỗ trợ nông dân và doanh nghiệp tham gia vào quá trình hoạt động sản xuất, xuất khẩu hàng hóa nông lâm sản được nhiều quốc gia, địa phương áp dụng. Tuy nhiên, hiện nay, do Việt Nam đã gia nhập WTO và tham gia

một số hiệp định thương mại khác nên chính sách này thường ít được đề cập và áp dụng. Trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn các tỉnh vẫn đang thực thi một số chính sách hỗ trợ nhân dân sản xuất và doanh nghiệp.

+ Trợ cấp sản xuất nông nghiệp là khoản chi trả trực tiếp của từ ngân sách tỉnh cho nông dân bảo đảm cho họ nhận được mức giá nông sản cao hơn mức giá thế giới trong khi người tiêu dùng chỉ phải trả mức giá tương đương với mức giá thế giới. Hình 2.1 minh họa những phân tích về tác động của trợ cấp cho người sản xuất nông sản. Có thể thấy rằng, trợ cấp sản xuất nông nghiệp làm lợi cho người sản xuất và không gây thiệt hại cho người tiêu dùng.



Nguồn: [53, tr.25]

**Hình 2.1: Trợ cấp cho sản xuất nông sản**

$PW = Pc$ : Giá người tiêu dùng trả cho nông sản bằng giá thế giới;

$PD = PW + Sub$ : Giá người sản xuất nhận được với trợ cấp của chính phủ;

(Sub: mức trợ cấp)

Thiệt hại thặng dư người tiêu dùng: 0;

Tăng thặng dư người sản xuất:  $a + b + c$ ;

Trợ cấp của CP cho người sản xuất:  $a + b + c + d$ ;

Tổn thất phúc lợi ròng của xã hội:  $d$ .

+ Trợ cấp xuất khẩu nhằm trợ giúp thu nhập cho nông dân, khuyến khích tái sản xuất mở rộng, hoặc duy trì mức sản xuất hiện có, bảo đảm tự cung, tự cấp về lương thực. Tuy nhiên, kết quả trợ cấp sản xuất cũng dẫn tới khuyến khích nông dân tăng sản lượng nông sản vượt quá khả năng dự trữ của Chính phủ, buộc Chính phủ phải khuyến khích mở rộng XK-NLS ra nước ngoài bằng trợ cấp xuất khẩu nông sản. Người tiêu dùng nước ngoài nhập khẩu được lợi vì được mua giá rẻ. Còn người xuất khẩu ở những nước khác bị thiệt do phải bán hàng xuất khẩu với giá rẻ hơn hoặc phải cạnh tranh khó khăn hơn với hàng xuất khẩu của nước trợ cấp sản xuất nông nghiệp. Trợ cấp xuất khẩu mang lại lợi ích trực tiếp cho những người sản xuất và các DN tham gia xuất khẩu. Vì vậy để kiểm tra hiệu quả của chính sách này cần đánh giá mức độ hài lòng của hai đối tượng này thông qua việc đánh

giá về mức độ hỗ trợ, phương thức trả, thời gian chi trả... đã hợp lý chưa. Đồng thời căn cứ vào những số liệu về giá cả, sản lượng hàng hóa xuất khẩu đánh giá tính kinh tế của hoạt động hỗ trợ này.

+ Chính sách hỗ trợ đầu vào

Chính sách hỗ trợ đầu vào cho sản xuất nông sản bao gồm chính sách giá đầu vào, chính sách đối với hệ thống phân phối đầu vào, chính sách cung cấp thông tin đầu vào cho nông dân... Các đầu vào biến đổi mà nông dân phải mua là phân hóa học, thuốc sâu, thuốc diệt cỏ, hạt giống có năng suất cao, năng lượng... Ở đây, chúng tôi chỉ trình bày tác động của chính sách giá đầu vào.

Chính sách giá đầu vào là sự can thiệp vào mức giá mà nông dân trả cho các đầu vào biến đổi. Chính sách giá đầu vào bao gồm chính sách trợ giá đầu vào và chính sách trợ cấp đầu vào.

Trợ giá đầu vào là việc Nhà nước cam kết bảo đảm cho nông dân được mua các đầu vào với một giá cố định thấp hơn giá nhà máy, giá thị trường hay giá nhập khẩu. Trợ cấp đầu vào là khoản chi trả cố định hay chi trả theo tỉ lệ của Nhà nước cho mỗi đơn vị đầu vào mà nông dân sử dụng, thậm chí trong một số trường hợp cho không các loại vật tư đầu vào đó. Trợ giá đầu vào có thể trả cho nhà nhập khẩu các đầu vào, cho các nhà sản xuất trong nước, cho những tổ chức phân phối đầu vào của Nhà nước khi những tổ chức có quyền đặc biệt về phân phối đầu vào cho nông dân.

Như vậy, trợ cấp đầu vào làm tăng lượng NLSXK, đồng thời gây ra những tổn thất vô ích về chi phí xã hội. Điều quan trọng là chính sách trợ cấp đầu vào làm tăng lượng NLSXK, người sản xuất có lợi nhưng không làm ảnh hưởng đến giá cả thị trường nông sản nội địa, vì trong nền kinh tế mở, giá nông sản chịu ảnh hưởng mạnh bởi giá quốc tế. Trong trường hợp cần khuyến khích nông dân tăng sản lượng NLSXK đang có nhu cầu cao trên thị trường thế giới hoặc cần đưa vào trồng các loại giống mới để xuất khẩu, cần khuyến khích thúc đẩy áp dụng công nghệ canh tác mới, chính quyền địa phương thường sử dụng chính sách trợ cấp rộng rãi các yếu tố đầu vào như phân hóa học, giống mới, thuốc trừ sâu, nước tưới...

Nghiên cứu chính sách này, Frank Ellis chỉ ra những ưu điểm của nó. Phân tích cho thấy, trợ cấp đầu vào tăng thu nhập ròng từ một mức sử dụng đầu vào nào đó và kích thích nông dân chuyển tới mức sử dụng đầu vào tối đa hóa lợi nhuận. Bằng cách đó, trợ cấp đầu vào có tác dụng kích thích nhanh chóng việc sử dụng đầu vào cho cây trồng mục tiêu, thúc đẩy việc tiếp nhận các đầu vào mới, hiện đại, của nông dân nhanh hơn. Trong trường hợp chính sách được áp dụng lâu dài, lợi ích thu được sẽ khuyến khích nông dân sử dụng đầu vào mới (chẳng hạn như phân bón) để sản xuất NLSXK. Đến chừng mực nào đó, nếu cắt giảm hoặc thôi trợ cấp,

nông dân vẫn tiếp tục tăng sử dụng phân bón để tăng sản lượng. Đây là kết quả rất tích cực của chính sách trợ cấp phân bón [20, tr.35].

Trợ giá đầu vào cũng có thể được sử dụng để nhằm bảo đảm lợi tức đầy đủ cho sản xuất của nông dân trong trường hợp Chính phủ sử dụng chính sách giảm giá đầu ra có lợi cho người tiêu dùng. Chính sách giá đầu vào còn nhằm tối đa hóa việc sử dụng các nguồn cung đầu vào ở trong nước thay vì bảo hộ bằng thuế nhập khẩu hoặc cấm nhập khẩu.

Chính sách giá đầu vào có thể dẫn tới không có hiệu quả phân phối thu nhập vì nó làm lợi cho hầu hết các nông dân sử dụng đầu vào nhiều và số này thường là những nông dân giàu. Tỷ lệ chi phí đầu vào biến đổi lớn hơn so với các chi phí khác như lao động, tiền thuê đất, làm cho những chi phí đầu vào biến đổi có thu nhập ròng lớn hơn nhiều do giá thấp. Những người sử dụng nhiều đầu vào được trợ cấp sẽ được lợi càng nhiều. Chính sách trợ giá đầu vào được duy trì quá lâu có thể khiến cho nông dân sử dụng quá mức hiệu quả tối ưu gây lãng phí nguồn lực xã hội, giảm khả năng sinh lợi cá. Đây là những điểm mà chúng ta cần lưu ý khi sử dụng chính sách này.

Chính sách này không những mang lại lợi ích trực tiếp cho người sản xuất mà còn mang lại những lợi thế cạnh tranh rất lớn về giá cho các DN tham gia hoạt động xuất khẩu. Vì vậy, để đánh giá chính xác hiệu quả của chính sách này ta có thể đánh giá thông qua những lợi thế về giá mà chính sách mang lại cho DN. Tuy nhiên, để đánh giá đầy đủ hiệu quả của chính sách này ta cần xem xét tính tương quan giữa chi phí mà ngân sách hỗ trợ với hiệu quả thực tế đem lại cho DN. Trong trường hợp chi phí ngân sách chi trả quá lớn trong khi hiệu quả về kinh tế và sức cạnh tranh lại quá nhỏ thì cần có những biện pháp thay đổi kịp thời.

- *Chính sách khoa học, công nghệ phục vụ sản xuất NLSXK*: Đây là chính sách thể hiện về vai trò của Nhà nước trong việc tạo ra, áp dụng và phổ biến khoa học - kỹ thuật công nghệ nông nghiệp mới cho xuất khẩu nông lâm sản cho nông dân. Những đầu tư của chính quyền địa phương cho lĩnh vực này thường bao gồm các nội dung chính: nghiên cứu, ứng dụng công nghệ và giống mới; Hỗ trợ kinh phí mua máy móc thiết bị sản xuất, chế biến theo công nghệ mới; hỗ trợ giống mới; hỗ trợ đào tạo kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt; hỗ trợ chuyển giao công nghệ...

Những chính sách về khoa học, công nghệ phục vụ sản xuất thường đem lại những kết quả nhanh chóng. Hiệu quả của chính sách này thể hiện ở sự tăng trưởng về sản lượng, chất lượng của sản phẩm nông lâm sản. Các doanh nghiệp và người sản xuất là những đối tượng trực tiếp kiểm chứng những hiệu quả của hoạt động này mang lại. Đồng thời hiệu quả của chính sách này còn thể hiện ở những

mục tiêu lâu dài mang tính bền vững như giúp cải thiện con giống, thay đổi thói quen sản xuất, nâng cao kinh nghiệm sản xuất.

### **2.1.3.3. Các chính sách tài chính (tín dụng và thuế)**

#### **- Chính sách tín dụng**

Chính sách tín dụng bao gồm các chính sách theo quy định của Nhà nước Trung ương và Địa phương.

Theo quy định của Pháp luật Việt nam, ở địa phương chỉ được ban hành các chính sách tín dụng như: chính sách hỗ trợ lãi suất hoặc bảo lãnh tín dụng cho các đối tượng mà chính quyền cần hỗ trợ và khuyến khích phát triển.

Chính sách tín dụng thường được sử dụng nhằm:

+ Khắc phục sự hạn chế tăng trưởng sản lượng nông, lâm sản xuất khẩu do thiếu tiền đầu tư trong nông, lâm nghiệp và mua các đầu vào cho sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu .

+ Thúc đẩy sự lựa chọn kỹ thuật mới cho sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu của nông dân bằng cách cung cấp vốn lưu động cho họ trong thời kỳ họ cần. Từ đó bổ sung cho các đầu vào cần thiết cho sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu.

+ Giúp nông dân bớt khó khăn do phải vay từ các nguồn tín dụng không chính thức (lãi suất cao, không có tài sản thế chấp, thiếu thông tin...).

- Bù đắp cho nông dân sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu những bất lợi do những chính sách khác không thuận lợi đối với họ như giá phân bón và các đầu vào khác cao.

Tuy nhiên, chính sách tín dụng cũng có một số hạn chế nhất định:

+ Mục tiêu của chính sách tín dụng của Nhà nước cho sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu có thể mất hiệu lực hoàn toàn khi nông dân sử dụng khoản tiền vay được vào việc khác, với mục đích khác. Đối với người cho vay, sự chuyển hướng sử dụng tín dụng này khiến họ có thể chuyển sang cho những khách hàng có sự rủi ro thấp vay. Việc quy định tỷ lệ cho vay nông nghiệp có thể bị mất đi.

+ Tỷ lệ lãi suất thấp có thể tạo ra tác động tiêu cực đối với các tổ chức tín dụng nông thôn, người vay và người gửi. Lãi suất cho vay thấp có thể dẫn tới lãi suất thực âm. Điều đó đã chuyển một phần nguồn lực thực tế từ người cho vay sang những người nông dân đi vay, làm xói mòn khả năng của người cho vay. Mặt khác, tỷ lệ lãi suất thấp hoặc âm sẽ không thu hút được người gửi tiền. Hơn nữa, lãi suất thấp cũng có thể làm cho các tổ chức tín dụng không thể trang trải cho các hoạt động kinh doanh tiền tệ của mình. Cuối cùng, lãi suất thấp làm cầu tăng lớn hơn cung, như vậy hạn chế các loại tín dụng. Điều đó dễ dẫn tới tiêu cực trong việc cho vay tín dụng.

+ Chính sách tín dụng ưu đãi cho sản xuất nông sản nói chung và cho sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu nói riêng có thể dễ gặp phải khó khăn trong việc đòi nợ. Nợ khó đòi có thể do hoặc nông dân không đủ khả năng trả nợ vì mất mùa, dịch bệnh, thiên tai; hoặc họ không muốn trả nợ vì cho rằng các khoản tiền vay được như các khoản cho không hoặc đó là sự ưu đãi riêng.

Chính sách tín dụng mang lại lợi ích cho các cá nhân, doanh nghiệp thông qua những ưu đãi về vốn, lãi suất. Hiệu quả của chính sách này thể hiện ở sự mở rộng trong hoạt động sản xuất, tăng trưởng sản lượng, nâng cao chất lượng. Ngoài ra, sự phù hợp về mặt thời gian, mức hỗ trợ, đơn giản trong thủ tục hành chính cũng là những yếu tố để đánh giá hiệu quả của chính sách này.

#### - *Chính sách thuế*

Chính sách thuế là một trong những công cụ hữu hiệu của một quốc gia trong việc điều tiết xuất nhập khẩu nói chung và nông lâm sản nói riêng. Tuy nhiên, ở địa phương chính sách này được vận dụng một cách hạn chế, vì phải tuân thủ các quy định của Chính quyền Trung ương. Chính quyền địa phương chỉ vận dụng được các sắc thuế mà trung ương có quy định khung áp dụng.

Chính sách thuế được các tỉnh vận dụng và áp dụng trong một số trường hợp nhất định, đặc biệt đối với hoạt động thu hút đầu tư đối với lĩnh vực nông, lâm sản.

#### **2.1.3.4. Các chính sách khác**

##### - *Chính sách đất đai*

Chính sách đất đai phụ thuộc lớn vào việc áp dụng Luật đất đai của Nhà nước. Tuy vậy, chính quyền địa phương thường vận dụng những ưu đãi thuộc thẩm quyền để thực hiện tại địa phương, trên các phương diện như: thời hạn thuê đất, các chính sách liên quan đến thuế sử dụng đất nông nghiệp, các chính sách khuyến khích việc tích tụ ruộng đất, cơ cấu lại ngành nông nghiệp...

##### - *Chính sách tạo mối liên kết giữa các chủ thể tham gia hoạt động xuất khẩu*

Nhà nước có vai trò quản lý toàn bộ những chủ thể tham gia hoạt động xuất khẩu hàng hóa bao gồm: người sản xuất, doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng... Ngoài ra một trong những nội dung quan trọng của chính sách xuất khẩu nông, lâm sản là phải tạo ra sự liên kết giữa các chủ thể này. Nội dung này bao gồm những hoạt động xây dựng cơ chế phối hợp liên kết giữa người sản xuất với các doanh nghiệp, giữa các doanh nghiệp với các tổ chức tín dụng, giữa người sản xuất, các doanh nghiệp với các cơ quan quản lý...

+*Thứ nhất*, để tạo ra sự liên kết giữa người sản xuất với các DN, Nhà nước cần đóng vai trò trung gian liên kết bằng các quy định cho phép DN và người dân có thể trực tiếp trao đổi, hỗ trợ lẫn nhau thông qua hành lang pháp lý để các chủ



thể này có thể giao kết các hợp đồng thương mại. Điển hình như các hợp đồng cung cấp vốn, con giống, bao tiêu sản phẩm của DN cho người sản xuất, hợp đồng cam kết bán sản phẩm thu hoạch của người sản xuất với doanh nghiệp.

+ *Thứ hai*, với quan hệ giữa các DN, người sản xuất với các tổ chức tín dụng, thông qua hệ thống tín dụng nhà nước hoặc tư nhân. Nhà nước có các hỗ trợ đối với người sản xuất và DN. Trong những trường hợp cụ thể, Nhà nước đóng vai trò nhà bảo lãnh tín dụng, hay quy định những chính sách ưu tiên đặc biệt cho các DN, người sản xuất.

+ *Thứ ba*, quan hệ giữa các DN, người sản xuất với các cơ quan quản lý nhà nước luôn được quan tâm. Mọi quan hệ này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của các quy định, chính sách của nhà nước. Để đảm bảo hoạt động sản xuất, xuất khẩu đạt hiệu quả cao nhất, nhà nước hoàn thiện dần những thủ tục hàng chính liên quan, thường xuyên tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ các chủ thể khác nhau. Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý đóng vai trò kênh thông tin quan trọng về thị trường nước ngoài cho các DN.

#### - *Chính sách về phát triển nguồn nhân lực*

Phát triển nguồn nhân lực là một trong những yêu cầu cấp thiết của các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là ở Việt Nam.

Chính sách phát triển nguồn nhân lực cho chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông lâm sản ở một địa phương bao gồm:

+ Chính sách đào tạo nguồn nhân lực đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực xuất khẩu, sản xuất nông lâm sản xuất khẩu.

+ Chính sách đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho các đội ngũ nhân viên tại các doanh nghiệp xuất khẩu.

+ Chính sách đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, công nghệ cho các hộ dân tham gia sản xuất trực tiếp các sản phẩm nông, lâm sản cho xuất khẩu.

#### - *Chính sách bảo hiểm hàng nông lâm sản xuất khẩu*

Chính sách bảo hiểm hàng nông lâm sản xuất khẩu được các quốc gia trên thế giới hết sức quan tâm, đây cũng là một công cụ hữu hiệu cho việc bảo vệ nền sản xuất nông lâm sản với nhiều yếu tố rủi ro.

Sản xuất nông lâm sản của địa phương cũng thường xuyên chịu các yếu tố rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu nông, lâm sản. Các rủi ro thường gặp bao gồm: rủi ro về thị trường, về giá, rủi ro về tỷ giá, rủi ro do thiên tai ...

Với chính sách này, tỉnh có thể thành lập Quỹ phòng chống rủi ro hoặc hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp, hộ dân mua bảo hiểm rủi ro đối với các hoạt động xuất khẩu và sản xuất hàng nông lâm sản xuất khẩu.

#### **2.1.4. Một số tiêu chí đánh giá chính sách xuất khẩu nông, lâm sản cấp tỉnh**

Để đánh giá chính sách thúc đẩy XNK-NLS cấp tỉnh, có thể dựa vào một số tiêu chí chủ yếu sau:

- *Tính hiệu quả của chính sách*: Phản ánh tương quan so sánh giữa kết quả do chính sách đưa lại với chi phí đã bỏ ra. Phương pháp phân tích chi phí, lợi ích thường được sử dụng để xác định hiệu quả của chính sách. Lợi ích ở đây có thể được cụ thể hóa bằng mặt hàng, sản lượng, chất lượng, giá trị kim ngạch xuất khẩu, thu hút đầu tư ... Chi phí bỏ ra bao gồm nguồn ngân sách và các nguồn lực khác để thực hiện chính sách. Nếu không quan tâm tính toán hiệu quả sẽ dẫn đến lãng phí, thất thoát tiền của và kinh phí từ ngân sách của địa phương.

- *Tính hiệu lực của chính sách*: Tính hiệu lực của chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông lâm sản của tỉnh, phản ánh mức độ tác động, ảnh hưởng của chính sách đó trên thực tế, làm tăng năng lực sản xuất, xuất khẩu đối với lĩnh vực nông, lâm sản theo mong muốn của địa phương. Tính hiệu lực của chính sách thể hiện ở mức độ đạt được các mục tiêu đề ra. Tính hiệu lực được đo bằng mức độ hoàn thành các mục tiêu mà chính sách đề ra như: giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng lên; chất lượng hàng hóa và năng suất lao động; tiêu chí việc làm, thu nhập người lao động; tạo thị trường, sản phẩm mới; tăng giá trị trên diện tích đất sử dụng; cải thiện môi trường sinh thái ...

- *Tính khả dụng hay tính khả thi của chính sách*: Tính khả dụng của chính sách địa phương cấp tỉnh được đưa ra trên cơ sở sự cần thiết ban hành, nguồn lực thực hiện, tiềm năng, lợi thế của địa phương và các quy định của pháp luật và các quy định khác phù hợp với các hiệp định thương mại đã được Chính phủ ký kết. Tính khả dụng của chính sách còn được thể hiện qua mức hấp thụ mà các đối tượng hưởng lợi từ chính sách hấp thụ được hay chính sách đến đúng đối tượng cần khuyến khích, tác động hay không.

- *Tính công bằng của chính sách*: Tính công bằng của chính sách của địa phương thể hiện ở chỗ thông qua chính sách, tỉnh thực hiện phân phối lại thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, thực hiện phân bổ hợp lý nguồn lực, chi phí và lợi ích, cũng như các quyền và nghĩa vụ giữa các chủ thể tham gia hoạch định, thực thi chính sách và các nhóm đối tượng liên quan đến chính sách. Tiêu chí đánh giá tính công bằng của chính sách tương đối khó và phức tạp, nó dựa trên sự phân bổ nguồn lực của địa phương, mức độ bình đẳng trong các đối tượng được hưởng lợi từ chính sách và phân phối thu nhập của các đối tượng.

- *Tính đáp ứng yêu cầu của đối tượng hưởng lợi từ chính sách*: Tác động của chính sách phản ánh kết quả đầu ra hay kết quả cuối cùng của chính sách. Đây là

một tiêu chí rất quan trọng trong đánh giá chính sách của địa phương. Để đánh giá chính sách xuất khẩu nông, lâm sản tác động đến đối tượng người sản xuất và các doanh nghiệp xuất khẩu NLS như thế nào, cần xem xét việc người sản xuất và các doanh nghiệp được hưởng những lợi ích gì từ chính sách của địa phương và các lợi ích đó đã giúp họ đẩy mạnh hoạt động sản xuất và xuất khẩu của địa phương như thế nào. Việc đánh giá tác động này cần tổ chức khảo sát lấy ý kiến đánh giá của người dân, đối tượng hưởng lợi từ chính sách.

- *Mức độ giải quyết vấn đề chính sách*: Mỗi chính sách được xây dựng khởi nguồn từ việc xác định vấn đề chính sách, giải quyết vấn đề của chính sách thường thể hiện ở các mục tiêu của chính sách. Mức độ giải quyết vấn đề chính sách có thể đo lường được bằng một loạt tiêu chí liên quan đến các khía cạnh kinh tế - xã hội này. Chẳng hạn, để đánh giá mức độ giải quyết vấn đề thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản không thể chỉ đưa ra chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu tăng bao nhiêu phần trăm, mà còn phải xem xét các khía cạnh khác, như: tạo việc làm ổn định và thu nhập tăng thêm cho bao nhiêu lao động? chuyển dịch cơ cấu kinh tế như thế nào? chất lượng hàng hóa và thị trường xuất khẩu thay đổi như thế nào? và việc tăng trưởng xuất khẩu có gắn với phát triển bền vững hay không? ....

## 2.2. CÁC YẾU TỐ CƠ BẢN ẢNH HƯỞNG TỚI CHÍNH SÁCH THỨC ĐẨY XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM SẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

### 2.2.1. Các yếu tố chủ quan

#### 2.2.1.1 *Nhận thức của các cấp lãnh đạo, các nhà hoạch định và thực thi chính sách XKNLS của địa phương*

Sự phát triển hoạt động xuất khẩu nói chung, XKNLS nói riêng ở Việt Nam thời gian qua đã để lại nhiều bài học lớn: Sự thiếu hiểu biết của các ngành, các cấp trong việc điều hành quản lý có thể dẫn tới trình trạng đầu tư sản xuất tràn lan, cạnh tranh không lành mạnh tài nguyên và các nguồn lực sử dụng không hiệu quả, thiếu kế hoạch, thiếu sức cạnh tranh đối với các sản phẩm của các quốc gia khác trên thị trường quốc tế,... Vì vậy, để thúc đẩy xuất khẩu nông lâm sản của địa phương đòi hỏi phải có một chiến lược khoa học, phù hợp với bối cảnh cụ thể của địa phương mới đem lại hiệu quả lâu dài, tránh tình trạng tự phát dẫn đến những tác hại trên nhiều mặt đối với nền KT-XH.

Việc hoạch định và thực thi các chính sách thúc đẩy XKNLS có những yêu cầu cao hơn đối với việc phát triển các hoạt động xuất khẩu thông thường nên yêu cầu nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của chính sách thúc đẩy XKNLS đối với các cấp lãnh đạo, các nhà hoạch định và thực thi chính sách địa phương là một điều kiện tiên quyết.

Các cấp lãnh đạo ở địa phương đối với việc hoạch định và thực thi chính sách XK-NLS bao gồm lãnh đạo chính quyền địa phương các cấp, cơ quan quản lý Nhà nước về sản xuất nông, lâm nghiệp và XK-NLS của địa phương. Các nhà lãnh đạo có vai trò đối với việc thúc đẩy XK-NLS của địa phương trên các góc độ: Lãnh đạo chính quyền địa phương chỉ đạo, điều hành các ngành liên quan (nông nghiệp, lâm nghiệp, thương mại...) xây dựng nghiên cứu hoạch định chính sách thúc đẩy XK-NLS; lãnh đạo ngành thương mại chỉ đạo và tham gia trực tiếp vào công tác xây dựng, ban hành các chính sách thúc đẩy XK-NLS; Chỉ đạo và tham gia trực tiếp vào công tác triển khai thực hiện các chính sách thúc đẩy XK-NLS; lãnh đạo địa phương và lãnh đạo các ngành liên quan giám sát, điều chỉnh quá trình thực hiện các chính sách thúc đẩy XK-NLS.

Như vậy, nhận thức của các cấp lãnh đạo địa phương về vai trò và tầm quan trọng của việc hoạch định và thực thi các chính sách thúc đẩy XK-NLS là nhân tố quyết định đến sự ra đời và chất lượng của các chính sách thúc đẩy XK-NLS và kết quả, hiệu quả hoạt động XK-NLS cho địa phương.

### ***2.2.1.2. Tình hình thị trường nông, lâm sản trong nước và định hướng phát triển nông, lâm nghiệp của địa phương***

Tình hình thị trường nông, lâm sản trong nước tác động rất lớn đến chính sách xuất khẩu nông lâm sản. Nhằm đảm bảo an ninh lương thực và hiệu quả hoạt động xuất khẩu tùy từng thời điểm, tình hình thị trường Nhà nước có những biện pháp điều chỉnh cho phù hợp. Tình hình thị trường nông, lâm sản trong nước được đánh giá qua một số yếu tố sau: giá cả nông, lâm sản, nhu cầu tiêu thụ trong nước, tổng khối lượng dự trữ. Đây là những căn cứ để đánh giá thị trường nông, lâm sản trong nước cũng như cơ sở để Nhà nước đưa ra những chính sách đối với hoạt động xuất khẩu. Ngoài ra, những dự báo về thời tiết, khí hậu, thiên tai ảnh hưởng đến nhu cầu và sản lượng nông, lâm sản trong tương lai, các chính sách xúc tiến thương mại trong hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản cũng là yếu tố tác động đến chính sách của Nhà nước. Căn cứ vào những yếu tố đó, Nhà nước quyết định các chính sách liên quan đến hoạt động xuất khẩu, thông qua những biện pháp trực tiếp hoặc gián tiếp Nhà nước có thể điều chỉnh: mở rộng hay hạn chế hoạt động xuất khẩu, chủng loại hàng hóa, số lượng, giá cả hàng hóa...

Ngoài ra, căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội và những đặc điểm tự nhiên, mỗi địa phương có những định hướng phát triển nông lâm nghiệp khác nhau. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chính sách xuất khẩu nông, lâm sản bởi nó ảnh hưởng đến: sản lượng, chủng loại hàng hóa và thị trường nông, lâm sản của địa phương.

Trên cơ sở những định hướng phát triển nông, lâm nghiệp, mỗi địa phương có những chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản khác nhau nhằm phát huy

tối đa những tiềm năng, lợi thế sẵn có cũng như thực hiện đúng những mục tiêu và định hướng phát triển đã đặt ra.

### ***2.2.1.3. Tiềm năng, lợi thế về sản xuất và xuất khẩu nông, lâm sản của địa phương***

Hoạt động xuất khẩu chỉ đạt hiệu quả cao nhất nếu khai thác được những thế mạnh của địa phương. Tùy thuộc vào vị trí địa lý, khí hậu, đặc điểm thổ nhưỡng, truyền thống canh tác, nuôi trồng mà mỗi địa phương có những lợi thế nhất định về sản phẩm nông, lâm sản. Những đặc điểm này tác động đến năng suất, chất lượng của sản phẩm mang lại những đặc điểm nổi bật, lợi thế so sánh cho các sản phẩm, đồng thời mang lại hình ảnh, thương hiệu cho mỗi vùng, địa phương sản xuất. Chính vì vậy đây là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến chính sách xuất khẩu nông lâm sản.

Căn cứ vào những đặc điểm này, Nhà nước quyết định chính sách phát triển nhằm hỗ trợ những địa phương có tiềm năng, lợi thế về phát triển nông, lâm nghiệp. Đồng thời, dựa trên những đặc điểm, lợi thế của mình, mỗi địa phương xây dựng những định hướng, kế hoạch phát triển hoạt động sản xuất nông, lâm sản. Trên thực tế, mỗi địa phương thường có một vài sản phẩm đặc trưng, có những đặc điểm nổi trội. Chính vì vậy, mỗi địa phương cần tập trung khai thác, phát huy những lợi thế này. Thông qua các chính sách quy hoạch, hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật sản xuất, nuôi trồng địa phương xây dựng những vùng chuyên canh, sản xuất nông, lâm sản theo hướng sản xuất hàng hóa, tập chung cung cấp sản phẩm đạt năng xuất, chất lượng cao phục vụ nhu cầu xuất khẩu.

## **2.2.2. Các yếu tố khách quan**

### ***2.2.2.1. Chiến lược phát triển kinh tế quốc gia***

Chính sách XKNLS là một bộ phận hữu cơ của tổng thể các chính sách kinh tế. Cũng như các chính sách kinh tế khác, chính sách XKNLS phải nhằm thực hiện các mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế quốc gia. Cho đến nay, có ba kiểu chiến lược phát triển kinh tế quốc gia cơ bản: chiến lược thay thế nhập khẩu, chiến lược hướng về xuất khẩu và chiến lược kết hợp hướng về xuất khẩu với thay thế nhập khẩu. Chiến lược thay thế nhập khẩu có hai mức độ: chiến lược thay thế nhập khẩu sơ cấp (thay thế nhập khẩu hàng tiêu dùng) và chiến lược thay thế nhập khẩu thứ cấp (thay thế nhập khẩu hàng trung gian). Chiến lược hướng xuất khẩu cũng có ba mức độ: xuất khẩu hàng thô, sơ chế (nông sản, khoáng sản), chiến lược hướng xuất khẩu sơ cấp dựa trên lao động không chuyên môn và chiến lược đa dạng hóa xuất khẩu (xuất khẩu cả hàng công nghệ cao).

Mỗi nước xác định vị trí của mình trên bậc thang phát triển, xác định lợi thế so sánh của mình. Từ đó lựa chọn chiến lược phát triển kinh tế cho phù hợp: hoặc

tuần tự từ thấp đến cao, hoặc linh hoạt thay đổi chiến lược phát triển, hoặc kết hợp hai chiến lược phát triển kinh tế chủ yếu với những mức độ khác nhau của chúng. Trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế đã được xác định, chiến lược phát triển nông nghiệp và các chính sách thúc đẩy XKNLS khác được xây dựng phục vụ cho chiến lược đó.

Chiến lược phát triển kinh tế của Việt Nam hiện nay là kết hợp chiến lược hướng về xuất khẩu hàng sơ cấp với chiến lược thay thế nhập khẩu. Trong sự kết hợp đó, có sự đan xen các mức độ khác nhau của hai loại chiến lược này. Chẳng hạn, chiến lược hướng về xuất khẩu của Việt Nam bao gồm cả xuất khẩu hàng thô, sơ chế (như XKNLS, khoáng sản) cả xuất khẩu dựa trên lao động không chuyên môn (không đòi hỏi chuyên môn cao) (như xuất khẩu giấy da, hàng dệt may, hàng nông sản chế biến sâu) và xuất khẩu hàng công nghệ cao (tivi, máy tính...). Trong đó, xuất khẩu hàng sơ cấp chiếm tỷ trọng cao hơn xuất khẩu hàng công nghệ cao. Tỷ trọng này sẽ giảm dần cùng với sự phát triển ngày càng cao của trình độ CNH, HĐH nền kinh tế. Chính sách XKNLS Việt Nam được xây dựng phải nhằm thực hiện chiến lược phát triển đó.

#### **2.2.2.2. Tình hình thị trường nông lâm sản thế giới**

Để có thể xây dựng chính sách XKNLS phù hợp, mỗi quốc gia cần nghiên cứu các đặc điểm thị trường nông sản thế giới khi hoạch định chính sách XKNLS của mình. Trong điều kiện hiện nay, người ta thấy thị trường nông sản thế giới có những đặc điểm chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, tình hình sản xuất và tiêu thụ và XNK nông sản trên thế giới có sự thay đổi giữa hai nhóm nước: các nước ĐPT và các nước phát triển. Trong những năm cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21, sản lượng hầu hết các nông sản của các nước phát triển đều có xu hướng giảm, các nước ĐPT trở thành các nước sản xuất nông sản chủ yếu của thế giới. Trong đó, phải kể đến vị trí của các nước Mỹ la tinh và các nước Viễn Đông. Sự gia tăng sản lượng nông sản của các nước ĐPT là nhân tố chủ yếu làm gia tăng sản lượng nông sản thế giới trong giai đoạn này. Tuy nhiên, tình hình trên không làm cho các nước ĐPT trở thành các nước có vị trí chủ yếu trong tổng giá trị XNK nông sản của thế giới. Vị trí đó trên thế giới thuộc về các nước phát triển. Nguyên nhân chính của tình hình này là cánh kéo giá cả giữa hàng NLSXK dạng thô, sơ chế và hàng NLSXK đã qua chế biến sâu, chế biến tinh ngày càng doãng ra. Chính điều này làm cho XKNLS của các nước ĐPT tăng đáng kể về khối lượng nhưng về giá trị NLSXK lại tăng không nhiều, gây bất lợi và thua thiệt cho các nước ĐPT có nguồn xuất khẩu chủ yếu là nông sản thô, chưa qua chế biến.

Mặt khác, xu hướng chung của các nước ĐPT là giá trị nhập khẩu tăng nhanh hơn giá trị xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp nói chung và lương thực thực phẩm

nói riêng. Đây là xu hướng mà các nước ĐPT không mong đợi, đặc biệt là trong điều kiện đối với đa số các nước ĐPT thì nguồn thu xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp là nguồn thu chủ yếu cho CNH nền kinh tế quốc dân của các nước này.

Ngoài ra, cơ cấu tiêu dùng nông sản trên thị trường thế giới trong những thập kỷ cuối của thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21, có sự thay đổi theo chiều hướng tăng tiêu dùng thực phẩm và giảm tiêu dùng lương thực. Điều này có ảnh hưởng không lợi cho các nước xuất khẩu lương thực như Việt Nam.

*Thứ hai*, tỉ trọng hàng NLSXK chế biến tăng, tỉ trọng hàng NLSXK dạng thô, sơ chế giảm đang là xu hướng ngày càng phổ biến trên thị trường nông sản thế giới.

*Thứ ba*, hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp trong nước và bảo hộ thị trường nông sản ở mức cao dưới nhiều hình thức vẫn còn phổ biến ở nhiều quốc gia, nhất là ở các nước phát triển, ảnh hưởng sâu sắc tới sản xuất và tiêu thụ NLSXK của các nước ĐPT.

Những đặc điểm của thị trường hàng nông sản thế giới cần được nghiên cứu, khảo sát và sử dụng làm căn cứ cho chính sách XKNLS Việt Nam.

Bên cạnh đó, tình hình thị trường nông sản thế giới, tình hình kinh tế của các nước cũng là căn cứ thực tiễn hết sức quan trọng của chính sách XKNLS quốc gia. Chúng ta biết rằng, kết quả nhập khẩu của đất nước phụ thuộc chủ yếu vào tình hình kinh tế trong nước. Trong khi đó, kết quả xuất khẩu lại phụ thuộc rất nhiều vào kinh tế bên ngoài, vào thị trường thế giới. Do đó, những nghiên cứu, phân tích và dự báo diễn biến thị trường thế giới trong ngắn hạn và dài hạn là yếu tố không thể thiếu được khi hoạch định chính sách thúc đẩy XKNLS quốc gia. Những phân tích, dự báo thị trường càng chính xác, chính sách thúc đẩy XKNLS được xây dựng càng sát đúng và đạt hiệu quả càng cao, bảo đảm cho sản xuất và XKNLS phát triển vững chắc trong điều kiện thế giới có nhiều biến động như hiện nay.

### ***2.2.2.3. Chính sách của các quốc gia xuất, nhập khẩu nông lâm sản trên thế giới***

Hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản cũng giống như những hoạt động xuất khẩu khác, luôn phụ thuộc rất nhiều vào chính sách của nước nhập khẩu, ngoài ra, do sự cạnh tranh của những nước cùng xuất khẩu một loại hàng hóa, chính sách của những đối thủ cạnh tranh này cũng tác động lớn đến hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản.

*Thứ nhất*, đối với chính sách của những nước nhập khẩu nông, lâm sản.

Các chính sách của nước nhập khẩu ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp xuất khẩu. Mỗi quốc gia có những chính sách nhập khẩu khác nhau đối với từng chủng loại hàng hóa, có thể mở cửa hoặc hạn chế. Để thực hiện chính sách này các nước thường sử dụng các công cụ thuế quan: thuế nhập khẩu, thuế chống

bán phá giá..., các công cụ phi thuế quan như: thủ tục hải quan, hệ thống các tiêu chuẩn chất lượng...

Mặc dù trong thời gian gần đây, trước xu hướng toàn cầu hóa, nhiều hàng rào thuế quan bị phá bỏ, tuy nhiên các ở một số nước thuế vẫn là công cụ để hạn chế nhập khẩu, bảo hộ sản xuất trong nước. Đối với hàng rào phi thuế quan, hiện nay, một số thị trường như Mỹ, Nhật, EU... đã sử dụng hệ thống những tiêu chuẩn nhằm kiểm soát chất lượng cũng như hạn chế nhập khẩu một số loại sản phẩm nhất định. Đối với những thị trường như vậy, đòi hỏi các doanh nghiệp phải nắm rõ những quy định về thủ tục pháp lý, thủ tục hải quan, hệ thống các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm.

Đối với chính sách xuất khẩu của Nhà nước, với mỗi thị trường, mỗi chính sách nhập khẩu khác nhau cần có những biện pháp phù hợp. Đối với những nước không hạn chế nhập khẩu với những hàng hóa nhất định, Nhà nước cần mở rộng, phát triển khai thác tối đa thị trường, nâng cao sản lượng xuất khẩu. Đối với những nước sử dụng các biện pháp hạn chế nhập khẩu, Nhà nước cần có những biện pháp ngoại giao, xây dựng lên những giao kết, hiệp ước, thỏa thuận về thương mại nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động xuất khẩu. Đồng thời cần có các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về thông tin, thủ tục pháp lý cũng như kỹ thuật sản xuất nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng của sản phẩm.

*Thứ hai*, tình hình thị trường và chính sách của nước xuất khẩu nông sản khác trên thế giới

Đây là những nước cùng xuất khẩu một loại hàng hóa nhất định, đối thủ cạnh tranh trực tiếp của các doanh nghiệp xuất khẩu trong nước. Chính vì vậy, mọi sự thay đổi về chính sách của những nước này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản cũng như chính sách xuất khẩu nông lâm sản. Đối với mỗi chủng loại hàng hóa thường có một nhóm các đối thủ cạnh tranh nhất định, việc nghiên cứu tình hình thị trường, chính sách xuất khẩu của những đối thủ cạnh tranh này có vai trò rất quan trọng. Nghiên cứu tình hình thị trường của các đối thủ cạnh tranh sẽ cung cấp những thông tin về điểm mạnh, điểm yếu, những lợi thế so sánh với các sản phẩm khác trên thị trường, nguồn cung, khối lượng sản phẩm có thể xuất khẩu... Từ đó dự báo tình hình xuất khẩu của những đối thủ đó trong thời gian tới, để có những thay đổi phù hợp.

Bên cạnh đó, chính sách xuất khẩu nông, lâm sản của những nước đối thủ cạnh tranh này cũng là yếu tố quan trọng, tác động đến hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản bởi nó quyết định đến chủng loại, sản lượng, giá bán của hàng hóa. Nhà nước cần nghiên cứu các chính sách này để có những biện pháp điều chỉnh, cạnh tranh phù hợp, hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu nhằm đạt hiệu quả cao nhất.



#### ***2.2.2.4. Yêu cầu về chính sách thương mại đối với hàng nông sản của các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới***

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, không một quốc gia nào có thể phát triển nếu không tham gia vào các tổ chức hợp tác quốc tế. Để đảm bảo sự công bằng giữa các thành viên, các tổ chức luôn có những quy định, yêu cầu với các nước tham gia. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến việc xây dựng chính sách xuất khẩu nói chung và chính sách XKNSL nói riêng. Những tổ chức này có những quy định, định chế về thương mại nhằm thúc đẩy hoạt động thương mại, đảm bảo sự công bằng, quyền và lợi ích của mỗi quốc gia thành viên, một số quy định như: mức thuế xuất, nhập khẩu, thủ tục hải quan, bảo hộ đối với sản xuất trong nước... Những quy định này được áp dụng đối với tất cả các nước thành viên, cũng là điều kiện đối với những nước muốn tham gia vào tổ chức.

Đối với mỗi quốc gia, việc tham gia vào những tổ chức này là xu hướng tất yếu. Tuy nhiên, trước khi tham gia, Nhà nước cần nghiên cứu kỹ những quy định, điều kiện áp dụng, cân nhắc những lợi ích, hạn chế bởi khi tham gia vào những tổ chức này cũng đồng nghĩa với việc Nhà nước chấp nhận sự tự do hóa thị trường trong nước, sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp nước ngoài, điều này có thể gây ra khá nhiều thiệt hại về mặt kinh tế.

Khi đã chấp nhận tham gia những tổ chức thương mại trong khu vực và thế giới, chính sách xuất khẩu nông, lâm sản của Nhà nước cần phải thay đổi linh hoạt để phù hợp. Trên thực tế, hiện nay, mỗi quốc gia thường tham gia vào nhiều tổ chức thương mại, mỗi tổ chức này lại có những quy định riêng vì vậy việc xây dựng chính sách xuất khẩu với mỗi tổ chức, mỗi thị trường khác nhau là điều rất cần thiết. Trước hết khi tham gia vào 1 tổ chức nhất định, các nước thành viên sẽ được hưởng những lợi ích nhất định như: ưu đãi về thuế quan, hỗ trợ về tài chính, đầu tư... Nhà nước cần có chính sách để tận dụng những ưu đãi này để đạt hiệu quả cao nhất. Tuy nhiên, đi kèm với đó là những rủi ro tiềm tàng đối với thị trường trong nước, các doanh nghiệp trong nước chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ của doanh nghiệp nước ngoài. Vì vậy, Nhà nước cần có các biện pháp bảo vệ nền sản xuất. Tuy nhiên, trong quy định của các tổ chức thương mại thường có quy định về mức thuế nhập khẩu chung cho các quốc gia, cũng như một số quy định về việc trợ cấp doanh nghiệp trong nước để đảm bảo tính công bằng. Vì vậy, để bảo đảm an toàn cho thị trường trong nước Nhà nước không thể sử dụng công cụ thuế và một số biện pháp bảo hộ trực tiếp, mà cần linh hoạt sử dụng những công cụ phi thuế như: các quy định hải quan, hệ thống tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm... để vừa bảo vệ được các doanh nghiệp trong nước nhưng đồng thời cũng không vi phạm những quy định của các tổ chức tham gia.

Cho đến nay, Việt Nam đã là thành viên chính thức của ASEAN từ ngày 25-7-1995, tham gia AFTA từ 1-1-1996, là thành viên sáng lập của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) từ tháng 11-1998 và gia nhập WTO năm 2006. Việc tham gia vào các tổ chức này đòi hỏi Việt Nam phải cam kết thực hiện các quy định về chính sách thương mại nói chung và chính sách thương mại đối với hàng nông sản nói riêng mà những tổ chức này đặt ra.

Tham gia AFTA, Việt Nam và các nước thành viên cam kết thực hiện CEPT. Theo đó, mức thuế quan chung của các loại hàng hóa Việt Nam sẽ được cắt giảm còn 0% - 5% trong vòng 13 năm, từ 1-1-1993 đến 1-1-2006. Để thực hiện CEPT, các nước thành viên phải thực hiện phân loại hàng hóa theo bên danh mục sau: i) Danh mục giảm thuế nhập khẩu ngay (IL); ii) Danh mục loại trừ tạm thời (TEL); iii) Danh mục hàng nhạy cảm (SL); iv) Danh mục loại trừ hoàn toàn (GEL).

Tham gia WTO, Việt Nam phải tuân thủ các quy định về thương mại hàng nông sản của WTO.

Hiệp định Nông nghiệp của WTO đưa ra các quy định về bốn vấn đề chủ yếu bao gồm: tiếp cận thị trường, trợ cấp xuất khẩu, hỗ trợ sản xuất trong nước, các tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn. Các quy định được áp dụng đối với các nước không giống nhau. Các nước thành viên kém phát triển được ưu đãi đặc biệt thông qua lịch trình thực hiện giảm thuế quan và trợ cấp kéo dài. Còn đối với các nước phát triển và ĐPT, Hiệp định Nông nghiệp có quy định riêng.

Về tiếp cận thị trường, nói chung, các nước phải thực hiện thuế quan hóa tương đương các biện pháp hạn ngạch và phi thuế quan, cắt giảm thuế theo quy định rất cụ thể trong Hiệp định cho từng nhóm nước. Hiệp định cũng quy định hai ngoại lệ đối với quá trình thuế hóa, đó là: i) Trong những hoàn cảnh nhất định, các nước được sử dụng quyền tự vệ; ii) Các nước được hưởng các ưu đãi đặc biệt trong một số mặt hàng nông sản nhất định

Về hỗ trợ sản xuất trong nước và trợ cấp xuất khẩu, Hiệp định Nông nghiệp phân loại các hỗ trợ trong nước đối với nông nghiệp thành những nhóm khác nhau căn cứ trên mức độ ảnh hưởng của các biện pháp này đối với thương mại trong nông nghiệp, bao gồm:

- Các biện pháp "hộp xanh" (green box) ảnh hưởng tới thương mại ít nhất nên được chấp nhận. Đó là các biện pháp cứu trợ khi có thiên tai, kiểm soát dịch bệnh, cơ sở hạ tầng, bảo vệ môi trường và an toàn lương thực.

- Các biện pháp "hộp xanh lam" (blue box) như các thanh toán trực tiếp cho người sản xuất trong các chương trình hạn chế sản xuất đặc biệt của các nước EU (chương trình bồi thường cho nông dân) và Hoa Kỳ (chương trình thanh toán chênh lệch), không cam kết cắt giảm.

- Các biện pháp trong "hộp vàng" (amber box) gồm trợ giá; các thanh toán trực tiếp không phải là ngoại lệ; những biện pháp có ảnh hưởng tới thương mại trong nông nghiệp và phải cắt giảm.

Đối với các hỗ trợ hộp vàng, Hiệp định quy định rõ mức độ cắt giảm, thời gian cắt giảm, giới hạn duy trì hỗ trợ... cho các nước phát triển và các nước ĐPT. Các nước ĐPT được sử dụng các trợ cấp đầu tư vào đầu vào khác để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp.

Như vậy, những quy định của WTO về thương mại hàng nông sản đặt cơ sở cho việc xác định chính sách XKNLS của Việt Nam cả trước và sau khi đã trở thành thành viên chính thức của WTO. Những vấn đề cắt giảm thuế nhập khẩu hàng nông sản, trợ cấp sản xuất và XKNLS của Việt Nam không là vấn đề lớn, song vấn đề bảo đảm tiêu chuẩn hóa các sản phẩm nông sản của Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế đang là vấn đề đặt ra cho chính sách XKNLS nước nhà.

Ngoài việc phải quan tâm tới các quy định của CEPT, WTO, Việt Nam cũng phải chú ý tới các yêu cầu của APEC trong xây dựng chính sách XKNLS của mình. Các yêu cầu này, phần lớn phù hợp với các quy định của WTO. Mức cam kết tự do hóa ở đây thấp hơn AFTA, nhưng về nguyên tắc cao hơn WTO, thời hạn bắt đầu thực hiện cam kết từ 2010 và kết thúc 2020 (đối với các nước ĐPT). Để có thể hội nhập thành công vào khu vực kinh tế này, ngay từ bây giờ, Việt Nam phải bảo đảm có bước đi vững chắc, có chính sách phù hợp, trong đó, chính sách XKNLS là một chính sách cần phải quan tâm.

#### **2.2.2.5. Một số yếu tố khác**

##### *- Tình hình kinh tế thế giới*

Cũng như những hoạt động thương mại khác, xuất khẩu hàng hóa nói chung và xuất khẩu nông, lâm sản nói riêng chịu tác động khá lớn của tình hình kinh tế thế giới. Trong giai đoạn hiện nay kinh tế thế giới nhìn chung tương đối khó khăn, ảnh hưởng đến mọi hoạt động kinh tế, mọi quốc gia. Chính vì vậy, hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản cũng gặp khá nhiều khó khăn. Trước tình hình như vậy, đòi hỏi Nhà nước cần có những chính sách nhằm duy trì ổn định hoạt động xuất khẩu, tránh những tác động tiêu cực ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu. Tuy nhiên, theo dự đoán của nhiều chuyên gia, nền kinh tế thế giới sẽ phục hồi trong thời gian sắp tới, vì vậy, Nhà nước cần có những sự chuẩn bị cần thiết để có thể tận dụng được những cơ hội có được khi kinh tế thế giới phục hồi.

##### *- Tỷ giá hối đoái*

Tỷ giá hối đoái là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến hoạt động xuất khẩu nông, lâm cũng như chính sách của Nhà nước về hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản. Tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của hoạt động xuất

khẩu, lợi nhuận từ hoạt động xuất khẩu mang lại. Khi các yếu tố khác không đổi, đồng nội tệ tăng giá làm cho hàng hóa trong nước trở nên đắt tương đối so với hàng hóa nước ngoài, điều này sẽ khuyến khích nhập khẩu hàng hóa nước ngoài và hạn chế xuất khẩu hàng hóa trong nước đưa đến xuất khẩu ròng giảm. Ngược lại, đồng nội tệ giảm giá sẽ tạo điều kiện cho xuất khẩu và hạn chế nhập khẩu. Tùy từng thời điểm mà tỉ giá có thể có lợi hoặc không có lợi cho hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản.

Trong phạm vi cho phép, Nhà nước có những biện pháp điều chỉnh tỉ giá sao cho có lợi nhất cho hoạt động xuất khẩu mà vẫn đảm bảo an toàn cho hệ thống tài chính – tiền tệ. Nhưng quyết định đó có thể ảnh hưởng đến rất nhiều lĩnh vực khác. Trên thực tế, căn cứ vào tỉ giá, Nhà nước có các biện pháp điều chỉnh hoạt động xuất khẩu trong ngắn hạn đảm bảo lợi ích

*- Giá cả một số hàng hóa có liên quan*

Các sản phẩm nông, lâm sản cũng như những sản phẩm xuất khẩu khác, có chi phí xuất khẩu khá lớn, do phải chịu nhiều loại thuế, chi phí vận chuyển, lưu kho... Những chi phí này được quyết định bởi giá của các loại hàng hóa khác như : xăng dầu, chi phí nhân công, chi phí mặt bằng, nhà xưởng. Bên cạnh đó, giá cả sản phẩm nông lâm sản được quyết định bởi giá nguyên liệu, chi phí sản xuất... Có thể thấy, có rất nhiều những hàng hóa liên quan tác động đến hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản. Nhà nước cần nghiên cứu, đánh giá những tác động của các loại hàng hóa có liên quan, từ đó theo dõi sự biến động về giá của những loại hàng hóa này để có biện pháp thay đổi phù hợp.

*- Đặc điểm sinh học của các loại nông, lâm sản*

Chu kỳ sinh trưởng của các loại cây, con, tính thời vụ của sản xuất NLSXK cũng là một yếu tố cần được chú ý khi ra quyết định chính sách XKNLS quốc gia. Có nhiều trường hợp, cầu thế giới về một loại nông sản tăng nhưng cung không đáp ứng được vì chưa tới vụ thu hoạch. Nhưng có khi vào vụ thu hoạch, cung nông sản thế giới tăng nhưng cầu giảm. Mặt khác, nhờ áp dụng kỹ thuật mới, năng suất nông sản tăng, theo đó, cung nông sản có thể tăng nhanh hơn trong khi cầu không đổi hoặc giảm tương đối... Do vậy, khi hoạch định chính sách xuất khẩu nông lâm sản cần phải tính tới độ trễ của chính sách do tính chu kỳ sinh trưởng của nông sản quy định. Điều đó giúp nước XKNLS tránh được bất lợi về giá, hoặc hưởng giá tối ưu do mất cân đối cung cầu nông sản trên thị trường thế giới không phù hợp với chu kỳ sinh trưởng của nông sản. Hơn nữa, đặc tính của hàng nông sản là hàng tươi sống, mau hỏng, khó bảo quản. Do vậy, những quyết định chính sách không kịp thời, chính xác có thể gây tổn thất lớn cho sản xuất nông sản xuất khẩu, cho nông dân. Như vậy, có thể thấy rằng, đặc tính của sản xuất nông sản đòi hỏi phải

ban hành chính sách nhanh chóng, kịp thời, đồng thời chính sách được ban hành phải bảo đảm có sự phù hợp, tương thích giữa quy luật cung cầu nông sản thế giới và chu kỳ sinh trưởng của nông sản, nhằm đạt được lợi Ích xuất khẩu nông lâm sản lớn nhất.

*- Xung đột chính trị, chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh*

Bên cạnh những yếu tố vừa nêu trên những biến động về chính trị, thiên tai, dịch bệnh... cũng tác động đến hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản. Những sự kiện này thường xảy ra bất ngờ, nằm ngoài mong muốn, kế hoạch của Nhà nước, nhưng những tác động của nó thì rất lớn. Trước hết, khi những sự kiện này xảy ra trong nước, Nhà nước cần chủ động hạn chế xuất khẩu, đảm bảo an ninh lương thực trong nước, đáp ứng đầy đủ nhu cầu trong nước. Trong trường hợp, xảy ra đối với những thị trường xuất khẩu, những biến động này ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu trên thị trường, trong đó những sản phẩm nông sản có sự thay đổi mạnh mẽ nhất. Khi lượng cầu trên thị trường có sự thay đổi đột ngột, Nhà nước cần điều chỉnh chính sách xuất khẩu sao cho vừa đáp ứng đủ nhu cầu vừa đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Còn khi những sự kiện này xảy ra tại những nước là đối thủ cạnh tranh trực tiếp trong hoạt động xuất khẩu, Nhà nước cần có các hoạt động thúc đẩy xuất khẩu, vừa đảm bảo cung cấp cho thị trường và tối đa hóa lợi nhuận.

Trong thực tế, hiện nay tình hình kinh tế, chính trị của mỗi nước không chỉ ảnh hưởng đến nước đó mà còn ảnh hưởng đến rất nhiều nước khác nhau. Vì vậy, các nước xuất khẩu hiện nay phải liên liên tục đối mặt với những biến động. Đối với mỗi sự việc, Nhà nước cần có các biện pháp ngăn hạn, nhằm khắc phục khó khăn, tận dụng những cơ hội, thời cơ có được.

Tóm lại, việc xây dựng và thực hiện chính sách xuất khẩu nông lâm sản có nhiều căn cứ lý thuyết và thực tiễn rất phong phú. Để có một chính sách xuất khẩu nông lâm sản khả thi, hiệu quả, điều quan trọng và cần thiết là phải vận dụng, kết hợp tốt các căn cứ đó trong xây dựng chính sách, nhằm mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế quốc gia.

## 2.3. KINH NGHIỆM XÂY DỰNG VÀ THỰC THI CHÍNH SÁCH XUẤT KHẨU NÔNG LÂM SẢN CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

### 2.3.1. Kinh nghiệm nước ngoài

#### 2.3.1.1. Chính sách thúc đẩy XKNSL của bang California, Hoa Kỳ

California là một trong những bang có lượng xuất khẩu nông sản lớn nhất Hoa Kỳ. Theo thống kê của Cục thực phẩm và nông nghiệp California, năm 2014 xuất khẩu nông sản đạt mức 21 tỷ USD [67, tr.1]. Các thị trường xuất khẩu nông sản hàng đầu của California được thể hiện trong bảng 2.1.

Mặc dù hàng nông sản của California có sức cạnh tranh rất lớn về chất lượng cũng như giá cả nhưng California vẫn áp dụng nhiều chính sách hỗ trợ cho ngành nông nghiệp nhằm duy trì sản lượng trước sự cạnh tranh của hàng nông sản trên thị trường quốc tế và trong nước đặc biệt là từ EU. Mặc dù có nhiều chính sách trợ cấp nông sản như vậy nhưng California vẫn đảm bảo không vi phạm các quy định của WTO. Hầu hết các khoản trợ cấp của California được thực hiện chủ yếu dưới hình thức hỗ trợ trong khu vực. Hơn nữa, California cung cấp các khoản tiền trợ cấp trực tiếp cho nông dân và tùy thuộc vào diện tích canh tác của từng hộ dân. Những khoản trợ cấp của California cho nông dân không nhằm mục đích tăng sản lượng do đó không làm tăng cung và kéo giá trị hàng hóa giảm xuống. Do vậy, mặc dù bang California đã có nhiều chính sách trợ cấp xuất khẩu cho nông dân nhưng không làm ảnh hưởng đến tình hình giá cả nông sản trên thế giới.

**Bảng 2.1: Các thị trường xuất khẩu nông sản hàng đầu của California**

Hạng	Quốc gia	Giá trị xuất khẩu (triệu)	Mặt hàng chính
1	EU	3.707	Hạnh nhân, rượu, quả hồ trăn
2	Canada	3.491	Rượu, dâu tây, rau diếp
3	Trung Quốc/Hồng Kông	2.038	Hạnh nhân, quả hồ trăn, óc chó
4	Nhật Bản	1.587	Gạo, hạnh nhân, thịt bò
5	Mexico	1.236	Sữa và các sản phẩm từ sữa, nho, Cà chua đã chế biến
6	Hàn Quốc	803	Cam và các sản phẩm, hạnh nhân, quả óc chó
7	Ấn Độ	503	Hạnh nhân, bông, hạt hồ trăn
8	Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	468	Hạnh nhân, quả óc chó
9	Thổ Nhĩ Kỳ	419	Hạnh nhân, quả óc chó, cotton
10	Việt Nam	366	Sữa và các sản phẩm từ sữa, quả óc chó, hạnh nhân

*Nguồn: [67, tr.7]*

Một số biện pháp bang California đã sử dụng nhằm tăng khả năng cạnh tranh của nông sản Hoa Kỳ trên thị trường thế giới có thể kể đến như:

- *Trợ giá*

Chính quyền bang California dưới sự chỉ đạo chung của Hoa Kỳ thực hiện biện pháp này nhằm ngăn chặn giá nông sản trượt giá với biên độ lớn nhằm ổn định thu nhập của các chủ trang trại. Đạo Luật nông nghiệp của Hoa Kỳ quy định:

- + Tăng trợ cấp cho những người trồng ngũ cốc và bông;
- + Trợ cấp trở lại cho những nhà sản xuất lông cừu và mật ong...

+ Trợ cấp cho những nhà sản xuất sữa bò và lạc.

- *Mở rộng thị trường xuất khẩu*

Bên cạnh đó, bang California cũng thực hiện Chương trình tăng cường xuất khẩu (EEP – Export Enhancement Program). Theo chương trình này, các nhà sản xuất nông nghiệp thuộc bang California cũng như trên toàn Hoa Kỳ sẽ nhận được trợ cấp bằng tiền mặt. Mục đích của chương trình này là nhằm giúp các sản phẩm nông nghiệp của Hoa Kỳ có thể cạnh tranh với sản phẩm nông nghiệp từ các nước có trợ cấp khác, đặc biệt từ EU, trên các thị trường mục tiêu. Hàng hóa được trợ cấp theo sáng kiến của EEP là lúa mì, bột mì, bột làm bánh, gạo, gia cầm đông lạnh, thịt heo đông lạnh, lúa mạch, mạch nha, trứng và dầu thực vật. Tiêu biểu của chương trình này là chương trình trợ cấp xuất khẩu gạo bằng cách viện trợ lương thực và đảm bảo tín dụng.

Ngoài ra, bang California còn tham gia chương trình bảo lãnh xuất khẩu (EGP - Export Guarantee Program) giúp nâng cao sức cạnh tranh của nông sản xuất khẩu từ California với thị trường trong nước cũng như quốc tế. Chương trình này cung cấp khoản vay đảm bảo của Chính phủ đối với các khoản vay ngân hàng tư nhân với lãi suất bằng lãi suất thị trường. Theo EGP, nông dân bang California có thể trả các khoản vay với mức lãi suất giữa mức lãi suất thị trường và lãi suất cho vay ban đầu. Mức chênh lệch này sẽ do Chính phủ chi trả, nông dân bang California có thể nhận khoản trợ cấp này thông qua hệ thống thanh toán ngân hàng.

### **2.3.1.2. Chính sách thúc đẩy XKNSL của tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc**

Trung Quốc không những là nước láng giềng với Việt Nam mà còn nước có phong tục, tập quán, đời sống cũng như hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp tương đồng với nước ta. Tỉnh Quảng Đông là một trong những tỉnh có thị phần xuất khẩu nông sản lớn của Trung Quốc, vì vậy nghiên cứu chính sách xuất khẩu nông sản của tỉnh Quảng Đông sẽ phần nào đem lại những bài học kinh nghiệm quý báu cho những địa phương tại Việt Nam.

Chính sách mạnh dạn của Trung Quốc nói chung cũng như tỉnh Quảng Đông nói riêng trong việc cải cách thị trường, hỗ trợ xuất khẩu nông, lâm sản bắt đầu từ năm 1978 đã đưa Trung Quốc vào trở thành một trong những nước đứng đầu thế giới về xuất khẩu nông, lâm sản.

- *Về trợ cấp xuất khẩu*

Trước khi gia nhập WTO, tỉnh Quảng Đông áp dụng trợ giá xuất khẩu nhằm đưa ra giá cạnh tranh xuất khẩu nông sản. Tuy nhiên sau khi gia nhập WTO, tỉnh báo cáo đã cắt bỏ trợ cấp giá trực tiếp cho xuất khẩu đúng như cam kết khi trở thành thành viên của WTO. Việc trợ giá trực tiếp được thay thế bằng các phương pháp khác để đạt mục tiêu xuất khẩu nông, lâm sản. Điển hình như thay thế trợ giá

xuất khẩu bằng phương pháp trợ cấp các chi phí ở cảng, dỡ bỏ thuế VAT cho xuất khẩu ngô. Áp dụng phương pháp miễn thuế và thay đổi mức thuế cho từng trường hợp như một chính sách khuyến khích xuất khẩu và sản xuất một số sản phẩm nhất định. Cơ chế đánh thuế VAT cũng không khuyến khích nhập khẩu bằng cách làm cho các sản phẩm nhập khẩu có giá cao hơn các sản phẩm nội địa. Chính sách trả lại VAT đã chi cho các nhà xuất khẩu lương thực có thể thích hợp với các luật lệ của WTO nếu số tiền trả lại không lớn hơn số thuế phải đóng.

*- Về hỗ trợ trong nước*

Trước khi gia nhập WTO, chính sách nông nghiệp của tỉnh Quảng Đông coi trọng việc sản xuất và lưu thông những mặt hàng có khối lượng lớn như bông và lương thực. Vì vậy, tỉnh Quảng Đông sử dụng chính sách trợ giá – là biện pháp chủ yếu thực hiện mục tiêu này. Trợ cấp về giá đối với các hàng hóa nông nghiệp thiết yếu bao gồm trợ cấp phân bón, thuốc trừ sâu, điện, phim ariplast và các hàng hóa nông nghiệp thiết yếu khác. Mục đích của những khoản trợ cấp này là nhằm duy trì mức giá ổn định thấp của các hàng hóa nông nghiệp thiết yếu và làm giảm chi phí sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, chính sách này rất tốn kém và không hiệu quả. Sự giảm giá mạnh trên thị trường Trung Quốc trong khoảng giữa 1997 – 2001 làm cho Trung Quốc bị dư lương thực mà không thể bán ra nếu không chịu lỗ đáng kể. Khối lượng lớn lương thực đã phải xuất đi với giá trợ cấp, coi như lỗ hoặc để cho xuống cấp. Hơn nữa, chính sách này không phù hợp với quy định của WTO. Theo Hiệp định AOA, các quốc gia thành viên phải giảm các chính sách có tác động làm biến dạng thương mại hoặc có ảnh hưởng lên sản xuất nhưng cùng lúc bảo vệ cho lợi ích của người nông dân [70, tr.4].

Các khoản trợ cấp cho khai khẩn đất hoang, khuyến khích và bảo vệ đất chăn thả gia súc, trồng rừng, kiểm soát sâu bọ và bệnh tật rừng và trợ cấp lương thực cho tái tạo đất trồng trọt để trồng rừng giúp bảo vệ môi trường ở các nước tiên tiến. Đây là những chính sách thuộc “hộp xanh” của Hiệp định AOA.

Sau khi gia nhập WTO, tỉnh Quảng Đông áp dụng xóa bỏ các trợ cấp không phù hợp với WTO và gia tăng các biện pháp trợ cấp thuộc “hộp xanh” – là những biện pháp trợ cấp được WTO cho phép chặn hạn như xóa bỏ chính sách trợ giá lương thực và thay vào đó là các chính sách trợ giá đầu vào cho việc mua hạt giống, máy móc, tăng chi cho việc phát triển hạ tầng cơ sở tại địa phương. Một số chính sách hỗ trợ trong nước theo quy định của WTO mà tỉnh đã sử dụng như sau:

*- Trợ giá cho đầu vào của nông nghiệp*

Theo chính sách mới của Quảng Đông, các loại hạt giống và máy móc nông nghiệp cũng được trợ giá. Tiền trợ giá cho hạt giống chất lượng cao, gồm hạt giống đậu nành, ngô chuyên dụng, lúa mỳ, các loại hạt giống chất lượng cao được trả cho



các công ty cung cấp giống, để họ có thể trợ giá cho nông dân. Tỉnh Quảng Đông cũng trợ cấp cho một số hộ nông dân mua máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp ở những vùng trọng điểm sản xuất lương thực của tỉnh. Tiền trợ cấp có thể giảm tới 30% thiết bị. Người nông dân được trả theo giá trợ cấp, người bán được nhận phần chênh lệch còn lại ở đại diện phụ trách cơ giới hóa của chính quyền tỉnh.

*- Đầu tư vào hạ tầng nông nghiệp*

Tỉnh Quảng Đông cũng thực hiện nhiều hoạt động nhằm cải thiện đời sống cho người dân bằng cách tăng đầu tư cho các hạng mục liên quan đến nông nghiệp. Dự án dồn tiền vào các hạng mục như hệ thống thủy lợi, đường nông thôn, các cơ sở sản xuất nông nghiệp, các nhà máy thủy điện, các cơ sở chăn nuôi, các trung tâm nghiên cứu khoa học, các khu chế xuất công nghệ cao dùng cho nông nghiệp. Theo Nhân Dân Nhật báo, thông qua các nghiên cứu cho thấy loại đầu tư này là quan trọng nhất cho sự tăng sản lượng nông nghiệp Trung Quốc.

*- Hỗ trợ tín dụng cho nông dân*

Tỉnh Quảng Đông cũng giúp đỡ nông dân đầu tư bằng cách tặng tiền cho các hộ nông dân vay qua hệ thống hợp tác xã nông thôn rộng lớn. Nông dân dùng các khoản vay này để mua nguyên liệu hoặc đầu tư ngắn hạn như đào giếng nước, mua đồ sinh hoạt, phân bón, máy móc nông nghiệp... Các ngân hàng nhà nước còn có chính sách cho các công ty chế biến sản phẩm nông nghiệp địa phương có đủ điều kiện về quy mô, công nghệ, trang thiết bị vay vốn. Các công ty này được ưu đãi về điều kiện vay vốn với kỳ vọng rằng họ sẽ tạo điều kiện thuận lợi để tiêu thụ sản phẩm của nông dân. Ngân hàng phát triển nông nghiệp Trung Quốc, cũng tạo điều kiện hỗ trợ tốt nhất cho các doanh nghiệp này với ưu đãi về lãi suất cho vay...[84]

Nhìn chung, tỉnh Quảng Đông đã gặt hái được nhiều thành công trong hoạt động xuất khẩu nông sản nhờ những chính sách linh hoạt, thích hợp với từng thời kỳ phát triển của nền kinh tế. Những kinh nghiệm trên rất có giá trị đối với hoạch định chính sách thúc xuất khẩu nông, lâm sản của các địa phương tại Việt Nam.

**2.3.1.3. Chính sách xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Khon Kaen, Thái Lan**

Tỉnh Khon Kaen là một trong những tỉnh xuất khẩu nông sản hàng đầu của Thái Lan đặc biệt là xuất khẩu gạo. Năm 2013, Khon Kaen có 4131 nhà máy với hơn 66.000 lao động. Trong năm 2010, thống kê chính thức cho thấy tổng sản phẩm của Tỉnh Khon Kaen từ nông nghiệp đạt hơn 20.000 triệu Bath. [78, tr.2]

Năm 2011, tổng sản phẩm của Tỉnh đạt 5.176 triệu USD, tăng 3% so với năm 2010 và đứng thứ 12 tại Thái Lan. Trong đó, 11% từ lĩnh vực nông nghiệp. Tổng sản phẩm bình quân đầu người là 2.729 USD đứng thứ 38 tại Thái Lan. [75, tr.5]

Trong những năm gần đây, chính phủ Thái Lan cũng như chính quyền tỉnh Khon Kaen đã thể hiện quyết tâm trong việc hợp tác chặt chẽ với khu vực tư nhân

để thực hiện các chiến lược phát triển, tạo điều kiện cho hàng hóa từ Thái Lan xâm nhập vào những thị trường mới.

Tỉnh Khon Kaen cũng đưa ra những biện pháp xúc tiến xuất khẩu hữu hiệu, điển hình như kế hoạch cắt giảm và miễn thuế đối với nguyên liệu thô, miễn thuế nhập khẩu, kinh doanh đối với các thiết bị máy móc phục vụ XKNS. Đồng thời tham gia các hiệp hội xuất khẩu để nghiên cứu các biện pháp sản xuất mặt hàng xuất khẩu, lựa chọn giống, tăng năng suất, chất lượng, giảm giá vận tải nhằm tăng khả năng cạnh tranh về giá trên thị trường quốc tế. Ngoài ra, tỉnh Khon Kaen cũng có kế hoạch nghiên cứu thị trường XKNS chi tiết, bài bản cung nhằm cung cấp những thông tin cần thiết về giá cả, đối thủ cạnh tranh, dự báo cung cầu, xu hướng của thị trường... để các doanh nghiệp có các kế hoạch kinh doanh phù hợp.

Tỉnh Khon Kaen khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân vào hoạt động sản xuất hàng hóa phục vụ xuất khẩu, đa dạng hóa cơ cấu xuất khẩu cả về chủng loại, chất lượng lẫn thị trường. Mạnh dạn thực hiện triển khai chính sách tự do hóa thương mại, chính sách tỷ giá linh hoạt và hệ thống thanh toán tự do. Những chính sách này đã đóng góp đáng kể vào việc phát triển thị trường nước ngoài.

Đồng thời tỉnh cũng có những chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp, kết hợp với chính sách kinh tế hợp lý để thực hiện những mục tiêu xuất khẩu. Tỉnh Khon Kaen đã chuyển từ chính sách công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu sang đến ưu tiên xuất khẩu dựa trên nguồn vốn, công nghệ nước ngoài và nguồn nhân lực rẻ tại địa phương, lấy xuất khẩu và dịch vụ làm đầu tàu cho tăng trưởng kinh tế tỉnh, chuyển từ chính sách khai hoang, phục hóa đến đa dạng hóa cây trồng vật nuôi phục vụ xuất khẩu. Tỉnh cũng hỗ trợ về tín dụng, cung cấp thông tin, kết nối thị trường trong nước với thị trường quốc tế, ban hành một số chính sách khuyến khích sản xuất hàng hóa theo chiến lược xuất khẩu và gạo là mặt hàng chiến lược, có giá trị xuất khẩu cao, thu hút khách hàng nước ngoài.

#### ***2.3.1.4. Chính sách xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Savannakhet, Lào***

Savannakhet là địa phương có những đặc điểm tự nhiên tương tự miền Trung nước ta. Mặc dù có những khó khăn nhất định về tự nhiên cũng cơ sở hạ tầng nhưng những năm qua XKNS của tỉnh Savannakhet cũng đã đạt được những kết quả rất đáng ghi nhận. Trong năm tài chính 2009-2010, ngành nông nghiệp và lâm nghiệp đóng góp 49,04% tổng giá trị sản xuất của tỉnh và tạo việc làm cho 371.800 người. Tới tháng 09/2014 có khoảng 285 nhà máy sản xuất gỗ với số vốn đầu tư hơn 2000 tỷ kip và sử dụng 14.000 lao động địa phương. Tỉnh còn có khu công nghiệp, khu kinh tế Savan-Seno đặc biệt đó là một khu vực tăng trưởng đầu tư cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tuy nhiên bên cạnh đó, công tác thúc đẩy XKNS của tỉnh Savannakhet cũng đã gặp phải một số khó khăn [72, tr.23].

*- Về đường lối chính sách*

Tỉnh Savannakhet tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản, đầu tư xúc tiến xuất khẩu. Đặc biệt cải cách hệ thống hành chính, thực hiện hoạt động xuất khẩu theo cơ chế một cửa. Đẩy mạnh đầu tư phát triển ngành nông nghiệp phục vụ xuất khẩu. Tuy nhiên do chưa có kinh nghiệm triển khai trước đó, đồng thời các quy định chính sách còn chưa hoàn thiện nên hoạt động triển khai còn nhiều vướng mắc, bỏ ngõ và sai sót và hiệu quả vẫn chưa cao.

*- Về mặt hàng chiến lược*

Tỉnh Savannakhet có một số mặt hàng chủ đạo như:

Gỗ và các sản phẩm từ gỗ: đây là một trong những mặt hàng truyền thống mà Savannakhet có thể mạnh và trữ lượng lớn, kim ngạch xuất khẩu rất cao.

Cà phê: là một trong những mặt hàng xuất khẩu chiến lược của tỉnh Savannakhet, kim ngạch xuất khẩu cà phê chiếm giá trị lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng năm của tỉnh. Việc trồng cà phê đã tạo công ăn việc làm cho nhiều người dân trên cả nước. Đây là mặt hàng có thương hiệu tốt trên thị trường thế giới. Trong những năm gần đây, diện tích trồng cà phê của tỉnh Savannakhet ngày càng mở rộng, đồng thời kinh nghiệm trồng cà phê của cũng được nâng cao, tạo cơ hội lớn giúp Savannakhet trở thành một trong những tỉnh xuất khẩu cà phê hàng đầu trong nước cũng như thế giới.

Lúa gạo, ngô: xuất phát là một nước nông nghiệp có truyền thống canh tác lúa gạo và ngô, Savannakhet là một trong những tỉnh xuất khẩu gạo lớn trong cả nước. Đặc biệt là ngô, chiếm tỉ trọng lớn trong số các sản phẩm nông sản, chủ yếu cung cấp cho các nhà máy ở Thái lan để sản xuất bánh, thức ăn gia súc...

### **2.3.2. Kinh nghiệm trong nước**

#### **2.3.2.1. Chính sách xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Lâm Đồng**

Lâm Đồng là một trong những vùng chuyên canh rau và hoa lớn nhất của cả nước. Theo số liệu của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Lâm Đồng, năm 2014, xuất khẩu rau, củ, quả của Lâm Đồng đạt khoảng 300.000 tấn, chiếm 15% sản lượng sản xuất toàn tỉnh (trên 2 triệu tấn), còn lại chủ yếu là tiêu thụ nội địa. Những thị trường chủ đạo tiêu thụ rau, củ, quả của Lâm Đồng trong năm qua là Hàn Quốc, Thái Lan, Trung Quốc, Nhật Bản và một số sản phẩm đông lạnh thì xuất khẩu sang Châu Âu. Về xuất khẩu, các sản phẩm rau, hoa của Lâm Đồng đã có mặt tại nhiều thị trường nước ngoài, trong đó có cả những thị trường khó tính như Nhật Bản, Australia, Đài Loan, Singapore, Thái Lan, Malaysia, EU, Mỹ, Trung Quốc, Campuchia. Trong tầm nhìn tương lai, Đà Lạt được xác định là vùng trọng điểm phát triển nông nghiệp sạch, công nghệ cao với hai nhóm sản phẩm chủ lực là rau và hoa, với đẳng cấp phát triển cao tầm cỡ thế giới.

Một số biện pháp được áp dụng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của mặt hàng nông sản tỉnh Lâm Đồng, có thể kể đến như sau:

- UBND tỉnh Lâm Đồng tổ chức hội nghị gặp gỡ với doanh nghiệp và người nông dân sản xuất nông sản nhằm tìm ra hướng tháo gỡ những khó khăn về thông tin, thủ tục hành chính, hỗ trợ về kỹ thuật v.v..

- Tỉnh Lâm Đồng lên kế hoạch xúc tiến xuất khẩu các sản phẩm rau, củ, quả thông qua các hoạt động như tổ chức Festival hoa nhằm quảng bá thương hiệu hoa Đà Lạt tới thị trường trong và ngoài nước. Tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành chuẩn bị các kế hoạch trong đó có hoạt động gắn với Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia năm 2015.

- Lâm Đồng tiếp tục tăng cường hợp tác với các đối tác lớn của nước ngoài, bao gồm việc hợp tác với chính phủ Nhật Bản thông qua tổ chức JICA để áp dụng những biện pháp cải thiện toàn diện từ khâu sản xuất đến thu hoạch, tiêu thụ và gắn với các hoạt động về du lịch, nhằm quảng bá Lâm Đồng là điểm đến du lịch canh nông nổi tiếng, tạo thuận lợi cho việc tiêu thụ mạnh sản phẩm rau, quả sạch không chỉ cho thị trường trong nước mà còn là nơi cung cấp cho cả thị trường Châu Á trong thời gian tới

- Đầu tư các nhà máy, dây chuyền công nghệ mới sản xuất nông, lâm sản đạt hiệu quả cao hơn.

- Các ngành, các cấp tạo điều kiện thuận lợi nhằm hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp trong sản xuất, xuất khẩu hàng hóa; các thủ tục xuất khẩu hàng hóa ngày càng nhanh chóng, thuận tiện hơn; lãi suất ngân hàng được điều chỉnh giảm giúp doanh nghiệp tiếp cận gần hơn với các nguồn vốn vay phục vụ sản xuất.

- Các doanh nghiệp đã quan tâm đầu tư máy móc, thiết bị, áp dụng quy trình công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu, chú trọng công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, mẫu mã hàng hóa, xây dựng, quảng bá thương hiệu và mở rộng quan hệ ngoại thương.

### ***2.3.2.2. Chính sách xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Nghệ An***

Nông lâm sản luôn là nhóm hàng chiếm vị trí quan trọng, mang lại kim ngạch lớn của tỉnh Nghệ An. Theo Sở Công Thương tỉnh Nghệ An, 5 tháng đầu năm 2015, tổng kim ngạch hàng hóa trên địa bàn tỉnh đạt 122,6 triệu USD, trong đó, nông sản đạt khoảng 53 triệu USD, giảm 5% so với cùng kỳ (5 tháng đầu năm 2014, kim ngạch nông sản đạt 56,2 triệu USD). Cụ thể: dăm gỗ đạt trên 38 triệu USD, sắn và tinh bột sắn xuất khẩu 43,8 tấn, đạt kim ngạch 8,1 triệu USD; nước hoa quả trên 1.000 tấn, kim ngạch xấp xỉ 3,8 triệu USD; chè 877 tấn, kim ngạch gần 2 triệu USD.

Một số biện pháp được áp dụng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của mặt hàng nông lâm sản tỉnh Nghệ An, có thể kể đến như sau:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An quan tâm chú trọng tổ chức thực hiện có hiệu quả quy hoạch, dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt như quy hoạch các loại cây con chủ yếu gắn với chế biến như chè, cao su, mía, nguyên liệu giấy... bằng việc thu hút các nhà đầu tư lập dự án. Đặc biệt ưu tiên cho các dự án lớn như chăn nuôi bò sữa, dự án phát triển cây cao su v.v..

- Ưu tiên đầu tư phát triển ứng dụng công nghệ cao đối với một số cây trồng vật nuôi, tạo đột phá về năng suất, chất lượng như các giống lúa, ngô, lạc, cao su, cam, dứa... Sản xuất một số loại sản phẩm theo tiêu chuẩn Việt GAP.. để đảm bảo nguyên liệu chất lượng cao phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu.

- Tổ chức nghiên cứu, phân tích và dự báo thị trường về nhu cầu, xu hướng tiêu thụ sản phẩm, biến động thị trường để xây dựng chiến lược phát triển thị trường cho các sản phẩm chủ lực, đặc biệt là các nhóm sản phẩm mới, có tiềm năng giá trị gia tăng cao.

- Đa dạng hóa thị trường, nhất là phát triển các thị trường tiềm năng, thị trường “ngách” nhằm tạo điều kiện tiêu thụ các sản phẩm có GTGT cao, trong đó quan tâm đặc biệt đến thị trường Trung Quốc có ảnh hưởng lớn trong việc xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của cả nước nói chung và Nghệ An nói riêng.

- Tổ chức quảng bá sản phẩm theo hướng tăng dần tỷ trọng các mặt hàng nông, lâm, thủy sản chế biến ở phân khúc GTGT cao sang các thị trường “khó tính” như: Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia,... tổ chức tốt các hoạt động quảng bá hàng nông, lâm, thủy sản Nghệ An đến nhà phân phối lớn, hệ thống siêu thị, người tiêu dùng ngoài nước.

- Hải quan Nghệ An đã tăng cường công tác cải cách hành chính và hiện đại hóa, thực hiện đúng các chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh. Thường xuyên tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp nhằm hỗ trợ và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động XNK, thu hút các doanh nghiệp làm thủ tục Hải quan theo hướng đơn giản, rõ ràng, đúng pháp luật.

### **2.3.3. Một số bài học kinh nghiệm đối với các địa phương của Việt Nam**

- *Chính sách thúc đẩy xuất khẩu phải phù hợp định hướng phát triển kinh tế địa phương và những chính sách chung của Nhà nước*

Chính sách xuất khẩu nông, lâm sản của địa phương phải được xây dựng trên cơ sở những định hướng phát triển kinh tế, định hướng xuất khẩu của Nhà nước. Chính sách xuất khẩu là một phần của chính sách phát triển kinh tế và phục vụ cho những mục tiêu phát triển kinh tế nói chung. Ngoài ra, khi xây dựng và thực thi

chính sách xuất khẩu nông, lâm sản, chính quyền mỗi địa phương cũng cần có sự phối hợp với những chính sách khác như: tiền tệ, đối ngoại, chính trị... để đảm bảo chính sách xuất khẩu đạt hiệu quả cao nhất nhưng đồng thời không ảnh hưởng đến việc thực thi những chính sách khác. Trong quá trình thực thi chính sách xuất khẩu, địa phương cũng cần xây dựng cơ chế phối hợp giữa những cơ quan có nhiệm vụ quản lý, xúc tiến hoạt động xuất khẩu với những cơ quan có liên quan, nhằm hạn chế tối đa những bất cập, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc thực thi chính sách xuất khẩu.

*- Chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản cần thay đổi linh hoạt*

Chính sách xuất khẩu nông, lâm sản là kim chỉ nam cho mọi hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của một quốc gia cũng như các địa phương. Tuy nhiên không có nghĩa nó không thể thay đổi. Thực tế đã chứng minh, chính sách xuất khẩu nông, lâm sản cần phải có sự thay đổi tùy thuộc vào từng điều kiện thực tế. Khi có sự thay đổi về thị trường như giá cả, cung cầu... chính sách xuất khẩu có thể thay đổi, điều tiết cho phù hợp, đây là những thay đổi nhỏ, mang tính ngắn hạn. Nhưng khi có những biến động lớn như có sự thay đổi trong định hướng phát triển kinh tế, định hướng xuất khẩu hay những thay đổi bắt buộc như khi gia nhập WTO, các chính sách liên quan đến xuất khẩu nông, lâm sản cần thay đổi toàn diện để đáp ứng những yêu cầu thực tế.

Trên thực tế, khi có những thay đổi lớn như vậy, chính sách xuất khẩu nông, lâm sản cần được xây dựng lại, các công cụ cần được điều chỉnh. Điển hình như khi một nước gia nhập WTO, với những yêu cầu bắt buộc về chính sách xuất khẩu nông, lâm sản, các địa phương thực hiện chính sách cũng sẽ chịu sự ảnh hưởng từ những yêu cầu đó. Chính quyền địa phương cần điều chỉnh những công cụ của mình sao cho vừa đảm bảo thực hiện được những mục tiêu của chính sách xuất khẩu của quốc gia vừa không vi phạm những quy định của WTO, đó là thách thức lớn đối với mỗi địa phương.

Ngoài ra, kinh nghiệm của các địa phương trên nhiều nước cho thấy, khi thực thi một chính sách xuất khẩu nông, lâm sản nhất định cần xây dựng những kế hoạch chi tiết, quy định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng bộ phận, từng cá nhân, các thủ tục hành chính phải hợp lý. Đồng thời phải triển khai thử nghiệm ở một số địa phương, đối với một số mặt hàng nhất định để đánh giá hiệu quả, rút kinh nghiệm trước khi cho triển khai trên quy mô lớn hơn. Để làm được điều này đòi hỏi sự phối hợp của nhiều cơ quan, bộ phận thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau.

*- Khuyến khích phát triển đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu chiến lược*

Một yếu tố then chốt của đa dạng hóa xuất khẩu là ưu tiên phát triển những mặt hàng chiến lược. Điều này không có gì trái với xu hướng mở rộng diện mặt hàng, trái lại chính trên cơ sở đó mà việc lựa chọn phát triển hàng xuất khẩu chiến lược càng được ưu tiên thực hiện tốt hơn. Vấn đề là lựa chọn và phát triển hàng xuất khẩu chiến lược phải đảm bảo sự đa dạng. Bởi sự đa dạng hàng hóa xuất khẩu chiến lược góp phần khắc phục hiện tượng phát triển lệch lạc và bất lợi trong lĩnh vực xuất khẩu ở những nước đang phát triển như Việt Nam.

Vấn đề đặt ra là cần những mặt hàng chiến lược nào, cần bao nhiêu loại mặt hàng. Kinh nghiệm cho thấy số lượng mặt hàng chiến lược giao động trong khoảng 8 - 12 loại mặt hàng là hợp lý, số lượng mặt hàng chiến lược tuy không nhiều nhưng lớn về số lượng và giá trị xuất khẩu, có ý nghĩa chiến lược quyết định đối với sự thành bại của toàn bộ hoạt động xuất khẩu. Với số lượng như vậy vừa cho phép khưacs phục tình trạng thị trường bất lợi cho các loại mặt hàng, vừa mở ra những khả năng cho phép tập trung phát triển quy mô lớn, có chiều sâu, kịp thời chớp lấy những thời cơ tốt của thị trường thế giới.

Mặc dù mặt hàng xuất khẩu chiến lược có vai trò rất quan trọng trong hoạt động xuất khẩu của mỗi quốc gia cũng như mỗi địa phương, nhưng vị trí của các mặt hàng xuất khẩu có thể thay đổi tùy vào thực tế. Điều quan trọng là địa phương phải biết cách xác định khi nào duy trì hoặc thay đổi vị trí của các mặt hàng chiến lược. Điều này đòi hỏi khả năng và sự nhạy bén của từng địa phương.

*- Cần có sự kết hợp giữa chính quyền địa phương và khu vực tư nhân trong thực thi chính sách xuất khẩu*

Trong mọi hoạt động xây dựng và thực thi chính sách xuất khẩu, chính quyền địa phương luôn có vai trò chủ đạo. Tuy nhiên, để những chính sách xuất khẩu đạt hiệu quả cao nhất cần có sự kết hợp giữa chính quyền địa phương và các doanh nghiệp, các hộ sản xuất tư nhân. Trên thực tế, kinh nghiệm của nhiều địa phương tại các nước trên thế giới đã chứng minh, mọi chính sách thúc đẩy XKNLS của các địa phương đều được xây dựng dựa trên cơ sở thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Chính quyền địa phương không chỉ đóng vai trò định hướng, chỉ đạo, quản lý các doanh nghiệp mà còn có vai trò hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh thông qua những hỗ trợ về chính sách, tài chính, kỹ thuật... Ngược lại, các hộ sản xuất và doanh nghiệp có trách nhiệm tuân thủ mọi quy định của Nhà nước cũng như chính quyền địa phương, phản ánh góp ý những chính sách chưa hợp lý. Chỉ khi có sự kết hợp như vậy giữa chính quyền địa phương và khu vực tư nhân, các chính sách thúc đẩy XKNLS mới đạt hiệu quả cao nhất.

**CHƯƠNG 3**  
**PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH**  
**THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM SẢN CỦA TỈNH HÀ TĨNH**  
**GIAI ĐOẠN 2010-2015**

**3.1. THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM SẢN HÀ TĨNH**

**3.1.1. Tiềm năng xuất khẩu nông, lâm sản tỉnh Hà Tĩnh**

**3.1.1.1. Các điều kiện tự nhiên**

*- Vị trí địa lý*

Hà Tĩnh là tỉnh thuộc vùng Duyên hải Bắc Trung bộ, có tọa độ địa lý từ 17053'50" đến 18045'40" vĩ độ Bắc và 105005'50" đến 106030'20" kinh độ Đông. Diện tích đất tự nhiên 5.990,31 km<sup>2</sup>. Phía Bắc giáp tỉnh Nghệ An, phía Nam giáp tỉnh Quảng Bình, phía Tây giáp Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, phía Đông giáp biển Đông với hơn 137 km đường bờ biển.

Tỉnh Hà Tĩnh có các tuyến giao thông huyết mạch của cả nước chạy qua như Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, đường sắt Bắc Nam, đồng thời là khu vực có vị trí địa lý thuận lợi cho giao lưu quốc tế, nằm trên hành lang của các tuyến hàng hải quốc tế, là cửa ngõ ngấn nhất của Lào hướng ra biển qua cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương kết nối với 02 KKT quan trọng của khu vực Bắc Trung Bộ là cửa khẩu cầu Treo và KKT Vũng Áng.

*- Địa hình, khí hậu*

Về địa hình, tỉnh Hà Tĩnh có đặc điểm hẹp về chiều ngang, phía Tây là dãy Trường Sơn với độ dốc lớn và dãy đồi Trà Sơn có độ dốc thấp, xen kẽ là các đỉnh núi lớn chia cắt mạnh bởi nhiều sông suối hình thành 03 vùng địa hình riêng biệt ở Hà Tĩnh: vùng miền núi (chiếm 78,8% tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh, trong đó có 48,8% là đất có độ dốc trên 25o), vùng trung du (chiếm 5% tổng diện tích đất tự nhiên) và vùng đồng bằng ven biển (chiếm 16,2%).

Hà Tĩnh nằm trong khu vực có khí hậu nhiệt đới gió mùa, với gió Đông Bắc vào mùa đông và Tây Nam vào mùa hè. Với đặc trưng của khí hậu miền Bắc có mùa đông lạnh. Hà Tĩnh là tỉnh có lượng mưa bình quân hàng năm đều trên 2000 mm, có nơi trên 3000 mm. Cả mùa Đông và mùa Hè lượng mưa ở Hà Tĩnh cao hơn so với các tỉnh lân cận. Điều kiện khí hậu này không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là một số cây trồng truyền thống của Việt Nam như lúa, rau màu... Gió Tây Nam khô nóng đi kèm với lượng mưa giảm gây ra hạn hán và thiếu nước. Bên cạnh việc thiếu hụt lượng mưa, hạn hán cũng làm tăng hiện tượng nước mặn xâm thực dọc theo các con sông chính và do đó làm thay đổi nguồn nước ngọt. Ngoài ra, Tỉnh cũng thường chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão nhiệt đới và áp thấp nhiệt đới từ Tây Bắc Thái Bình Dương và biển Đông. Bão thường xảy vào tháng Tám, tháng Chín (54%), tháng Bảy và tháng Mười (30%) đi kèm là lũ, lụt



gây ảnh hưởng nhiều nhất đến các huyện Hương Sơn, Hương Khê và Vũ Quang, với 30 xã và trên 30.000 hộ gia đình.

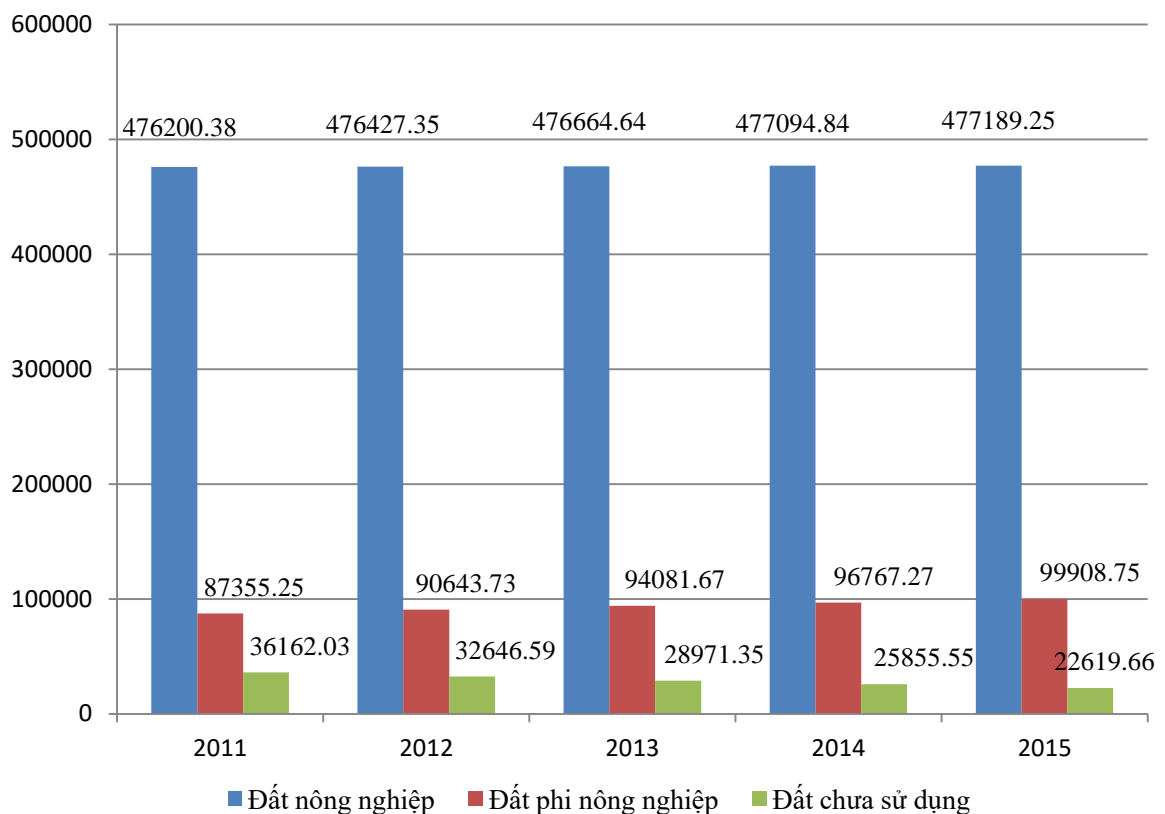
*- Đất nông nghiệp*

Diện tích các loại đất được phân bổ theo từng năm như sau:

Theo quy hoạch đến năm 2020, diện tích đất nông nghiệp có 475.788,17 ha, chiếm 79,34% diện tích tự nhiên, giảm 369,38 ha so với năm 2010;

Quy hoạch cụ thể cho từng loại đất trong đất nông nghiệp như sau: Đất trồng lúa: 55.731 ha (Đất chuyên trồng lúa nước: 44.185 ha., đất trồng lúa nước còn lại: 11.546 ha); Đất trồng cây lâu năm: 32.330 ha; Đất rừng sản xuất: 173.251 ha; Đất rừng phòng hộ: 114.862 ha; Đất rừng đặc dụng: 74.600 ha; Đất làm muối: 380 ha; Đất nuôi trồng thủy sản: 5.486 ha.

*Đơn vị: ha*



*Nguồn: [34, tr.2 ]*

**Hình 3.1: Diện tích đất nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh qua các năm**

*- Tài nguyên nước*

Hà Tĩnh có nguồn nước phong phú nhờ hệ thống sông suối hồ đập khá dày đặc. Với 266 hồ chứa có tổng dung tích trữ trên 600 triệu m<sup>3</sup>, 282 trạm bơm có tổng lưu lượng 338.000m<sup>3</sup>/s, 15 đập dâng tổng lưu lượng cơ bản 6,9m<sup>3</sup>/s với trữ lượng này hiện tại Hà Tĩnh đã phục vụ tưới được 47.737 ha/vụ. Sông ngòi nhiều nhưng ngắn. Dài nhất là sông Ngàn Sâu 131 km, ngắn nhất là sông Cày 9 km; sông Cả đoạn qua Hà Tĩnh giáp Nghệ An cũng chỉ có 37 km.

Tỉnh có 4 lưu vực sông lớn chảy qua, tạo ra các vùng nước lợ và bao phủ 6.000 ha bãi biển và đất đai. Các lưu vực sông kể trên đã hình thành 13 con sông lớn, nhỏ, tạo ra nguồn nước mặt dồi dào khoảng 13 - 18 tỷ m<sup>3</sup>/năm nhưng với địa hình bị chia cắt, cộng thêm điều kiện thời tiết biến động phức tạp trong năm khiến đất sản xuất nông nghiệp Hà Tĩnh thường xuyên ú nước vào mùa mưa và thiếu nước trầm trọng trong những tháng gió Tây Nam hoạt động mạnh.

*- Tài nguyên rừng*

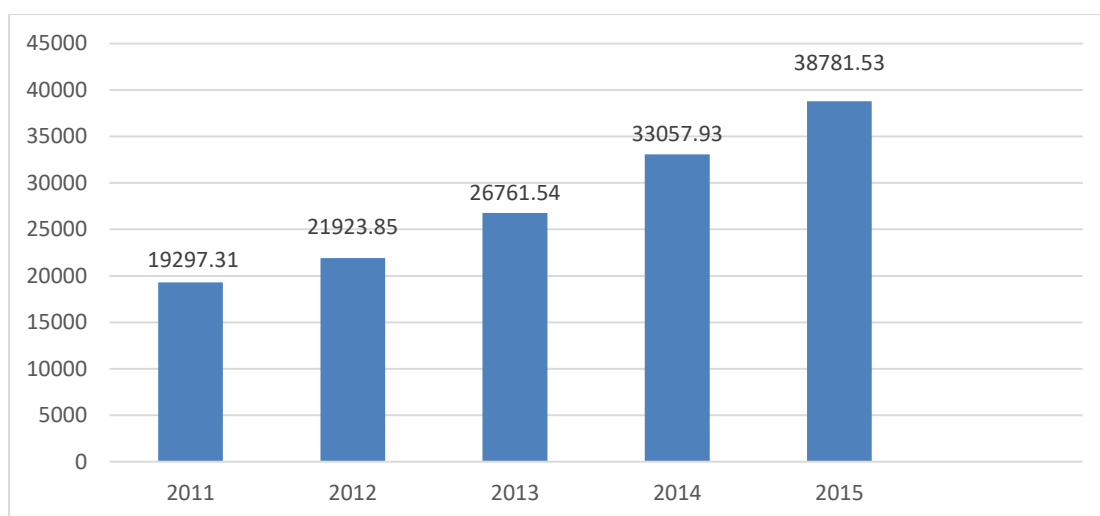
Đến hết năm 2014, Hà Tĩnh hiện có 276.003 ha rừng. Trong đó rừng tự nhiên 199.847 ha, trữ lượng 21,13 triệu m<sup>3</sup>, rừng trồng 76.156 ha, trữ lượng 2,01 triệu m<sup>3</sup>, độ che phủ rừng đạt 53%, chất lượng của rừng tự nhiên ngày càng được cải thiện.

**3.1.1.2. Đặc điểm kinh tế xã hội**

Hà Tĩnh một tỉnh thuần nông, mặc dù trong giai đoạn 2001 - 2010 tỉnh Hà Tĩnh đã đặt mục tiêu đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ tuy nhiên cho đến nay nông nghiệp vẫn chiếm một tỷ trọng lớn trong nền kinh tế tỉnh Hà Tĩnh, đóng góp trên 75% tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu trên địa bàn tỉnh. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân hàng năm trên 14%.

Tăng trưởng GRDP năm 2015 đạt 17%, trong đó công nghiệp, xây dựng tăng 19,6%, nông lâm thủy sản tăng 7,7%, thương mại-dịch vụ tăng 19,7%. Theo Niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh năm 2015, Hà Tĩnh có cơ cấu GRDP: công nghiệp - xây dựng 38,05%; thương mại - dịch vụ 30,21%; nông - lâm - ngư nghiệp 18,13%; GRDP bình quân đầu người đạt 38,9 triệu đồng/năm; thu ngân sách nội địa đạt trên 6.770 tỷ đồng, kim ngạch xuất khẩu đạt trên 124.130 triệu USD.

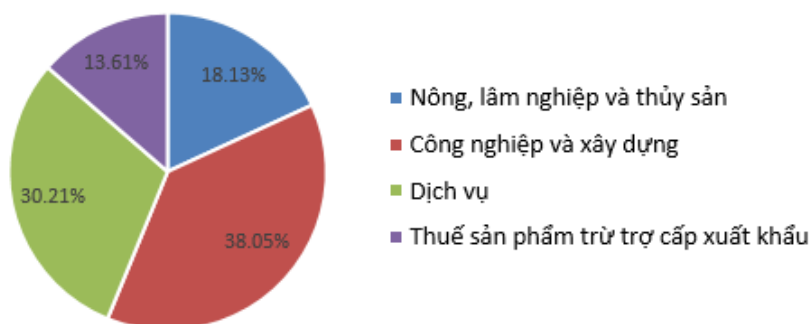
*Đơn vị: Tỷ đồng*



*Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh 2015 và tổng hợp của tác giả*

**Hình 3.2: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (theo giá so sánh năm 2010) từ năm 2011 - 2015**

Về sản xuất nông nghiệp: Hà Tĩnh có trên 70% dân số sống ở khu vực nông thôn và được chia làm 03 vùng tương đối rõ nét, gồm vùng núi, vùng đồng bằng và vùng ven biển. Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2015 đạt 17.216 tỷ đồng. Giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đạt 70 triệu đồng/ha. Tỷ trọng chăn nuôi chiếm 48,2% giá trị sản xuất ngành nông nghiệp. Sản lượng lương thực ước đạt 55,3 vạn tấn, tăng 2,8%; sản lượng thịt hơi đạt 105.000 tấn, tăng 17,6% so với năm 2014; sản lượng thủy sản ước đạt 48.885 tấn.



Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh 2015 [18]

### **Hình 3.3: Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá hiện hành phân theo khu vực kinh tế**

Dân số, lao động và nguồn nhân lực: Hà Tĩnh có nguồn nhân lực dồi dào với dân số 1,3 triệu người trong đó có trên 60% dân số trong độ tuổi lao động. Người dân Hà Tĩnh hiếu học, cần cù, chịu khó và sáng tạo trong lao động, sản xuất. Hà Tĩnh có 01 trường Đại học, 04 trường Cao đẳng, 06 trường Trung cấp và 24 trung tâm dạy nghề, mỗi năm đào tạo trên 20.000 lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 53%.

Cơ sở hạ tầng: Hà Tĩnh có hệ thống cơ sở hạ tầng: Giao thông, thủy lợi, điện, viễn thông ... tương đối đồng bộ. Giao thông kết nối Bắc Nam có Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, đường sắt, đường biển và đường hàng không; qua Lào và Thái Lan có Quốc lộ 8, Quốc lộ 12, có Cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương lớn nhất Việt Nam đủ điều kiện cho tàu 300.000 tấn hoạt động. Cảng Vũng Áng - Sơn Dương là cửa ngõ thuận lợi và ngắn nhất đến với các hải cảng trên thế giới đối với khu vực miền Trung Việt Nam, Lào và các tỉnh Đông Bắc Thái Lan.

#### **3.1.2. Tình hình xuất khẩu nông, lâm sản tỉnh Hà Tĩnh**

##### **3.1.2.1. Khái quát tình hình xuất khẩu hàng hóa và xuất khẩu nông, lâm sản tỉnh Hà Tĩnh thời gian qua**

Theo niên giám thống kê năm 2015, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Hà Tĩnh năm 2015 chỉ đạt 124,13 triệu USD. Các mặt hàng xuất khẩu có giá trị kim ngạch xuất khẩu lớn trong năm 2012, 2013, 2014 và 2015 vẫn là các mặt

hàng truyền thống như: Dăm gỗ, gỗ và các sản phẩm từ gỗ, tinh bột sắn, cao su, khoáng sản, hàng thủy sản trong đó chiếm tỷ lệ lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh chủ yếu vẫn là dăm gỗ và các sản phẩm từ gỗ.

Về thị trường xuất khẩu: Sản phẩm hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã trực tiếp tham gia thị trường xuất khẩu tại 18 nước trên thế giới. Đặc biệt, một số doanh nghiệp đã tham gia xuất khẩu các mặt hàng vào những thị trường khó tính, các sản phẩm đòi hỏi khắt khe về chất lượng, mẫu mã... như Mỹ, Nhật,... Tuy nhiên, tập trung chủ yếu vẫn là các thị trường như: Trung Quốc (chiếm gần 48%), Lào (chiếm 25%) và một thị trường khác như Nhật Bản, Singapore, Đài Loan, Hồng Kông.

Theo Báo cáo Kết quả rà soát hoạt động xuất khẩu của các tổ chức, doanh nghiệp và các chính sách phát triển xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2014 của Đoàn Liên ngành rà soát DNXX [10, tr.2], trên địa bàn tỉnh có 73 DNXX trong đó:

- 08 DN xuất khẩu các mặt hàng thuộc nhóm nông sản, chiếm 10,96%;
- 37 DN xuất khẩu các mặt hàng thuộc nhóm lâm sản và chế biến lâm sản, chiếm 50,68%;
- 48 DN xuất khẩu có vốn điều lệ từ 2 tỷ đồng trở lên (chiếm 65,8%), 25 doanh nghiệp có vốn điều lệ dưới 2 tỷ đồng (chiếm 34,2%).
- Số doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu trên 1 triệu USD, năm 2015, có 46 doanh nghiệp.
- Có 69 doanh nghiệp xuất khẩu trực tiếp và 04 doanh nghiệp/HTX có ủy thác xuất khẩu bao gồm Công Ty Cổ Phần XNK Thủy sản Hà Tĩnh, Công ty cổ phần May Hà Tĩnh, Công ty trồng rừng và sản xuất nguyên liệu giấy Hanviha, Hợp tác xã Thiên Phú.

### **3.1.2.2. Mặt hàng và giá trị các mặt hàng nông, lâm sản xuất khẩu**

Về giá trị hàng hóa xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, trong những năm qua, hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh đã đạt được những kết quả rất khả quan. Cụ thể, trong 6 năm trở lại đây (từ 2010 – 2015), giá trị hàng hóa xuất khẩu tăng trưởng rất nhanh. Cụ thể, từ năm 2010 với giá trị hàng nông sản chỉ đạt 5.871 nghìn USD, đến năm 2015 đã tăng lên 22.477 nghìn USD. Về xuất khẩu lâm sản, năm 2010 giá trị xuất khẩu đạt 41.425 nghìn USD, năm 2013 năm đạt 86.692 nghìn USD, đây là con số rất đáng khích lệ. Tuy nhiên sản lượng lâm sản các năm tiếp theo giảm mạnh (năm 2015 chỉ còn 57.480 nghìn USD), do Tỉnh không khuyến khích việc xuất khẩu nguyên liệu thô từ gỗ.

**Bảng 3.1: Trị giá hàng hóa xuất khẩu tỉnh Hà Tĩnh từ năm 2010-2015**

Đơn vị: 1.000 USD

Năm	Tổng giá trị	Nông sản		Lâm sản	
		Giá trị	So với tổng giá trị (%)	Giá trị	So với tổng giá trị (%)
2010	64.550	5.871	9,09	41.425	64,18
2011	94.543	8.231	8,73	66.942	70,81
2012	104.140	7.540	7,24	76.483	73,44
2013	125.352	9.913	79,08	86.692	69,16
2014	137.693	16.912	12,28	76.245	55,37
2015	124.130	22.477	18,11	57.478	46,31

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh 2015 và Báo cáo của Cục Thống kê Hà Tĩnh

Về mặt hàng xuất khẩu, theo Quyết định Ban hành quy định chính sách hỗ trợ sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh của UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 30 tháng 05 năm 2011, và Kế hoạch triển khai thực hiện đề án phát triển xuất khẩu Tỉnh giai đoạn 2011 - 2015, danh mục một số mặt hàng nông, lâm sản khuyến khích xuất khẩu gồm: Cao su, chè, tinh bột sắn, gỗ giăm, thức ăn chăn nuôi, sản phẩm chăn nuôi, sản phẩm gỗ ...

Tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh chia theo nhóm được thể hiện trong bảng 3.2 dưới đây.

**Bảng 3.2: Kim ngạch xuất khẩu tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2011 – 2015 phân theo nhóm hàng**

Đơn vị: 1.000 USD

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
<b>Tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu</b>	<b>64.550</b>	<b>94.543</b>	<b>104.140</b>	<b>125.352</b>	<b>137.693</b>	<b>125.647</b>
<b>Nhóm nông, lâm, thủy sản</b>						
- Hàng nông sản	5.871	8.231	7.540	9.913	16.912	23.891
- Hàng lâm sản	41.425	66.942	76.483	86.692	76.245	54.618
- Hàng thủy sản	5.907	4.842	3.282	4.888	5.252	3.808

Nguồn: Cục Thống kê Hà Tĩnh

Căn cứ vào kết quả phân tích của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông sản chính của Việt Nam, sản phẩm nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh được chia làm 3 nhóm chính:

- *Nhóm nông, lâm sản có năng lực cạnh tranh và tiềm năng xuất khẩu khá*, gồm: Đồ gỗ, cao su. Với lợi thế năng suất cao, chi phí sản xuất thấp, sản lượng tham gia xuất khẩu lớn (trên 95% sản lượng sản xuất ra); hiện tại đang có vị trí trên thị trường thế giới, nhưng giá bán thường thấp hơn vì chất lượng chưa cao; nguyên nhân chính là do quy trình canh tác chưa đồng bộ, tỷ lệ hàng hóa qua chế biến đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu còn thấp.

- *Nhóm nông, lâm sản có năng lực cạnh tranh và tiềm năng xuất khẩu trung bình*, gồm: Lúa gạo, chè, lạc nhân. Hạn chế chính là năng suất, chất lượng thấp; chưa đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, trang thiết bị và công nghệ bảo quản chế biến lạc hậu, hầu như chưa có thương hiệu... nếu khắc phục hạn chế trên thì năng lực cạnh tranh và tiềm năng xuất khẩu sẽ tăng lên rất nhiều.

- *Nhóm NLS khả năng cạnh tranh và tiềm năng XK thấp*, bao gồm: Rau quả, hoa, thịt heo đông lạnh. Hạn chế chính là năng suất thấp, chi phí tương đối cao, không có thương hiệu của Việt Nam...

Giá trị sản xuất các một số sản phẩm nông sản phục vụ xuất khẩu của tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 tính theo giá cố định năm 2010, được thể hiện trong Bảng 3.3.

Các sản phẩm như chè, gỗ nguyên liệu hiện đang tìm được đầu ra khá thuận lợi từ thị trường xuất khẩu nên được các doanh nghiệp tích cực thu mua, bao tiêu sản phẩm. Một số nông sản khác như mủ cao su, lạc nhân... do khối lượng sản phẩm ít chưa đủ điều kiện xuất khẩu trực tiếp mà phải thông qua ủy thác cho đơn vị khác của Trung ương hay địa phương lân cận. XKNLS của Tỉnh chủ yếu dựa vào các sản phẩm thô, có giá trị gia tăng thấp. Đây là một trong những hạn chế ảnh hưởng tới tăng trưởng xuất khẩu nông, lâm sản theo định hướng bền vững.

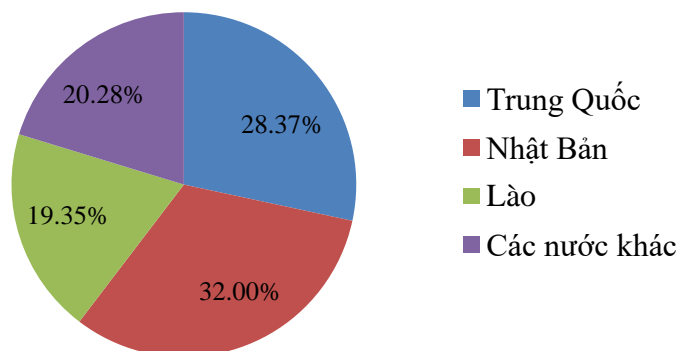
Về công tác bảo quản, chế biến nông sản phục vụ XK ở Hà Tĩnh vẫn còn phát triển chậm, mang tính tự phát, phân tán trong dân, công nghệ lạc hậu mang tính thủ công, chủ yếu là chế biến thô, chất lượng hàng hóa thấp, chưa đồng đều. Một số lĩnh vực sản xuất mang lại giá trị cao nhưng thiếu các cơ sở chế biến công nghiệp để tạo sản phẩm hàng hóa có thị trường tiêu thụ: cam Chanh, bí xanh, lạc nhân, thịt các loại... Chỉ một số ít các sản phẩm được thông qua chế biến, đủ tiêu chuẩn xuất khẩu như: chè đen; tinh bột sắn; dăm gỗ, gỗ các loại; tôm, mực đông lạnh.

**Bảng 3.3: Dự kiến giá trị sản xuất một số sản phẩm nông sản Hà Tĩnh đến năm 2020 (tính theo giá cố định năm 2010)**

TT	Sản phẩm	Năm 2014				Năm 2020			
		Sản lượng (tấn)	GTSX (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	GTSX bình quân (triệu đồng/ha)	Sản lượng (tấn)	GTSX (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	GTSX bình quân (triệu đồng/ha)
<b>I.</b>	<b>Ngành nông nghiệp</b>		8.526.000	100	-	-	<b>15.250.357</b>	100,0	-
1	Bò (thịt, tỷ lệ bán và giết thịt năm 2013 là 25%)	7.384	287.289	3,4	-	17.400	870.082	5,7	-
2	Heo (thịt)	65.179	1.794.964	21,1	-	171.000	4.709.169	30,9	-
3	Trâu (thịt, tỷ lệ bán và giết thịt năm 2013 là 20%)	4.306	122.437	1,4	-	7.224	205.407	1,3	-
4	Gà (lấy thịt)	7.802	406.203	4,8	-	11.704	609.357	4,0	-
5	Hươu (lấy nhung)	14,32	76.433	0,9	-	34	181.475	1,2	-
6	Vịt, ngan, ngỗng (lấy thịt)	2.409	79.030	0,9	-	1.441	47.273	0,3	-
7	Cam	14.417	211.382	2,5	120,790	55.117	808.125	5,3	137,90
8	Bưởi	9.706	106.766	1,3	97,77	25.200	277.200	1,8	140,80
9	Chè	6.874	25.503	0,3	30,04	25.700	95.347	0,6	59,36
11	Mía	11.414	7.750	0,1	34,2	12.300	8.352	0,1	27,84
12	Lạc	38.257	560.733	6,6	32,27	59.000	864.763	5,7	42,18
14	Rau, củ các loại	60.023	245.794	2,9	26,0	200.000	819.000	5,4	36,73
15	Lúa	510.991	2.519.186	29,5	24,91	464.100	2.288.013	15,0	25,73
16	Khoai lang	45.706	146.762	1,7	19,9	37.500	120.413	0,8	24,08
17	Sắn	47.339	58.653	0,7	16,2	97.390	120.666	0,8	17,20
18	Đậu các loại	6.631	102.005	1,2	13,7	11.340	174.443	1,1	18,17
19	Ngô	24.936	111.813	1,3	13,4	46.000	206.264	1,4	16,98
20	Vùng	412	10.190	0,1	9,6	234	5.788	0,1	8,41
<b>II</b>	<b>Ngành lâm nghiệp</b>	-	<b>791.000</b>	<b>100</b>	-	-	<b>2.138.900</b>	100,0	-
1	Gỗ	-	490.625	62,3	-	-	1.101.933	51,5	-
2	Cao su	1.703	70.032	8,9	-	11.025	453.381	21,2	-
2	Các lâm sản, dịch vụ lâm nghiệp khác	-	230.343	28,8	-	-	583.586	27,3	-

Nguồn: [62, tr.55]

Về thị trường xuất khẩu, Trung Quốc, Nhật Bản, Lào là những thị trường xuất khẩu nông sản chủ yếu của Hà Tĩnh.



Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh năm 2015 [18]

**Hình 3.4: Thị trường xuất khẩu nông sản Hà Tĩnh năm 2015**

Cụ thể, theo số liệu báo cáo của Cục Thống kê Hà Tĩnh năm 2015, Nhật Bản là thị trường xuất khẩu lớn nhất với tỉ lệ 32,00% giá trị hàng hóa (39,440 triệu USD), đứng thứ 2 là Trung Quốc với 28,37% (34,962 triệu USD), Lào đứng thứ 3 với 19,35% (23,846 triệu USD), còn lại là một số nước khác. Đây là các thị trường truyền thống của nước ta tuy nhiên việc phụ thuộc nhiều vào thị trường truyền thống nhất là các sản phẩm gỗ, cao su, tinh bột sắn trong khi thị trường này thiếu ổn định và bền vững có thể dẫn tới những khó khăn cho doanh nghiệp khi lượng hàng tồn kho lớn.

### **3.1.3. Đánh giá tiềm năng, lợi thế và khó khăn về xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh**

#### **3.1.3.1. Tiềm năng, lợi thế**

- Kinh tế của Hà Tĩnh đang trên đà phát triển với tốc độ cao, chuyển dịch cơ cấu hợp lý, với việc thu hút được nhiều dự án lớn, tạo điều kiện thuận lợi đối với phát triển các ngành sản xuất nói chung và đối với phát triển xuất khẩu hàng hóa nông lâm sản nói riêng.

- So với cả nước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của tỉnh còn thấp. Hà Tĩnh có nhiều tiềm năng trong sản xuất và xuất khẩu hàng hóa; đặc biệt tiềm năng về tài nguyên biển, tài nguyên rừng, khoáng sản và sinh thái nông nghiệp đa dạng do vậy có lợi thế so sánh về các mặt hàng xuất khẩu nông, lâm sản.

- Có vị trí địa lý, giao thông tương đối thuận lợi đối với hoạt động xuất khẩu, với Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo và cảng biển nước sâu Vũng Áng.

- Tỉnh đã và đang thực hiện nhiều chính sách ưu đãi nhằm thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là đang nghiên cứu, xem xét lại việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển mô hình mới, năng suất, chất lượng cao, sản phẩm hàm lượng khoa học kỹ thuật cao.



### **3.1.3.2. Khó khăn**

- Hà Tĩnh có điều kiện tự nhiên, địa hình tương đối phức tạp nên gây không ít khó khăn đối với sản xuất nông nghiệp; điểm xuất phát của nền kinh tế còn thấp, năng lực sản xuất yếu, phần nào hạn chế sự phát triển của xuất khẩu hàng hóa.

- Cơ sở hạ tầng của tỉnh còn nhiều yếu kém nên hạn chế khả năng thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp từ các nhà đầu tư trong nước cũng như các nhà đầu tư nước ngoài.

- Số lượng và quy mô của các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh xuất khẩu NLS còn nhỏ, lẻ, sức cạnh tranh còn yếu; quy mô xuất khẩu còn khiêm tốn.

- Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu chưa đa dạng, nhóm hàng xuất khẩu chủ yếu hiện nay là hàng nông lâm sản, giá trị gia tăng thấp, dẫn đến kim ngạch xuất khẩu chưa cao.

- Phát triển xuất khẩu hàng hóa của tỉnh chưa bền vững, kim ngạch xuất khẩu không ổn định và phụ thuộc nhiều vào thị trường Trung Quốc, Nhật bản, Lào

## **3.2. THỰC TRẠNG QUY TRÌNH XÂY DỰNG VÀ THỰC THI CHÍNH SÁCH THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM SẢN CỦA TỈNH HÀ TĨNH**

### **3.2.1. Thực trạng việc ban hành chính sách**

Chính sách phát triển ngành nông, lâm nghiệp và chính sách thúc đẩy xuất khẩu được tỉnh quan tâm và đầu tư. Theo báo cáo của UBND tỉnh Hà Tĩnh, trong giai đoạn 2011-2015, tỉnh đã xem xét, ban hành 34 chính sách với nguồn lực huy động được là 17.836 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách tỉnh là 2.375 tỷ đồng; ngân sách các cấp huyện, xã là 696 tỷ đồng; huy động các nguồn vốn hợp pháp khác 14.765 tỷ đồng; Vốn ngân sách 3 cấp hỗ trợ chiếm 17%.

Hệ thống chính sách giai đoạn này được chia thành 4 nhóm:

- Nhóm thứ nhất: Các chính sách về nông nghiệp, nông thôn, nông thôn mới, bao gồm 10 chính sách, tổng kinh phí huy động được là 15.841 tỷ đồng; trong đó ngân sách tỉnh 1.507 tỷ đồng, ngân sách huyện xã 599 tỷ đồng, nguồn khác 13.735 tỷ đồng, vốn ngân sách 3 cấp chiếm 13%;

- Nhóm thứ hai: Các chính sách về phát triển thương mại, bao gồm 6 chính sách, tổng kinh phí huy động được là 374 tỷ đồng; trong đó ngân sách tỉnh 119 tỷ đồng, nguồn khác 255 tỷ đồng, vốn ngân sách chiếm 32%;

- Nhóm thứ ba: Các chính sách hỗ trợ đầu tư, phát triển doanh nghiệp, bao gồm 4 chính sách, tổng kinh phí huy động được 698 tỷ đồng; trong đó ngân sách tỉnh 298 tỷ đồng, nguồn khác 400 tỷ đồng, vốn ngân sách chiếm 43%;

- Nhóm thứ tư: Các chính sách về lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, du lịch, nguồn nhân lực. Nhóm này bao gồm 14 chính sách, tổng kinh phí huy động được

là 922 tỷ đồng; trong đó ngân sách tỉnh 450 tỷ đồng, ngân sách huyện xã 97 tỷ đồng, nguồn khác 375 tỷ đồng, vốn ngân sách chiếm 59%.

### **3.2.2. Phân tích môi trường và hoạch định chính sách**

Việc xây dựng, ban hành các chính sách của tỉnh về cơ bản căn cứ vào nguồn lực, các quy định pháp luật của trung ương và trên cơ sở nguồn lực, tiềm năng lợi thế của địa phương và các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến 2020, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1786/QĐ-TTg ngày 27/11/2012. Dựa trên các định hướng trong dài hạn, tỉnh thực hiện triển khai xây dựng các chính sách về phát triển ngành, phát triển hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản.

Thực hiện thăm dò, khảo sát xây dựng các quy hoạch như Quy hoạch phát triển rừng sản xuất phục vụ chế biến lâm sản tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 3180/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh) trong đó quy định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu cần thực hiện, cụ thể như: Thu thập thông tin, điều tra đánh giá các yếu tố phục vụ quy hoạch (xác định các nguồn thông tin, phương pháp thu thập, khảo sát các đối tượng quy hoạch rừng sản xuất, tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng các yếu tố phục vụ cho quy hoạch ...) đồng thời xây dựng quy hoạch phát triển rừng sản xuất phục vụ chế biến thông qua việc xác định các mục tiêu, nội dung quy hoạch và các kết quả cần đạt được.

Quy hoạch cũng khảo sát thực trạng chế biến lâm sản giai đoạn 2007-2011 trên cơ sở thông tin đã có kết hợp khảo sát các nhân tố phục vụ sản xuất và các yếu tố liên quan từ đó thu thập các thông tin, đánh giá hiện trạng và xây dựng nội dung quy hoạch, các biện pháp thực thi triển khai quy hoạch và phương án nghiệm thu, thẩm định, phê duyệt quy hoạch.

Bên cạnh việc hoạch định chính sách nhằm thúc đẩy phát triển xuất khẩu nông, lâm sản, Tỉnh cũng quan tâm tới việc quản lý, bảo vệ và phát triển ngành nông, lâm nghiệp một cách bền vững thông qua nhiều chương trình, đề án được HĐND tỉnh thông qua nhằm đảm bảo phát triển kinh tế địa phương thông qua hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản nhưng vẫn đảm bảo được việc quản lý, bảo vệ và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích đất rừng và đất nông nghiệp hiện có.

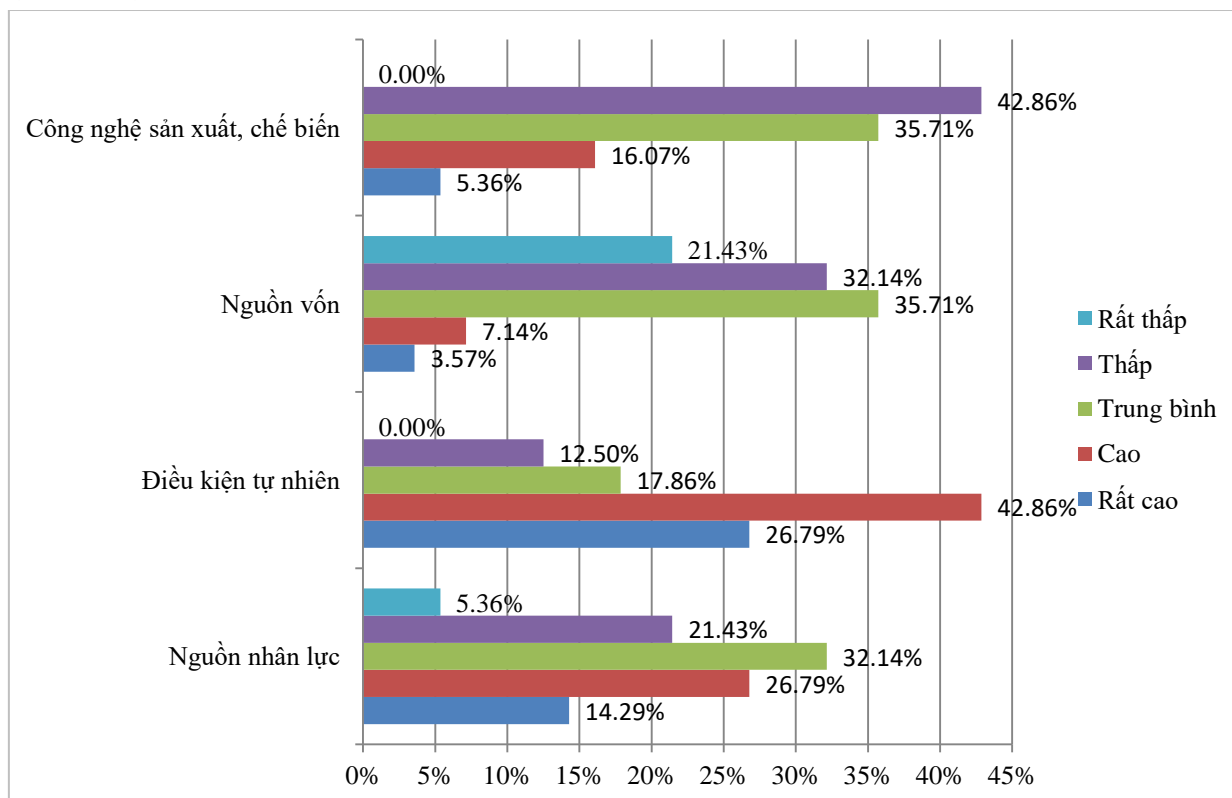
Thông qua việc phân tích môi trường và hoạch định chính sách tương đối đúng đắn, tỉnh Hà Tĩnh đã đạt được nhiều kết quả trong hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản. Mặc dù là một Tỉnh chịu ảnh hưởng của nhiều khó khăn về điều kiện tự nhiên, tuy nhiên Hà Tĩnh lại có nhiều tiềm năng về phát triển nông, lâm nghiệp với những điều kiện tự nhiên, xã hội tương đối thuận lợi. Trong những năm qua kim ngạch xuất khẩu

của Hà Tĩnh tăng mạnh, góp phần đẩy mạnh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

Về đội ngũ cán bộ quản lý, nhìn chung, các cán bộ quản lý hoạt động xuất khẩu nói chung và nông, lâm sản nói riêng đã có nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản. Đội ngũ cán bộ này cơ bản được đào tạo cơ bản, có khả năng và năng lực thực hiện, cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Tuy nhiên, việc tham mưu, đề xuất các chủ trương, chính sách lớn, có tính đột phá trong hoạt động xuất khẩu vẫn còn nhiều hạn chế.

Điều tra của tác giả cho thấy đối với 56 cán bộ được hỏi có 24 cán bộ tương ứng với 42.86% cho rằng yếu tố điều kiện tự nhiên của Tỉnh ở mức cao. Tuy nhiên về nguồn nhân lực (18 cán bộ ứng với 32.14%) và nguồn vốn (20 trong 56 cán bộ) cho rằng hai yếu tố này đang ở mức trung bình. Chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu. Bên cạnh đó yếu tố công nghệ sản xuất, chế biến đang ở mức thấp (24 cán bộ tương ứng 42.86%).

Theo kết quả khảo sát đối với các cán bộ quản lý hoạt động sản xuất, XK-NLS trên địa bàn về các tiềm năng đối với việc xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh (hình 3.5).



Nguồn: Điều tra của tác giả

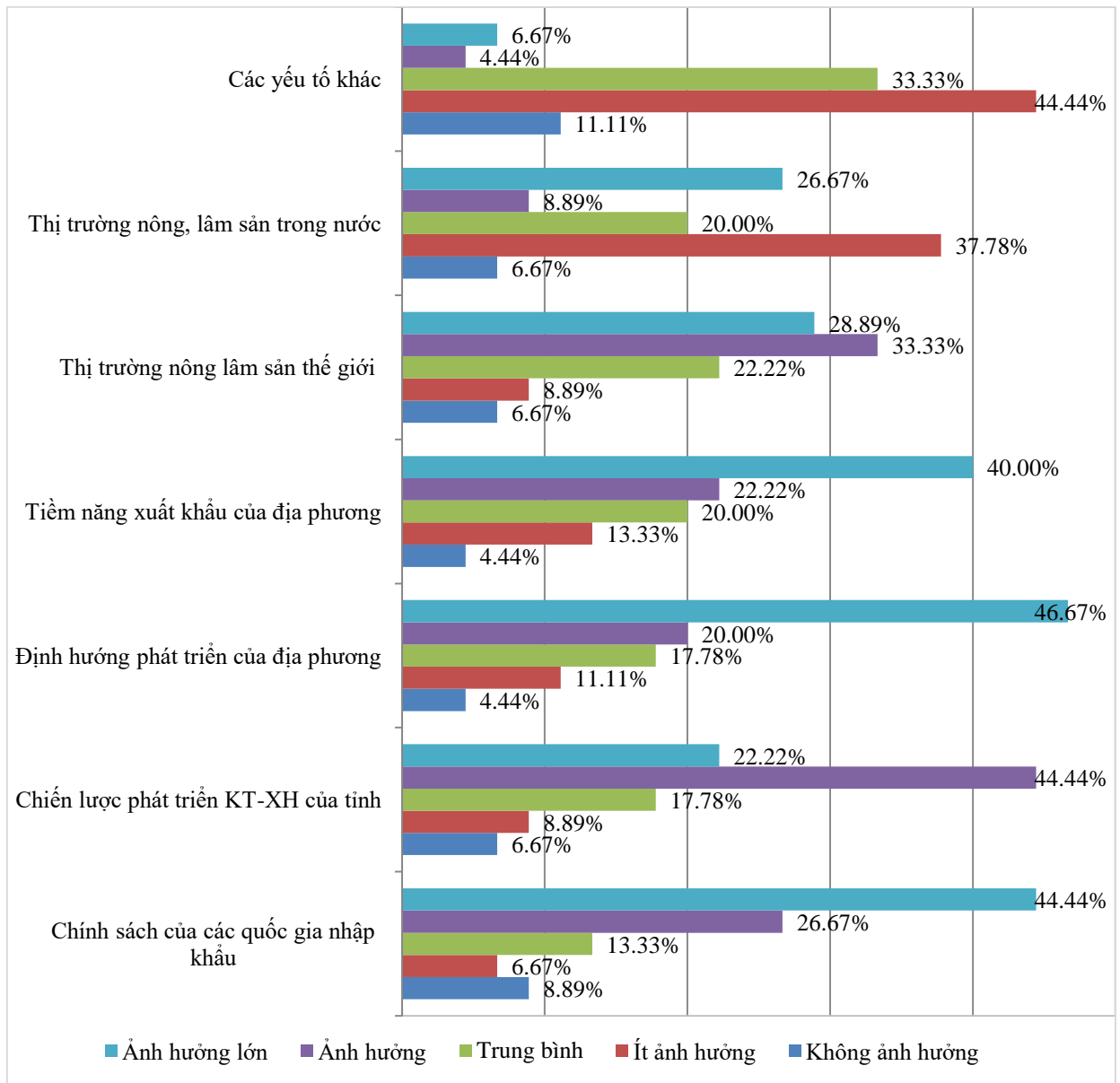
**Hình 3.5: Đánh giá của cán bộ quản lý về tiềm năng đối với việc xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh**

Phần lớn các cán bộ đánh giá cao các tiêu chí: nguồn nhân lực lao động, điều kiện tự nhiên phục vụ sản xuất, nguồn vốn phục vụ sản xuất. Đặc biệt là Điều kiện tự nhiên với 42.86% cán bộ đánh giá ở mức cao. Hà Tĩnh là địa phương có truyền thống sản xuất nông nghiệp với các cây trồng chủ yếu: lúa, lạc,... người nông dân có kinh nghiệm sản xuất lâu năm, đồng thời nhân lực trong các ngành trồng, khai thác, chế biến gỗ có số lượng lớn, kinh nghiệm sản xuất nhiều năm. Bên cạnh đó, các điều kiện tự nhiên của Hà Tĩnh cũng tương đối thuận lợi về vị trí địa lý, khí hậu, đất đai, nước tưới, tài nguyên rừng... Tuy nhiên hiện nay, công nghệ sản xuất, chế biến đang là vấn đề đáng quan tâm của tỉnh Hà Tĩnh, thực tế cho thấy, phần lớn dây truyền sản xuất, chế biến các sản phẩm nông sản xuất khẩu hiện nay đã lạc hậu, tiêu tốn nhiều nhiên liệu, không đáp ứng hết các yêu cầu về mặt kỹ thuật của sản phẩm xuất khẩu. Cụ thể, theo kết quả khảo sát có đến gần 43% cán bộ quản lý đánh giá giá thấp công nghệ sản xuất, chế biến nông lâm sản hiện nay.

Theo Dự thảo Báo cáo Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2015, tái cơ cấu ngành nông nghiệp tiếp tục được tập trung chỉ đạo quyết liệt, nông nghiệp tăng trưởng khá cao; các chính sách phát triển sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực tiếp tục được ưu tiên nguồn lực và tổ chức thực hiện có hiệu quả, thu hút được các doanh nghiệp lớn vào đầu tư, chuyển giao giống, công nghệ cao, từng bước hình thành chuỗi liên kết sản xuất.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phân tích môi trường và hoạch định các chính sách về xuất khẩu nông, lâm sản tỉnh Hà Tĩnh vẫn còn tồn tại một số hạn chế, như: hiện nay, Hà Tĩnh đang có chủ trương tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp của địa phương; điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch về phát triển xuất khẩu nông, lâm sản trong dài hạn, mang tính tổng thể; bên cạnh đó, công tác thu thập thông tin các thị trường xuất khẩu cũng như cập nhật nhanh chóng những khó khăn từ phía DN, người dân sản xuất từ phía đơn vị ban hành chính sách còn yếu. Điều này sẽ gây khó khăn trong công tác ứng phó với các thay đổi của thị trường nông, lâm sản thế giới.

Đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng tới việc phân tích môi trường và hoạch định các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh Hà Tĩnh, kết quả được hiển thị trong Hình 3.6. Có 20 doanh nghiệp (tương ứng 44,44%) cho rằng chính sách của các quốc gia nhập khẩu ở mức ảnh hưởng lớn. Tương tự như vậy các yếu tố Chiến lược phát triển KT-XH của Tỉnh ở mức Ảnh hưởng, các yếu tố còn lại phần lớn ở mức độ ảnh hưởng lớn và ảnh hưởng. Một số nhân tố có ảnh hưởng tuy nhiên không tác động trực tiếp nhiều vào chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh như Thị trường nông, lâm sản trong nước, các yếu tố khác. Như vậy, trong thời gian tới, Tỉnh cần tiếp tục tập trung xác định tình hình thực tế của các nhân tố ảnh hưởng nêu trên để thực hiện hoạt động phân tích môi trường và hoạch định chính phù hợp hơn với tình hình thực tế.



*Nguồn: Điều tra của tác giả*

**Hình 3.6: Các yếu tố ảnh hưởng tới việc phân tích môi trường và hoạch định chính sách xuất khẩu nông, lâm sản tỉnh Hà Tĩnh**

Căn cứ tình hình thực tế thị trường nông, lâm sản thế giới các cơ quan quản lý sẽ quyết định hình thức hỗ trợ đối với doanh nghiệp, mức hỗ trợ hợp lý, đồng thời, tùy từng chính sách nhập khẩu của mỗi quốc gia, các cơ quan quản lý sẽ có những hướng dẫn cụ thể, và những biện pháp hỗ trợ phù hợp nhất.

### 3.2.3. Thực trạng triển khai chính sách thúc đẩy XKNLS trên địa bàn Tỉnh

#### 3.2.3.1. Tình hình chung

Trong kế hoạch triển khai thực hiện đề án phát triển xuất khẩu Tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 cũng như các văn bản về hỗ trợ và định hướng xuất khẩu nông, lâm sản, Tỉnh đều xác định rõ các đơn vị triển khai thực hiện và nhiệm vụ của từng đơn vị phải thực hiện. Các đơn vị nhận nhiệm vụ và triển khai kế hoạch dựa trên cơ chế phối hợp đa ngành, nhằm tạo sự liên kết chặt chẽ và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách.

Nhìn chung, theo đánh giá của Báo cáo Chỉ đạo đề án xuất khẩu tỉnh, hiệu quả thực thi chính sách ở mức tương đối tốt.

Với việc ban hành và thực thi 34 chính sách trong giai đoạn 2011- 2015, trong đó có 20 chính sách liên quan trực tiếp đến việc khuyến khích đầu tư, xuất khẩu và sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và một số chính sách liên quan đến đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, có thể khẳng định Hà Tĩnh đã và đang rất chủ động trong việc xây dựng và thực thi chính sách.

Trong các chính sách nêu trên, Tỉnh đã đưa ra được cách thức triển khai các quy định một cách tương đối cụ thể, điển hình như về vấn đề cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ của Tỉnh đã xác định các nội dung về hỗ trợ xúc tiến thương mại với các điều kiện cho từng đối tượng khác nhau, hỗ trợ lãi suất đầu tư thực hiện dự án và thu mua dự trữ hàng hóa, nguyên liệu phục vụ xuất khẩu, các hỗ trợ về công nghệ, thông tin cho DN và người sản xuất v.v..

Về công tác phân công, tổ chức việc thực thi, Tỉnh đã giao cho Sở ngành chuyên môn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và UBND huyện, thành phố, thị xã tổ chức triển khai thực hiện; phối hợp rà soát, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách nói chung để tham mưu, đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

### **3.2.3.2. Việc triển khai thực hiện một số chính sách cụ thể của Tỉnh**

*\* Chính sách hỗ trợ sản xuất, kinh doanh xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ trên địa bàn tỉnh (theo Quyết định số 65/2012/QĐ-UBND Ngày 18/12/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh).*

Nội dung chính của Đề án, chính sách này bao gồm: Hỗ trợ xúc tiến thương mại: Bao gồm hỗ trợ tham gia hội chợ, tìm kiếm thị trường, xúc tiến đầu tư; hỗ trợ một số mặt hàng xuất khẩu vào một số thị trường tiềm năng; hỗ trợ công tác tuyên truyền, quảng cáo, quảng bá hình ảnh ... Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với các Dự án và thu mua hàng hóa dự trữ phục vụ xuất khẩu. Hỗ trợ khác: Hỗ trợ áp dụng quy trình quản lý, áp dụng khoa học công nghệ, hỗ trợ đào tạo cán bộ ....

Chính sách này, đã góp phần hỗ trợ, giúp đỡ các doanh nghiệp đã có điều kiện mở rộng thị trường, quảng bá thương hiệu, cải tiến công nghệ, thu mua dự trữ nguyên liệu để chế biến, phát triển một số mặt hàng xuất khẩu, tạo công ăn việc làm cho người lao động...

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác thực hiện các chính sách hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ nói chung và hỗ trợ xuất khẩu nông, lâm sản nói riêng còn tồn tại một số khó khăn. Có thể kể đến như:

*Thứ nhất*, việc nắm bắt thông tin, số lượng DN xuất khẩu của Tỉnh của các ngành chức năng đối với các DN hoạt động trên địa bàn chưa thực sự sâu sát nhất là đối với các doanh nghiệp mở tờ khai tại Cục Hải quan các tỉnh, thành phố khác, các doanh nghiệp trên địa bàn huyện Hương và huyện Hương Sơn.

*Thứ hai*, Luật số 21/2012/QH13 của Quốc Hội ban hành đối với việc nộp thuế xuất khẩu trước khi thông quan hàng hóa đang gây khó khăn trong việc thực thi các chính sách hỗ trợ của Tỉnh, đồng thời Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định thời gian hoàn thuế GTGT chưa được khấu trừ hết đối với mặt hàng tồn kho là một năm, gây khó khăn về vốn lưu động cho doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp quy mô nhỏ, vốn tự có hạn chế.

*Thứ ba*, các DN xuất khẩu phản ánh tình trạng khó tiếp cận với các chính sách ưu đãi, khuyến khích xuất khẩu và đặc biệt là huy động vốn thông qua các tổ chức tín dụng do thiếu thông tin, thủ tục rườm rà v.v. trong khi có tới 85% các doanh nghiệp, nhất là đối với các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ có nhu cầu vay vốn thu mua nguyên vật liệu, hàng hóa dự trữ phục vụ chế biến, xuất khẩu, nhiều doanh nghiệp phải đi vay ngoài với lãi suất cao. Cước phí chuyển tiền từ Lào về Việt Nam và ngược lại qua hệ thống ngân hàng khá cao (khoảng 1% tổng số tiền chuyển khoản).

*\* Chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới (theo Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND ngày 09/8/2011 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 và Nghị quyết số 157/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của HĐND tỉnh)*

- Hiệu lực và thời gian thực hiện: Từ ngày 19/8/2011 đến ngày 31/12/2016.

- Nguồn lực thực hiện: 366,7 tỷ đồng; trong đó, ngân sách tỉnh 338,9 tỷ đồng, ngân sách huyện, xã 27,7 tỷ đồng.

- Kết quả đạt được:

Góp phần đưa tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp năm 2015 đạt 8,25%; giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đạt 70 triệu đồng/ha, tăng 1,3 lần so với năm 2013; tỷ trọng chăn nuôi chiếm 48,8% cơ cấu giá trị nông nghiệp, tăng 7,07% so với năm 2013; tổng sản lượng lương thực 55,36 vạn tấn, tăng 9,4% so với năm 2013; độ che phủ rừng 52,9%; sản lượng thủy sản đạt 48.967 tấn, tăng 14,6% so với năm 2013.

Các sản phẩm nông nghiệp hàng hoá chủ lực của tỉnh được tập trung khuyến khích phát triển mạnh, đặc biệt là các sản phẩm có lợi thế như: lợn, bò, hươu, tôm, rau củ quả, cam, bưởi; gắn với khai thác lợi thế so sánh theo 03 vùng sinh thái miền núi, đồng bằng, ven biển; từng bước thực hiện đồng nhất về giống, công nghệ sản xuất để tăng quy mô và chất lượng các sản phẩm nông nghiệp hàng hoá chủ lực, xây dựng thương hiệu.

- Tồn tại, hạn chế:

+ Công tác tuyên truyền chính sách ở một số địa phương chưa thực sự quyết liệt, thiếu đồng bộ dẫn đến một số cán bộ và người dân chưa nắm được chính sách cụ thể để thực hiện.

+ Đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp nói chung còn gặp nhiều khó khăn, không ổn định; chưa hình thành được chuỗi liên kết bền vững;

+ Một số chính sách hấp thu còn khiêm tốn như: xây dựng cơ sở gà giống; chính sách lâm nghiệp...

*\* Chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng để phát triển sản xuất từ nguồn vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (Theo các Quyết định: Số 26/2012/QĐ-UBND ngày 11/6/2012; số 03/2013/QĐ-UBND ngày 17/1/2013; số 09/2013/QĐ-UBND ngày 18/02/2013; số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của UBND tỉnh)*

- Thời gian thực hiện: Chính sách được thực hiện ngày 21/6/2012 (hết hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018).

- Nguồn lực thực hiện: Ngân sách nhà nước bố trí là 120,78 tỷ đồng.

- Kết quả đạt được:

Chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng có mức hỗ trợ cao, trên nhiều lĩnh vực sản xuất, nhiều đối tượng được thụ hưởng đã tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân mạnh dạn đầu tư, mở rộng quy mô, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

Lũy kế Doanh số cho vay kể từ khi bắt đầu triển khai chính sách đến ngày 31/12/2015 là 2.775 tỷ đồng với 28.483 lượt khách hàng được hỗ trợ lãi suất (trong đó: cá nhân, hộ gia đình 28.245 lượt vay; doanh nghiệp 47 lượt vay; hợp tác xã 104 lượt vay; chủ trang trại 87 lượt vay). Đối tượng vay vốn có hỗ trợ lãi suất tập trung chủ yếu đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; góp phần phát triển một số sản phẩm chủ lực với tốc độ cao, quy mô sản phẩm tương đối lớn được hình thành rõ nét; các doanh nghiệp, HTX thu mua chế biến và tiêu thụ nông sản, thủy sản được hình thành đã giải quyết một phần gánh nặng trong khâu tiêu thụ sản phẩm cho người dân và góp phần tăng thu ngân sách nhà nước từ việc nộp các khoản thuế, phí....

Nguồn vốn ngân sách bố trí để thực hiện hỗ trợ lãi suất đã góp phần giảm bớt khó khăn trong sản xuất kinh doanh cho người dân, tạo động lực cho người dân mạnh dạn vay vốn phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh; ước tính có khoảng 71.210 việc làm được tạo ra cho người dân tham gia vào hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và



thủy sản. Năm 2015: Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn giảm 0,78% so với năm 2012; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng khá, đạt trên 18 triệu đồng (tăng 1,3 lần so với năm 2012); tỷ lệ hộ nghèo giảm 3% so với năm 2012.

- Tồn tại, hạn chế:

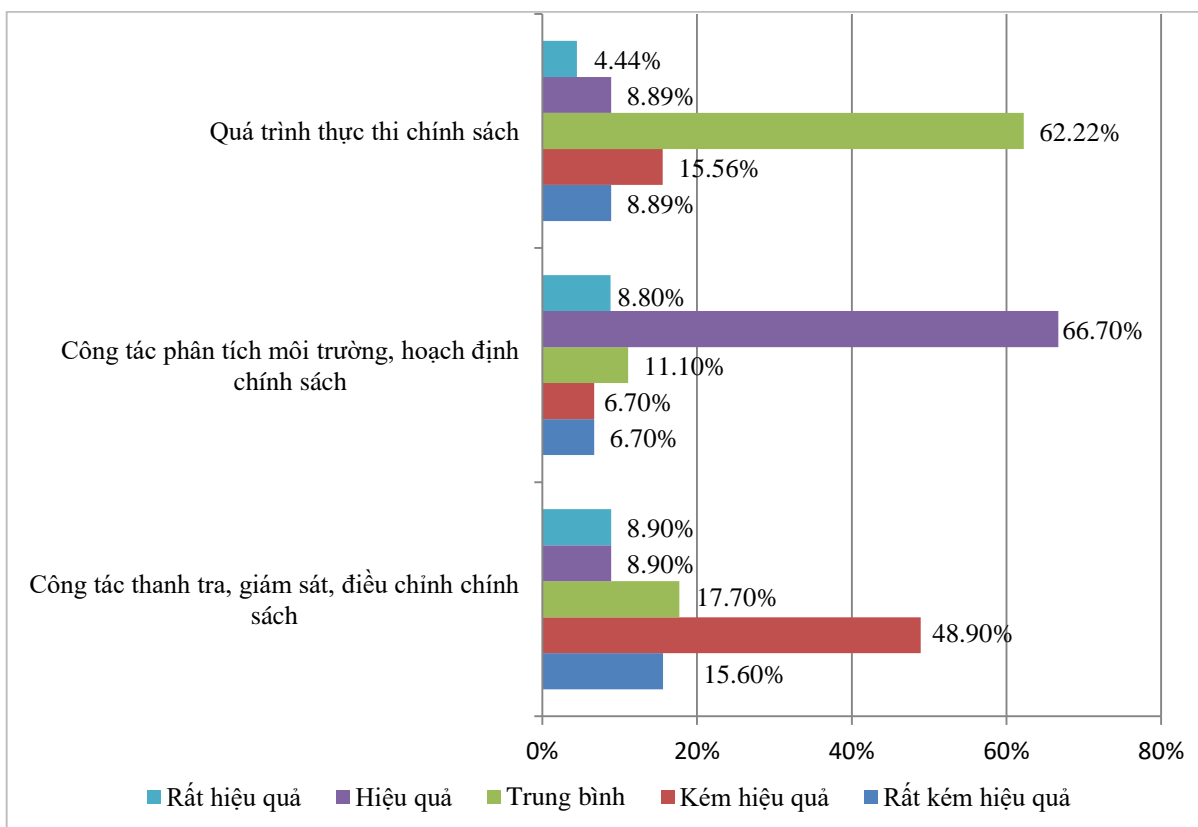
Đội ngũ cán bộ nông thôn mới cấp xã thiếu sự quan tâm trong việc theo dõi, giám sát và quản lý việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ lãi suất của các đối tượng, dẫn đến tình trạng xác nhận cho đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ lãi suất trên thực tế lại không đảm bảo ...

Việc quy định hỗ trợ lãi suất vốn vay trong hạn của chu kỳ vay do Ngân hàng quy định đã gây nhiều bất cập cho người dân trong việc vay vốn tại các Ngân hàng khác nhau.

Thời điểm ban hành chính sách, lãi suất cho vay của các Ngân hàng thương mại là khá cao (khoảng 19% - 20%/năm), đến nay đã giảm xuống (khoảng 7% - 10%/năm) nhưng chính sách vẫn chưa được điều chỉnh mức hỗ trợ cho phù hợp.

Công tác kiểm tra, theo dõi việc sử dụng vốn vay được hỗ trợ lãi suất tại một số địa phương chưa thực sự được chú trọng, việc hỗ trợ chủ yếu căn cứ vào danh sách được hỗ trợ do Tổ chức tín dụng cung cấp. Vì vậy, đã làm hạn chế khả năng kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nghiệm thu và xác định điều kiện vốn vay được hỗ trợ lãi suất của UBND và Ban quản lý xây dựng NTM cấp xã, cụ thể:

Qua phân tích việc thực thi chính sách của Hà Tĩnh, có thể nói, các vấn đề còn tồn tại không chỉ về phía cơ quan quản lý Nhà nước mà có những nguyên nhân thuộc về nội tại DN, HTX cũng như về phía người nông dân tham gia sản xuất nông, lâm sản phục vụ hoạt động xuất khẩu. Qua phỏng vấn các cán bộ quản lý hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản cho biết việc hợp tác giữa các DN, người dân và cán bộ quản lý cũng còn nhiều bất cập ngay từ việc cung cấp các số liệu thống kê để đưa ra các định hướng hoạt động xuất khẩu cho giai đoạn sắp tới.



Nguồn: Điều tra tác giả

**Hình 3.7: Đánh giá quy trình chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản tỉnh Hà Tĩnh với đối tượng cán bộ quản lý**

Kết quả khảo sát 45 cán bộ làm công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nông, lâm sản trên địa bàn Hà Tĩnh cho thấy phần lớn cho rằng các chính sách mà Tỉnh đề ra là hợp lý (75,5% đánh giá ở mức cao và rất cao). Tuy nhiên, quá trình thực thi của các cơ quan chức năng lại chỉ dừng lại ở mức trung bình, cụ thể có đến 62,2% cán bộ đánh giá ở mức trung bình, đồng thời có 24,5% cán bộ đánh giá ở mức thấp và rất thấp. Công tác thực thi có vai trò hết sức quan trọng đối với hiệu quả thực thi của các chính sách. Trong thời gian tới, Tỉnh cần có những biện pháp điều chỉnh để hỗ trợ thúc đẩy hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản.

Trên thực tế hiện nay, bên cạnh các hoạt động hỗ trợ trực tiếp của chính quyền địa phương, việc các DN tự cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, tìm kiếm, mở rộng thị trường sang các thị trường mới đang là hướng đi cần được khuyến khích. Để thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động này, cũng cần sự hỗ trợ từ phía các cơ quan quản lý, đặc biệt trong môi trường kinh doanh hiện nay. Tuy nhiên đây lại đang là hạn chế khá lớn của tỉnh Hà Tĩnh, theo đánh giá của nhiều doanh nghiệp trên địa bàn công tác phổ biến kiến thức về các công nghệ sản xuất mới, các chính sách, tiêu chuẩn về chất lượng nông, lâm sản xuất khẩu hiện nay chưa hiệu quả.

**Bảng 3.4: Thực trạng công tác phổ biến kiến thức từ cơ quan quản lý cho các đối tượng tham gia hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản tỉnh Hà Tĩnh**

	GTNN	GTLN	GTTB	Độ lệch chuẩn
Đánh giá của cán bộ quản lý	1	5	2.162	0.537
Đánh giá của doanh nghiệp	1	5	2.876	0.743
Đánh giá của người sản xuất	1	4	2.912	0.854

*Nguồn: Điều tra của tác giả*

Kết quả điều tra khảo sát thực trạng công tác phổ biến kiến thức cho các đối tượng tham gia hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi tính toán, xử lý bằng phần mềm SPSS 16.0. Quy ước mức độ từ rất thường xuyên đến không thường xuyên ứng với điểm số từ 1 đến 5, cho thấy: Đánh giá của cán bộ quản lý về công tác phổ biến kiến thức cho các đối tượng tham gia hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản tỉnh Hà Tĩnh hiện nay ở mức bình thường (GTTB: 2.165) trong khi đó đánh giá của doanh nghiệp và người sản xuất ở mức tương đối thường xuyên. (GTTB lần lượt là 2.876 và 2.912).

Điều này không những làm cho hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp bị hạn chế mà còn tiềm ẩn nhiều rủi ro cho DN, khi thiếu kiến thức về các quy định chất lượng, quy định pháp lý quốc tế liên quan đến xuất khẩu. Trong thời gian tới, để hạn chế vấn đề này, đồng thời huy động sự tham gia của các doanh nghiệp vào các hoạt động đẩy mạnh xuất khẩu nông, lâm sản, tỉnh Hà Tĩnh cần thường xuyên tổ chức phổ biến kiến thức về các công nghệ sản xuất mới, các chính sách, tiêu chuẩn về chất lượng nông, lâm sản xuất khẩu cho các doanh nghiệp, các hộ sản xuất...

Trên thực tế hiện nay, bên cạnh các hoạt động hỗ trợ trực tiếp của chính quyền địa phương, những người sản xuất nông, lâm sản cũng đã và đang nỗ lực tìm cách tự cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, đây là hướng đi cần được khuyến khích. Để thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động này, cũng cần sự hỗ trợ từ phía các cơ quan quản lý. Tuy nhiên đây lại đang là hạn chế khá lớn của tỉnh Hà Tĩnh, theo kết quả điều tra tại Bảng 3.4, khảo sát các đối tượng trên địa bàn tỉnh cho thấy công tác phổ biến kiến thức về các công nghệ sản xuất mới, các chính sách sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu hiện nay chưa thực sự hiệu quả.

#### **3.2.4. Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chính sách**

Công tác đánh giá và điều chỉnh các chính sách được Tỉnh quan tâm và thực hiện định kỳ. Đối với hoạt động xuất khẩu, là lĩnh vực thế mạnh của Tỉnh, công tác thống kê số liệu về hoạt động xuất nhập khẩu nói chung và xuất nhập khẩu nông, lâm sản nói riêng là một trong những vấn đề tương đối quan trọng được Tỉnh quan tâm. Hiện nay

Tình thu thập và thống kê thông tin hoạt động XNK thông qua 2 hình thức chính, bao gồm:

*Thứ nhất*, số liệu thống kê hàng tháng từ báo cáo của các DN có hoạt động XNK trên địa bàn Tỉnh, các số liệu sẽ được Cục Thống kê tổng hợp và phân tích, tính toán các chỉ tiêu thống kê nhằm cung cấp cho lãnh đạo các địa phương điều hành kinh tế. Chất lượng các thông tin này phụ thuộc lớn vào ý thức và trình độ của người thực hiện các báo cáo của DN. DN có phát sinh hoạt động XNK sẽ gửi thông tin về Cục Thống kê trước ngày 12 hàng tháng qua hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử.

*Thứ hai*, số liệu từ Cục Hải quan Hà Tĩnh cung cấp, các số liệu này sẽ thống kê tương đối đầy đủ các hoạt động XNK của tỉnh, đồng thời đáp ứng được yêu cầu về tính cập nhật của thông tin. Tuy nhiên nó có hạn chế là không thống kê được các hàng hóa mở tờ khai ở các cửa khẩu khác ngoài tỉnh Hà Tĩnh.

Những năm gần đây, sự thay đổi về nguồn và phương pháp thu thập số liệu đã tạo thuận lợi cho việc tổng hợp, biên soạn và đáp ứng các yêu cầu cơ bản, tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số hạn chế, có thể kể đến như: việc thiếu các chỉ tiêu thống kê dẫn tới việc các thông tin thống kê chưa thực sự phù hợp, chậm trễ của khâu công bố v.v.. Bên cạnh đó, việc cung cấp thông tin của DN không kịp thời hoặc cung cấp các thông tin sai lệch dẫn tới việc số liệu thống kê không thực sự chính xác. Ngoài ra, công tác tuyên truyền phổ biến trong hoạt động thực thi đã nêu ở phần trên còn hạn chế dẫn tới các nhiều DN còn chưa tiếp cận được nên dẫn tới việc chậm trễ trong việc báo cáo.

Các báo cáo đánh giá đều chỉ ra được kết quả thực hiện so với mục tiêu đã đặt ra với các số liệu thống kê tương đối đầy đủ về các chỉ tiêu như quy mô và tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu, cơ cấu hàng xuất khẩu, thị trường xuất khẩu v.v.. Bên cạnh đó, báo cáo cũng chỉ ra được những kết quả hoạt động của các Sở, ban ngành có liên quan tới lĩnh vực xuất khẩu hàng hóa nói chung và xuất khẩu nông, lâm sản nói riêng. Đồng thời phân tích những hạn chế, tồn tại và xác định các nhiệm vụ cần thực hiện trong giai đoạn tiếp theo.

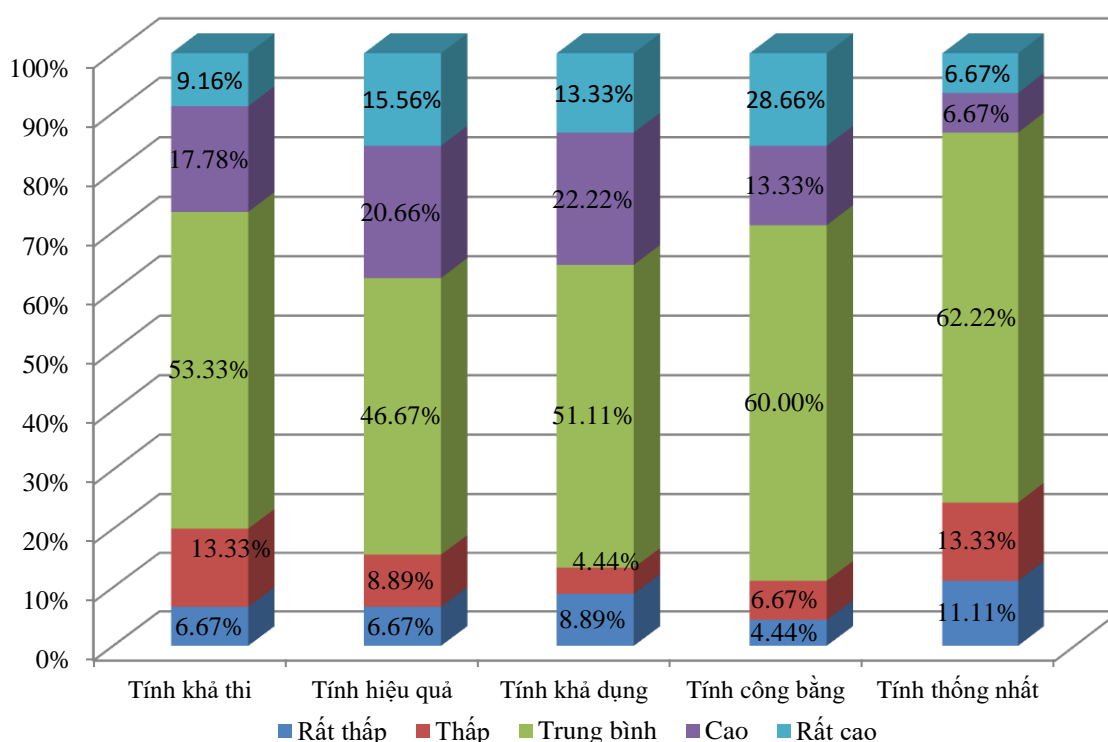
Về cơ bản, đánh giá đã cho cái nhìn tương đối chi tiết về tình hình xuất khẩu hàng hóa của Tỉnh, tuy nhiên đối với lĩnh vực nông, lâm sản, để có thể xây dựng những chính sách sâu sát thì cần có những hoạt động kiểm tra đánh giá cụ thể hơn nữa. Bên cạnh đó, các tiêu chí đánh giá cần được xây dựng chuẩn mực nhằm bao quát toàn bộ các hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản, điều này công tác đánh giá hiện nay vẫn chưa làm được.

Thực tế, Tỉnh có thể thuê các đơn vị hoặc chuyên gia thực hiện hoạt động kiểm tra, đánh giá các chính sách để có những báo cáo khách quan nhất với nhiều tiêu chí đánh giá như tác động của chính sách, hiệu quả của chính sách, mức độ hoàn thành

mục tiêu, tác động không mong muốn và nguyên nhân, mức độ phù hợp hoặc không phù hợp trong điều kiện mới, các kiến nghị thay thế, sửa chữa nhằm xây dựng chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản trong dài hạn.

Đối với các báo cáo tổng hợp tình hình XNK của Tỉnh, Ban Chỉ đạo đề án xuất khẩu Tỉnh cũng chỉ ra các vấn đề còn tồn tại, cũng như đề xuất một số phương án với từng đối tượng cụ thể nhằm giải quyết các vấn đề còn tồn tại.

Đánh giá kết quả thực hiện các chính sách xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh, tác giả sử dụng các tiêu chí tính khả thi của chính sách, tính hiệu quả của chính sách, tính khả dụng của chính sách, tính công bằng của chính sách, tính thống nhất của chính sách (hình 3.8).



Nguồn: Điều tra của tác giả

**Hình 3.8: Đánh giá của doanh nghiệp về kết quả thực hiện các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh**

Khảo sát các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo các tiêu chí trên ta nhận thấy, phần lớn đánh giá của các doanh nghiệp về hiệu quả của các chính sách chỉ dừng ở mức độ trung bình. Trong đó tính hiệu quả của các chính sách được đánh giá cao nhất với 36,62% doanh nghiệp đánh giá ở mức cao và rất cao, 46,68% doanh nghiệp đánh giá ở mức trung bình. Tiếp đến là tính khả dụng, với 35,55% doanh nghiệp đánh giá ở mức cao và rất cao, 51,11% doanh nghiệp đánh giá ở mức trung bình. Tính thống nhất là chỉ tiêu bị đánh giá thấp nhất trong các chỉ tiêu với 24,44 % doanh nghiệp đánh giá ở mức 1 và 2 (thấp và rất thấp), có khoảng 62,22% doanh nghiệp đánh giá tiêu chí này ở mức trung bình.

### 3.3. THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH THÚC ĐẨY XK-NLS VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CHÍNH SÁCH TỚI HOẠT ĐỘNG XK-NLS TỈNH HÀ TĨNH

#### 3.3.1. Thực trạng các chính sách thúc đẩy sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu của Tỉnh

##### 3.3.1.1. Chính sách định hướng phát triển sản xuất

Nhằm đảm bảo các quy định theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2050, UBND tỉnh Hà Tĩnh cũng đã phê duyệt quy hoạch phát triển nông, lâm sản. Đây là cơ sở quan trọng để tỉnh ban hành các chính sách phát triển nông, lâm sản.

Chính sách thúc đẩy sản xuất nông, lâm sản đã được Hà Tĩnh quan tâm từ nhiều năm trước thông qua việc ban hành hàng loạt chính sách liên quan đến phát triển: Trồng trọt, chăn nuôi, phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả ...

Các chính sách do Tỉnh ban hành đã có những tác động nhất định tới hoạt động sản xuất phục vụ xuất khẩu nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh. Chính sách xuất khẩu nông, lâm sản có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng tự do hóa từng bước thị trường và khuyến khích xuất khẩu nông, lâm sản. Đồng thời cơ chế quản lý hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản được chuyển dần từ quản lý chủ yếu bằng mệnh lệnh hành chính sang quản lý bằng công cụ pháp luật, kế hoạch, chính sách v.v.. Chính sách trợ cấp trực tiếp cho doanh nghiệp xuất khẩu và thưởng xuất khẩu đã góp phần làm cho sản xuất hàng xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản có sự gia tăng liên tục trong nhiều năm, tạo ra được thị trường mới đầy tiềm năng.

Cụ thể, theo báo cáo về tình hình thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp của UBND tỉnh Hà Tĩnh, tái cơ cấu trên các lĩnh vực, sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực, Tỉnh đã áp dụng những tiến bộ kỹ thuật về giống, công nghệ cao nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành và thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển giao trực tiếp từ nước ngoài về các công nghệ cao sản xuất rau củ quả trên đất hoang hóa ven biển, tổ chức chuỗi liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp và hợp tác xã đạt kết quả bước đầu trên quy mô hơn 90ha/quy hoạch 680ha.

Tăng diện tích trồng bưởi Phúc Trạch (1.100ha tăng 412ha so với 2010) và cam (3.294ha tăng 802ha so với 2010), tiếp tục phát huy chuỗi sản xuất chè bền vững của Công ty Cổ phần chè Hà Tĩnh, mở rộng diện tích chè tập trung đạt 1.103ha, tăng 153ha so với 2010; sản phẩm chè Hà Tĩnh đã xuất khẩu vào một số thị trường khó tính, nâng cao giá trị gia tăng.

Về lâm nghiệp, đã hình thành các vùng rừng trồng nguyên liệu tập trung, thâm canh, từng bước gắn chế biến tinh, sâu, giảm dần hướng tới dùng xuất khẩu dăm gỗ sau năm 2015. Tập trung chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án giao đất, giao

rừng, dự kiến cuối năm 2015 hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, độ che phủ rừng đạt 52,8%.

Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực của tỉnh, cùng với các chính sách khuyến khích phát triển; các huyện, thành phố, thị xã cũng đã xác định sản phẩm chủ lực của địa phương mình và có các chính sách đi kèm đã góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, hình thành nhiều mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả kinh tế cao trên tất cả các lĩnh vực.

Theo báo cáo của các huyện, thành phố, thị xã đến nay toàn tỉnh đã xây dựng được 1.583 mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả doanh thu trên 100 triệu đồng/năm; trong đó có 249 mô hình có doanh thu trên 1 tỷ đồng/năm; 151 mô hình có doanh thu từ 501 triệu đồng - 1 tỷ đồng/năm; 299 mô hình có doanh thu dự kiến từ 201 - 500 triệu đồng/năm; 884 mô hình có doanh thu từ 100 - 200 triệu đồng/năm.

Sự tham gia của các doanh nghiệp đầu tư, liên doanh, liên kết vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cũng có những tín hiệu đáng mừng; trong năm 2011, toàn tỉnh chỉ mới có 7 mô hình liên kết với doanh nghiệp thì đến năm 2012 đã có 363 mô hình và 9 tháng đầu năm 2013 xuất hiện thêm 32 mô hình liên kết. Các mô hình liên kết với doanh nghiệp chủ yếu thuộc lĩnh vực chăn nuôi, trồng trọt, điển hình như Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh, Công ty TNHH Hoàng Long, Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam, Công ty cổ phần Vật tư Nghệ An đã giúp người dân tạo ra khối lượng hàng hoá lớn, sản phẩm làm ra phù hợp với thị trường.

Như vậy, nhìn chung các chính sách định hướng hoạt động sản xuất nông, lâm sản phục vụ xuất khẩu của Tỉnh đã tương đối cụ thể và mang lại những kết quả khả quan. Tuy nhiên, các chính sách chủ yếu trong ngắn hạn, chưa có một chính sách chuyên biệt về sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu. Bên cạnh những mặt tích cực, còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Có thể kể đến như hiện nay chưa có một chiến lược xuất khẩu nông, lâm sản mang tính dài hạn, chính sách quản lý xuất khẩu nông sản bằng hạn ngạch được thu hẹp dần, chính sách quy định quyền tham gia xuất khẩu trực tiếp vô hình chung đã tạo vị thế độc quyền cho một số doanh nghiệp v.v..

### **3.3.1.2. Chính sách hỗ trợ hoạt động sản xuất**

Chính sách hỗ trợ hoạt động sản xuất là những chính sách hỗ trợ trực tiếp về kinh tế hoặc hỗ trợ gián tiếp bằng việc xây dựng cơ sở hạ tầng... qua đó tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp. Trong những năm qua, tỉnh Hà Tĩnh đã quan tâm và có nhiều biện pháp hỗ trợ đối với hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp của người dân, được thể hiện.

Các báo cáo của Tỉnh thời gian qua cho thấy hoạt động hỗ trợ hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh Hà Tĩnh chủ yếu tập trung vào hỗ trợ giống cây trồng, kinh phí hỗ trợ máy móc thiết bị, đào đào, tập huấn cho người sản xuất khá thấp. Bên cạnh

các hoạt động hỗ trợ trực tiếp đối với sản xuất nông, lâm nghiệp Hà Tĩnh cũng có các biện pháp hỗ trợ gián tiếp thông qua dự án đầu tư, chương trình phát triển cơ sở hạ tầng.

**Bảng 3.5: Tổng hợp các nguồn vốn thực hiện các dự án đầu tư, chương trình phát triển hoạt động sản xuất nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2010 – 2015**

Đơn vị: Triệu đồng

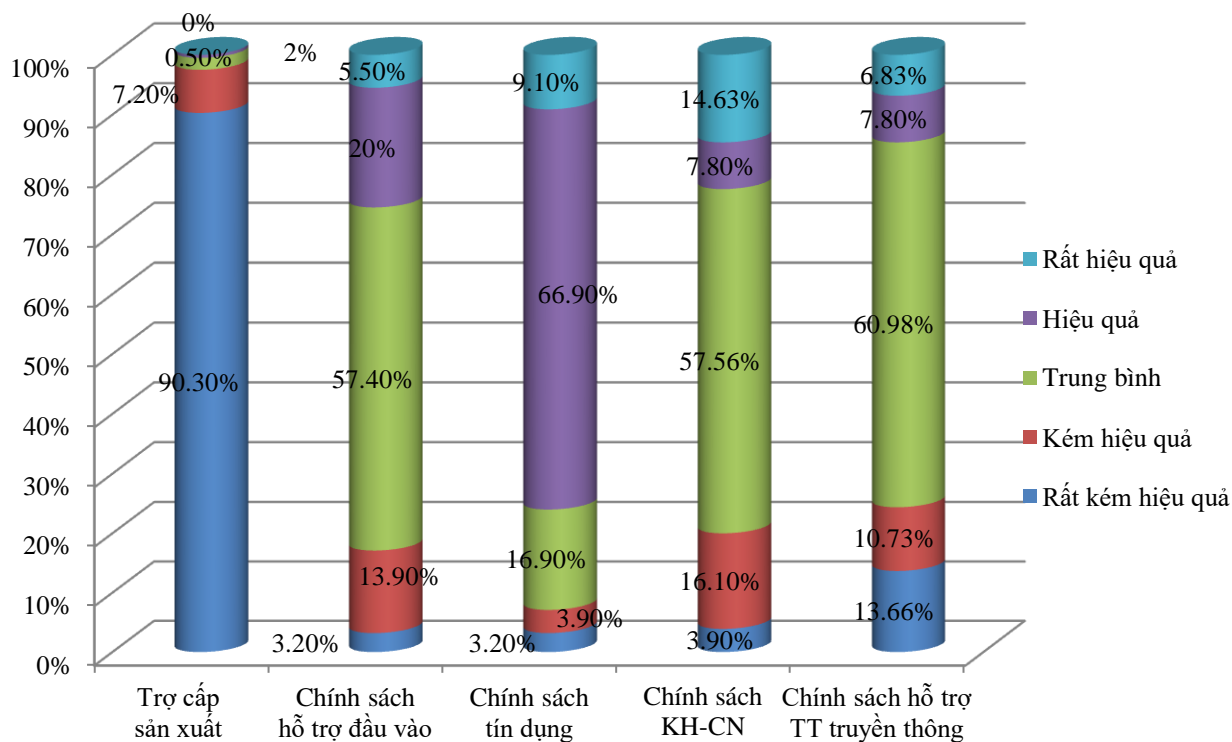
Chương trình	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tổng cộng
Chương trình Giống cây trồng, vật nuôi, giống cây lâm nghiệp.	6.600	17.450	13.000	5.208	9.000	10.000	61.258
Dự án 661 (BV và PTR bền vững)	41.552	20.000	25.000	27.608	20.000	27.000	16.1160
Hỗ trợ sản xuất theo chương trình 135 - Hỗ trợ phát triển sx	78.126 22.326	71.400 15.600	55.800 0	60.670 4.870	74.820 19.020	100.820 26.220	44.1636
Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định 193/QĐ-TTg	6.000	6.000	7.000	6.446	6.000	2.000	33.446
Chương trình nâng cấp đê sông, đê biển	265.000	215.000	80.000	76.613	73.000	100.000	809.613
Chương trình MTQG xây dựng NTM		11.000	96.904	94.927	166.982	147.000	505.813

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Một số chương trình, dự án tiêu biểu như: Chương trình Giống cây trồng, vật nuôi, giống cây lâm nghiệp; Dự án 661 (Bảo vệ và phát triển rừng bền vững); Hỗ trợ sản xuất theo chương trình 135; Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định 193/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình nâng cấp đê sông, đê biển, Chương trình 224 (phát triển nuôi trồng thủy hải sản); Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Chương trình phát triển kênh mương nội đồng; Giao thông nông thôn ... Các dự án này đều đã mang lại những kết quả tích cực, góp phần cải thiện cơ sở hạ tầng nông thôn, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Kết quả của các chính sách hỗ trợ hoạt động sản xuất được phản ánh qua đánh giá của các hộ sản xuất hàng nông, lâm sản phục vụ xuất khẩu (hình 3.9).





*Nguồn: Điều tra của tác giả*

**Hình 3.9: Đánh giá của hộ sản xuất về các chính sách hỗ trợ hoạt động sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu của tỉnh Hà Tĩnh**

**+ Trợ cấp sản xuất**

Theo kết quả điều tra các hộ sản xuất nông, lâm nghiệp, chính sách trợ cấp sản xuất được đánh giá thấp nhất (với 90,30% các hộ đánh giá ở mức rất thấp). Trên thực tế, chính sách này rất ít khi được áp dụng trừ một số mặt hàng đặc biệt.

**+ Chính sách hỗ trợ đầu vào**

Đây là chính sách hỗ trợ được Tỉnh áp dụng nhiều nhất thông qua việc hỗ trợ giống cây trồng, phân bón... Tuy nhiên, hiện nay chính sách này chỉ được đánh giá ở mức trung bình (57,40%) (hình 3.9).

Chính sách hỗ trợ đầu vào cho nông dân trong hoạt động sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu cũng bao gồm: hỗ trợ giống, hỗ trợ kinh phí mua máy móc thiết bị, hỗ trợ mô hình, hỗ trợ tập huấn ... trong giai đoạn vừa qua được thể hiện rõ nét trong bảng 3.6. Tuy nhiên, do nguồn lực hạn chế, nên kết quả đạt được chưa cao.

**Bảng 3.6: Danh mục các hoạt động hỗ trợ sản xuất nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2006-2015**

TT	Danh mục	ĐVT	Thực hiện 2006 - 2010	Thực hiện 2011 - 2015
	<b>Tổng kinh phí</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>17.790,85</b>	<b>201.788,6</b>
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ giống cây</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>2.621,3</b>	<b>16.031,6</b>
1	Giống bưởi	Vạn cây	3,2	22,1
2	Giống cam	Vạn cây	2,6	57,3
3	Giống chè	1.000 bầu	304,5	7.353,6
4	Giống mây	Bầu	118.500,0	-
5	Giống keo	Cây	532.500,0	600.000,0
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ giống con</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>9.550,0</b>	<b>53.859,0</b>
1	Bò giống	Con	1.800,0	34.788,0
2	Lợn giống	Con nái	2.350,0	8.906,0
<b>III</b>	<b>Hỗ trợ máy móc thiết bị</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>3.974,3</b>	<b>122.079,0</b>
1	Máy gặt đập liên hợp	Máy	-	393,0
2	Máy làm đất	Máy	80,0	2.288,0
3	Máy chế biến	May	52,0	4,0
4	Hỗ trợ mua máy Cày	Máy	-	162,0
<b>IV</b>	<b>Hỗ trợ mô hình</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>1.022,3</b>	<b>7.890,0</b>
1	Hỗ trợ các mô hình sản xuất	Mô hình	86,0	263,0
<b>V</b>	<b>Hỗ trợ tập huấn</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>623,0</b>	<b>1.929,0</b>
1	Số lớp tập huấn cam bưởi	Lớp	89,0	133,0
2	Số lượt người tham gia	Người	4.450,0	7.730,0

*Nguồn: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hà Tĩnh*

**+ Chính sách tín dụng cho người sản xuất**

Trong những năm gần đây, chính sách tín dụng đã được Tỉnh áp dụng rất thành công, cụ thể chính sách này đã tạo điều kiện, hỗ trợ cho rất nhiều người có vốn sản xuất, chính sách này được người sản xuất đánh giá cao nhất (với 66,9% đánh giá ở mức cao).

Chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng có mức hỗ trợ cao, trên nhiều lĩnh vực sản xuất, nhiều đối tượng được thụ hưởng đã tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân mạnh dạn đầu tư, mở rộng quy mô, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

Theo Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng về phát triển kinh tế nhanh và bền vững, lũy kế doanh số cho vay kể từ khi bắt đầu triển

khai chính sách đến ngày 31/12/2015 là 2.775 tỷ đồng với 28.483 lượt khách hàng được hỗ trợ lãi suất (trong đó: cá nhân, hộ gia đình 28.245 lượt vay; doanh nghiệp 47 lượt vay; hợp tác xã 104 lượt vay; chủ trang trại 87 lượt vay). Đối tượng vay vốn có hỗ trợ lãi suất tập trung chủ yếu đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; góp phần phát triển một số sản phẩm chủ lực với tốc độ cao, quy mô sản phẩm tương đối lớn được hình thành rõ nét (như: chăn nuôi lợn, hươu; bưởi Phúc Trạch; cam chất lượng cao; tôm và các hải sản đánh bắt có sản lượng lớn...); các doanh nghiệp, HTX thu mua chế biến và tiêu thụ nông sản, thủy sản được hình thành đã giải quyết một phần gánh nặng trong khâu tiêu thụ sản phẩm cho người dân và góp phần tăng thu ngân sách nhà nước từ việc nộp các khoản thuế, phí...

Nguồn vốn ngân sách bố trí để thực hiện hỗ trợ lãi suất đã góp phần giảm bớt khó khăn trong sản xuất kinh doanh cho người dân, tạo động lực cho người dân mạnh dạn vay vốn phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh; ước tính có khoảng 71.210 việc làm được tạo ra cho người dân tham gia vào hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp. Năm 2015: Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn giảm 0,78% so với năm 2012; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng khá, đạt trên 18 triệu đồng (tăng 1,3 lần so với năm 2012); tỷ lệ hộ nghèo giảm 3% so với năm 2012.

*+ Chính sách khoa học, công nghệ phục vụ sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu*

Về chính sách ứng dụng KH-CN vào sản xuất, Tỉnh xác định KH-CN là động lực then chốt để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sự cạnh tranh của sản phẩm. Tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích ứng dụng KH-CN vào sản xuất thông qua doanh nghiệp, nhất là về sản xuất giống, ứng dụng công nghệ cao, các kỹ thuật tiên tiến như chuyển giao công nghệ sản xuất rau, củ, quả công nghệ cao trên vùng đất cát hoang hóa ven biển; chuyển hướng sử dụng kinh phí khuyến nông hàng năm chủ yếu tập trung vào việc chuyển giao các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới thông qua các DN, hợp tác xã phát triển các chuỗi liên kết sản xuất các sản phẩm chủ lực (năm 2015 đã phê duyệt triển khai thực hiện hơn 30 mô hình khuyến nông, tổng kinh phí gần 4 tỷ đồng, trong đó 40% số mô hình thực hiện theo chuỗi liên kết với doanh nghiệp).

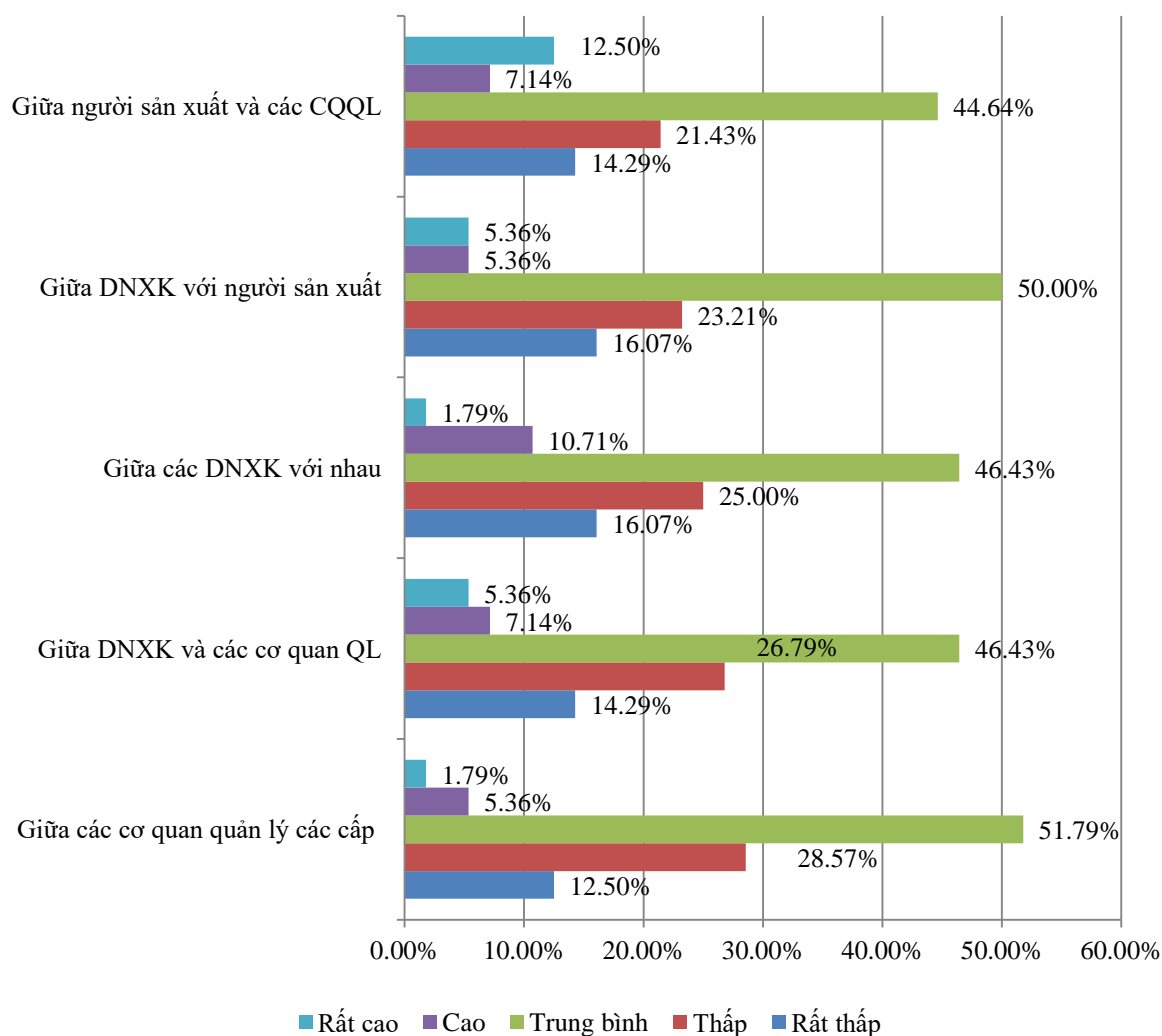
Hiện nay, các chính sách khoa học công nghệ đã và đang được áp dụng trong hoạt động sản xuất, chế biến nông, lâm sản. Tuy nhiên, hiệu quả thực tế của hoạt động này chưa cao. Qua kết quả điều tra cho thấy phần lớn các hộ dân đánh giá không cao chính sách này, cụ thể có đến 57,56% đánh giá chính sách này ở mức 3 (trung bình), 20 % đánh giá chính sách này kém hiệu quả. Trong thời gian tới, tỉnh Hà Tĩnh cần tăng cường các biện pháp triển khai áp dụng khoa học công nghệ vào hoạt động sản xuất, chế biến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Cùng với chính sách KH-CN, các chính sách cung cấp thông tin, tin tức thị trường cho hộ sản xuất, các doanh nghiệp cũng chưa được Tỉnh chú trọng. Cụ thể qua

kết quả khảo sát cho thấy: Có đến gần 61% hộ sản xuất đánh giá chính sách này ở mức trung bình, 24,39% đánh giá chính sách này kém hiệu quả (hình 3.9).

Nhìn chung, các chính sách hỗ trợ hoạt động sản xuất nông, lâm sản đã thực sự tạo động lực cho phát triển nông nghiệp nông thôn, hỗ trợ người nông dân đầu tư sản xuất theo hướng giá trị gia tăng và phát triển bền vững, góp phần tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Tuy nhiên, cơ chế phối hợp, liên kết giữa các bên trong việc thực thi các chính sách tỉnh Hà Tĩnh cũng là vấn đề đáng quan tâm hiện nay.



*Nguồn: Điều tra của tác giả*  
**Hình 3.10: Đánh giá của doanh nghiệp về sự phối hợp trong việc thực thi các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh**

Theo điều tra của tác giả, sự liên kết, phối hợp giữa người sản xuất, doanh nghiệp và các cơ quan quản lý hiện nay chưa tốt. Trong đó sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý đang là vấn đề cần quan tâm hàng đầu hiện nay, với tỉ lệ 51,79% doanh nghiệp đánh giá ở mức trung bình, 41,07% ở mức thấp và rất thấp. Cùng với đó là sự phối hợp giữa các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý, với 41,08 % doanh nghiệp đánh giá ở mức 1 và 2 (thấp và rất thấp), 46,3% doanh nghiệp đánh giá ở mức trung bình. Kết quả tích

cực nhất là sự phối hợp giữa người sản xuất và các cơ quan quản lý. Trong thời gian qua, bằng các biện pháp quy hoạch vùng sản xuất, cải cách các thủ tục hành chính cũng như nâng cao các biện pháp hỗ trợ người sản xuất, sự liên kết giữa người sản xuất và các cơ quan quản lý đã có những nét tích cực, tuy nhiên mức đánh giá vẫn chưa cao khoảng 44,64% đánh giá ở mức độ trung bình, gần 20% đánh giá ở mức cao và rất cao (hình 3.10).

Qua kết quả khảo sát có thể nhận thấy, sự phối hợp giữa các bên hiện nay là chưa thực sự tốt, làm ảnh hưởng đến hiệu quả của các chính sách. Trong thời gian tới, Tỉnh cần có các biện pháp nhằm tăng cường sự liên kết giữa người sản xuất, doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước để việc thực hiện các chính sách có hiệu quả hơn.

Tổng hợp lại những kết quả đánh giá có thể thấy trong những năm qua, tỉnh Hà Tĩnh đã có những biện pháp tích cực nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất, xuất khẩu nông, lâm sản. Tuy nhiên, hiệu quả của các chính sách này chưa thật cao. Người sản xuất vẫn thường xuyên phải đối mặt với nhiều rủi ro và khó khăn trong các hoạt động sản xuất, nguyên nhân chủ yếu có thể đến như: Trình độ nguồn nhân lực lao động còn hạn chế; thiếu vốn sản xuất; công nghệ sản xuất lạc hậu; chịu nhiều tác động tiêu cực của thiên tai: bão lũ, hạn hán, cháy rừng...

### **3.3.2. Thực trạng các chính sách thúc đẩy hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh**

#### **3.3.2.1. Các chính sách mang tính định hướng**

Đối với các chính sách hỗ trợ về xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh, Hà Tĩnh đã ban hành các chính sách như: *Chính sách phát triển thương mại nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Hà Tĩnh, đến năm 2020*; *Chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, sản phẩm xuất khẩu ...* Các chính sách này chịu tác động của một số quy định, chỉ đạo chung về phát triển nông nghiệp, hoạt động xuất khẩu của Nhà nước nói chung và tỉnh Hà Tĩnh nói riêng. Cụ thể như:

- Quyết định phê duyệt đề án “Phát triển thương mại nông thôn giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến năm 2020” của Thủ tướng Chính phủ (2010)
- Quyết định số 1786/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (2012), Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050.

Với những chính sách đó, trong những năm vừa qua, xuất khẩu nông, lâm sản của Hà Tĩnh đã có những bước phát triển khá. Tuy nhiên, thực tế cho thấy các chính sách định hướng hỗ trợ xuất khẩu của tỉnh chưa thực sự nổi bật.

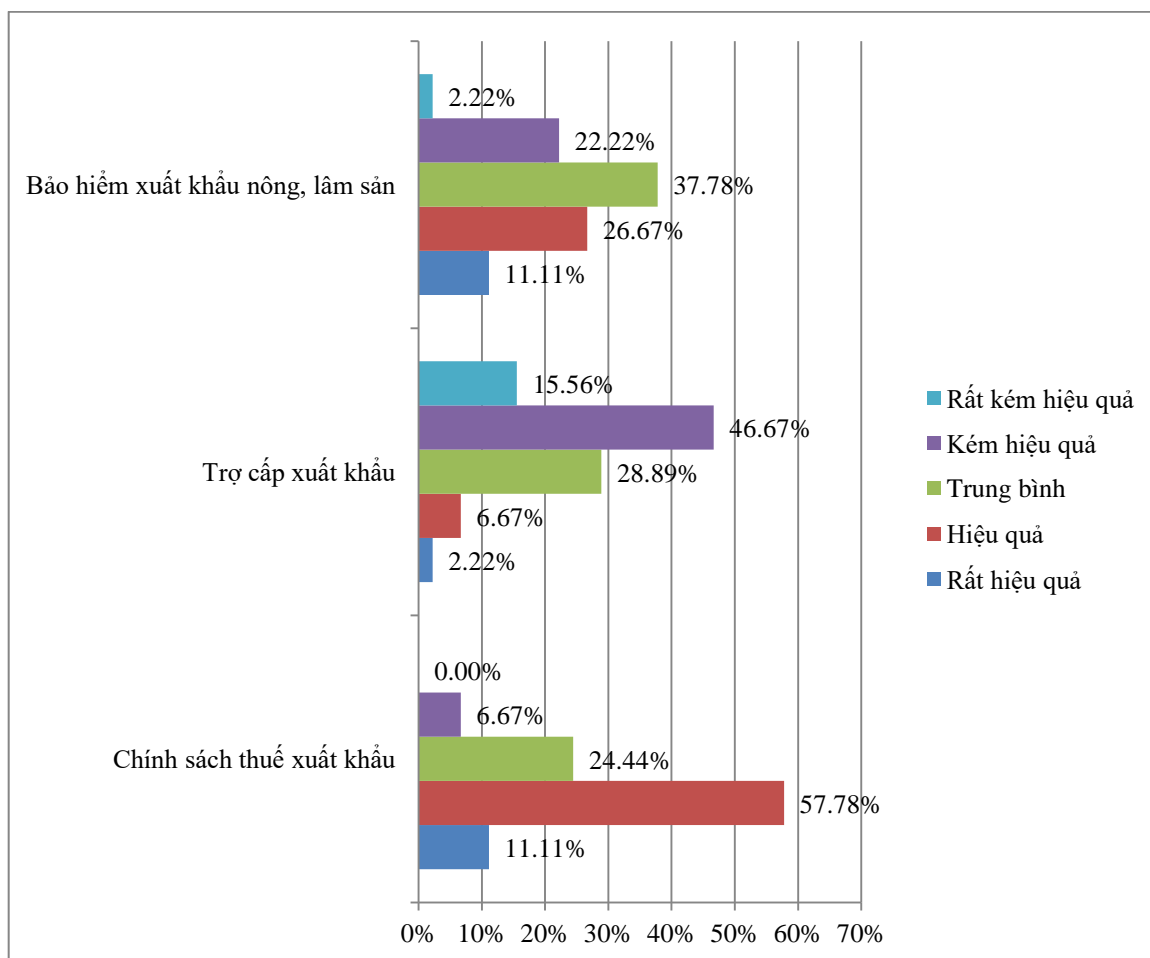
+ Về kết quả thực hiện *Chính sách phát triển thương mại nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Hà Tĩnh, đến năm 2020*, từ năm 2013 đến 31/12/2015:

Đã xây dựng và cải tạo nâng cấp được trên 50 chợ nông thôn (trong đó có 63 chợ được đánh giá đạt tiêu chí chợ nông thôn); Thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý 68 chợ; đã hỗ trợ xây dựng 09 mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm có hiệu quả, góp phần thúc đẩy sản xuất hàng hóa và giải quyết đầu ra cho nhà sản xuất; cụ thể như mô hình liên kết tiêu thụ lợn thịt, chuỗi các cửa hàng bán nông sản cho nông dân; liên kết trồng chè, tiêu thụ sản phẩm chè, liên kết tiêu thụ hải sản cho ngư dân...

+ Về kết quả thực hiện *Chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, sản phẩm xuất khẩu*, từ năm 2011 đến 31/12/2015: Chính sách ra đời đã góp phần đẩy mạnh phát triển hệ thống phân phối, thị trường tiêu thụ, lưu thông hàng hóa, tăng cường xúc tiến thương mại, khuyến khích phát triển xuất khẩu hàng hóa, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển; gia tăng chuỗi giá trị, hiệu quả và cải thiện khả năng cạnh tranh của hàng hóa, sản phẩm tại địa phương. Chính sách này hấp thu mạnh trong giai đoạn 2014-2015; giai đoạn này đã hỗ trợ cho 28 tổ chức, cá nhân để tiêu thụ một số sản phẩm chủ yếu: Bia Sài Gòn, khoáng sản, nông sản, chè xuất khẩu, sợi dệt may xuất khẩu, bông vải sợi, len, dạ, sản phẩm dược, tinh bột sắn, lạc, đậu xuất khẩu, sản phẩm thép mạ kẽm, lưới thép gai, sản xuất cọc dệt may xuất khẩu, chế biến và xuất khẩu sản phẩm thủy sản, tiêu thụ lợn thịt ... với số tiền hỗ trợ trên 11 tỷ đồng. Chính sách đã góp phần hỗ trợ, giải quyết những khó khăn về vốn, nguyên liệu, công nghệ, thị trường xuất khẩu, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh xuất khẩu trên địa bàn, góp phần nâng cao giá trị kim ngạch xuất khẩu. Từ năm 2012 đến nay đã có thêm hai mặt hàng mới (sợi, thuốc tân dược) và phát triển thêm 5 thị trường mới; kim ngạch xuất khẩu đối với nhóm đối tượng được hưởng hỗ trợ tăng đáng kể: Năm 2013 là 6.462.000 USD; năm 2014 là 17.712.000 USD; năm 2015 là 19.066.000 USD.

### **3.3.2.2. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu**

Theo kết quả khảo sát các doanh nghiệp xuất khẩu nông, lâm sản trên địa bàn Hà Tĩnh cho thấy, phần lớn các doanh nghiệp đánh giá các chính sách hỗ trợ hiện nay chỉ ở mức trung bình. Chính sách thuế trong những năm vừa qua được Hà Tĩnh quan tâm, điều chỉnh tích cực, được các doanh nghiệp đánh giá cao nhất (với tỉ lệ đánh giá ở mức hiệu quả là 57,78%) (hình 3.11).



Nguồn: Điều tra của tác giả

**Hình 3.11: Đánh giá của các doanh nghiệp xuất khẩu về các chính sách hỗ trợ của tỉnh Hà Tĩnh**

Đối với chính sách trợ cấp xuất khẩu, đây là chính sách ít được sử dụng nhất, với tỉ lệ đánh giá ở mức kém hiệu quả lên đến 46,67%. Đối với bảo hiểm xuất khẩu nông, lâm sản, đây không phải chính sách mới, nhưng chỉ thực sự phát triển trong vài năm gần đây, giúp các doanh nghiệp xuất khẩu hạn chế rủi ro, đảm bảo duy trì hoạt động xuất khẩu trong những tình huống xấu nhất. Tuy mới được áp dụng rộng rãi nhưng chính sách này đã nhận được những phản hồi tích cực từ phía các doanh nghiệp. Cụ thể có 64,45% doanh nghiệp đánh giá chính sách này ở mức trung bình và cao, đó là những kết quả rất tích cực.

Mặc dù trong những năm gần đây các biện pháp thúc đẩy XKNLS của tỉnh Hà Tĩnh đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Tuy nhiên vẫn tồn tại nhiều hạn chế, bên cạnh những lý do khách quan, bản thân các cơ quan quản lý, các chính sách cũng tồn tại nhiều bất cập làm giảm hiệu quả của các chính sách.

Kết quả điều tra khảo sát thực trạng một số yếu tố ảnh hưởng tới chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của Hà Tĩnh qua đánh giá của cán bộ quản lý. Sau khi tính toán, xử lý bằng phần mềm SPSS 16.0, quy ước mức độ từ không hiệu quả đến rất hiệu quả ứng với điểm số từ 1 đến 5, cho thấy: Hiện nay sự đồng bộ giữa các chính sách, quy định về xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh đang ở mức tương đối đồng

bộ (GTTB là 2.652), đã có những kết quả khả quan khi áp dụng các chính sách, quy định về xuất khẩu nông, lâm sản hiện thời.

Bên cạnh đó, hiệu quả của việc thanh tra, giám sát các hoạt động liên quan tới xuất khẩu nông, lâm sản cũng chỉ ở mức trung bình (GTTB là 2.322). Ngoài ra, đánh giá về sự hợp của DN và CBQL, người sản xuất và DN thì ở mức trung bình và tương đối hiệu quả tuy nhiên sự hợp tác giữa người sản xuất và CBQL còn thấp (GTTB là 1.911) (bảng 3.7).

**Bảng 3.7: Thực trạng một số yếu tố ảnh hưởng tới chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh qua đánh giá của cán bộ quản lý**

	GTNN	GTLN	GTTB	Độ lệch chuẩn
Sự đồng bộ của các chính sách, quy định về xuất khẩu nông, lâm sản	1	5	2.652	0.836
Sự đồng bộ giữa các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản với các chính sách khác của Tỉnh, Nhà nước	1	5	1.973	0.811
Hiệu quả của hoạt động thanh tra, giám sát	1	5	2.322	0.743
Sự hợp tác của DN và CBQL	1	4	2.562	0.854
Sự hợp tác của người sản xuất và DN	1	5	2.732	0.598
Sự hợp tác của người sản xuất và CBQL	1	5	1.911	0.659

*Nguồn: Điều tra của tác giả*

Trong sự phát triển kinh tế xã hội hiện nay, hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản nằm trong chuỗi các hoạt động kinh tế khác, ảnh hưởng và bị ảnh hưởng bởi các hoạt động khác. Vì vậy, các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản cũng cần phải phù hợp với các chính sách kinh tế khác, có thể kể đến như: chính sách phát triển kinh tế, xã hội chung của tỉnh, chính sách phát triển nông, lâm nghiệp, các chính sách về xuất nhập khẩu, tỉ giá,... Nhìn chung tỉnh Hà Tĩnh đã làm khá tốt vấn đề này, các chính sách thúc đẩy xuất khẩu, nông lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh đều được xây dựng dựa trên cơ sở các chính sách có sẵn, nghiên cứu kỹ tác động của chính sách đến các hoạt động kinh tế nói chung.

Tuy nhiên xét về tính đồng bộ giữa chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản với các chính sách của Tỉnh, Nhà nước thì còn chưa thực sự phù hợp. Cụ thể như tại Luật số 21/2012/QH13 của Quốc Hội về sửa đổi bổ sung một số điều của luật quản lý thuế, áp dụng từ 01/7/2013 quy định phải nộp thuế xuất khẩu trước khi thông quan hàng hóa đã gây rất nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp có giá trị kim ngạch xuất khẩu lớn, do số tiền thuế phải nộp trước khá lớn, trong khi hàng hóa mua bán quốc tế chủ yếu được thanh toán bằng thu



tín dụng (L/C), nhà xuất khẩu nhận lại số tiền trên nhanh nhất cũng sau 10 ngày giao hàng.

Thực tế cho thấy, tính thống nhất, đồng bộ giữa các chính sách là vấn đề của nhiều địa phương, Hà Tĩnh cũng không ngoại lệ, không chỉ các doanh nghiệp đánh giá không cao tiêu chí này, bản thân các nhà quản lý cũng cho rằng đây là khó khăn lớn cần giải quyết nếu muốn nâng cao hiệu quả của các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản.

### **3.3.2.3. Chính sách về sản phẩm và thị trường xuất khẩu**

#### *- Về sản phẩm nông, lâm sản xuất khẩu*

Tỉnh đã định hướng một số mặt hàng nông, lâm sản chủ lực phục vụ cho hoạt động xuất khẩu cụ thể được thể hiện tại Quyết định số 09 /2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh:

- Hàng nông nghiệp: gồm chè, lạc nhân, rau, củ, quả chế biến, thực phẩm chế biến, sắn (sắn lát, tinh bột sắn), ngô, đậu, các loại gia súc, gia cầm chế biến

- Hàng lâm nghiệp: gồm hàng thủ công mỹ nghệ, cảnh phẩm gỗ ván sàn; đồ gỗ gia dụng, trang trí nội ngoại thất

Nhìn chung, định hướng về các mặt hàng chủ lực xuất khẩu của Tỉnh tương đối sát với thực tế qua theo dõi việc xuất khẩu hàng hóa trong những năm gần đây. Tuy nhiên, theo Báo cáo tình hình thực hiện Đề án phát triển xuất khẩu tỉnh 8 tháng năm 2014 của Ban chỉ đạo thực hiện đề án xuất khẩu tỉnh Hà Tĩnh, sản phẩm hàng hóa xuất khẩu chủ yếu vẫn là hàng thô, mặt hàng có hàm lượng công nghệ chế biến cao còn chiếm tỷ lệ thấp, chủng loại hàng hóa xuất khẩu còn đơn điệu, chưa có mặt hàng mới xuất khẩu quy mô lớn. Hầu hết doanh nghiệp xuất khẩu đều kinh doanh theo kinh nghiệm, khả năng cạnh tranh thấp. Bên cạnh đó, nguyên liệu đầu vào để phục vụ cho các nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm xuất khẩu không đáp ứng đủ về số lượng và chất lượng cho các doanh nghiệp; doanh nghiệp phải mua nguyên liệu từ các tỉnh khác hoặc nhập khẩu từ nước ngoài để chế biến xuất khẩu, trong khi một số nguyên liệu sản xuất sẵn có trên địa bàn chưa có nhà máy chế biến xuất khẩu. Số doanh nghiệp vừa sản xuất, chế biến vừa xuất khẩu chiếm tỷ lệ ít (khoảng 25%), chủ yếu là các doanh nghiệp thương mại xuất khẩu mua hàng từ Lào, Thái Lan hoặc các tỉnh trong nước về và xuất khẩu, không qua chế biến nên giá trị gia tăng đạt thấp, nộp ngân sách không đáng kể.

#### *- Nghiên cứu thị trường*

Báo cáo tình hình thực hiện Đề án phát triển xuất khẩu tỉnh 8 tháng năm 2014 của Ban chỉ đạo thực hiện đề án xuất khẩu tỉnh Hà Tĩnh, thị trường xuất khẩu chủ yếu của Tỉnh vẫn là Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Nga, Lào, Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Pakistan, Afganistan. Thị trường Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Thời gian qua các doanh nghiệp đã nỗ

lực tìm kiếm thị trường xuất khẩu, một số sản phẩm đã có thị trường xuất khẩu mới như sản phẩm chè tại Anh v.v..

Như vậy, có thể thấy thị trường XK chưa có nhiều thay đổi, các doanh nghiệp XK vẫn phụ thuộc nhiều vào các thị trường Trung Quốc; nhất là đối với sản phẩm gỗ, cao su, tinh bột sắn, trong khi thị trường này thiếu ổn định và không bền vững.

*- Các hoạt động xúc tiến xuất khẩu*

Tỉnh có nhiều hoạt động hỗ trợ xúc tiến xuất khẩu các mặt hàng nói chung và nông, lâm sản nói riêng. Cụ thể hỗ trợ tại 4 điểm chính bao gồm:

- Hỗ trợ kinh phí tham gia hội chợ, hoạt động xúc tiến thương mại - đầu tư, khảo sát tìm kiếm thị trường xuất khẩu

- Các đơn vị xuất khẩu hàng hóa vào một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà chưa có đơn vị trong tỉnh xuất khẩu đến thị trường này hoặc xuất khẩu các mặt hàng mới (chưa có đơn vị trong tỉnh xuất khẩu) hoặc đảm bảo cả hai điều kiện này thì được hỗ trợ một lần kinh phí xúc tiến thương mại

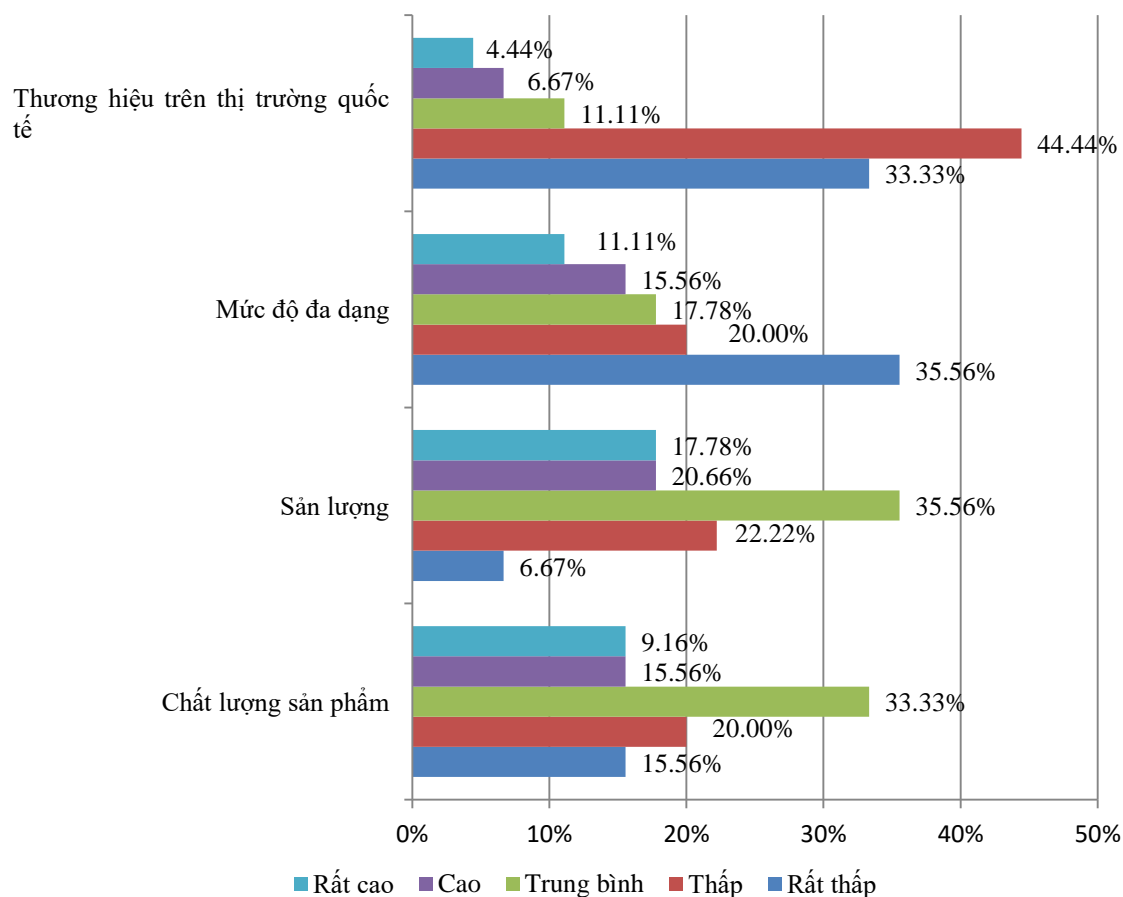
- Hỗ trợ trong tuyên truyền, quảng cáo trên nhiều hình thức như các ấn phẩm, phương tiện thông tin đại chúng, trang tin điện tử v.v..

- Hàng năm UBND tỉnh mở các lớp tập huấn miễn phí về hàng rào kỹ thuật trong Thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế; tư vấn xây dựng thương hiệu hàng hoá; tư vấn thủ tục hải quan; tổ chức cho một số doanh nghiệp, doanh nhân hoạt động xuất khẩu đi tham quan, học tập kinh nghiệm tại một số thị trường xuất khẩu trong và ngoài nước (do Ban chỉ đạo Đề án phát triển xuất khẩu của tỉnh chủ trì và hỗ trợ kinh phí thực hiện).

Một số hạn chế khó khăn còn tồn tại có thể kể đến như kinh phí xúc tiến thương mại của Tỉnh cũng như các doanh nghiệp còn rất hạn chế, bên cạnh đó, các doanh nghiệp xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ, năng lực cạnh tranh không cao, trình độ chuyên môn nghiệp vụ liên quan tới lĩnh vực xúc tiến thương mại còn yếu, khả năng tiếp cận các nguồn thông tin xúc tiến thương mại còn thấp.

### **3.3.3. Tác động của các chính sách tới hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh**

Về một số chỉ tiêu của các sản phẩm nông, lâm sản xuất khẩu tỉnh Hà Tĩnh đa số các doanh nghiệp đánh giá khá thấp mức độ đa dạng của các sản phẩm nông, lâm sản xuất khẩu của Hà Tĩnh (có khoảng gần 90% doanh nghiệp đánh giá mức độ đa dạng ở mức thấp và trung bình, hình 3.12).



Nguồn: Điều tra của tác giả

**Hình 3.12: Đánh giá của doanh nghiệp về một số chỉ tiêu của các sản phẩm nông, lâm sản xuất khẩu tỉnh Hà Tĩnh**

Cũng tương tự như vậy, chất lượng của các sản phẩm nông, lâm sản xuất khẩu chỉ dừng lại ở mức trung bình, khó tiếp cận các thị trường khó tính với yêu cầu cao về mặt chất lượng và các tiêu chí kỹ thuật của sản phẩm. Hình ảnh, thương hiệu của các sản phẩm trên thị trường quốc tế cũng rất hạn chế (có tới 77,77% doanh nghiệp đánh giá ở mức thấp và rất thấp). Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến thương hiệu của sản phẩm nông, lâm sản trên thị trường quốc tế là các hoạt động xúc tiến, quảng bá hình ảnh. Hiệu quả của hoạt động xúc tiến, quảng bá hình ảnh thương hiệu các sản phẩm nông, lâm sản hiện nay chưa cao.

Kết quả điều tra thực tế về hiệu quả hoạt động xúc tiến, quảng bá hình ảnh thương hiệu sản phẩm nông, lâm sản tỉnh Hà Tĩnh, với quy ước mức độ từ cao đến thấp ứng với điểm số từ 1 đến 5, cho thấy: Hiện nay hoạt động xúc tiến, quảng bá hình ảnh thương hiệu các sản phẩm nông, lâm sản của Tỉnh đang ở mức trung bình. Đối với cán bộ quản lý (GTTB là 2.192), đối với doanh nghiệp (GTTB là 1.969) và người sản xuất (GTTB là 2.513) đều ở mức chưa thực sự hiệu quả, chưa hỗ trợ tích cực cho việc thúc đẩy XK NLS của các DN trong Tỉnh (bảng 3.8).

**Bảng 3.8: Đánh giá hiệu quả hoạt động xúc tiến, quảng bá hình ảnh thương hiệu sản phẩm nông, lâm sản tỉnh Hà Tĩnh**

	GTNN	GTLN	GTTB	Độ lệch chuẩn
Đối với Cán bộ quản lý	1	5	2.192	0.834
Đối với Doanh nghiệp	1	5	1.969	0.658
Đối với Người sản xuất	1	4	2.513	0.742

*Nguồn: Điều tra của tác giả*

Kết quả điều tra thực tế các doanh nghiệp về các khó khăn trong sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh được thể hiện ở trong bảng 3.9.

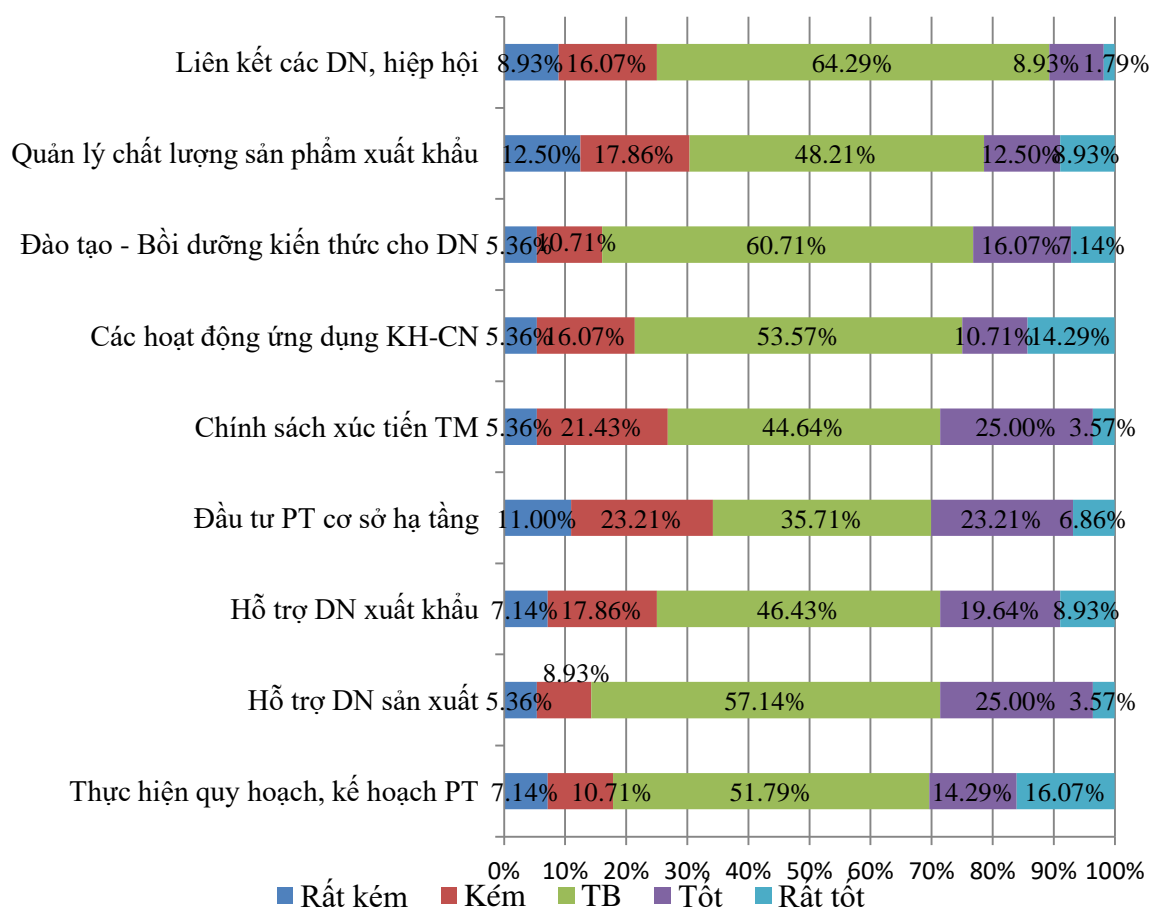
**Bảng 3.9: Đánh giá của doanh nghiệp về các khó khăn trong sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

	GTNN	GTLN	GTTB	Độ lệch chuẩn
Quy mô doanh nghiệp nhỏ	1	5	2.879	0.855
Thiếu nguồn vốn	1	5	3.123	0.712
Nguồn nguyên liệu chưa đáp ứng được nhu cầu	1	4	2.132	0.941
Công nghệ sản xuất lạc hậu	1	5	2.237	0.633
Trình độ nguồn nhân lực còn thấp	1	5	2.698	0.841
Chính sách hỗ trợ của chính quyền chưa hiệu quả	1	4	2.568	0.784
Chịu nhiều tác động tiêu cực từ thị trường	1	5	2.621	0.693

*Nguồn: Điều tra của tác giả*

Phân tích kết quả cho thấy: Quy mô doanh nghiệp và nguồn vốn đang là hai yếu tố khó khăn nhất của DN khi tham gia hoạt động XKNLS (GTTB là 2.879 và GTTB là 3.123). Bên cạnh đó, trình độ nguồn nhân lực còn thấp (GTTB là 2.698) và các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả (GTTB là 2.568). Ngoài ra, khó khăn về công nghệ sản xuất và nguồn nguyên liệu cũng đang là những vấn đề doanh nghiệp XKNLS tỉnh Hà Tĩnh gặp phải trong hoạt động XKNLS của mình. Hạn chế về nguồn vốn, quy mô sản xuất cũng như công nghệ sản xuất làm giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường do chi phí sản xuất cao, sản phẩm không có uy tín, thương hiệu trên thị trường, làm hạn chế đáng kể hiệu quả xuất khẩu.

Bên cạnh những hạn chế nêu trên, hoạt động thực thi các chính sách thúc đẩy XKNLS của Tỉnh đang tồn tại một số khó khăn nhất định.



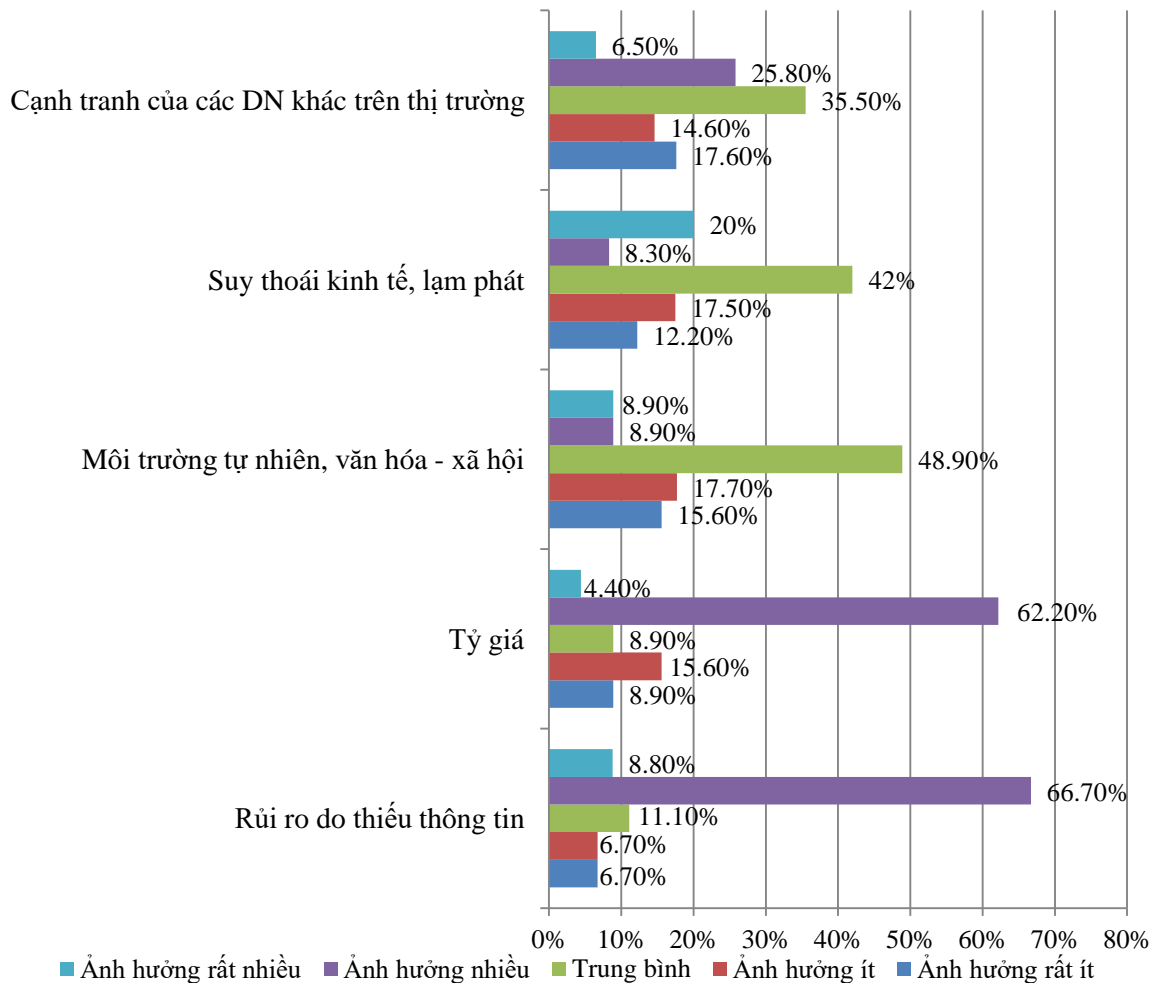
Nguồn: Điều tra của tác giả

**Hình 3.13: Đánh giá của doanh nghiệp về một số hoạt động nhằm thực thi chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh**

Cụ thể, qua khảo sát đối với các doanh nghiệp xuất nhập khẩu của tỉnh cho thấy việc thực thi các chính sách XKNLS của tỉnh Hà Tĩnh chỉ dừng ở mức độ trung bình với phần lớn các tiêu chí đạt mức 3 (mức trung bình) (hình 3.13).

Có thể kể đến một số tiêu chí quan trọng như hiệu quả của chính sách đối với việc hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp xuất khẩu nông, lâm sản, hiện nay hiệu quả của chính sách với DN sản xuất được đánh giá cao hơn với 57,14% đánh giá ở mức 3 và 28,57% đánh giá ở mức 4 và 5 (mức tốt và rất tốt). Các chỉ tiêu về hoạt động ứng dụng khoa học kỹ thuật, đào tạo bồi dưỡng kiến thức cho doanh nghiệp và quản lý chất lượng sản phẩm cũng được đánh giá khá cao mức độ đánh giá ở mức 3-5 khoảng 70 -80%.

Thực trạng ảnh hưởng của các rủi ro đối với doanh nghiệp XKNLS tỉnh Hà Tĩnh được phản ánh qua hình 3.14.

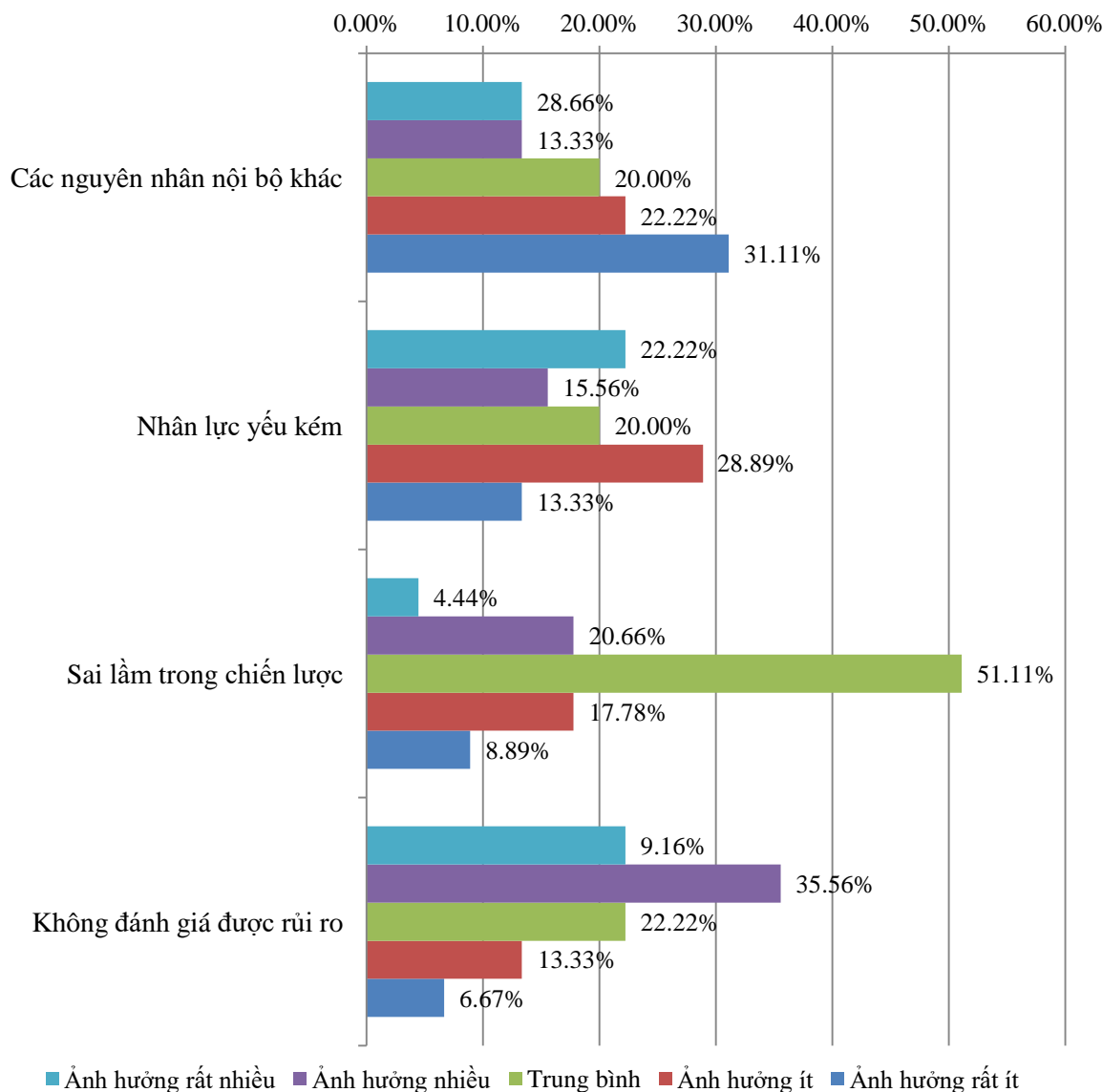


Nguồn: Điều tra của tác giả

**Hình 3.14: Đánh giá của doanh nghiệp về thực trạng ảnh hưởng của các rủi ro đối với hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản tỉnh Hà Tĩnh**

Kết quả điều tra thực tế cho thấy rủi ro do thiếu thông tin, tỉ giá là những nguy cơ thường trực đối với các doanh nghiệp xuất khẩu nông lâm sản hiện nay, trong đó rủi ro do thiếu thông tin ảnh hưởng lớn nhất với 75,5% doanh nghiệp đánh giá mức độ ảnh hưởng cao và rất cao, con số này với rủi ro về tỉ giá là 66,6% doanh nghiệp. Những nguyên nhân gây ra rủi ro còn lại: cạnh tranh từ các DN, suy thoái kinh tế, thiên tai, dịch họa, khác biệt về văn hóa, pháp lý chỉ được đánh giá ở mức trung bình. Tuy nhiên đây có thể là hạn chế của các doanh nghiệp xuất khẩu nông, lâm sản hiện nay. Các yếu tố nói trên luôn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro, có thể gây ra những thiệt hại rất lớn cho DN, DN hiện nay còn đang chủ quan, chưa đánh giá hết các nguy cơ tiềm ẩn rủi ro.

Nguyên nhân chủ quan của các rủi ro được khảo sát và đánh giá qua hình 3.15.



*Nguồn: Điều tra của tác giả*

**Hình 3.15: Đánh giá của DN về rủi ro xuất phát từ các nguyên nhân chủ quan**

Kết quả điều tra cho thấy, nguyên nhân *không nhận thức, đánh giá được rủi ro* có ảnh hưởng lớn nhất tới hoạt động của DN (45,71% doanh nghiệp đánh giá ảnh hưởng ở mức cao và rất cao), vấn đề này xuất phát từ việc thiếu thông tin cần thiết và năng lực, kinh nghiệm đánh giá rủi ro của DN còn nhiều hạn chế.

Nguyên nhân từ sai lầm trong chiến lược kinh doanh được đánh giá ở mức độ trung bình (51,11%). Nhân lực hạn chế cũng là một trong những nguyên nhân gây rủi ro cho doanh nghiệp (57,78% doanh nghiệp đánh giá ở mức trung bình và cao). Ngoài những nguyên nhân trên còn một số nguyên nhân trong nội bộ doanh nghiệp khác như: máy móc, công nghệ sản xuất, tình hình tài chính... cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro đối với doanh nghiệp.

Tổng hợp lại những kết quả đánh giá có thể thấy trong những năm qua, tỉnh Hà Tĩnh đã có những biện pháp tích cực nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất, XKNLS.

Tuy nhiên, hiệu quả của các chính sách này chưa thật cao. Người sản xuất vẫn thường xuyên phải đối mặt với nhiều rủi ro và khó khăn trong các hoạt động sản xuất, nguyên nhân chủ yếu có thể đến như: Trình độ nguồn nhân lực lao động còn hạn chế; thiếu vốn sản xuất; công nghệ sản xuất lạc hậu...

**Bảng 3.10: Đánh giá của các hộ sản xuất kinh doanh về một số yếu tố tác động tới sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu của tỉnh Hà Tĩnh**

	GTNN	GTLN	GTTB	Độ lệch chuẩn
Trình độ nguồn nhân lực	1	5	2.392	0.834
Nguồn vốn phục vụ sản xuất	1	5	2.952	0.658
Ứng dụng các công nghệ mới vào hoạt động sản xuất	1	4	2.943	0.742
Hiệu quả của các chính sách hỗ trợ sản xuất của địa phương	1	4	2.705	0.852
Sự ảnh hưởng của các tác động tiêu cực từ thiên nhiên như hạn hán, lũ lụt v.v..	1	5	3.876	0.726

*Nguồn: Điều tra của tác giả*

Kết quả điều tra về mức độ của các yếu tố liên quan tới hoạt động sản xuất nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi tính toán bằng phần mềm SPSS, với quy ước mức độ từ cao đến thấp ứng với điểm số từ 1 đến 5, cho thấy: Hiện nay trình độ nguồn nhân lực theo đánh giá của người nông dân đang ở mức bình thường (GTTB: 2.392). Để đạt được các mục tiêu phát triển XKNLS, trình độ nguồn nhân lực là yếu tố rất quan trọng, Tỉnh cần chú trọng nâng cao yếu tố này trong thời gian tới. Đối với yếu tố nguồn vốn phục vụ sản xuất, GTTB ở mức 2.952, đang ở mức thấp, là nguyên nhân hàng đầu gây ra khó khăn cho các hộ sản xuất hiện nay, thiếu vốn sẽ làm hạn chế khả năng sản xuất của các hộ dân, gây ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu cho hoạt động xuất khẩu. Tiếp đến sự hạn chế về công nghệ sản xuất (GTTB: 2.943), công nghệ sản xuất lạc hậu không những làm giảm năng suất mà còn ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, là tăng giá thành sản xuất. Bên cạnh đó những chính sách hỗ trợ của địa phương chưa thực sự hiệu quả (GTTB: 2.705) cũng làm cho hoạt động sản xuất không phát huy hết tiềm năng sẵn có. Một trong những khó khăn không thể không kể đến đó là sự ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh (GTTB: 3.876). Hà Tĩnh là địa phương thường xuyên chịu tác động của thiên tai, nên những khó khăn này luôn thường trực với những người sản xuất ở đây (bảng 3.10).



### 3.4. ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH THỨC ĐẨY XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM SẢN CỦA TỈNH HÀ TĨNH

#### 3.4.1. Đánh giá chung

Kết quả phân tích thực trạng cho thấy hiệu quả của một số chính sách thúc đẩy XKNLS của Hà Tĩnh thời gian qua được đánh giá khá cao, đặc biệt là hiệu quả của chính sách hỗ trợ các hoạt động sản xuất và doanh nghiệp xuất khẩu nông, lâm sản; Các chính sách thúc đẩy ứng dụng khoa học kỹ thuật, đào tạo bồi dưỡng kiến thức cho doanh nghiệp và quản lý chất lượng sản phẩm cũng được đánh giá tương đối tốt. Tuy nhiên, về tổng thể hiệu quả chung của các chính sách thúc đẩy XKNLS vẫn còn ở mức thấp, lợi ích thu được (thông qua các chỉ số về sản lượng, chất lượng, giá trị kim ngạch xuất khẩu...) còn thấp so với các chi phí đầu tư (từ nguồn ngân sách và các nguồn khác).

Tính hiệu lực của các chính sách thúc đẩy XKNLS chưa cao (chủ yếu được đánh giá ở mức trung bình và thấp), nhiều chính sách chưa phù hợp với tình hình thực tế và chưa góp phần thực hiện các mục tiêu đặt ra. Do chưa theo kịp tình hình thực tế nên nhiều chính sách thúc đẩy XKNLS có tính khả thi thấp.

Khả năng đáp ứng của các chính sách thúc đẩy XKNLS đối với các yêu cầu đặt ra của các doanh nghiệp cũng như các tổ chức cá nhân hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu nông lâm sản của Tỉnh chưa cao. Các chính sách liên quan đến sản xuất, sản phẩm, các chính sách liên quan đến hoạt động xúc tiến, quảng bá, phát triển thị trường được đánh giá ở mức trung bình; Các chính sách về bảo hiểm, rủi ro, các dịch vụ hỗ trợ chưa được đánh giá cao.

Về cơ bản, các chính sách khi được nghiên cứu xây dựng đều bắt nguồn từ những vấn đề thực tế, cố gắng giải quyết được các vấn đề thể hiện ở các mục tiêu của chính sách. Tuy nhiên, một số chính sách do quá trình xây dựng và thực thi chưa tốt nên khả năng giải quyết các vấn đề cụ thể như ổn định việc làm, tăng thu nhập cho doanh nghiệp và người lao động, chất lượng hàng hóa xuất khẩu hay chính sách mở rộng thị trường xuất khẩu...chưa giải quyết được vấn đề và chưa mang lại hiệu quả thực tế cho các đối tượng liên quan.

Các kết quả cụ thể và các vấn đề tồn tại của các chính sách thúc đẩy XKNLS của tỉnh Hà Tĩnh được đánh giá cụ thể sau đây.

#### 3.4.2. Những thành tựu đạt được

##### 3.4.2.1 Về quy trình hoạch định chính sách thúc đẩy XK nông, lâm sản

- Công tác hoạch định chính sách, dự báo thị trường được Hà Tĩnh quan tâm đúng mực. Tỉnh đã xây dựng Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất nông nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành nông, lâm nghiệp, cũng như các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản.

- Công tác tổ chức thực hiện chính sách về cơ bản được thực hiện hiệu quả. Tỉnh xác định rõ được cách thức triển khai các quy định, chính sách cụ thể, nêu rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, các sở, ban, ngành v.v.. đồng thời giao đơn vị chủ trì, nhằm phối hợp các bên liên quan. Nhìn chung, việc tổ chức thực hiện chính sách của Tỉnh đã góp phần tháo gỡ nhiều khó khăn cho hoạt động XK-NLS, giúp các doanh nghiệp xuất khẩu có điều kiện mở rộng thị trường, quảng bá thương hiệu, cải tiến công nghệ, tạo công ăn việc làm cho người lao động v.v..

- Thực hiện đánh giá định kỳ hoạt động xuất khẩu thông qua các báo cáo từ các cấp địa phương, phiếu khảo sát đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu trên địa bàn Tỉnh. Công tác báo cáo được thực hiện chủ yếu bởi Cục thống kê Hà Tĩnh và Ban Chỉ đạo đề án xuất khẩu tỉnh (Sở Công thương Hà Tĩnh), phối hợp với các đơn vị liên quan như Cục Hải quan, Cục Thuế Hà Tĩnh v.v.. Các báo cáo phản ánh được kết quả thực hiện so với mục tiêu đặt ra với các số lượng thống kê tương đối đầy đủ về các chỉ tiêu như quy mô, tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu, cơ cấu hàng xuất khẩu, thị trường xuất khẩu v.v..

#### **3.4.2.2. Về các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản**

Qua phân tích thực trạng xuất khẩu nông, lâm sản cũng như các chính sách thúc đẩy xuất khẩu của tỉnh Hà Tĩnh cho thấy, trong thời gian quan hoạt động xuất khẩu đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, các chính sách thúc đẩy xuất khẩu cũng đã mang lại những hiệu quả nhất định. Có thể kể đến những kết quả như:

- Chính sách quy hoạch các vùng nguyên liệu chuyên canh phục vụ sản xuất hàng nông lâm sản xuất khẩu có hiệu quả, đồng thời đẩy mạnh khai hoang những diện tích đất chưa sử dụng giúp gia tăng nguồn cung ứng các sản phẩm nông, lâm sản xuất khẩu, góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người dân địa phương, xóa đói giảm nghèo.

- Chính sách đẩy mạnh phát triển lâm nghiệp tạo sản phẩm hàng hóa cho xuất khẩu, đi đôi với quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững giai đoạn 2012-2015, định hướng đến năm 2020 của Tỉnh giúp sản lượng xuất khẩu gỗ ở mức ổn định. Diện tích rừng trồng cơ bản đáp ứng được nhu cầu, giải quyết được công ăn việc làm cho người dân đồng thời góp phần phát triển hoạt động xuất khẩu chung của Tỉnh.

- Chính sách về mặt hàng xuất khẩu của Tỉnh tập trung vào những sản phẩm chủ lực, có giá trị cao, cơ cấu các mặt hàng từng bước cải thiện theo hướng tăng dần tỷ trọng các sản phẩm đã qua chế biến và giảm dần tỷ trọng các hàng hóa thô.

- Chính sách về thị trường xuất khẩu của Tỉnh trong giai đoạn hiện nay là đa dạng hóa thị trường, tiếp tục duy trì được các thị trường truyền thống như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc v.v.. Các DN của tỉnh với sự hỗ trợ của Nhà nước không ngừng tìm kiếm các đối tác xuất khẩu ở những thị trường mới, đồng thời đa dạng hóa sản

phẩm, tăng thị phần tại những thị trường truyền thống, tăng cường sự hợp tác với các quốc gia xuất khẩu liền kề như Thái Lan, Lào.

- Chính sách về nghiên cứu thị trường, hàng hóa, các chính sách thương mại v.v. đã được tỉnh quan tâm, đầu tư. Tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện đề án xuất khẩu chỉ đạo, thực hiện đề án phát triển xuất khẩu trong giai đoạn 2007-2010; định hướng đến năm 2020 với các báo cáo về hoạt động xuất khẩu hàng hóa, thị trường xuất khẩu, cơ cấu hàng xuất khẩu v.v.. góp phần định hướng hoạt động xuất khẩu trong từng giai đoạn.

- Chính sách phát triển nguồn nhân lực trong sản xuất nông, lâm nghiệp là một trong những điểm mạnh của Hà Tĩnh. Tỉnh đã tổ chức nhiều đợt tập huấn, học tập, đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ. Đến nay, đội ngũ nhân lực ổn định, có kinh nghiệm sản xuất giúp các DN tiết kiệm chi phí, dễ dàng tuyển dụng, đồng thời ổn định nguồn nguyên liệu cho hoạt động xuất khẩu.

Trong những năm qua các chính sách hỗ trợ của Tỉnh đối với hoạt động XK-NLS là tương đối bao quát các hoạt động từ sản xuất đến kinh doanh xuất khẩu. Đồng thời, các chính sách hiện nay cũng phù hợp với những chính sách kinh tế, xã hội khác, tạo ra thuận lợi cho việc thực thi, nâng cao hiệu quả của chính sách. Những chính sách tiêu biểu có thể kể đến như:

- Chính sách hỗ trợ đầu vào: Tỉnh luôn có những chính sách hỗ trợ về cây giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho hoạt động trồng rừng, sản xuất nông, nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người sản xuất.

- Chính sách tín dụng: Bên cạnh những hỗ trợ trực tiếp, Tỉnh tạo điều kiện cho người sản xuất và doanh nghiệp vay vốn với lãi suất thấp, thời hạn vay dài, nhằm hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp và người sản xuất.

- Chính sách thuế: Đối với các doanh nghiệp, nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong cạnh tranh, tất cả các hàng hóa nông, lâm sản được miễn thuế.

Bên cạnh những biện pháp hỗ trợ truyền thống, tỉnh đã triển khai áp dụng một số biện pháp hỗ trợ mới, linh hoạt, sáng tạo phù hợp với các điều kiện thực tiễn của địa phương.

Trong những năm gần đây, Tỉnh đã chú trọng đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, phục vụ sản xuất hướng tới việc phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng bền vững, tạo ra nguồn nguyên liệu ổn định phục vụ xuất khẩu. Trong những năm qua tỉnh liên tục có các dự án xây dựng đường nông thôn, liên huyện, liên tỉnh, cải tạo hệ thống thủy lợi nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa, giảm chi phí vận chuyển.

### **3.4.3. Những hạn chế và nguyên nhân**

#### **3.4.3.1. Một số hạn chế**

*\* Thứ nhất, về quy trình chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản:*

- Công tác hoạch định chính sách còn thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các Sở, ban, ngành trong tỉnh, dẫn đến một số chính sách chưa phù hợp, chưa sát với thực tiễn, nguồn lực để thực thi chính sách nhiều hạn chế nên chưa có những chính sách đủ mạnh, đồng bộ để có thể tạo được "cú huých" trong phát triển nông nghiệp.

- Hoạch định chính sách chủ yếu dựa trên các đánh giá, quan điểm của người hoạch định, việc lấy ý kiến tham gia của các đối tượng chịu sự điều chỉnh trực tiếp của chính sách còn ít, việc tiếp thu ý kiến của các ban, ngành trong tỉnh chưa thực sự chủ động.

- Tỉnh đã thuê các tổ chức, chuyên gia hoạch định chính sách về phát triển kinh tế, xã hội tuy nhiên đối với lĩnh vực xuất khẩu nông, lâm sản, là lĩnh vực đóng góp tương đối lớn trong GDP của tỉnh thì chưa thực sự được quan tâm đúng mức.

- Chưa tạo được kênh thông tin góp ý hiệu quả giữa người sản xuất, doanh nghiệp, nhà nghiên cứu và cán bộ quản lý hoạt động xuất khẩu trong quá trình hoạch định chính sách. Cùng với đó các biện pháp hỗ trợ của Tỉnh chưa thực sự đồng bộ, thường chỉ đem lại hiệu quả trong thời gian ngắn, chưa mang tính ổn định, lâu dài.

- Nhận thức về đánh giá chính sách xuất khẩu nông, lâm sản còn đơn giản, mặc dù Tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo đề án xuất khẩu Tỉnh nhưng công tác đánh giá mới ở mức cơ bản, chưa đi sâu và giải quyết cụ thể các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của địa phương. Đồng thời, công tác đánh giá chủ yếu từ phía cơ quan ban hành chính sách, các doanh nghiệp xuất khẩu chỉ một bộ phận thường xuyên có các báo cáo thường niên về hoạt động kinh doanh có liên quan tới xuất khẩu, vì vậy hiệu quả đánh giá chưa cao.

- Thiếu các tiêu chí đánh giá một cách khoa học, toàn diện; Việc đánh giá chính sách chưa căn cứ trên các bộ tiêu chí đánh giá chính sách được thiết kế phù hợp với từng loại chính sách.

- Kinh phí dành cho việc đánh giá chính sách còn hạn chế. Công tác đánh giá chính sách là khâu rất quan trọng góp phần xác định rõ các vấn đề, khó khăn trong hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản. Tuy nhiên hiện nay chi phí cho công tác đánh giá của Tỉnh còn hạn chế.

- Công tác triển khai chính sách thực hiện chưa thực sự hiệu quả, sự liên kết giữa người sản xuất, doanh nghiệp, cán bộ quản lý, nhà khoa học trong quá trình triển khai còn thấp dẫn đến hiệu quả hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản chưa cao.

- Công tác quy hoạch các dự án chưa thực sự hiệu quả, một số dự án sản xuất, chế biến xuất khẩu gỗ không đảm bảo đúng tiến độ hoặc chuyển đổi mục đích dự án như Dự án chế biến gỗ Phonesack - Vũng Áng v.v. đồng thời theo kế hoạch một số

nhà máy chế biến dăm gỗ xuất khẩu đến năm 2015 phải chuyển đổi mục đích hoặc ngừng sản xuất, làm ảnh hưởng lớn đến kim ngạch xuất khẩu năm 2014.

*\* Thứ hai, về các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản:*

- Xuất phát điểm về sản xuất và xuất khẩu của tỉnh Hà Tĩnh còn thấp, sản xuất hàng hóa chưa phát triển, cách thức tổ chức sản xuất, chế biến xuất khẩu còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Một số nội dung của các chính sách chưa thực sự phù hợp, sát với thực tế, ảnh hưởng tới tốc độ phát triển của hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản trên địa bàn Tỉnh và chưa thực sự tương xứng với tiềm năng sẵn có. Thị trường xuất khẩu chưa đa dạng, còn phụ thuộc vào các thị trường lớn như Trung Quốc nhất là đối với sản phẩm gỗ, cao su, tinh bột sắn, trong khi thị trường này thiếu ổn định và không bền vững. Tuy đã có những hoạt động nhằm mở rộng thị trường tuy nhiên chủ yếu vẫn tập trung tại các thị trường trong khu vực Châu Á.

- Chính sách về hàng hóa chủ lực của Tỉnh đã được xác định, tuy nhiên mới chỉ hướng tới việc xuất khẩu qua chế biến mà chưa chỉ rõ ra phương hướng để thực hiện chuyển đổi việc xuất khẩu các mặt hàng thô, có hàm lượng chế biến thấp sang mặt hàng qua chế biến nhằm nâng cao giá trị cho hàng hóa xuất khẩu. Bên cạnh đó, chính sách cũng chưa giải quyết được vấn đề thiếu nguồn nguyên liệu đầu vào phục vụ các nhà máy sản xuất, chế biến nông, lâm sản hiện nay.

- Định hướng về xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm sản chế biến chưa thực sự rõ ràng, dẫn tới việc chủ yếu các doanh nghiệp hoạt động theo hình thức thương mại xuất khẩu, mua hàng từ các nước lân cận như Lào, Thái Lan hoặc các tỉnh trong nước về xuất khẩu, không qua chế biến nên giá trị gia tăng thấp, nộp ngân sách không đáng kể.

- Quy định về nộp thuế xuất khẩu trước khi thông qua hàng hóa chưa hợp lý, gây khó khăn cho DN xuất khẩu. Các chính sách khuyến khích xuất khẩu, huy động vốn phục vụ hoạt động xuất khẩu chưa thực sự hiệu quả, thủ tục hành chính còn rườm rà, thời hạn cho vay vốn ngắn, gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp.

- Chính sách xúc tiến xuất khẩu đặc biệt là quảng bá các mặt hàng nông, lâm sản chủ lực chưa đem lại hiệu quả cao. Đồng thời, công tác dự báo còn yếu, chưa phát huy được vai trò cung cấp thông tin cho doanh nghiệp.

- Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu, các biện pháp hỗ trợ: Bảo hiểm xuất khẩu, trợ cấp xuất khẩu chưa mang lại nhiều hiệu quả. Hiện nay bảo hiểm xuất khẩu vẫn chưa thu hút được sự quan tâm tham gia của nhiều doanh nghiệp, trong khi đó trợ cấp xuất khẩu thì rất hạn chế.

- Sự phối hợp, báo cáo của các cơ quan liên quan còn nhiều hạn chế. Cục Hải quan Hà Tĩnh chỉ thống kê, theo dõi được các doanh nghiệp xuất khẩu có mở tờ khai tại các Chi cục; còn các doanh nghiệp mở tờ khai tại các tỉnh khác thì không có danh sách; nhiều doanh nghiệp chưa thực hiện tốt chế độ báo cáo thống kê đã gây nhiều khó

khăn cho công tác quản lý, hướng dẫn các doanh nghiệp và xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và xuất nhập khẩu của tỉnh.

- Công tác thanh kiểm tra phát hiện xử lý sai phạm trong quá trình thực hiện chính sách thúc đẩy nông, lâm sản chưa tốt. Thực tế hiện nay vẫn thường xuyên xảy ra những vi phạm, thậm chí những sai phạm nghiêm trọng trong hoạt động xuất khẩu, quản lý xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh.

#### **3.4.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế**

Qua quá trình phân tích thực trạng xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian qua, tác giả đã chỉ ra những hạn chế nêu trên. Những hạn chế này xuất phát từ việc sản xuất hàng xuất khẩu, doanh nghiệp xuất khẩu và các chính sách, giải pháp đưa ra để giải quyết các hạn chế nêu trên, có thể tổng hợp từ một số nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Hà Tĩnh là một trong những tỉnh nghèo của cả nước, bị tàn phá nhiều qua các cuộc chiến tranh, kinh tế tỉnh còn phát triển khá hạn chế, các doanh nghiệp của tỉnh đa phần là những cơ sở sản xuất nhỏ phát triển lên. Chính vì vậy, quy mô, nguồn vốn của các doanh nghiệp là tương đối hạn chế.

- Các hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn Hà Tĩnh thường nhỏ lẻ, chưa có những vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Vì vậy sản phẩm hàng hóa chưa có chất lượng và nguồn cung ứng ổn định. Đồng thời các doanh nghiệp xuất khẩu nông lâm sản trên địa bàn Hà Tĩnh cũng có quy mô tương đối nhỏ, chưa đủ sức cạnh tranh với những doanh nghiệp lớn trên thị trường xuất khẩu.

- Mặc dù là Tỉnh có thế mạnh về sản xuất nông, lâm sản nhưng các sản phẩm nông, lâm sản phục vụ xuất khẩu của Tỉnh chưa thực sự đa dạng, chủ yếu tập trung ở một số mặt hàng chủ lực đã khẳng định được thương hiệu.

- Tư duy, nhận thức và trình độ của lãnh đạo, các nhà hoạch định và thực thi chính sách còn bất cập, ảnh hưởng đến việc xây dựng và thực thi chính sách;

- Qua khảo sát cho thấy còn tồn tại nhiều bất cập trong nội dung của các chính sách đã ban hành và đang áp dụng; việc chỉ đạo và thực thi chính sách còn vướng mắc cần tháo gỡ.

- Trong hoạt động quản lý, thúc đẩy xuất khẩu, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng cũng như giữa các cán bộ quản lý chưa tốt là nguyên nhân dẫn đến nhiều hệ quả như hiệu quả thực thi của chính sách thấp, không có sự liên kết phối hợp giữa người sản xuất, doanh nghiệp và nhà quản lý v.v..

- Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý chưa thực sự tốt, chưa đáp ứng các yêu cầu đặt ra. Điều đó làm giảm hiệu quả thực thi của các chính sách thúc đẩy, hạn chế hiệu quả của công tác thanh tra, giám sát. Không những vậy, trong nhiều trường hợp, nếu có tiêu cực xảy ra, sự hạn chế của đội ngũ cán bộ quản lý còn thể ảnh hưởng xấu đến các hoạt động của doanh nghiệp, các cơ quan quản lý.

- Chính sách của Tỉnh trong việc thúc đẩy sản xuất và hoạt động xuất khẩu chưa đủ mạnh. Kinh phí cho các hoạt động hỗ trợ xuất khẩu nông, lâm sản chưa cao, ngoài ngân sách từ các dự án của Trung ương, ngân sách của tỉnh chưa đáp ứng được các yêu cầu về nguồn kinh phí đầu tư cho phát triển nông nghiệp nông thôn; đặc biệt là cơ sở hạ tầng còn thiếu đồng bộ. Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ chế biến xuất khẩu chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu, đặc biệt là hệ thống xử lý rác thải, hệ thống điện phục vụ sản xuất còn dùng chung với hệ thống điện sinh hoạt, thường xuyên bị mất điện đột ngột ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Ngoài những nguyên nhân chủ quan trên, còn một số nguyên nhân khách quan như thiên tai, khủng hoảng kinh tế thế giới dẫn tới các nước nhập khẩu cũng gặp nhiều khó khăn v.v.. gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu của Hà Tĩnh, gây ra nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu khi khó chủ động được nguồn nguyên liệu trước những biến động bất ngờ của thời tiết. Đồng thời những người sản xuất cũng luôn đứng trước nguy cơ mất vốn sản xuất, bởi hậu quả của những thiên tai gây ra cho người sản xuất trên địa bàn tỉnh thường rất lớn.

## CHƯƠNG 4

### ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM SẢN TỈNH HÀ TĨNH TRONG GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN 2030

#### 4.1. DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG NÔNG LÂM SẢN THẾ GIỚI VÀ QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM SẢN CỦA VIỆT NAM

##### 4.1.1. Dự báo thị trường nông, lâm sản thế giới

Theo Báo cáo xúc tiến xuất khẩu 2014-2015 của Cục Xúc tiến thương mại – Bộ Công thương [2, tr.38], năm 2015 là năm ASEAN tiến tới một khu vực thị trường chung với việc tự do hóa lưu chuyển hàng hóa trong khu vực với mức thuế 0%. Điều này đem lại nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức cho các nước ASEAN. Việc thuế nhập khẩu được cắt giảm hoàn toàn sẽ khiến cho hàng hóa của các nước trong khu vực dễ thâm nhập lẫn thị trường của nhau. Cạnh tranh trên thị trường xuất nguyên liệu thô sẽ không biến động lớn nhưng thị trường hàng chế biến sẽ chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ, không chỉ trên các thị trường xuất khẩu nội bộ ASEAN mà ngay tại thị trường nội địa.

Không chỉ cạnh tranh tới nhau, các nước ASEAN còn phải đối mặt với luồng cạnh tranh mới từ phía các nhà sản xuất lớn đặt chân vào một nước nào đó ở ASEAN để tận dụng Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) thâm nhập toàn bộ các thị trường còn lại của khu vực. Để giữ được thị phần xuất khẩu, ngoài yếu tố thông thường về giá, chất lượng, mẫu mã thiết kế,... các doanh nghiệp xuất khẩu buộc phải bám sát thị trường hơn, phản ứng nhanh nhạy hơn.

Bên cạnh đó, các quy định về nguồn gốc, xuất xứ các sản phẩm nông, lâm sản sẽ tiếp tục được xiết chặt đặt ra những thách thức lớn cho lĩnh vực xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh, ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xuất khẩu trong Tỉnh. Ngoài ra, sự hình thành của Cộng đồng ASEAN năm 2015 và Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), các Hiệp định thương mại tự do với EU và với các đối tác lớn khác sẽ mở ra nhiều thuận lợi cũng như thách thức đối với hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của Việt Nam nói chung cũng như tỉnh Hà Tĩnh nói riêng.

- *Hiệp định thương mại tự do với EU - EVFTA*

Cụ thể, đối với Hiệp định thương mại tự do với EU - EVFTA, 90% hàng hóa của Việt Nam vào thị trường EU sẽ được hưởng mức thuế suất 0%. EVFTA có cam kết mở cửa thị trường mạnh mẽ, Việt Nam và EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với hơn 99% số dòng thuế. Đối với rất ít số dòng thuế còn lại, hai bên sẽ dành cho nhau hạn ngạch thuế quan hoặc cắt giảm thuế quan một phần. EVFTA được giới chuyên môn kỳ sẽ giúp mở rộng hơn nữa thị trường cho hàng xuất khẩu, đặc biệt là những sản phẩm mà hai bên có thế mạnh như dệt may, giày dép, nông thủy sản, đồ gỗ của Việt Nam và máy móc, thiết bị, ô tô, đồ uống có cồn, một số loại nông sản của EU..



Với mặt hàng gạo, EU dành cho Việt Nam một lượng hạn ngạch đáng kể đối với gạo xay xát, gạo chưa xay xát và gạo thơm. Gạo nhập khẩu theo hạn ngạch này được miễn thuế hoàn toàn. Riêng gạo tằm, thuế nhập khẩu sẽ được xóa bỏ theo lộ trình. Đối với sản phẩm từ gạo, EU sẽ đưa thuế nhập khẩu về 0% trong vòng 7 năm.

Toàn bộ các sản phẩm rau củ quả, rau củ quả chế biến, nước hoa quả khác, túi xách, vali, sản phẩm nhựa, sản phẩm gốm sứ thủy tinh... về cơ bản sẽ được xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực.

- *Hiệp định thương mại tự do với Hàn Quốc*

Việt Nam và Hàn Quốc đã ký kết hiệp định thương mại tự do gọi tắt là VKFTA vào tháng 10/2014. Theo hiệp định này, Hàn Quốc sẽ xóa bỏ cho Việt Nam 11.679 dòng thuế (Chiếm 95,44% biểu thuế và tương đương 97,22% kinh ngạch xuất khẩu từ Việt Nam vào Hàn Quốc năm 2012. [52, tr.3]. Các mặt hàng được ưu tiên trong đó bao gồm nông nghiệp, thủy hải sản, dệt may và sản phẩm cơ khí xuất vào thị trường Hàn Quốc. Trong hiệp định này, nhóm sản phẩm gỗ được cắt giảm 64 dòng thuế và nhóm rau quả, nông sản được cắt giảm 50 dòng thuế [52, tr.5], là hai dòng sản phẩm được cắt giảm các dòng thuế nhiều nhất. Cho thấy tiềm năng lớn trong việc xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh qua thị trường Hàn Quốc.

- *Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)*

Việt Nam gia nhập AEC vào cuối năm 2015. Sau khi chính thức tham gia, các nền kinh tế trong ASEAN sẽ phải mở cửa ở mức độ rất cao. Rào cản thuế quan và phi thuế quan sẽ từng bước bị xóa bỏ. Hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sẽ có nhiều lợi thế tại các thị trường như Campuchia, Lào và Myanmar về giá cả và chất lượng, tuy nhiên, Việt Nam cũng phải chịu sự cạnh tranh rất lớn từ các nước có tiềm năng xuất khẩu những mặt hàng nông, lâm sản như Lào, Thái Lan.

- *Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)*

Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) lần đầu tiên được ký kết năm 2005 với 04 thành viên là Bruney, Chile, New Zealand, và Singapore. Năm 2008, Hoa Kỳ tuyên bố tham gia TPP và sẽ cùng các bên đàm phán một FTA mới (vẫn gọi là TPP). Sau đó, Australia, Peru, Malaysia, Canada, Mexico, Nhật Bản và Việt Nam tiếp tục tham gia, nâng tổng số thành viên tham gia TPP lên 12 nước. TPP là điển hình của hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Ngoài các nội dung truyền thống như thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ hay đầu tư, TPP còn đưa ra các cam kết về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn lao động, tiêu chuẩn môi trường và nhiều vấn đề có tính thể chế khác. TPP sẽ tác động mạnh đến doanh nghiệp và sau đó là nông dân và ngành nông nghiệp với những ảnh hưởng sâu rộng khó có thể lường hết được.

Theo đánh giá chung của Cục Xúc tiến thương mại – Bộ Công thương, trong giai đoạn năm 2015, xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường truyền thống vẫn ổn định, tuy nhiên tỷ lệ tăng trưởng thấp. Do kinh tế phục hồi chậm và không đều giữa các thị

trường cũng như các tầng lớp người tiêu dùng nên kỳ vọng tăng khối lượng xuất khẩu của Việt Nam tại các thị trường này sẽ không lớn. Chủ yếu là mức tăng tự nhiên theo biến động dân số và tăng trưởng tiêu dùng thông thường.

Thị trường Trung Quốc vẫn là thị trường tiềm năng đối với việc xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm sản tuy nhiên hàm chứa nhiều rủi ro trong giai đoạn chính trị hai nước căng thẳng. Trung Quốc có thể ban hành các lệnh hàng loạt các mặt hàng nhập khẩu của Việt Nam. Doanh nghiệp Trung Quốc có thể tạm dừng nhập hàng hoặc hủy đơn hàng, đặt các doanh nghiệp Việt Nam vào tình thế rủi ro và tổn thất lớn, đặc biệt là những doanh nghiệp xuất khẩu không theo các hợp đồng kỳ hạn ký trước hoặc theo các phương thức đảm bảo chặt chẽ qua hệ thống ngân hàng trung gian [2, tr.40].

#### **4.1.2. Quan điểm phát triển xuất khẩu nông, lâm sản của Việt Nam**

Xu thế chung của việc phát triển xuất khẩu nông, lâm sản trên thế giới cũng như tại Việt Nam hiện nay là phát triển theo hướng bền vững. Đây là vấn đề cấp thiết trong giai đoạn Việt Nam đang gia nhập kinh tế thế giới ngày càng sâu rộng, nhất là trong năm 2015, dự kiến có hàng loạt hiệp định thương mại tự do sẽ được ký kết, bên cạnh việc cần chủ động tận dụng tối ưu những cơ hội mới mang lại thì cần có những biện pháp để chủ động ứng phó khi hoạt động thương mại trong nước sẽ đối mặt với cuộc cạnh tranh khốc liệt, cũng như khi hàng rào thuế quan giảm.

Trên cơ sở quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế thời kỳ 2011-2020, quan điểm cụ thể để phát triển xuất khẩu ở Việt Nam trong giai đoạn 2011-2020 là:

- Phát triển xuất khẩu nông lâm sản trên cơ sở khai thác triệt để lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh, đảm bảo tốc độ và chất lượng tăng trưởng cao, góp phần tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

- Phát triển xuất khẩu nông lâm sản trên cơ sở khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, hạn chế ô nhiễm môi trường và cạn kiệt tài nguyên, nâng cao khả năng đáp ứng các quy định và tiêu chuẩn môi trường của hàng hóa xuất khẩu.

- Phát triển xuất khẩu nông lâm sản góp phần thực hiện các mục tiêu xã hội như xóa đói giảm nghèo, tạo nhiều việc làm, đảm bảo công bằng xã hội, chia sẻ lợi ích hợp lý giữa các thành phần tham gia xuất khẩu.

- Đẩy mạnh nhập khẩu công nghệ sản xuất nông lâm sản tiên tiến, hạn chế nhập khẩu những mặt hàng nông, lâm sản trong nước sản xuất được, hạn chế nhập khẩu các sản phẩm, phụ gia có nguy hại đối với môi trường và sức khỏe, cân đối xuất, nhập khẩu theo hướng hạn chế nhập siêu, tiến tới cân bằng cán cân thương mại.

Bên cạnh đó, cần quán triệt một số quan điểm trong việc xây dựng các chính sách nhằm thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của Việt Nam sang các thị trường thế giới như:

- Các chính sách được xây dựng cần hướng tới sự bền vững, bên cạnh những hiệu quả về mặt kinh tế, xã hội, các chính sách cũng cần đảm bảo giữ an toàn cho môi trường

sinh thái, đồng thời giải quyết được công ăn việc làm cho người lao động, giúp nâng cao thu nhập cho người sản xuất, doanh nghiệp, góp phần phát triển toàn diện hoạt động xuất khẩu của Việt Nam.

- Các chính sách xây dựng cần phù hợp với điều kiện thực tế tại mỗi vùng miền, địa phương, đồng thời, phù hợp với xu thế chung của hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản thế giới và các hiệp định tự do thương mại với các nước, tổ chức trên thế giới.

- Tập trung phát triển các mặt hàng nông, lâm sản chủ lực, gia tăng giá trị và nâng cao sức cạnh tranh thông qua việc ứng dụng khoa học, công nghệ, tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, tăng cường đầu tư ngân sách trong lĩnh vực xuất khẩu nông, lâm sản một cách tập trung, có kế hoạch, tránh việc giàn trái, lãng phí.

- Tích cực đàm phán, quan hệ để mở rộng thị trường xuất khẩu nông, lâm sản mới, bên cạnh đó, vẫn tập trung củng cố các thị trường xuất khẩu trọng điểm như Trung Quốc, EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản v.v..

## 4.2. ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU NÔNG LÂM SẢN TỈNH HÀ TĨNH

### 4.2.1. Về quy trình chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản

#### 4.2.1.1. *Hoạch định chính sách*

Trước hết, cần xác định tầm quan trọng của việc hoạch định chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản trong giai đoạn từ nay đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030, trong đó cần có mục tiêu, giải pháp cụ thể cho từng giai đoạn; đồng thời tiến hành rà soát toàn bộ hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của các đối tượng, từ đó xác định những vấn đề khó khăn còn tồn tại và nguyên nhân gây nên những khó khăn tồn tại đó, trên cơ sở khả năng và nguồn lực để thiết lập các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể để đề ra chính sách thúc đẩy xuất khẩu cần đạt được. Từ đó, tiến hành xác định các định hướng chính và giải pháp cụ thể nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra.

Trong quá trình hoạch định, cần có sự phối hợp cung cấp thông tin từ nhiều phía, bao gồm cả cán bộ quản lý các ngành có liên quan, người sản xuất và các doanh nghiệp xuất khẩu nhằm đóng góp đầy đủ những ưu điểm và hạn chế của các chính sách xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh hiện nay. Tỉnh có thể tổ chức các buổi trao đổi, góp ý trực tiếp, hoặc nhận các góp ý qua đường điện thoại, email, website v.v..

Dựa trên những thông tin nêu trên, cán bộ quản lý tiến hành thực hiện hoạch định cụ thể chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh. Việc hoạch định chính sách phải căn cứ trên đường lối chính trị hiện tại, phù hợp với các điều kiện kinh tế - xã hội địa phương và bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới. Đồng thời tận dụng được khoa học công nghệ nhằm hỗ trợ người sản xuất, doanh nghiệp, tiết kiệm thời gian, chi phí cho các đối tượng tham gia hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản, đảm bảo yếu tố phát triển nông, lâm nghiệp bền vững tại địa phương.

#### **4.2.1.2. Tổ chức thực hiện chính sách**

Từ việc hoạch định chính sách, cán bộ quản lý nhà nước lựa chọn phương án khả thi nhằm thực hiện thành công các hoạch định nêu trên. Trong thực tế, đây là quá trình rất phức tạp và có liên quan tới rất nhiều đối tượng. Tỉnh cần xác định rõ vai trò, nhiệm vụ của từng đối tượng tại các chính sách thúc đẩy xuất khẩu, nhằm giao phó đúng người, đúng việc đồng thời, tùy vào điều kiện tự nhiên của địa phương để áp dụng các mục tiêu khác nhau như nâng cao giá trị các mặt hàng nông, lâm sản xuất khẩu hay gia tăng sản lượng nông, lâm sản xuất khẩu v.v..

Sau khi xác định các mục tiêu cần đạt được, thực hiện phân chia nhỏ công việc, tiến hành lập các quy hoạch, chương trình, dự án tương ứng với từng nhóm công việc nhỏ. Từ đó, xác định mức độ ưu tiên của các chương trình, dự án này nhằm phân bổ nguồn nhân lực, vật lực và tài chính một cách hợp lý.

Việc lập các quy hoạch, chương trình, dự án cần được xem xét kỹ lưỡng trên tổng thể hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh thông qua việc xác định các nhân tố chịu ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp khi thực hiện, đồng thời cần phù hợp với xu hướng xuất khẩu nông, lâm sản chung của khu vực và trên thế giới.

Khi triển khai, phải đảm bảo sự phối hợp giữa các tác nhân tham gia hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản, tạo thành một cơ chế chia sẻ thông tin liền mạch, Tỉnh cũng cần bố trí ngân sách hợp lý và ưu tiên cho những khu vực trọng điểm về xuất khẩu như các cửa khẩu và hạ tầng giao thông đường bộ, cảng biển v.v..

#### **4.2.1.3. Kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chính sách**

Trên cơ sở mục tiêu, giải pháp và căn cứ vào tiêu chí đánh giá, kết quả đạt được, định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chính sách cho phù hợp (nếu thấy cần thiết).

Nhằm đánh giá việc thực thi các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản một cách khách quan, trước hết, cần xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ, chuyên môn trong lĩnh vực xuất khẩu nông, lâm sản. Từ đó tiến hành xây dựng cơ chế và các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả chính sách. Việc đánh giá cần được thực hiện thường xuyên, liên tục nhằm xác định những cơ hội, thách thức xảy ra.

Sau khi thực hiện đánh giá hiệu quả chính sách, cần xác định rõ các ưu nhược điểm của chính sách, từ đó Tỉnh tiến hành trao đổi, thống nhất với các bên liên quan nhằm tìm biện pháp tháo gỡ khó khăn hoặc điều chỉnh chính sách xuất khẩu nông, lâm sản cho phù hợp hơn với tình hình thực tế.

Ngoài ra, Tỉnh cũng có thể thuê các đơn vị bên ngoài chuyên đánh giá về hiệu quả các chính sách công, cụ thể ở đây là chính sách xuất khẩu nông, lâm sản hoặc các tổ chức, chuyên gia nước ngoài nhằm có được sự tư vấn đầy đủ, hợp lý, tận dụng được các cơ hội khi Việt Nam đang tích cực tham gia các tổ chức, hiệp định thương mại tự do trên thế giới.

#### **4.2.2. Phát triển mối liên kết, phối hợp giữa các doanh nghiệp, tổ chức, hộ sản xuất**

Chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông lâm sản cần tạo được mối liên kết chặt chẽ trong sản xuất - chế biến - bảo quản - xuất khẩu giữa các bên có liên quan. Việc này, đòi hỏi nhà nước phải có những chính sách và giải pháp cụ thể để tạo mối liên kết, giúp chổ hoạt động sản xuất, xuất khẩu.

Hiện nay, hệ thống các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu nông lâm sản của Việt Nam nói chung và tỉnh Hà Tĩnh nói riêng đang phát triển với số lượng rất lớn tuy nhiên sự liên kết giữa các địa phương, các doanh nghiệp rất lỏng lẻo và còn nhiều bất cập. Bên cạnh đó, với số lượng doanh nghiệp xuất khẩu tương đối lớn như hiện nay trong khi đội ngũ cán bộ chức năng của Nhà nước còn thiếu và khó có thể kiểm soát được hết. Do đó, việc tái cấu trúc lại hệ thống các tổ chức, hiệp hội ngành nghề, hiệp hội xuất khẩu một cách thống nhất và hoàn thiện là rất cần thiết.

Chủ động, nhanh chóng nắm bắt và thực hiện các quy định cam kết trong thương mại quốc tế và các quy định của luật pháp Việt Nam. Cập nhật thường xuyên các thông tin, quy định của quốc tế liên quan đến mặt hàng NLTS. Doanh nghiệp xuất khẩu NLTS thời gian qua chịu ảnh hưởng và thiệt hại nặng nề từ những quy định khắt khe về vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ môi trường sinh thái...đặc biệt là Mỹ và EU kiểm tra khắt khe những sản phẩm nông sản xuất khẩu của Việt Nam từ khâu nuôi trồng, sản xuất đến đóng gói và tiêu thụ. Do đó, việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức liên quan đến các quy định của quốc tế một cách nhanh chóng và kịp thời sẽ giúp cho doanh nghiệp tránh được những tổn thất không đáng có trong bối cảnh hiện nay.

#### **4.2.3. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực**

Nhìn chung nguồn nhân lực của Việt Nam nói chung và Hà Tĩnh nói riêng, chưa đáp ứng được yêu cầu về hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó có hoạt động xuất khẩu. Nguồn ngân lực ở đây bao gồm cả lao động sản xuất, hoạt động xuất khẩu và quản lý hoạt động xuất khẩu. Vì vậy, Nhà nước cần tăng cường công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; đặc biệt đội ngũ cán bộ, công chức của các cơ quan có chuyên môn giỏi, am hiểu thị trường để thực hiện tốt việc quản lý hoạt động sản xuất, xuất khẩu nông, lâm sản. Với sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ, những thành tựu trong các lĩnh vực khác nhau trên thế giới thì công tác đào tạo đội ngũ nhân lực nói chung và nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý lại càng trở nên quan trọng. Do những yêu cầu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế hoạt động trao đổi, liên kết, phối hợp với nước ngoài là rất thường xuyên do đó bên cạnh kiến thức chuyên môn thì việc đào tạo, nâng cao trình độ ngoại ngữ cũng là một vấn đề cấp thiết hiện nay.

Thuê chuyên gia trong và ngoài nước để tư vấn phát triển xuất khẩu và tư vấn thiết kế mẫu mã sản phẩm, nâng cao chất lượng giá trị gia tăng hàng nông, lâm sản xuất khẩu.

Hiện nay, trên thế giới đội ngũ các chuyên gia có kinh nghiệm và giỏi về công tác quản lý rất nhiều do các nước khác đã thực hiện công tác này từ rất lâu còn Việt Nam mới chỉ thực sự quan tâm trong những năm gần đây. Do đó, việc thuê chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy và truyền đạt kiến thức kinh nghiệm về hoạt động xuất khẩu mặt hàng nông sản của nước họ để học hỏi và áp dụng một cách thích hợp vào hoạt động của nước ta là việc là hợp lý.

Có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ nhân lực làm công tác quản lý theo các yêu cầu của công việc và nhiệm vụ phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản của doanh nghiệp dựa trên chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước, chiến lược phát triển của ngành hàng nông sản.

#### **4.2.4. Về công tác xúc tiến thương mại**

Xúc tiến thương mại là hoạt động quan trọng nhằm giúp doanh nghiệp xuất khẩu nông, lâm sản tiếp cận được với các khách hàng tiềm năng trong khu vực và trên thế giới. Tỉnh Hà Tĩnh cần có những chính sách hỗ trợ về chi phí tổ chức, đi lại tham gia các hội chợ, hoạt động xúc tiến thương mại – đầu tư, khảo sát tìm kiếm thị trường xuất khẩu v.v.. Đồng thời, căn cứ vào tình hình cụ thể hàng năm, Tỉnh có thể tổ chức các đoàn công tác hoặc cử các đơn vị đi khảo sát, học tập mô hình sản xuất, chế biến xuất khẩu, tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới v.v..

Đối với các đơn vị mới tham gia xuất khẩu, Tỉnh cần có các biện pháp xúc tiến hỗ trợ phù hợp nhằm giúp DN sớm gia nhập được thị trường chung. Đối với các doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản với khối lượng lớn, cần có biện pháp động viên, khuyến khích đồng thời chia sẻ kinh nghiệm thúc đẩy xuất khẩu với các doanh nghiệp khác trong Tỉnh.

Bên cạnh đó, Tỉnh cần chỉ đạo thực hiện chính sách xúc tiến thương mại chủ động, tức là không chỉ chờ các cơ quan nhà nước hỗ trợ, mà chính doanh nghiệp phải là những người chủ động thực hiện hoạt động xúc tiến thông qua các phương tiện email, website điện tử v.v..

Ngoài các hình thức trên, Tỉnh cũng cần hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, sản phẩm trên các ấn phẩm, các phương tiện thông tin đại chúng hoặc website thương mại điện tử, xúc tiến thương mại có uy tín trên thế giới, cung cấp liên kết trên trang chủ của các trang tin điện tử có liên quan trong Tỉnh miễn phí v.v..

Tỉnh cũng có thể thuê các chuyên gia nước ngoài tư vấn về kiến thức xuất nhập khẩu, tư vấn xây dựng thương hiệu nông, lâm sản v.v. cho các cá nhân, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu nông, lâm trong Tỉnh sản hiện nay.

### 4.3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM SẢN TỈNH HÀ TĨNH

#### 4.3.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện quy trình chính sách

##### 4.3.1.1. *Hoạch định chính sách*

Nâng cao hiệu quả công tác phân tích môi trường và dự báo vì đây là những việc cực kỳ quan trọng đối với sự phát triển kinh tế nói chung và xuất khẩu nói riêng của tỉnh Hà Tĩnh. Công tác dự báo và phân tích môi trường nếu làm tốt sẽ phát huy tác dụng mang lại hiệu quả rất lớn trong việc định hướng ban hành các chính sách hay lựa chọn các sản phẩm chủ lực, định giá sản phẩm tại các thị trường cụ thể. Từ đó ban hành các quyết định một cách chính xác, đảm bảo các lợi ích cho người sản xuất và các DN xuất khẩu nông, lâm sản. Cụ thể, tỉnh thực hiện tổ chức xây dựng bộ phận dự báo và hoạch định chính sách, các cán bộ tham gia bộ phận này phải là những cán bộ có kiến thức và kinh nghiệm thực tế trong hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản, thành thạo về ngoại ngữ. Bên cạnh đó, thành lập các bộ phận thu thập thông tin hoạt động trực tiếp tại các thị trường xuất khẩu nhằm tạo ra kênh thông tin nhanh chóng, chính xác về nhu cầu các mặt hàng, giúp doanh nghiệp xuất khẩu và hộ sản xuất chủ động trong kinh doanh.

Đối với các cán bộ tại những bộ phận này, Tỉnh cần cấp kinh phí và có các chính sách đào tạo thường xuyên, đặc biệt là về những quy chuẩn chất lượng sản phẩm mới trên thế giới, tổ chức các cuộc thăm quan học hỏi kinh nghiệm phát triển xuất khẩu nông, lâm sản từ các tỉnh trong nước cũng như những địa phương tại các quốc gia có thế mạnh trong việc xuất khẩu nông, lâm sản để học hỏi kinh nghiệm, từ đó nghiên cứu và ứng dụng vào hoạt động XK-NLS của tỉnh.

Tập trung đầu tư phát triển tại các trung tâm nghiên cứu, phân tích, dự báo về xuất khẩu nói chung và xuất khẩu nông, lâm sản nói riêng của Tỉnh, đồng thời trong thời gian tới, có thể tạo cơ chế để các trung tâm này bán các sản phẩm từ việc nghiên cứu, dự báo thị trường cho doanh nghiệp xuất khẩu, điều này giúp cho chất lượng công tác dự báo thị trường được đảm bảo, đồng thời nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho cán bộ, nhân viên, bên cạnh đó cung cấp cho doanh nghiệp những thông tin kịp thời, nhanh chóng, chính xác trong việc hoạch định chiến lược sản xuất, kinh doanh.

Để nâng cao hiệu quả công tác hoạch định, xây dựng chính sách, cần tăng cường hơn nữa việc trao đổi thông tin giữa DN và đội ngũ cán bộ quản lý. Thực tế cơ quan quản lý thường xuyên rơi vào trạng thái thiếu thông tin về thị trường, về DN, người dân, là những cơ sở quan trọng để xây dựng và ban hành chính sách cho nên có thể chính sách ban hành chưa thực sự phù hợp với các đối tượng trên và tình hình trong thực tế. Để xây dựng được kênh thông tin hiệu quả, cần phối hợp bằng nhiều phương pháp, có thể kể đến như tổ chức kênh thông tin trao đổi qua Internet (các cổng thông tin, diễn đàn v.v.) giúp doanh nghiệp nhanh chóng phản ánh những khó khăn, nguyện vọng của mình tới cấp

quản lý, đồng thời tìm kiếm được các thông tin phù hợp với yêu cầu của mình. Cán bộ quản lý cũng sẽ rất thuận tiện trong việc gửi thông tin về các chính sách, chương trình hỗ trợ mới cho doanh nghiệp, hộ sản xuất, việc thực hiện lấy ý kiến của doanh nghiệp và hộ sản xuất về các chính sách thúc đẩy XKNLS của Tỉnh cũng đơn giản và thuận tiện hơn.

Ngoài kênh trao đổi thông tin nêu trên, với mỗi địa phương trong Tỉnh cần cử đầu mối làm việc tới tận các xã. Các cán bộ này cần có tinh thần trách nhiệm cao, là đầu mối tiếp cận trực tiếp với những hộ sản xuất phục vụ hoạt động XKNLS của Tỉnh, giúp chuyển tải những khó khăn của hộ sản xuất cũng như là kênh thông tin nhanh chóng, liên tục về các chính sách hỗ trợ mà những hộ sản xuất chưa tiếp cận được qua các phương tiện thông tin đại chúng. Từ đó, Tỉnh sẽ có những điều chỉnh nhằm giúp chính sách thực sự phù hợp với tình hình sản xuất thực tế của người dân.

- Cần thực hiện rà soát, bổ sung, xây dựng quy hoạch các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung trên địa bàn tỉnh và các huyện gắn với quy hoạch phát triển nông thôn mới một cách hợp lý theo hướng sản xuất hàng hóa, trong đó ưu tiên quy hoạch vùng sản xuất tập trung đối với cây lạc, chè, tinh bột sắn, ớt cay, ngô ... nhằm hạn chế hoạt động sản xuất nhỏ lẻ, manh mún theo kiểu hộ gia đình. Đồng thời chú trọng chuyển đổi cơ cấu giống với việc thâm canh các loại giống cây trồng có lợi thế, cho năng suất và chất lượng cao, các giống cây trồng đặc sản được thị trường nhập khẩu ưa thích như lạc, sắn, ngô cao sản ...

- Các chính sách cần xây dựng theo định hướng dài hạn, bài bản, có cân nhắc tới hậu quả của các chính sách và hướng tới việc xuất khẩu nông, lâm sản theo hướng bền vững. Gia tăng lợi ích cho tất cả đối tượng tuy nhiên vẫn đảm bảo yếu tố môi trường, an ninh lương thực và đa dạng sinh học.

#### **4.3.1.2. Tổ chức triển khai chính sách**

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch triển khai cụ thể cho các chính sách, đồng thời xây dựng cơ chế để DN và người nông dân có thể tham gia xây dựng, góp ý và đánh giá chính sách. Thiết lập các đường dây nóng nhằm tiếp nhận thông tin từ nông dân, DN v.v.. Bên cạnh đó, cần tăng cường kỷ luật trong việc thực thi các chính sách thông qua thực hiện nghiêm túc quá trình phân tích, đánh giá chính sách, điều chỉnh chính sách kịp thời và tổng kết, rút kinh nghiệm cho từng chương trình mục tiêu. Thực hiện khen thưởng đối với các cá nhân, DN thực hiện tốt các nội dung, yêu cầu của chính sách đề ra.

- Đối với các cán bộ, công chức tham gia thực thi chính sách, cần được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao năng lực, trình độ đáp ứng với các yêu cầu đặt ra trong việc thực thi chính sách. Hướng dẫn DN và người nông dân một cách tận tình, có cách hành xử phù hợp. Tỉnh cũng cần có các quy chuẩn đạo đức trong việc giao tiếp giữa cán bộ và DN, người nông dân cho phù hợp.

- Cần rà soát và thực hiện tốt các quy hoạch, kế hoạch, dự án về xuất khẩu nông, lâm sản, trong đó Tỉnh cần tiếp tục rà soát, tiến hành điều tra tổng thể trên toàn Tỉnh với các vùng sản xuất nông, lâm sản, xem có phù hợp với các chính sách được đề ra hay không ?



có cần thay đổi chính sách áp dụng ở các địa phương cho phù hợp với điều kiện tình hình thực tế hay không, từ đó cân nhắc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển nông, lâm sản cho từng vùng trong Tỉnh, yêu cầu các bản kế hoạch được xây dựng một cách chi tiết, khả thi, có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các cấp của từng khu vực bao gồm cả các DN và người dân sản xuất tại địa phương.

#### **4.3.1.3. Kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chính sách**

- Thành lập đội ngũ chuyên trách về đánh giá các hoạt động liên quan tới thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản nhằm theo dõi các diễn biến thị trường, có các đánh giá khách quan về tình hình phát triển thị trường để đưa ra các giải pháp nhằm ứng phó với thay đổi, đồng thời, hoàn thiện xây dựng các tiêu chí đánh giá với các tiêu chí, chuẩn mực cụ thể, bao quát hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản.

Cơ chế giám sát cần tạo điều kiện cho DN, người nông dân tham gia trực tiếp trong quá trình xây dựng, thực thi và giám sát, ngoài ra cần gắn trách nhiệm của cán bộ thực thi với kết quả thực hiện chính sách, coi là một tiêu chí đánh giá cán bộ.

- Quá trình triển khai các quy hoạch, kế hoạch, dự án liên quan tới lĩnh vực xuất khẩu nông, lâm sản, các cơ quan có trách nhiệm quản lý nhà nước cần theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh nông, lâm sản của người dân địa phương cũng như các DN hoạt động xuất khẩu trong địa bàn khu vực mình quản lý để có giải pháp chấn chỉnh kịp thời. Trong trường hợp có những sai phạm làm phá vỡ các quy hoạch, kế hoạch đã đề ra, địa phương hoặc Tỉnh cần có những biện pháp xử lý cứng rắn với các trường hợp vi phạm. Ngoài ra, trong quá trình theo dõi tình hình thực tế, tỉnh và các địa phương cần xây dựng những kênh hỗ trợ, kênh nhận góp ý thường xuyên của người dân cũng như doanh nghiệp để báo cáo lên cơ quan cấp Tỉnh điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

### **4.3.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện các chính sách chủ yếu thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản tỉnh Hà Tĩnh**

#### **4.3.2.1. Chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ xuất khẩu**

- Đẩy mạnh đầu tư cho cơ sở hạ tầng một cách đồng bộ, dứt điểm cho các vùng quy hoạch phát triển hàng hóa nông, lâm sản xuất khẩu; trong đó bao gồm hệ thống giao thông, thủy lợi, điện, đê điều, kiên cố hóa kênh mương, nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường nông thôn ... Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng cảng biển Vũng Áng, cửa khẩu Cầu Treo vì đây là cảng biển và cửa khẩu quốc tế quan trọng để mở rộng giao thương với các nước trong khu vực và trên thế giới. Về nguồn vốn: Có thể thông qua các hình thức như: ngân sách nhà nước, phát hành công trái công trình, trái phiếu Chính phủ, xã hội hóa công tác đầu tư, vốn huy động khác ... Tiếp tục đầu tư nguồn vay tín dụng ưu đãi cho các địa phương đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn qua các chương trình kiên cố hóa kênh mương, đường giao thông nông thôn;

- Thực hiện các kế hoạch đầu tư hạ tầng như kiên cố hóa kênh mương, đường giao thông nông thôn; có chính sách hỗ trợ lãi suất để huy động nguồn vốn tín dụng cho các ngành nghề thu hút nhiều lao động, các dự án phục vụ chế biến, xuất khẩu nông, lâm sản nhằm giải quyết việc làm cho người dân.

- Tạo điều kiện trong việc vay và sử dụng nguồn vốn tín dụng ưu đãi đầu tư cho nông, lâm nghiệp thông qua các chương trình, kế hoạch, dự án, ưu tiên các dự án phục vụ chế biến, bảo quản xuất khẩu nông, lâm sản, các hoạt động ngành nghề, thu hút lao động của địa phương tham gia sản xuất, chế biến xuất khẩu nông, lâm sản nhằm giải quyết công ăn việc làm cho người dân, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu cây trồng, tăng năng suất lao động, giảm giá thành, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.

- Tăng cường công tác thanh tra, giám sát đối với các công trình cơ sở hạ tầng đang được đầu tư, đánh giá các công trình không hiệu quả, dàn trải, kéo dài thời gian thi công v.v.. Từ đó, huy động nguồn vốn cho các dự án cần thiết trong khi nguồn vốn của Tỉnh chưa đáp ứng kịp thời. Bên cạnh đó, với các dự án cơ sở hạ tầng đề xuất đầu tư mới, cần chứng minh được tính khả thi và những lợi ích kể cả trong hoạt động xuất khẩu nói chung và xuất khẩu nông, lâm sản nói riêng.

- Thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước thông qua việc cải tiến các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thông thoáng nhất cho việc đầu tư. Bên cạnh đó, có những chính sách trong dài hạn cho những nhà đầu tư nước ngoài. Không ngừng nâng cao năng lực, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác xuất khẩu nông, lâm sản của địa phương, đề xuất chỉnh sửa các văn bản pháp luật gây khó khăn cho hoạt động đầu tư, giải quyết các khó khăn trong việc đền bù, giải phóng mặt bằng. Đồng thời từng bước xóa bỏ cơ chế bảo hộ trong nước bằng hàng rào thuế quan xuất khẩu.

- Có các biện pháp cụ thể khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trồng rừng, chế biến sâu các sản phẩm gỗ xuất khẩu, tạo năng lực mới cho sản xuất như hỗ trợ giống, phân bón, tổ chức chức khâu tiêu thụ... Khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ trồng, chế biến gỗ xuất khẩu.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ tiên tiến để nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Về lâu dài, ưu tiên khuyến khích các dự án đầu tư hướng tới sản xuất các sản phẩm nội thất, đồng thời tăng tỷ lệ hàng cao cấp trong cơ cấu các mặt hàng gỗ nội thất.

- Việc đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ xuất khẩu của tỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện chính sách phát triển các dịch vụ logistics, thực tế cho thấy các dịch vụ logistics là yếu tố quan trọng trong hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản. Trong thời gian tới, Tỉnh cần tiếp tục đầu tư hoàn thiện về hạ tầng đường bộ và đường thủy nhằm tạo thuận lợi tối đa cho việc vận chuyển hàng hóa nông, lâm sản xuất khẩu. Đồng thời, rà soát các chính sách có liên quan tới lĩnh vực logistics, bổ sung, điều chỉnh các chính sách nhằm tạo điều kiện phối hợp thuận lợi giữa các doanh nghiệp xuất khẩu và logistics, gỡ bỏ

các cản trở để các doanh nghiệp logistics đầu tư vào tỉnh, ban hành các chính sách liên quan tới đào tạo quản lý về logistics, đầu tư các hệ thống điện tử nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí cho toàn bộ các đối tượng tham gia hoạt động xuất khẩu.

#### **4.3.2.2. Chính sách phát triển vùng sản xuất quy mô lớn**

Tỉnh cần xem xét, ban hành các chính sách để phát triển các vùng sản xuất quy mô lớn, tập trung

- Trên cơ sở thị trường và tiềm năng hiện có của tỉnh, cần tiếp tục đẩy mạnh việc rà soát quy hoạch và bổ sung quy hoạch các vùng nguyên liệu tập trung, loại cây, con chủ lực của tỉnh có tiềm năng phát triển hàng hóa và xuất khẩu. Tổ chức công bố quy hoạch và có giải pháp, kế hoạch, lộ trình để tổ chức triển khai, thực hiện.

- Rà soát và bổ sung các vùng quy hoạch tập trung, có quy mô lớn có tiềm năng để phát triển các ngành sản xuất, chế biến, đủ sức để phát triển thành vùng nguyên liệu tập trung. Căn cứ vào điều kiện sinh thái từng vùng, xác định các loại cây trồng phù hợp, gắn kết chặt chẽ với sản xuất chế biến, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và có tiềm năng xuất khẩu. Trên cơ sở đó, hình thành các vùng chuyên canh, xây dựng các khu công nghệ cao và đẩy mạnh công tác khuyến nông áp dụng công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ sinh học, nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, nâng cao trình độ bảo quản, chế biến, tăng sức cạnh tranh của các mặt hàng nông, lâm sản của Tỉnh trên thị trường trong và ngoài nước.

- Quy hoạch, xây dựng hệ thống các khu vực thu mua, chế biến, bảo quản, vận chuyển, tiêu thụ hàng hóa nông sản xuất khẩu cho nông dân.

- Nghiên cứu điều chỉnh các chính sách về đất đai, nhằm khuyến khích các tổ chức trong và ngoài nước tăng cường đầu tư vào nông nghiệp, các cơ quan nghiên cứu, các doanh nghiệp mở rộng hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào sản xuất; khuyến khích người nông dân tích tụ đất, phát triển một cách ổn định và lâu dài việc sản xuất rau quả hàng hoá trên quy mô lớn, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thị trường. Cần có chế tài về gắn kết chặt chẽ quyền lợi sử dụng đất với nghĩa vụ và trách nhiệm sử dụng đất để đảm bảo sản xuất hàng hoá đạt hiệu quả cao, gắn với mục tiêu và kế hoạch phát triển kinh tế đồng thời phát huy được lợi thế so sánh của từng vùng.

- Tiếp tục đầu tư cho các Viện, Trung tâm nghiên cứu ngành nông, lâm sản để có đủ năng lực nghiên cứu và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống, kỹ thuật canh tác. Tập trung nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào các khâu bảo quản, bao bì vận chuyển cho rau, quả, hoa tươi nhằm giảm mức hao hụt, nâng cao chất lượng sản phẩm. Chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về bảo quản, chế biến quy mô nhỏ cho nông dân ở các vùng trồng rau quả rải rác không có điều kiện áp dụng công nghệ trên quy mô lớn.

#### **4.3.2.3. Giải pháp về sản phẩm, thị trường nông, lâm sản xuất khẩu**

Nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm nông, lâm sản xuất khẩu, Hà Tĩnh cần ưu tiên thực hiện một số biện pháp như sau:

- Thành lập các ban chuyên ngành nghiên cứu thị trường xuất khẩu mới thông qua hoạt động phân tích thông tin thị trường, xác định tiềm năng xuất khẩu bao gồm phân tích thị trường giá cả, sản phẩm, đối thủ cạnh tranh, chính sách của các nước bạn hàng, xu hướng thị trường, tổng hợp các thông tin về luật và các quy chế thương mại của các tổ chức kinh tế quốc tế, các hiệp định thương mại có tác động tới mặt hàng nông, lâm sản của địa phương ... từ đó đưa ra quyết định về thâm nhập thị trường mới.

- Chủ động theo dõi sát, đàm phán giải quyết các thông tin sai lệch về các mặt hàng nông, lâm sản của địa phương nhằm ổn định các thị trường truyền thống cũng như các thị trường mới, thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các mặt hàng nông sản xuất khẩu

- Tăng cường đầu tư cho công tác thu thập thông tin thị trường để cung cấp cho nông dân, DN xuất khẩu. Tăng cường công tác nghiên cứu nhu cầu về sản phẩm nông, lâm sản ở các quốc gia tiềm năng, từ đó xây dựng chính sách thâm nhập thị trường từng bước. Phối hợp với các DN và người nông dân để tạo ra các sản phẩm nông, lâm sản mới đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Tiếp tục duy trì và từng bước hiện đại hóa công nghiệp chế biến quy mô nhỏ ở các vùng nông thôn và làng nghề truyền thống. Tham gia học tập kinh nghiệm và xây dựng các khu chế biến gỗ xuất khẩu tập trung, có quy mô lớn như Khu công nghiệp Phú Tài, Bình Định và có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp trong ngành chế biến gỗ thực hiện liên kết chặt chẽ với nhau để hình thành chuỗi giá trị sản xuất, chế biến gỗ xuất khẩu, trong đó mỗi doanh nghiệp sẽ chuyên môn hóa một khâu để hoàn chỉnh sản phẩm v.v..

- Tổ chức tốt việc nhập khẩu nguyên liệu lâm sản đáp ứng cho nhu cầu sản xuất phục vụ tiêu dùng trong tỉnh và xuất khẩu. Đẩy mạnh phát triển ngành nghề chế biến lâm sản, chế biến ván nhân tạo, giảm dần chế biến dăm gỗ xuất khẩu. Khuyến khích sử dụng các sản phẩm từ ván nhân tạo và gỗ từ rừng trồng.

- Tạo điều kiện thuận lợi để nhập khẩu và cung ứng nguyên liệu gỗ cho các doanh nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu trên địa bàn đáp ứng số lượng, chất lượng và thời gian với giá cả cạnh tranh từ một số thị trường truyền thống như Lào, Thái Lan v.v..

- Tổ chức nghiên cứu, hỗ trợ đào tạo thiết kế mẫu mã và đào tạo tay nghề sản xuất hàng gỗ gia dụng cho người dân trong tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của doanh nghiệp trong tỉnh.

Một trong những yếu tố quan trọng quyết định tới việc các hàng hóa nông, lâm sản của Tỉnh có được phép nhập khẩu vào thị trường nước ngoài hay không là chất lượng sản phẩm. Để đảm bảo chất lượng sản phẩm trước khi xuất khẩu, cần có sự chung tay từ phía người sản xuất, cho tới DN chế biến, xuất khẩu và sự chặt chẽ từ phía các chính sách của Tỉnh, Nhà nước. Đối với các mặt hàng chủ lực của Tỉnh, cần xây dựng được quy trình kiểm định chất lượng bắt buộc trước khi xuất khẩu, các sản phẩm không đáp ứng được các tiêu chí kiểm định sẽ không được phép xuất khẩu.

Bên cạnh việc xây dựng các tiêu chí kiểm định chất lượng, Tỉnh cần tăng cường việc áp dụng các tiêu chuẩn trong nông, lâm nghiệp như tiêu chuẩn FSC-CoC/CW trong lâm nghiệp:

Hệ thống FSC-CoC/CW giúp cho các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dăm gỗ chứng minh và đáp ứng được các yêu cầu khắt khe của khách hàng và thị trường nhập khẩu dăm gỗ liên quan đến nguồn gốc của dăm gỗ được bán. Hệ thống FSC-CoC/CW là một hệ thống quản lý áp dụng 02 tiêu chuẩn FSC-STD 40-004 và FSC-STD 40-005 hướng dẫn cho doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dăm gỗ có thể kiểm soát và quản lý được các hoạt động của mình từ công tác thu mua nguyên liệu gỗ tròn, vận chuyển và lưu trữ, sản xuất và bán dăm gỗ, đánh giá rủi ro vùng khai thác nguyên liệu để đảm bảo có được nguồn nguyên liệu gỗ thỏa mãn các tiêu chí của gỗ có kiểm soát FSC.

Đối với giải pháp nhằm nâng cao sức cạnh tranh của mặt hàng nông, lâm sản xuất khẩu tỉnh Hà Tĩnh, thực tế cho thấy, hoạt động sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu trên địa bàn Tỉnh còn nhiều bất cập. Người sản xuất chủ yếu dựa vào kinh nghiệm họ tích lũy theo thời gian, chưa áp dụng theo khoa học, bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp xuất khẩu thiếu chiến lược kinh doanh dài hạn, chưa xây dựng được thương hiệu cho các mặt hàng nông, lâm sản xuất khẩu, đồng thời thiếu chiến lược mở rộng thị trường, gắn kết khâu sản xuất với khâu chế biến xuất khẩu.

Triển khai áp dụng các tiêu chuẩn như VietGAP, GlobalGAP và ISO22000.

Trước đây là tiêu chuẩn EUREP GAP đến ngày 02/07/2007 và được nâng tầm lên thành GlobalGap (viết tắt của Global Good Agricultural Practice - Thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu). Đây là một bộ tiêu chuẩn được xây dựng để áp dụng tự nguyện cho sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản) trên toàn cầu. Là tiêu chuẩn về thực hành nông nghiệp tốt trong quá trình sản xuất, thu hoạch và xử lý sau thu hoạch. Bộ tiêu chuẩn GlobalGAP là công cụ kết nối giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, giữa nhà sản xuất với người cung ứng nông sản thực phẩm, vì thế nó không hướng tới việc gắn nhãn trên sản phẩm dành cho người tiêu dùng cuối cùng, mà quan tâm tới sản lượng và địa điểm sản xuất.

Tiêu chuẩn GlobalGap yêu cầu các nhà sản xuất phải thiết lập một hệ thống kiểm tra và giám sát an toàn thực phẩm xuyên suốt bắt đầu từ khâu sửa soạn nông trại canh tác đến khâu thu hoạch, chế biến và tồn trữ. Chẳng hạn như phải làm sạch nguồn đất, đảm bảo độ an toàn nguồn nước; giống cây trồng, vật nuôi được chọn cũng là giống sạch bệnh bởi nếu giống không an toàn sẽ ảnh hưởng nhiều tới năng suất, chất lượng; phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cũng phải đảm bảo là những thuốc trong danh mục, chủ yếu là thuốc có nguồn gốc hữu cơ an toàn cho người sử dụng.

Người sản xuất phải ghi chép lại toàn bộ quá trình sản xuất, bắt đầu từ khâu xuống giống đến khi thu hoạch và bảo quản để phòng ngừa khi xảy ra sự cố như là ngộ độc thực

phẩm hay dư lượng hóa chất vượt ngưỡng cho phép và có thể truy nguyên được nguồn gốc.

Muốn tham gia thị trường xuất khẩu nông, lâm sản tại các nước lớn trên thế giới, người dân và các DN hoạt động trong lĩnh vực XNK tỉnh Hà Tĩnh cần liên kết sản xuất và xuất khẩu theo tiêu chuẩn quốc tế mới giúp cho ngành nông nghiệp Tỉnh phát triển bền vững. Các tổ chức, hiệp hội nên tập hợp hướng dẫn cho nông dân và doanh nghiệp tham gia sản xuất nông sản đúng chuẩn quốc tế. Có như vậy, các sản phẩm nông, lâm sản của Tỉnh mới đảm bảo được các quy định ngặt nghèo về chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh tại các thị trường lớn. Chỉ khi có một phương pháp sản xuất thích hợp gắn với các tiêu chuẩn chất lượng ổn định thì các doanh nghiệp xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh mới vượt qua rào cản kỹ thuật của các quốc gia nhập khẩu với thị trường lớn một cách an toàn.

Nhằm nâng cao sức cạnh tranh cho các mặt hàng nông, lâm sản xuất khẩu của tỉnh Hà Tĩnh, cần thực hiện một số biện pháp như:

*Thứ nhất*, tập trung phát triển công nghiệp chế biến và bảo quản nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm xuất khẩu. Các hộ sản xuất, chế biến nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh hiện nay đều có quy mô tương đối nhỏ, phân tán, phát triển tự phát, sử dụng các trang thiết bị công nghệ lạc hậu, v.v.. Vì vậy, Tỉnh cần tập trung phát triển công nghiệp chế biến và bảo quản thông qua những hình thức như đầu tư xây dựng hệ thống phơi sấy công nghiệp, các hệ thống bảo quản nông sản đảm bảo chất lượng và an toàn với sức khỏe con người, tiến hành học hỏi, khảo sát công tác chế biến, bảo quản với các điển hình trên cả nước, đồng thời cử cán bộ sang các nước có nền nông, lâm nghiệp phát triển học hỏi cách chế biến, bảo quản nông, lâm sản phục vụ cho xuất khẩu từ đó có những giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Hà Tĩnh, ngoài ra, cần tăng cường phổ biến kiến thức, làm rõ tầm quan trọng của việc chế biến, bảo quản nông, lâm sản đối với người sản xuất, lắng nghe những góp ý, sáng kiến từ phía người dân và doanh nghiệp trong chế biến và bảo quản nông, lâm sản.

*Thứ hai*, định hướng phát triển sản phẩm nông, lâm sản dựa trên nhu cầu thị trường. Nền kinh tế thị trường hiện nay đòi hỏi các DN phải tính đến nhu cầu, mong muốn cũng như khả năng tiêu thụ của thị trường. Chính vì vậy, Tỉnh cần tăng cường công tác nghiên cứu thị trường tại các quốc gia tiềm năng về xuất khẩu của Tỉnh, từ đó xác định được các sản phẩm chủ lực đối với mỗi thị trường cụ thể để có chiến lược nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm thông qua chất lượng, giá cả sản phẩm v.v..

*Thứ ba*, phát triển thương hiệu các sản phẩm nông, lâm sản của Tỉnh nhằm khẳng định vị trí và sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Hiện nay về yếu tố thương hiệu sản phẩm các DN xuất khẩu của Tỉnh cũng như người sản xuất nông, lâm sản chưa thực sự quan tâm đúng mức làm ảnh hưởng rất lớn tới giá trị hàng hóa. Tỉnh cần nghiên cứu và đưa ra giải pháp nhằm phát triển thương hiệu cho nông, lâm sản của Tỉnh trong thời gian tới.

#### **4.3.2.4. Các chính sách về khuyến khích, thu hút đầu tư**

*\* Thứ nhất, về khuyến khích đầu tư trong Tỉnh:*

Trước hết, Tỉnh cần xác định chủ trương khuyến khích phát triển các mặt hàng nông, lâm sản xuất khẩu, đặt ưu tiên cho các sản phẩm này ở vị trí cao so với toàn bộ ngành hàng xuất khẩu của Tỉnh. Đảm bảo các hình thức ưu đãi cao nhất được áp dụng cho các DN xuất khẩu và sản xuất hàng nông, lâm sản xuất khẩu. Rà soát các quy định về ưu đãi đầu tư trong Tỉnh, trên cơ sở các quy định về thuế của quốc gia, có chính sách tính thuế phù hợp với DN sản xuất, xuất khẩu nông, lâm sản, giảm thuế đối với việc đầu tư trang thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất và chế biến nông, lâm sản xuất khẩu. Cải thiện quy định về cầm cố, thế chấp, bảo lãnh để đẩy nhanh việc giải ngân vốn vay của DN.

Tỉnh cũng cần sớm hoàn thiện hệ thống pháp lý chung về kinh tế, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, đồng thời ban hành các chính sách nhằm xóa bỏ sự phân biệt về thu hút đầu tư trong và ngoài nước, rà soát các loại giá dịch vụ, chi phí v.v. nhằm thu hẹp khoảng cách giá trong và ngoài nước.

Thông qua trao đổi, góp ý trực tiếp từ phía các DN, cần có những điều chỉnh phù hợp đối với các chính sách khuyến khích đầu tư, nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí cho DN, tối ưu hiệu quả của công tác quản lý.

*\* Thứ hai, Khuyến khích đầu tư từ nước ngoài:*

Để khuyến khích việc đầu tư từ nước ngoài vào các DN nhằm tăng cường năng lực, sức cạnh tranh cả về công nghệ, nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông, lâm sản, Tỉnh cần nghiên cứu để đa dạng hóa các hình thức thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài như:

- Tạo điều kiện thuận lợi và các ưu đãi về thuế cho cá nhân, tổ chức nước ngoài có nhu cầu đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, chế biến, xuất khẩu nông lâm sản.

- Cho phép các nhà đầu tư nước ngoài có thể mua cổ phần tại các DN trong nước hoặc thành lập công ty cổ phần với tỷ lệ không chế nhất định.

- Cải thiện các quy định tạo thuận lợi cho DN nước ngoài vay vốn phục vụ hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng, xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm sản.

- Rà soát và hệ thống hóa, đồng thời cải thiện các quy định về đầu tư nước ngoài làm cơ sở cho việc hướng dẫn, tuyên truyền cho DN, kịp thời phát hiện những chông chéo giữa các văn bản và đưa ra biện pháp xử lý kịp thời, tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư của DN.

#### **4.3.2.5. Các chính sách về tín dụng xuất khẩu**

*\* Thứ nhất, Hỗ trợ về thuế cho doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nông, lâm sản*

Có thể hỗ trợ DN xuất khẩu và người nông dân qua các hình thức như mở rộng cơ chế khuyến khích các ngân hàng thương mại cạnh tranh mở rộng đối tượng cho vay đối với khu vực nông nghiệp, nông thôn, đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng đối với khách

hàng DN và người nông dân, hoàn thành chương trình bảo hiểm nông, lâm nghiệp tạo sự yên tâm cho DN và người nông dân.

Ngoài các DN trực tiếp sản xuất hàng nông, lâm sản xuất khẩu và DN kinh doanh hàng nông, lâm sản xuất khẩu, còn có các DN có nhiệm vụ cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các DN nêu trên phục vụ hoạt động chế biến, sản xuất. Tỉnh cũng cần có chính sách ưu đãi về thuế doanh thu đối với các DN này. Như vậy sẽ tạo ra sự phát triển theo chuỗi, từ việc phát triển các DN sản xuất, kinh doanh hàng nông, lâm sản xuất khẩu, kéo theo chuỗi các DN cung ứng nguyên liệu đầu vào cũng phát triển, giúp gia tăng năng lực hoạt động xuất khẩu, thu hút thêm các nguồn lực đầu tư vào hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh.

*\* Thứ hai, quỹ bảo hiểm xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh*

Xuất khẩu hàng nông, lâm sản đặc biệt là nông sản là lĩnh vực dễ bị chi phối bởi thị trường và bởi chính những đặc điểm của sản xuất nông nghiệp. Sản phẩm nông sản sản xuất chịu rủi ro rất cao do phải phụ thuộc lớn vào thời tiết, dịch bệnh cây trồng v.v. gây nhiều thiệt hại cho người sản xuất.

Đối với các ngành hàng nông, lâm sản có khối lượng tương đối lớn, việc thành lập quỹ bảo hiểm xuất khẩu là việc làm cần thiết. Quỹ này sẽ được các DN cùng xuất khẩu ngành hàng lập ra và xây dựng quy chế hoạt động. Khi thị trường thế giới biến động thuận lợi, DN trích một phần chênh lệch giữa giá xuất khẩu và giá bảo hiểm để đưa vào quỹ và ngược lại, khi thị trường thế giới biến động không thuận lợi, quỹ sẽ trích phần chênh lệch để bù cho DN.

*\* Thứ ba, giải quyết khó khăn về vốn, hỗ trợ tín dụng doanh nghiệp xuất khẩu*

Đối với việc vay vốn của DN sản xuất, xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm sản, Tỉnh cần có cơ chế tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động vay vốn, giảm các thủ tục nhằm đơn giản hóa và tiết kiệm thời gian cho DN tiếp cận nguồn vốn, giảm lãi suất cho DN vay, tạo điều kiện thuận lợi để DN có thể dễ dàng vay ngoại tệ để mua nguyên liệu, máy móc cho sản xuất. Đối với DN, ngoài kênh vay vốn qua ngân hàng, các DN có thể thực hiện việc liên doanh, liên kết, sáp nhập lại nhằm cùng hỗ trợ cho nhau đầu tư mua mới máy móc, trang thiết bị, nhập khẩu các nguyên liệu sản xuất các sản phẩm nông, lâm sản xuất khẩu. DN cũng cần chủ động tạo sự liên kết với các Hiệp hội, ngành nghề về nông, lâm sản trong và ngoài nước, nhằm tận dụng các chương trình tín dụng ưu đãi của các tổ chức quốc tế.

Về phía ngân hàng và các tổ chức tín dụng, cần huy động nhiều hơn các nguồn vốn trung và dài hạn để tạo điều kiện cho vay trung và dài hạn nhằm phục vụ cho vay đầu tư cơ sở hạ tầng sản xuất, kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, mở rộng hoạt động tiết kiệm nhằm thu hút nguồn vốn nhàn rỗi từ người dân địa phương. Đối với việc cho vay, cần hình thành cơ chế thúc đẩy các tổ chức ngân hàng, tín dụng dành một tỷ lệ vốn vay để



thâm nhập vào hoạt động kinh tế nông thôn, vừa kinh doanh tiền tệ và vừa có ý nghĩa trực tiếp tham gia vào đầu tư sản xuất.

*\* Thứ tư, các chính sách về ngoại tệ, lãi suất, tỷ giá*

Các DN trong tỉnh có các đối tác tại nhiều quốc gia trên thế giới. Chính vì vậy Tỉnh cần xem xét tình hình thực tế về chính sách tỷ giá hối đoái để có những kiến nghị với Nhà nước điều chỉnh một cách linh hoạt. Thực tế, nếu sử dụng chính sách tỷ giá cố định có thể gặp phải một số trường hợp gây ảnh hưởng tới DN xuất khẩu ví dụ như hàng nông, lâm sản nhập khẩu sơ chế phải bán ra theo mức giá cả quốc tế, DN không kiểm soát được mức giá này dẫn tới họ phải chịu chi phí cao hơn do lạm phát trong nước. Các hàng hóa xuất khẩu trở nên kém sinh lợi do ngoại tệ thu được bán lại với tỷ giá hối đoái cố định, không được tăng để bù chi phí sản xuất cao hơn.

Nhằm đảm bảo lợi ích cho DN, Nhà nước cần áp dụng chính sách tỷ giá hối đoái một cách linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế trong và ngoài nước để vừa hạn chế nhập khẩu và thúc đẩy hoạt động xuất khẩu.

Đối với chính sách về lãi suất cho vay đối với hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản, Tỉnh và Nhà nước cũng như các ngân hàng cần làm việc để đưa ra một mức lãi suất phù hợp cho việc khuyến khích xuất khẩu và hạn chế xuất khẩu các mặt hàng chưa thiết yếu. Thực tế cho thấy một số quốc gia phát triển như Hàn Quốc, Đài Loan đều áp dụng trong thời kỳ đầu phát triển kinh tế. Ví dụ có thể tính mức lãi suất cho vay xuất khẩu bằng 50% lãi suất vay nhập khẩu.

Đối với chính sách ngoại tệ, cần có chính sách thu mua ngoại tệ của các DN xuất khẩu với mức tỷ giá ưu đãi dựa trên các hợp đồng mua bán với đối tác nước ngoài. Ngân hàng sẽ căn cứ vào các hợp đồng mua bán này xác nhận lượng ngoại tệ thu về. Nếu DN có phát sinh việc mua ngoại tệ để nhập khẩu hàng hóa có thể xuất trình các giấy tờ hợp đồng này làm căn cứ để tính tỷ giá ưu đãi khi vay

Bên cạnh những chính sách trên, về phía Nhà nước cần quan tâm và thành lập một ngân hàng xuất nhập khẩu Việt Nam với mục đích hỗ trợ nguồn vốn cho xuất khẩu, bảo hiểm tín dụng cho các ngân hàng, doanh nghiệp tham gia tài trợ xuất khẩu, nhiều nước trên thế giới hiện nay đã có các cơ quan tài trợ và bảo hiểm tín dụng nhập khẩu như Ngân hàng XNK Trung Quốc, Ngân hàng XNK Nhật Bản, Triều Tiên v.v..

#### ***4.3.2.6. Giải pháp phát triển thương hiệu và xúc tiến thương mại các sản phẩm nông, lâm sản***

Hiện nay mặc dù các sản phẩm nông, lâm sản xuất khẩu của tỉnh Hà Tĩnh đã có mặt ở nhiều quốc gia trên thế giới tuy nhiên công tác xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm nông, lâm sản xuất khẩu tỉnh Hà Tĩnh vẫn chưa thực sự được quan tâm đúng mức. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu như hiện nay, việc xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông, lâm sản xuất khẩu là việc làm hết sức cấp bách để tạo sức

canh tranh, đưa các sản phẩm nông, lâm sản của Tỉnh thâm nhập sâu vào các thị trường khó tính như Mỹ, Nhật và các quốc gia Châu Âu.

Tuy nhiên, để việc phát triển thương hiệu thật sự đạt hiệu quả thì trước tiên các sản phẩm nông, lâm sản xuất khẩu của Tỉnh phải đảm bảo chất lượng theo các chuẩn trong và ngoài nước. Điều này đặt ra bài toán đảm bảo đồng bộ và phối hợp giữa nhiều Nhà trong hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản.

Nhằm hạn chế tình trạng mất thương hiệu nông, lâm sản Tỉnh cần thực hiện một cách bài bản quy trình từ chủ động tìm thị trường, phát triển thị trường cho tới đăng ký sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm, nhãn hiệu. Thực tế cho thấy cần phải đẩy mạnh công tác quản lý và phát triển thương hiệu với các mặt hàng nông, lâm sản nổi tiếng, là các sản phẩm chủ lực xuất khẩu.

Xây dựng vùng nguyên liệu chuyên canh để có sản phẩm thuần nhất, đảm bảo cung cấp khối lượng nông, lâm sản lớn, ổn định, có chất lượng đồng đều và đảm bảo được thời gian cung ứng trên thị trường. DN cần phối hợp với người nông dân và chính quyền địa phương trong việc xây dựng vùng nguyên liệu, tham gia hướng dẫn nông dân sản xuất và quản lý từ khâu gieo hạt cho tới thu hoạch, lưu trữ cho đúng các tiêu chuẩn theo yêu cầu quốc tế về xuất khẩu nông, lâm sản.

Tạo ra mối liên kết chặt chẽ trên mọi mặt giữa người nông dân, nhà quản lý, nhà khoa học và DN xuất khẩu, thương lái, nhà máy chế biến. Ngoài ra, Tỉnh cần đẩy mạnh công tác quy hoạch, hình thành các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp tập trung, chuyên canh, gắn sản xuất nguyên liệu với chế biến và thị trường, hướng dẫn và kiểm soát các bên tham gia.

Hỗ trợ các hiệp hội ngành nghề sản xuất và tiêu thụ nông, lâm sản quảng bá thương hiệu các sản phẩm nông, lâm sản của địa phương nhằm tạo ra thị trường cho sản phẩm đó.

Bên cạnh đó, Tỉnh cũng cần tranh thủ các nguồn tài trợ hay các chương trình phát triển thương hiệu cho nông sản xuất khẩu. Đồng thời, cần khẩn trương nghiên cứu và lập chiến lược xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu hàng nông, lâm sản xuất khẩu, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn chi tiết về các thủ tục đăng ký bản quyền thương hiệu, đăng ký chỉ dẫn địa lý, thương hiệu nông, lâm sản không chỉ ở Việt Nam mà còn ở các thị trường lớn trên thế giới.

Bên cạnh những hoạt động trên, để đảm bảo hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh phát triển một cách bền vững, một yếu tố quan trọng phải kể tới đó là việc giữ uy tín trong kinh doanh. Trong hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản với các quốc gia lớn, việc xây dựng chữ tín trong kinh doanh là cực kỳ quan trọng. Các DN có thể sử dụng nhiều hình thức để quảng bá hình ảnh thương hiệu của mình tuy nhiên nếu không giữ chữ tín thì những hoạt động đó cũng không còn ý nghĩa. Uy tín trong kinh doanh là yếu tố quan trọng tuy nhiên không thể trong một thời gian ngắn có thể xây dựng được mà phải qua một quá trình và có chiến lược rõ ràng, cụ thể thông qua các hoạt động như:

- Đảm bảo chất lượng sản phẩm đúng như cam kết, đạt các tiêu chuẩn chất lượng theo đúng quy định, không vì lợi ích trước mắt mà làm tổn hại đến khách hàng.

- Thông tin về thành phần được hiển thị trên bao bì sản phẩm phải đúng với chất lượng sản phẩm thực tế, không sử dụng hình thức quảng cáo trên bao bì một đẳng chất lượng một nẻo;

- Đảm bảo việc thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết với nông dân trong việc thu mua dù giá cả nông, lâm sản có thể giao động gây bất lợi cho DN xuất khẩu.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp lấy chữ tín làm trọng, đối xử công bằng với tất cả khách hàng, không coi nhẹ những thị trường nhỏ lẻ, xem khách hàng thực sự như thượng đế.

Xây dựng được những điều trên DN đã tự nâng cao năng lực cạnh tranh của mình và góp phần tích cực trong hoạt động thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh.

Đối với hoạt động xúc tiến thương mại và tìm kiếm thị trường cho các sản phẩm nông, lâm sản xuất khẩu tỉnh Hà Tĩnh, trước tiên Tỉnh cần ưu tiên thực hiện các hoạt động như:

(1) Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại thông qua các hội chợ, triển lãm, hội thảo trong và ngoài nước về nông, lâm sản, chủ động giới thiệu các mặt hàng nông, lâm sản của mình với các DN trong và ngoài nước, đồng thời Tỉnh cũng cần tăng cường công tác nghiên cứu thông tin thị trường tại các quốc gia nhập khẩu nhiều các mặt hàng nông, lâm sản, các tiêu chuẩn thị trường tại các nước này cũng như thị hiếu người tiêu dùng, các kênh phân phối tại những quốc gia này nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho các DN xuất khẩu trong Tỉnh, giúp cắt giảm chi phí, tiếp cận đúng thị trường và đối tượng khách hàng tiềm năng.

(2) Tăng cường xúc tiến, quảng bá các sản phẩm nông, lâm sản xuất khẩu thông qua mạng Internet, cung cấp đầy đủ các thông tin về sản phẩm để khách hàng trong và ngoài nước có thể tham khảo thuận tiện nhất. Bên cạnh đó, mở rộng việc quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại thông qua các sàn giao dịch nông, lâm sản trực tuyến trên thế giới nhằm tìm kiếm các khách hàng có quan tâm. Ngoài ra có thể kết hợp với các DN du lịch, lữ hành để quảng bá sản phẩm.

(3) Tích cực trao đổi, giữ quan hệ với các đại diện thương mại của Việt Nam tại các nước trên thế giới, tạo cầu nối giữa các DN xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh với thị trường các nước, đồng thời tận dụng mối quan hệ này có thể quảng bá hình ảnh sản phẩm thông qua việc tài trợ và bán tài trợ các sản phẩm nông, lâm sản phục vụ các hội nghị quốc tế, các hoạt động văn hóa dân tộc diễn ra trong và ngoài nước.

Bên cạnh những giải pháp trên, cần nâng cao vai trò hoạt động của các hiệp hội, nhất là các hiệp hội chuyên ngành về nông, lâm sản của Tỉnh. Việc liên kết các DN với nhau theo hình thức hiệp hội sẽ tạo ra sức mạnh chung, tăng cường cung cấp thông tin đối với nhiều thị trường xuất khẩu, giúp các DN giảm thiểu thời gian, chi phí, tận dụng được

những kinh nghiệm sẵn có trong hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản. Tại tỉnh Hà Tĩnh, nhìn chung vai trò của các Hiệp hội ngành hàng còn chưa rõ nét, khả năng đóng góp cho doanh nghiệp còn nhiều hạn chế, các khuyến cáo được đưa ra từ phía hiệp hội chưa được quan tâm đúng mức ... Trong thời gian tới, về phía hiệp hội DN xuất khẩu nông, lâm sản cần có những điều chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả trong việc cung cấp thông tin cho doanh nghiệp qua:

- Xây dựng hệ thống thông tin về thị trường xuất khẩu nông, lâm sản với các thông tin cập nhật liên tục từ chính những DN tham gia, đặc biệt là các thị trường tiềm năng, thị trường mới.

- Xây dựng cơ chế đảm bảo việc cạnh tranh lành mạnh và hỗ trợ lẫn nhau giữa các doanh nghiệp tham gia hiệp hội, tránh tình trạng cạnh tranh không lành mạnh dẫn đến các mâu thuẫn trong nội bộ các DN của Tỉnh.

- Nghiên cứu nhu cầu, cơ chế chính sách nhập khẩu của từng quốc gia, từ đó có những cảnh báo kịp thời về phía DN để họ có thể đảm bảo việc xuất khẩu hàng hóa nông, lâm sản sang các quốc gia đó một cách thuận lợi nhất.

- Về phía các hội viên tham gia hiệp hội, yêu cầu tuân thủ đầy đủ các quy định mà hiệp hội đã đặt ra, hoạt động dựa trên tinh thần lợi ích chung, tất cả cùng có lợi. Tránh tình trạng vì lợi ích riêng gây ảnh hưởng tới toàn bộ các DN khác trong hiệp hội. Trong trường hợp phát hiện vi phạm sẽ có hình thức cảnh cáo, nặng hơn thì sẽ khai trừ khỏi hiệp hội DN xuất khẩu nhằm đảm bảo tính răn đe.

#### ***4.3.2.7. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực phục vụ hoạt động xuất khẩu***

Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định tới sự thành công của hoạt động xuất khẩu. Tỉnh cần xây dựng chính sách phát triển nguồn nhân lực phục vụ hoạt động xuất khẩu một cách toàn diện, tổ chức các hoạt động đào tạo có kế hoạch chi tiết, cụ thể, sát với lĩnh vực xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm sản của Tỉnh. Thực hiện đào tạo bằng nhiều hình thức như phối hợp với các trường đại học, cao đẳng, trường nghề trên địa bàn Tỉnh xây dựng các chương trình học liên quan tới nội dung xuất khẩu nông, lâm sản, các chính sách, hiệp định thương mại Việt Nam tham gia, xã hội hóa công tác đào tạo, phối hợp đào tạo giữa nhà trường, doanh nghiệp và cơ quan quản lý hoạt động xuất khẩu nhằm cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh. Ngoài việc đào tạo về nghiệp vụ liên quan tới xuất khẩu, Tỉnh cũng cần có chính sách hỗ trợ nghiên cứu phát triển các sản phẩm nông, lâm sản chủ lực, như chú trọng về khâu thiết kế, tạo dáng cho sản phẩm, đào tạo đội ngũ nhân lực trong khâu thiết kế, quảng bá sản phẩm v.v..

Tỉnh cũng cần nâng cao nhận thức và kỹ năng lao động cho người sản xuất, DN xuất khẩu trong phát triển sản xuất và hội nhập kinh tế quốc tế. Đào tạo nâng cao trình độ và kỹ năng lao động cho nguồn nhân lực ở nông thôn đáp ứng các yêu cầu của sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu. Bên cạnh đó, đổi mới cơ chế tuyển sinh, hỗ trợ học phí, học bổng, xây

dựng các chương trình giảng dạy, đào tạo bài bản về lĩnh vực sản xuất nông, lâm sản tạo ra đội ngũ lao động có chất lượng cao, đủ về số lượng và đáp ứng yêu cầu chất lượng.

Ngoài ra, tăng cường đào tạo và phổ biến cho người nông dân các kiến thức và kỹ thuật khoa học công nghệ mới về sản xuất nông, lâm sản, tập trung đào tạo nâng cao kiến thức, năng lực quản lý kinh tế, quản lý xã hội cho đội ngũ cán bộ cơ sở.

Cử cán bộ quản lý trực tiếp tham gia và nhận thức đúng về hoạt động đào tạo kiến thức nông, lâm sản cho người nông dân, góp phần nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của các sản phẩm nông, lâm sản địa phương. Đồng thời tổ chức các lớp bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, tham gia liên kết trong hoạt động đào tạo giữa các tỉnh, các quốc gia nhằm tăng khả năng xử lý các tình huống thực tế, gia tăng năng lực sáng tạo trong xử lý các trường hợp hàng ngày của cán bộ quản lý.

Tỉnh cũng cần mở các trường dạy nghề chuyên đào tạo phát triển công nhân phục vụ hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản với các nội dung học tập tập trung chủ yếu về lĩnh vực sản xuất, chế biến và bảo quản nông, lâm sản xuất khẩu, nghiên cứu những công nghệ mới trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp nhằm cải thiện năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, tuyển chọn những học viên giỏi đưa đi đào tạo ở nước ngoài, đặc biệt là các nước có nền nông, nghiệp xuất khẩu phát triển v.v.. Bên cạnh đó, tại các trường đại học, cao đẳng cũng có thể bổ sung thêm các chuyên ngành có liên quan tới lĩnh vực xuất khẩu nông, lâm sản. Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo và thực hành nhằm tạo điều kiện thuận tiện cho sinh viên tiếp cận môi trường làm việc sớm.

Về phía các trường cần đổi mới cơ chế tuyển sinh, chính sách học phí, học bổng, chế độ đãi ngộ và nội dung, chương trình, phương thức đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế của từng vùng miền địa phương trong Tỉnh, sớm đào tạo cung cấp cho Tỉnh một đội ngũ nhân lực trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp có trình độ cao, đủ về số lượng, giỏi về chuyên môn, đồng bộ về cơ cấu gắn bó mật thiết với đồng ruộng, quê hương.

Về phía DN, thực hiện chế độ đào tạo tại chỗ đối với những lao động chưa qua đào tạo bài bản, bồi dưỡng kỹ năng từ những công nhân đã qua đào tạo có tay nghề cao, liên kết với các trường dạy nghề chuyên ngành nông, lâm nghiệp, tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng, bổ sung kiến thức. Đổi mới công tác quản trị nhân lực trong các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhằm tiêu chuẩn hóa hoạt động tuyển dụng, đánh giá và sử dụng lao động trong các doanh nghiệp này để nâng cao khả năng đáp ứng những tiêu chuẩn điều kiện về lao động đặt ra từ phía các nhà nhập khẩu.

Về phía cán bộ quản lý, tiến hành điều tra, khảo sát, phân tích chất lượng, cơ cấu nguồn nhân lực ngành xuất khẩu nông, lâm sản trên địa bàn toàn tỉnh để có sự điều chỉnh, đồng thời các cấp, các ngành, địa phương phải chủ động xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của mình. Thành lập các hội khoa học công nghệ và liên hiệp các hội khoa học công nghệ của tỉnh để có điều kiện liên kết, phối hợp, hợp tác trong nghiên cứu

khoa học, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, tư vấn phân biện, thẩm định khoa học liên quan tới xuất khẩu nông, lâm sản và quy tụ lực lượng cán bộ cán bộ khoa học kỹ thuật, sử dụng có hiệu quả tiềm năng sáng tạo của đội ngũ trí thức.

### **4.3.3. Một số giải pháp khác**

#### ***4.3.3.1. Cải cách các thủ tục hành chính liên quan tới hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh***

Cơ quan quản lý Tỉnh đóng vai trò quan trọng trong việc xử lý các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động xuất khẩu. Cần phân cấp rõ ràng và không chồng chéo giữa các cơ quan quản lý. Bên cạnh đó, hạn chế tối đa tình trạng gây phiền nhiễu cho DN xuất khẩu khi làm các thủ tục xuất khẩu mặt hàng nông, lâm sản. Tiết kiệm thời gian, chi phí cho DN.

Tăng cường công tác phối hợp quản lý liên ngành giữa các Sở, ban ngành địa phương trong hoạt động thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản, không ngừng trau dồi, học hỏi kiến thức phục vụ công tác quản lý xuất khẩu nông, lâm sản. Đồng thời xây dựng các cơ chế đánh giá, kiểm tra thường xuyên, cụ thể với doanh nghiệp, người nông dân nhằm tăng cường sự trao đổi thông tin với các đối tượng này, nhằm xử lý nhanh chóng những vấn đề khó khăn còn tồn tại.

Trong giai đoạn hiện nay, trước việc tình hình giá cả thị trường hàng nông, lâm sản có nhiều biến động rất khó dự đoán, các nước nhập khẩu hàng nông sản thường có sự thay đổi về pháp luật và chính sách thương mại để đối phó với những biến động thị trường đồng thời họ cũng ban hành nhiều quy định liên quan tới việc sử dụng các công cụ thuế quan và phi thuế quan gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh. Chính vì vậy, trong thời gian tới, Tỉnh cần tích cực theo dõi và hỗ trợ về mặt thông tin đầy đủ và kịp thời cho các doanh nghiệp xuất khẩu nông, lâm sản trong Tỉnh. Bên cạnh đó, đề xuất với các cơ quan nhà nước trong việc tạo lập các khuôn khổ pháp lý, cơ chế ưu đãi cho hoạt động xuất nhập khẩu nông, lâm sản đặc biệt là ở các thị trường tiềm năng. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ và điều hành xúc tiến thương mại của Tỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn Tỉnh.

Tỉnh cũng cần đổi mới về cơ cấu tổ chức, thành lập các bộ phận chuyên trách về hoạt động xuất nhập khẩu với các phòng ban phụ trách riêng từng mảng như theo dõi thông tin thị trường, bộ phận hỗ trợ doanh nghiệp, bộ phận tuyên truyền, xúc tiến, v.v.. đồng thời tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ này cả về trình độ, chuyên môn nhằm giải đáp đầy đủ những thắc mắc, khó khăn cho người sản xuất cũng như các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu.

Bên cạnh đó, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý nhằm giảm thời gian thông qua, đơn giản hóa các thủ tục về hải quan và thuế, thuận tiện cho doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Tỉnh cũng cần tạo điều kiện cho việc vay tín dụng đối với người sản xuất hoặc vay vốn nhập khẩu nguyên liệu đối với các

doanh nghiệp xuất khẩu, đơn giản hóa các thủ tục để các đối tượng sớm tiếp cận được nguồn vốn vay.

Tỉnh cũng cần nghiên cứu, đề xuất, điều chỉnh các chính sách thương mại nông, lâm sản và chính sách nông, lâm nghiệp trong nước, một mặt hướng vào khuyến khích đẩy mạnh xuất khẩu, mặt khác tăng cường hỗ trợ cho phát triển sản xuất nông nghiệp trong nước không vi phạm các cam kết WTO bằng cách chuyển từ các biện pháp hỗ trợ trực tiếp cho sản xuất, xuất khẩu (trợ giá phân bón, xăng dầu, thường xuất khẩu) sang hỗ trợ gián tiếp thông qua đầu tư vào cơ sở hạ tầng, khoa học - công nghệ để nâng cao năng suất, giảm giá thành sản phẩm. Ngoài ra, cần bổ sung những chính sách, quy định liên quan tới các công cụ tự vệ đặc biệt, các biện pháp kiểm định chất lượng nông, lâm sản xuất khẩu, biện pháp liên quan tới môi trường, an ninh quốc gia...

Trước mắt, trong thời gian tới các chính sách của tỉnh nên tập trung vào việc cung cấp thông tin, giảm chi phí cho doanh nghiệp xuất khẩu, thực hiện rà soát các chính sách và điều chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả thực thi, giúp đơn giản hóa các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Tỉnh cũng cần xem xét và điều chỉnh các quy định về hải quan, thuế quan, tăng cường các biện pháp giúp doanh nghiệp thuận lợi trong việc thanh toán quốc tế, cập nhật các thông tin và quy định tiêu chuẩn chất lượng mới của quốc tế cũng như các dịch vụ kèm theo nhằm thúc đẩy xuất khẩu. Về lâu dài, Tỉnh cần tổ chức các doanh nghiệp xuất khẩu của từng ngành hàng một cách đồng bộ nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh thông qua việc liên kết và chia sẻ thông tin giữa các doanh nghiệp xuất khẩu với nhau (trao đổi thông tin về nhu cầu, sản xuất hàng hóa, kinh nghiệm trong các hoạt động xuất khẩu...), giúp tạo ra một mô hình xuất khẩu nông, lâm sản bền vững từ khâu sản xuất.

Ngoài ra, đối với chính sách về tín dụng hỗ trợ xuất khẩu, Tỉnh cần tạo điều kiện giúp nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn vay cho doanh nghiệp xuất khẩu, có cơ chế giám sát chặt chẽ nguồn vốn cho vay nhằm tránh tình trạng nợ xấu. Một yếu tố quan trọng cần tính đến là các yêu cầu về bảo vệ môi trường cần được ưu tiên tuân thủ nghiêm ngặt khi xây dựng và thực thi chính sách. Tỉnh cần cân nhắc cụ thể và có khoa học giữa mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu và những thiệt hại về môi trường do chính sách gây ra.

Ngoài những hình thức nêu trên, hiện nay đang xuất hiện một loại hình xuất khẩu nông sản tại chỗ dưới dạng du lịch công nghiệp đã xuất hiện ở một số địa phương như Bến Tre, Cần Thơ, An Giang v.v.. tuy nhiên ở hình thức tự phát, chưa được đầu tư, quan tâm xây dựng đúng mức. Do đó, hiệu quả đem lại của loại hình xuất khẩu này chưa cao. Tỉnh cũng có thể nghiên cứu và phát triển mô hình này qua việc xây dựng các chính sách, các văn bản pháp luật quy định cụ thể, khuyến khích loại hình xuất khẩu này phát triển.

#### ***4.3.3.2. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành trong việc thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản***

Để có nguồn nông sản ổn định, lâu dài, có chất lượng cao, việc liên kết và phối hợp giữa các đối tượng tham gia hoạt động xuất khẩu nông lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh là thực

sự cần thiết. Tuy nhiên mối liên kết này hiện nay chưa thực sự bền vững có thể thay đổi khi giá nông, lâm sản thị trường cao hơn giá mà nông dân ký kết trong hợp đồng với doanh nghiệp xuất khẩu, dẫn đến việc nông dân không muốn bán hoặc bán với số lượng ít cho doanh nghiệp để bán ra bên ngoài với mức giá cao hơn. Tương tự như vậy trong trường hợp ngược lại. Về phía các nhà khoa học, việc chuyển giao khoa học kỹ thuật nông, lâm nghiệp cho người dân còn nhiều hạn chế, tồn tại việc người nông dân mua giống cây trồng trôi nổi trên thị trường không rõ nguồn gốc xuất xứ dẫn đến việc chất lượng nông, lâm sản xuất khẩu sau khi thu hoạch bị ảnh hưởng tới chất lượng, hiệu quả kinh tế thấp. Về phía nhà nước thì công tác ban hành các quy hoạch, kế hoạch về phát triển nông, lâm sản xuất khẩu còn chậm, nhiều chính sách khó thực hiện do thiếu nguồn vốn, v.v...

Nhằm giải quyết vấn đề nêu trên, cần tìm hiểu được các yêu cầu của những thị trường xuất khẩu sẽ hướng đến ví dụ như thị trường cần các loại nông, lâm sản gì, số lượng bao nhiêu, chất lượng cần đáp ứng các tiêu chuẩn nào... Từ đó, xây dựng các quy hoạch, kế hoạch trong giai đoạn 5, 10 năm về các sản phẩm nông, lâm sản xuất khẩu. Đồng thời, Tỉnh cần xây dựng cơ chế làm việc chung cho các đối tượng, nhằm đảm bảo quyền lợi cũng như quyền hạn, trách nhiệm của từng đối tượng tham gia trong mối liên kết 4 nhà này. Dựa trên các bản quy hoạch, DN xuất khẩu tìm kiếm và xác định các thị trường xuất khẩu nông, lâm sản phù hợp, đồng thời tùy theo các điều kiện thị trường và khả năng của mình, DN sẽ tiến hành ký kết hợp đồng với người sản xuất. Nhà khoa học sẽ tập trung nghiên cứu, ứng dụng những công nghệ mới trong sản xuất, phối hợp chặt chẽ với người sản xuất, bám sát, hướng dẫn nông dân thông qua các chương trình khuyến nông, lâm. Tất cả các mối quan hệ trên đều cần có sự ràng buộc, có thể thông qua hình thức hợp đồng cụ thể để đảm bảo quyền lợi cho mỗi bên đồng thời có cơ chế để xử lý khi các bên tham gia vi phạm quy định.

Về phía Tỉnh, chỉ đạo các cơ quan, sở, ban, ngành phối hợp chặt chẽ, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các đối tượng được hưởng những ưu đãi và cơ chế tốt nhất nhằm phát triển xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh. Đồng thời, các Sở, ban, ngành cũng cần phối hợp với nhau trong việc cung cấp thông tin, dự báo thị trường, thống kê kết quả hoạt động xuất nhập khẩu ...

Về phía Hội nông dân, đây là tổ chức đại diện cho người nông dân, vì vậy cần tăng cường củng cố bộ máy tổ chức này từ Trung ương đến cơ sở, cấp xã... Đồng thời tăng cường các quyền hạn nhất định cho Hội nông dân để có thể hỗ trợ nông dân trong hoạt động sản xuất, xuất khẩu nông, lâm sản một cách thuận lợi. Cụ thể như trong các hoạt động về hỗ trợ kinh tế hộ gia đình ở nông thôn như dịch vụ tín dụng, dịch vụ ứng dụng khoa học kỹ thuật nông nghiệp, trong sản xuất và tiêu thụ nông, lâm sản v.v..



#### ***4.3.3.3. Nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu***

Các hoạt động chế biến, bảo quản và hoạt động dịch vụ của Tỉnh trong lĩnh vực xuất khẩu nông, lâm sản hiện nay còn rất yếu, do đó cần tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ nhằm đổi mới quy trình sản xuất, chế biến, trang bị các máy móc, hệ thống thiết bị đồng bộ, hiện đại để tạo ra những sản phẩm đa dạng về chủng loại, mẫu mã, kiểu dáng và giá thành thấp... Tuy nhiên, cần lựa chọn các mặt hàng nông, lâm sản chủ lực để đầu tư chứ không đầu tư dàn trải, gây lãng phí.

Các DN, người nông dân cũng cần có sự trao đổi thông tin với cán bộ quản lý và nhà khoa học nhằm đưa ra các giải pháp cho những khó khăn đang tồn tại trong hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh. Cụ thể, thông qua việc tổ chức kênh thông tin hỗ trợ thường xuyên qua điện thoại, qua các buổi đào tạo, hướng dẫn và góp ý của DN, người dân đối với cơ quan quản lý. Định kỳ tổ chức hàng tháng, hàng tuần những buổi chia sẻ kinh nghiệm, cập nhật tình hình thị trường xuất khẩu nông, lâm sản, giúp người nông dân và doanh nghiệp chủ động trong việc sản xuất kinh doanh.

Trước mắt trong thời gian tới, tỉnh cần đảm bảo tạo lập được môi trường kinh doanh và các điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và hộ sản xuất nông, lâm sản. Tập trung phát triển các cơ sở nghiên cứu và cung ứng công nghệ liên quan tới lĩnh vực sản xuất nông, lâm sản nhằm trực tiếp giúp đỡ các đối tượng trong việc sản xuất cũng như tăng cường khả năng tiếp cận của các doanh nghiệp xuất khẩu với các công nghệ sản xuất tiên tiến của nước ngoài.

Thực tế cho thấy, chính sách phát triển năng lực công nghệ có đóng góp rất lớn đối với hoạt động xuất khẩu của Tỉnh cũng như của Quốc gia. Tuy nhiên hiện nay, vai trò của khoa học công nghệ đối với hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh vẫn ở mức thấp, các DN và người sản xuất chưa tận dụng được khoa học công nghệ nhằm gia tăng sản lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như công tác bảo quản sản phẩm phục vụ xuất khẩu. Để khắc phục tình trạng nói trên, Tỉnh cần phải xây dựng một định hướng rõ ràng trong việc ứng dụng khoa học - công nghệ phục vụ xuất khẩu, cụ thể trước hết cần xác định được các mặt hàng nông, lâm sản chủ lực, từ đó tiến hành xác định nhu cầu của thị trường các quốc gia trên thế giới và các tiêu chuẩn cần thiết để xâm nhập thị trường cũng như các đối thủ cạnh tranh, thực hiện liên kết, phối hợp các chủ thể tham gia hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh trong việc nghiên cứu và đào tạo, triển khai, tổ chức nghiên cứu thiết kế, thử nghiệm sản xuất và đưa các sản phẩm đó vào các thị trường xuất khẩu nhằm đánh giá mức độ đáp ứng. Việc ứng dụng khoa học công nghệ sẽ giúp cho người nông dân giảm bớt khó khăn, chi phí, thời gian trong việc sản xuất các sản phẩm nông, lâm sản, các DN chế biến tiết kiệm được thời gian, công sức, chi phí, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm nông, lâm sản, gia tăng sức cạnh tranh.

Bên cạnh việc ứng dụng KH-CN vào hoạt động sản xuất nông, lâm sản, có thể áp dụng thương mại điện tử (xây dựng website sàn giao dịch quảng bá xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh, cung cấp thông tin của toàn bộ doanh nghiệp và hộ sản xuất, công bố các quy chuẩn chất lượng áp dụng, cùng các thông tin liên hệ rõ ràng với hai ngôn ngữ chính là tiếng Anh và tiếng Việt, ngoài ra có thể cung cấp thêm ngôn ngữ cho các thị trường tiềm năng như Trung Quốc, Thái Lan v.v.) và mô hình hải quan điện tử nhằm nâng cao hiệu quả việc tiêu thụ hàng nông lâm sản và quản lý hàng xuất khẩu. Lợi ích đó là giảm thiểu thời gian, chi phí cho cả DN và cơ quan quản lý; bên cạnh đó hải quan điện tử giúp cho việc thống kê tình hình xuất khẩu của Tỉnh một cách chính xác, đảm bảo tính pháp lý và trách nhiệm về các thông số, đồng thời hạn chế sự tiếp xúc giữa cán bộ hải quan và các chủ hàng xuất khẩu, giảm thiểu tình trạng quan liêu, tham nhũng, gây khó khăn, giảm thiểu thời gian làm thủ tục cho chủ hàng hóa. Tỉnh cũng cần quan tâm để triển khai các dịch vụ thuế điện tử nhằm tạo thuận lợi cho việc quản lý cũng như doanh nghiệp. Để làm được những điều này, đòi hỏi tỉnh Hà Tĩnh trước hết cần có chủ trương đúng đắn trong việc ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản; đồng thời lập quy hoạch, kế hoạch cụ thể cho việc ứng dụng khoa học công nghệ đối với từng ngành hàng xuất khẩu mà đặc biệt là nông, lâm sản; tiếp tục thực hiện triển khai các chương trình khoa học, các nghiên cứu và ứng dụng thực tế vào hoạt động sản xuất, xuất khẩu nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

## KẾT LUẬN

Trong những năm qua, hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản nước ta nói chung, tỉnh Hà Tĩnh nói riêng đã có những thành tích rất đáng ghi nhận, sản lượng xuất khẩu tăng trưởng ổn định qua các năm, thị trường xuất khẩu liên tục được mở rộng. Bên cạnh những thành công đó, hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của Hà Tĩnh thời gian qua gặp không ít khó khăn, thách thức như: hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp Hà Tĩnh vẫn mang tính nhỏ lẻ, thiếu tính bền vững. Nhiều doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tồn kho một lượng hàng hóa lớn; Các mặt hàng xuất khẩu truyền thống như: thủy sản, chè... gặp khó về nguồn nguyên liệu; Nguyên liệu để chế biến ở Hà Tĩnh rất hạn chế nên các công ty thường phải thu mua ở các tỉnh phía Nam, thậm chí là mua của nước ngoài, nên chi phí khá cao... Để giải quyết vấn đề trên, tỉnh Hà Tĩnh đã có nhiều chính sách quan tâm đến hoạt động thúc đẩy xuất khẩu hàng nông, lâm sản bằng nhiều hình thức như hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ giống cây trồng, đất... và nhiều hình thức khác như hỗ trợ truyền thông, quảng cáo, đào tạo cán bộ quản lý, nâng cấp các trang thiết bị sản xuất... Tuy nhiên, để có thể phát triển hơn nữa ngành xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh, cần có một chiến lược dài hạn và các chính sách phù hợp trong thời gian tới. Thực tế đó đòi hỏi cần có những nghiên cứu cụ thể, chuyên sâu hơn về các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh, đặc biệt là các nghiên cứu mang tính đồng bộ, tổng thể về xuất khẩu nông, lâm sản.

Xuất phát từ nhu cầu thực tế trên, đề tài đã tập trung phân tích, đánh giá thực trạng tình hình xuất khẩu nông, lâm sản và thực trạng chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh thời gian qua, tập trung vào các vấn đề cơ bản như sau:

- Phân tích khái niệm, chức năng, vai trò của chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản
- Phân tích các nội dung, công cụ, phương pháp thúc đẩy nhằm thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản và những yếu tố ảnh hưởng đến các chính sách nói trên
- Trên cơ sở phân tích kinh nghiệm phát triển hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của một số địa phương và một số quốc gia trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc, Thái Lan, Lào... tác giả rút ra một số bài học kinh nghiệm cho hoạt động xây dựng và thực thi chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của Việt Nam
- Phân tích thực trạng xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh trong những năm gần đây
- Phân tích thực trạng chính sách thúc đẩy hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh trong những năm gần đây
- Phát hiện một số vấn đề cần giải quyết nhằm khắc phục những tồn tại của chính sách thúc đẩy hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian tới.

Với kết quả đạt được, tác giả hi vọng sẽ giúp các các cơ quan quản lý của tỉnh Hà Tĩnh có những quyết định và hành động phù hợp, ban hành và thực thi hiệu quả hơn các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh, góp phần vào sự phát triển kinh tế, xã hội của Hà Tĩnh thời gian tới.

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN TỚI LUẬN ÁN

1. Bùi Khắc Bằng (2015), Chính sách hỗ trợ xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh thực trạng và giải pháp, *Tạp chí Khoa học Thương mại*, số 81, tháng 5/2015
2. PGS.TS Bùi Hữu Đức, Bùi Khắc Bằng (2015), Giải pháp hạn chế rủi ro trong xuất khẩu nông sản của tỉnh Hà Tĩnh, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 13, năm 2015
3. PGS.TS Bùi Hữu Đức, Bùi Khắc Bằng (2016), Thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản tỉnh Hà Tĩnh, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 21, tháng 9/2016
4. Bùi Khắc Bằng (2016), *Giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu nông, lâm sản của Hà Tĩnh*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Thương mại.
5. Bùi Khắc Bằng (2016), *Thực trạng và giải pháp hoàn thiện chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản tỉnh Hà Tĩnh*, Đề tài cấp tỉnh, tỉnh Hà Tĩnh.
6. PGS.TS Bùi Hữu Đức, Bùi Khắc Bằng (2016), Chính sách và Giải pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro trong hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 231, tháng 9/2016.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2010), *Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT của: Hướng dẫn việc quy định Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*
2. Bộ Công thương (2014), *Báo cáo Xúc tiến xuất khẩu 2014 - 2015*, Bộ Công thương
3. Chính phủ Nghị định số 33/CP của: *Nghị định về quản lý Nhà nước đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu*
4. Chính phủ Nghị định số 40/2007/NĐ-CP: *Quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu*
5. Chính phủ (2005), *Nghị định số 54/CP: Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu*
6. Nguyễn Hồng Cừ (2010), *Phương hướng phát triển bền vững sản xuất nông sản xuất khẩu vùng Tây Nguyên*, Tạp chí khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng số 5 (40).2010
7. David Colman và Trevor Young (1994), *Nguyên lý kinh tế nông nghiệp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Vũ Cao Đàm (2011) *Giáo trình khoa học chính sách*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Đại học Kinh tế Quốc dân (2010), *Giáo trình Chính sách Kinh tế*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội
10. Đoàn Liên ngành rà soát doanh nghiệp xuất khẩu (2014) *Báo cáo Kết quả rà soát hoạt động xuất khẩu của các tổ chức, doanh nghiệp và các chính sách phát triển xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2014*
11. Hoàng Sỹ Động (2007), *Chiến lược phát triển hàng hoá lâm sản xuất khẩu hiệu quả và bền vững*, Tạp chí Kinh tế & Dự báo số 02, Viện Chiến lược Phát triển.
12. Bùi Hữu Đức (2004), *Một số giải pháp phát triển thị trường nông thôn trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Hà Tây*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Thương Mại.
13. Bùi Hữu Đức (2005), *Sự hình thành ACFTA và vấn đề xuất khẩu nông sản của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: “Quan hệ ASEAN - Trung Quốc với phát triển thị trường và thương mại Việt Nam”, Trường Đại học Thương Mại.
14. Bùi Hữu Đức (2008), *Phát triển thị trường nông sản nước ta trong điều kiện gia nhập Tổ chức thương mại thế giới*, Tạp chí Cộng sản, số 788.

15. Bùi Hữu Đức (2008), *Một số giải pháp nâng cao sức cạnh tranh xuất khẩu nông sản của các doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Tạp chí Khoa học Thương mại số 23, Trường Đại học Thương Mại.
16. Bùi Hữu Đức (2009), *Giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng mây tre đan của các làng nghề vùng Đồng bằng Sông Hồng*, Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, trường Đại học Thương Mại.
17. Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh (2014), *Niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh*, NXB Thống kê.
18. Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh (2015), *Niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh*, NXB Thống kê.
19. Nguyễn Thị Đường (2012), *Giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam vào thị trường Trung Quốc*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Viện Nghiên cứu thương mại, Bộ Công Thương
20. Frank Ellis (1995), *Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
21. Nguyễn Thị Thúy Hồng (2014) *Chính sách thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vào thị trường EU trong điều kiện tham gia vào WTO*, luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
22. Uông Thị Hoàn (2015), *Thực trạng hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh*, Tạp chí Thống kê và Cuộc sống, số 03 – 2015.
23. Trịnh Kim Liên (2013), *Phát triển làng nghề sản xuất hàng xuất khẩu trên địa bàn Hà Nội đến năm 2020*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường đại học Kinh tế Quốc dân.
24. Nguyễn Võ Linh (2004), *Chiến lược thị trường nông, lâm sản Việt Nam trong thập kỉ tới*, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội
25. Nguyễn Anh Minh (2005), *Những bài học kinh nghiệm về thực hiện chính sách thúc đẩy xuất khẩu của Trung Quốc thời kỳ cải cách và mở cửa kinh tế*, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Đại học Kinh tế Quốc dân
26. Hồ Trung Thanh (2009), *Xuất khẩu và công tác điều hành xuất khẩu năm 2008 thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Tạp chí Quản lý nhà nước số 156 (tháng 1-2009).
27. Nguyễn Khắc Thanh (2004), *Điều tiết nhà nước trong xuất khẩu những mặt hàng chủ lực và có lợi thế của Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
28. Đỗ Huyền Trang (2012), *Hoàn thiện phân tích hiệu quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu khu vực Nam Trung bộ*, luận án tiến sĩ kinh doanh và quản lý, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

29. Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2012) *Nghị quyết về việc thông qua Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) của tỉnh Hà Tĩnh*
30. Khoa kinh tế chính trị - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2004), *Điều tiết nhà nước trong xuất khẩu những mặt hàng chủ lực và có lợi thế của Việt Nam: Thực trạng và giải pháp.*
31. Nguyễn Hữu Khải (2002), *Đẩy mạnh xuất khẩu nông sản với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn Việt Nam*, Đề tài Nghiên cứu khoa học cấp Bộ.
32. Trịnh Thị Ái Hoa (2006), *Chính sách xuất khẩu nông sản của Việt Nam - thực trạng và giải pháp*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
33. Jem Adersm (1990) *Hoạch định chính sách công*, NXB Houghton Mifflin.
34. Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2012) *Nghị quyết Về việc thông qua Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) của tỉnh Hà Tĩnh.*
35. Nguyễn Võ Linh (2004), *Chiến lược thị trường nông, lâm sản Việt Nam trong thập kỉ tới*, Viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp
36. Ngô Thị Tuyết Mai (2012), *Nâng cao sức cạnh tranh một số mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường đại học Kinh tế Quốc dân
37. Nguyễn Anh Minh (2005), *Những bài học kinh nghiệm về thực hiện chính sách thúc đẩy xuất khẩu của Trung Quốc thời kỳ cải cách và mở cửa kinh tế*, Tạp chí Kinh tế và Phát triển.
38. Mia Mikie (2003), *Xúc tiến thương mại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Đinh Thị Thu Oanh (2013), *Giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh
40. Thomas Dye (1984) *Tìm hiểu chính sách công*, NXB Prentice Hall.
41. Nguyễn Thị Tình (2010), *Thực trạng và giải pháp xuất khẩu hàng hoá ở Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 11.
42. Nguyễn Thu Quỳnh (2013), *Phát triển chiến lược thị trường xuất khẩu nông sản của các doanh nghiệp Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Thương mại
43. Đặng Kim Sơn, Hoàng Thu Hòa (2002), *Một số vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn*, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương - Trung tâm Thông tin tư liệu, Nxb Thống kê, Hà Nội.
44. Lê Quốc Phương (2009), *Nhìn lại xuất khẩu của Việt Nam sau hơn 20 năm đổi mới*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 17.
45. Quốc hội (2005), *Luật thuế xuất khẩu, luật thuế nhập khẩu*



46. Quốc hội (2005), *Luật thương mại*
47. Nguyễn Thu Quỳnh (2013), *Phát triển chiến lược thị trường xuất khẩu nông sản của các doanh nghiệp Việt Nam*, luận án tiến sĩ, Trường Đại học Thương mại
48. Nguyễn Minh Sơn (2010), *Các giải pháp kinh tế nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
49. Thủ tướng Chính phủ (2001), *Quyết định về Quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001-2005*.
50. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định phê duyệt đề án “Phát triển thương mại nông thôn giai đoạn 2010 – 2015 và định hướng đến năm 2020”*
51. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 1786/QĐ-TTg: Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050*.
52. Trung tâm WTO và hội nhập – Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt nam (2015), *Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)*
53. Trường Đại học Tổng hợp Laval (1997), *Giáo trình Chương trình đào tạo kinh tế Fullbright*, trường Đại học Tổng hợp Laval
54. Viện quản lý Kinh tế - Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2006), *Tiếp tục đổi mới chính sách xuất khẩu của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế đến năm 2010*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
55. UBND Tỉnh Hà Tĩnh (2016), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng về phát triển kinh tế nhanh và bền vững*, số 416/BC-UBND, ngày 24/11/2016
56. UBND Tỉnh Hà Tĩnh, *Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND của: Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2011 - 2015 ban hành kèm theo Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND ngày 09/8/2011 của UBND tỉnh*
57. UBND Tỉnh Hà Tĩnh (2012), *Quyết định số 777/2012/QĐ-UBND: Về việc phê duyệt Danh mục các dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư vào Hà Tĩnh năm 2012 và những năm tiếp theo*.
58. UBND Tỉnh Hà Tĩnh (2013), *Kế hoạch Triển khai thực hiện Đề án phát triển xuất khẩu tỉnh giai đoạn 2011-2015*.
59. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2011), *Quy định chính sách hỗ trợ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trên địa bàn Hà Tĩnh*.
60. Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Hà Tĩnh (2013), *Quyết định về việc phê duyệt Danh mục sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2015 và định hướng phát triển đến năm 2020*

61. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2011), *Quyết định Ban hành quy định chính sách hỗ trợ sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh*
62. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2015), *Dự thảo Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*

### **Tiếng Anh**

63. Arthur J. Miller, Ph.D (2006), *Opportunities and Requirements to export Thai Food and Agricultural Products to the U.S*
64. Atsunobu Sato (2012), *Export Strategies of Japanese Agricultural Products: A Focus on Production Management in Japanese Agricultural Co-operatives*
65. Chris Brown and Patrick B. Durst (2003), *State of forestry in Asia and Pacific-2003: Status, changes and trends.*
66. Bui Thi Huong, Truong Minh Dao, Julie MacCartee, Ryan Boone (2011), *Many Opportunities for U.S. Food and Agricultural Products, but Also Some Risks*
67. California Department of Food and Agriculture (2015) *California Agricultural Statistics Review 2014-2015*, California Department of Food and Agriculture
68. Do Dinh Sam, Le Quang Trung (2001), *Forest Policy Trends in Vietnam*
69. Forest Science Institute of Vietnam (2009), *Vietnam forestry outlook study*
70. Fred Gale, Bryan Lohmar, Francis Tuan (2005), *China's New Farm Subsidies, United States Department of Agriculture, WRS-05-01, February 2005*
71. ITS GLOBAL (2011), *The Economic Contribution of Indonesia's Forest-Based Industries*
72. IUCN Lao PDR, NERI (2011) *Report on Economic, Social and Environmental Costs and Benefits of Investments in Savannakhet Province*, Ministry of Planning and Investment of Lao PDR
73. GLOBAL SPC (2008), *Boosting Armenia's Agricultural Exports*
74. Giovanni Anania (2013), *Agricultural Export Restrictions and the WTO: What Options do Policy-Makers Have for Promoting Food Security*
75. JGSEE, KMUTT, Kyoto University, NIES, AIM, IGES, MHRI (2013) *Khon Kaen-Towards Low Carbon Society*
76. Paul Samuelson (2000), *Economics: An Introductory Analysis*, McGraw-Hill
77. Pham Van Khoi (2008), *Vietnamese agriculture: One year entering the WTO*
78. Pradit Nuttayai, Buapun Promphakping (2014) *Alternative Welfare in Rural Thailand: A Case Study of Khon Kaen Province*, International Review of Management and Business Research
79. Sukanya Sirikeratikul (2014), *Thailand Exporter Guide 2013*
80. Terence P. Stewart, Jin Ma (2007), *China's support programs for selected industries: Agriculture*, The Trade Lawyers Advisory Group LLC.
81. The World Bank (2004), *Senegal agricultural export promotion project*

82. Vu Van Me (1998), *Overview of Protection Forest in Vietnam and Basis for Identifying Land for Establishment of Protection Forest in the Project Area of Ha Tinh, Quang Binh, Quang Tri Provinces*
83. Vu Hoai Minh, Dr. Hans Warfvinge (2002) *Issues in management of natural forests by households and local communities of three provinces in Vietnam: Hoa Binh, Nghe An, and Thua Thien Hue*
84. Wusheng Yu, Hans G Jensen (2009), *China's Agricultural Policy Transition: Impacts of Recent Reforms and Future Scenarios*, International Association of Agricultural Economists' 2009 Conference, Beijing, China, August 16-22, 2009

## **PHẦN PHỤ LỤC**

### **Phụ lục 1: Mẫu phiếu điều tra khảo sát các doanh nghiệp sản xuất, chế biến kinh doanh nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh về chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh**

#### **PHIẾU ĐIỀU TRA**

#### **Xin kính chào Quý vị!**

1. Trong khuôn khổ nghiên cứu về chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh, nhóm nghiên cứu tiến hành điều tra nhằm mục đích thu thập cơ sở dữ liệu để đánh giá chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản, đồng thời đưa ra những định hướng, giải pháp thích hợp nhằm hoàn thiện chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh trong những năm tới. Chúng tôi cam kết rằng điều tra này chỉ phục vụ duy nhất cho mục đích nghiên cứu, không sử dụng vào mục đích nào khác, mọi thông tin về doanh nghiệp của quý vị sẽ được giữ bí mật và không tiết lộ đến bất kì tổ chức, cá nhân nào.

2. Bộ câu hỏi này có sẵn trên Web, tại địa chỉ: <http://vinatest.vn>, quý vị có thể truy cập và trả lời trực tuyến.

3. Với những câu hỏi đã có sẵn phương án trả lời, xin chọn cách trả lời thích hợp bằng cách đánh dấu x vào ô  hoặc ô tương ứng trong bảng.

4. Mọi thông tin bổ sung xin liên hệ: Bùi Khắc Bằng, VPUBND tỉnh Hà Tĩnh

*Xin trân trọng cảm ơn!*

#### **A. Thông tin về doanh nghiệp**

1. Tên doanh nghiệp: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Địa chỉ website (nếu có): .....

4. Lĩnh vực kinh doanh mà doanh nghiệp của Quý vị đang hoạt động là gì ?

Xuất khẩu nông sản       Xuất khẩu lâm sản

Sản xuất, chế biến nông sản xuất khẩu    Sản xuất, chế biến lâm sản xuất

khẩu

5. Xin Quý vị cho biết, doanh nghiệp của Quý vị đã hoạt động được bao nhiêu năm ?

nhỏ hơn 3 năm       3-5 năm       lớn hơn 5 năm

6. Quy mô doanh nghiệp

6.1. Số vốn hiện tại của doanh nghiệp trong khoảng:

1 tỷ đến 5 tỷ VNĐ    5 tỷ đến 10 tỷ VNĐ    10 tỷ đến 50 tỷ    trên 50 tỷ

VNĐ

6.2. Tổng số lao động của doanh nghiệp?

Nhỏ hơn 10 người    10 đến 50 người    50 đến 100 người    trên 100 người

7. Loại hình doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp tư nhân     Công ty TNHH  
 Công ty hợp danh             Hợp tác xã  
 Công ty cổ phần                 Doanh nghiệp Nhà nước  
 Công ty liên doanh             Công ty 100% vốn nước ngoài

**B. Đánh giá của DN về thực trạng, tiềm năng và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của Hà Tĩnh**

**8. Đánh giá của Quý vị về tiềm năng xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh:**

Các tiêu chí	Mức độ (1: rất thấp; 5: rất cao)				
	1	2	3	4	5
Nguồn nhân lực lao động					
Điều kiện tự nhiên					
Đất đai phục vụ sản xuất					
Nguồn vốn phục vụ sản xuất					
Công nghệ sản xuất, chế biến					

**9. Đánh giá của Quý vị về các sản phẩm nông, lâm sản xuất khẩu của Tỉnh hiện nay:**

Các tiêu chí	Mức độ (1: rất thấp; 5: rất cao)				
	1	2	3	4	5
Chất lượng sản phẩm					
Sản lượng					
Mức độ đa dạng					
Thương hiệu trên thị trường quốc tế					

**10. Quý vị hãy cho biết đánh giá của mình về tiềm năng xuất khẩu của các mặt hàng nông, lâm sản chủ lực của Tỉnh ?**

Các sản phẩm	Mức độ (1: rất tiềm năng; 5: không tiềm năng)				
	1	2	3	4	5
Cao su					
Sản phẩm gỗ (ván xẻ, gỗ xẻ, SP từ gỗ)					
Dăm gỗ					
Chè các loại					
Tinh bột sắn					
Lúa gạo					
Lạc nhân					

Ốt					
Các loại khác (xin ghi cụ thể)..... .....					

11. Doanh nghiệp đang sử dụng hình thức xuất khẩu nông, lâm sản nào dưới đây ?

- Xuất khẩu trực tiếp     Xuất khẩu ủy thác     Gia công xuất khẩu  
 Xuất khẩu dịch vụ     Xuất khẩu tư bản     Hình thức khác

12. Hiệu quả xúc tiến, quảng bá hình ảnh thương hiệu của các sản phẩm nông, lâm sản của Hà Tĩnh hiện nay như thế nào?

- Rất thấp     Thấp     Trung bình     Cao     Rất cao

13. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng tới chính sách thúc đẩy nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh:

STT	Nhân tố	Mức độ (1 – Không ảnh hưởng, 5-Rất ảnh hưởng)				
		1	2	3	4	5
1	Tình hình thị trường nông, lâm sản trong nước					
2	Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh					
3	Định hướng phát triển nông, lâm nghiệp của địa phương					
4	Đặc điểm, lợi thế và tiềm năng về sản xuất và xuất khẩu nông, lâm sản của địa phương					
5	Tình hình thị trường nông lâm sản thế giới (đặc biệt là các thị trường xuất khẩu của địa phương)					
6	Chính sách của các quốc gia nhập khẩu nông, lâm sản trên thế giới					
7	Yêu cầu về chính sách thương mại đối với hàng nông sản của các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới					
8	Các yếu tố khác					
-	Tình hình kinh tế thế giới					
-	Tỉ giá hối đoái					

-	Giá cả các mặt hàng có liên quan					
-	Xung đột chính trị, chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh					

### C. Đánh giá của doanh nghiệp về chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của Hà Tĩnh

14. Theo doanh nghiệp, khó khăn lớn nhất của doanh nghiệp sản xuất, chế biến, kinh doanh nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh hiện nay là gì?

- Quy mô nhỏ  
 Thiếu vốn  
 Nguồn nguyên liệu chưa đáp ứng được nhu cầu  
 Công nghệ sản xuất lạc hậu  
 Trình độ nguồn nhân lực trong hoạt động xuất khẩu còn thấp  
 Chính sách hỗ trợ của chính quyền chưa hiệu quả  
 Chịu nhiều tác động tiêu cực từ thị trường

15. Hiểu biết của doanh nghiệp về các quy định pháp luật trong và ngoài nước liên quan tới hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản ?

- Rất thấp       Thấp       Trung bình       Cao       Rất cao

16. Đánh giá của Quý vị về sự thuận lợi của một số tiêu chí ảnh hưởng tới chính sách xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh hiện nay:

Các tiêu chí	Mức độ (1: rất thấp; 5: rất cao)				
	1	2	3	4	5
Các thủ tục hải quan trong nước					
Các thủ tục hải quan tại nước xuất khẩu					
Các loại thuế nhập khẩu tại thị trường nước xuất khẩu					
Các tiêu chuẩn chất lượng tại thị trường nước xuất khẩu					

17. Theo Quý vị, hiệu quả của chính sách nghiên cứu, dự báo thị trường và định hướng sản xuất phục vụ xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh hiện nay như thế nào ?

- Rất thấp       Thấp       Trung bình       Cao       Rất cao

18. Quý vị có thường xuyên theo dõi các biến động về thị trường và đánh giá nhu cầu của khách hàng xuất khẩu hay không ?

- Rất thấp       Thấp       Trung bình       Cao       Rất cao

19. Quý vị có có thường xuyên được phổ biến về các công nghệ sản xuất mới, các chính sách, tiêu chuẩn về chất lượng nông, lâm sản xuất khẩu ?

- Rất thường xuyên       Khá thường xuyên       Bình thường  
 Không thường xuyên       Không được phổ biến

20. Theo Quý vị, các chính sách về hỗ trợ vay vốn đầu tư cho hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh hiện nay như thế nào ?

- Rất thuận lợi       Khá thuận lợi       Bình thường

Ít thuận lợi                       Không thuận lợi

**21.** Đánh giá của Quý vị về sự phối hợp trong việc thực thi các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh ?

Các tiêu chí	Mức độ (1: rất thấp; 5: rất cao)				
	1	2	3	4	5
Sự phối hợp giữa cơ quan quản lý các cấp về nông, lâm nghiệp					
Sự phối hợp giữa doanh nghiệp xuất khẩu và các cơ quan quản lý					
Sự phối hợp giữa doanh nghiệp xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh với nhau					
Sự phối hợp giữa doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu với người sản xuất					

**22.** Đánh giá của Quý vị về hiệu quả liên kết sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu giữa hộ nông dân, hợp tác xã với doanh nghiệp ?

Rất thấp     Thấp             Trung bình             Cao             Rất cao

**23.** Trong 3 năm gần đây, doanh nghiệp của Quý vị nhận được những ưu đãi, hỗ trợ nào từ phía các chính sách của tỉnh, đánh giá hiệu quả của các chính sách?

Các tiêu chí	Có	Không	Mức độ (1: rất thấp; 5: rất cao)				
			1	2	3	4	5
Chính sách thuế xuất khẩu							
Trợ cấp tín dụng xuất khẩu							
Bảo hiểm xuất khẩu nông, lâm sản							
Chính sách về đất đai, san lấp mặt bằng							
Đầu tư cơ sở bảo quản, chế biến							
Chính sách khoa học công nghệ							
Chính sách về hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, sở hữu trí tuệ							
Đào tạo nguồn nhân lực và phát triển thị trường xuất khẩu							
Tư vấn chuyên gia công nghệ, thông tin về thị trường và mặt hàng xuất khẩu							
Hỗ trợ tiếp cận các nguồn lực, chương trình, dự án							

**24.** Đánh giá của Quý vị về sự phù hợp của các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh đối với các chính sách khác (tiền tệ, đối ngoại,...)

Rất phù hợp             Khá phù hợp             Bình thường  
 Ít phù hợp               Không phù hợp



**25. Đánh giá của Quý vị về quá trình hoạch định chính sách xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh ?**

STT	Nhân tố	Có	Không	Mức độ (1 – Rất kém, 5-Rất tốt)				
				1	2	3	4	5
1	Nghiên cứu, dự báo thị trường xuất khẩu							
-	Về mặt hàng xuất khẩu							
-	Về các lợi thế cạnh tranh							
-	Về thị trường, thương nhân giao dịch							
2	Phân tích thực trạng môi trường nội bộ các doanh nghiệp xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh							
-	Chiến lược hiện tại của doanh nghiệp							
-	Các nguồn lực của doanh nghiệp							
-	Các lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp							
3	Xác định thị trường xuất khẩu mục tiêu và định vị sản phẩm xuất khẩu trên thị trường mục tiêu							
-	Xác định các phân đoạn thị trường							
-	Lựa chọn thị trường xuất khẩu mục tiêu							
-	Định vị sản phẩm trên thị trường mục tiêu							
4	Xây dựng và lựa chọn các chính sách xuất khẩu nông, lâm sản phù hợp							
-	Xác định các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của chính sách							
-	Xây dựng các phương án thực hiện chính sách xuất khẩu nông, lâm sản							
-	Lựa chọn các chính sách phù hợp với các điều kiện của địa phương							

**26. Đánh giá chung của Quý vị về hiệu quả của các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh ?**

Các hoạt động	Mức độ (1: rất thấp; 5: rất cao)				
	1	2	3	4	5

Tính khả thi của chính sách					
Tính hiệu quả của chính sách					
Tính khả dụng của chính sách					
Tính công bằng của chính sách					
Tính thống nhất của chính sách					

***D. Đề xuất của Doanh nghiệp***

*Để góp phần phát triển hoạt động sản xuất, xuất khẩu nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, xin quý vị đề xuất 03 giải pháp:*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

***Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý vị !***

**Phụ lục 2: Mẫu phiếu điều tra khảo sát cán bộ quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh về chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh**

**PHIẾU ĐIỀU TRA**

**Xin kính chào Quý vị!**

- Nhằm mục đích thu thập cơ sở dữ liệu để đánh giá hiện trạng sản xuất, xuất khẩu nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, đồng thời đưa ra những giải pháp thích hợp trong những năm tới, xin Quý vị vui lòng đánh dấu  vào vị trí thích hợp cho các nội dung của Phiếu khảo sát dưới đây. Những thông tin cung cấp trong phiếu này được đảm bảo bí mật và chỉ phục vụ duy nhất cho mục đích nghiên cứu, không sử dụng vào mục đích nào khác.
- Bộ câu hỏi này có sẵn trên Web, tại địa chỉ: <http://vinatest.vn>, quý vị có thể truy cập và trả lời trực tuyến.
- Với những câu hỏi đã có sẵn phương án trả lời, xin chọn cách trả lời thích hợp bằng cách đánh dấu x vào ô  hoặc ô tương ứng trong bảng.
- Mọi thông tin bổ sung xin liên hệ: Bùi Khắc Bằng, VPUBND tỉnh Hà Tĩnh

*Xin trân trọng cảm ơn!*

**A. Thông tin chung**

- Họ và tên: .....
- Bộ phận công tác .....
- Chức vụ: .....
- Email: .....
- Đánh giá mức độ liên quan giữa lĩnh vực công tác của Quý vị với sản xuất, xuất khẩu nông, lâm sản?  
 Liên quan mật thiết    Liên quan khá nhiều    Liên quan mức TB  
 Ít liên quan                       Không liên quan

**B. Về chính sách thúc đẩy hoạt động sản xuất, xuất khẩu nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

6. Đánh giá của Quý vị về tiềm năng xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh:

Các tiêu chí	Mức độ (1: rất thấp; 5: rất cao)				
	1	2	3	4	5
Nguồn nhân lực lao động					
Điều kiện tự nhiên					
Đất đai phục vụ sản xuất					
Nguồn vốn phục vụ sản xuất					
Công nghệ sản xuất, chế biến					

7. Đánh giá của Quý vị về các sản phẩm nông, lâm sản xuất khẩu của tỉnh Hà Tĩnh:

Các tiêu chí	Mức độ (1: rất thấp; 5: rất cao)				
	1	2	3	4	5
Chất lượng sản phẩm					
Sản lượng					
Mức độ đa dạng					
Thương hiệu trên thị trường quốc tế					

8. Theo Quý vị, khó khăn lớn nhất trong việc quản lý, thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh hiện nay là gì?

- Các chính sách, quy định chưa đồng bộ  
 Hoạt động thanh tra, giám sát còn mỏng  
 Trình độ nguồn lực cán bộ quản lý chưa cao  
 Hoạt động liên kết, phối hợp giữa các cơ quan quản lý chưa tốt  
 Thiếu sự hợp tác của người sản xuất và doanh nghiệp

9. Theo Quý vị, hiệu quả các chính sách nghiên cứu, dự báo thị trường và định hướng sản xuất phục vụ xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh hiện nay như thế nào ?

- Rất thấp    Thấp    Trung bình    Cao    Rất cao

10. Quý vị có thường xuyên theo dõi các biến động về thị trường và đánh giá nhu cầu của khách hàng xuất khẩu hay không ?

- Rất thấp    Thấp    Trung bình    Cao    Rất cao

11. Đánh giá của Quý vị về hiệu quả các chính sách xúc tiến, mở rộng thị trường xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh hiện nay ?

- Rất thấp    Thấp    Trung bình    Cao    Rất cao

12. Theo Quý vị, các chính sách về hỗ trợ vay vốn đầu tư sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh hiện nay như thế nào ?

- Rất thuận lợi    Khá thuận lợi    Bình thường  
 Ít thuận lợi    Không thuận lợi

13. Đánh giá của Quý vị về sự phối hợp trong việc thực thi các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh ?

Các tiêu chí	Mức độ (1: rất thấp; 5: rất cao)				
	1	2	3	4	5
Sự phối hợp giữa cơ quan quản lý các cấp về nông, lâm nghiệp					
Sự phối hợp giữa doanh nghiệp xuất khẩu và các cơ quan quản lý					
Sự phối hợp giữa doanh nghiệp xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh với nhau					
Sự phối hợp giữa doanh nghiệp chế biến, xuất					

khẩu với người sản xuất					
Sự phối hợp giữa người sản xuất và các cơ quan quản lý					

**14.** Đánh giá của quý vị về sự phù hợp của các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh đối với các chính sách khác (tiền tệ, đối ngoại,...)

Rất phù hợp       Khá phù hợp       Bình thường

Ít phù hợp       Không phù hợp

**15.** Quý vị đánh giá về hiệu quả của một số chính sách hỗ trợ sản xuất, xuất khẩu nông lâm sản của Tỉnh hiện nay như thế nào ?

Các tiêu chí	Mức độ (1: rất thấp; 5: rất cao)				
	1	2	3	4	5
Các chính sách ưu đãi của Tỉnh về đất đai, san lấp mặt bằng					
Chính sách thuế					
Chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp					
Chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản, chế biến					
Chính sách hỗ trợ về khoa học công nghệ					
Chính sách về hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và sở hữu trí tuệ					
Chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực và phát triển thị trường					
Chính sách về tư vấn chuyển giao công nghệ, thông tin					
Chính sách hỗ trợ tiếp cận các nguồn lực, các chương trình, dự án					

**16.** Quý vị đánh giá các nhân tố ảnh hưởng tới chính sách thúc đẩy nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh:

STT	Nhân tố	Mức độ (1 – Không ảnh hưởng, 5- Rất ảnh hưởng)				
		1	2	3	4	5
1	Tình hình thị trường nông, lâm sản trong nước					
2	Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh					
3	Định hướng phát triển nông, lâm nghiệp của địa phương					
4	Đặc điểm, lợi thế và tiềm năng về sản xuất và xuất khẩu nông, lâm sản của địa phương					
5	Tình hình thị trường nông lâm sản thế giới (Đặc biệt là các thị trường xuất khẩu của địa phương)					

6	Chính sách của các quốc gia nhập khẩu nông, lâm sản trên thế giới					
7	Yêu cầu về chính sách thương mại đối với hàng nông sản của các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới					
8	Các yếu tố khác					
-	Tình hình kinh tế thế giới					
-	Tỉ giá hối đoái					
-	Giá cả các mặt hàng có liên quan					
-	Xung đột chính trị, chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh					

**17. Đánh giá của Quý vị về quá trình hoạch định chính sách xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh ?**

STT	Nhân tố	Có	Không	Mức độ (1 – Rất kém, 5-Rất tốt)				
				1	2	3	4	5
1	Nghiên cứu, dự báo thị trường xuất khẩu							
-	Về mặt hàng xuất khẩu							
-	Về các lợi thế cạnh tranh							
-	Về thị trường, thương nhân giao dịch							
2	Phân tích thực trạng môi trường nội bộ các doanh nghiệp xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh							
-	Chiến lược hiện tại của doanh nghiệp							
-	Các nguồn lực của doanh nghiệp							
-	Các lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp							
3	Xác định thị trường xuất khẩu mục tiêu và định vị sản phẩm xuất khẩu trên thị trường mục tiêu							
-	Xác định các phân đoạn thị trường							
-	Lựa chọn thị trường xuất khẩu mục tiêu							
-	Định vị sản phẩm trên thị trường mục tiêu							

4	Xây dựng và lựa chọn các chính sách xuất khẩu nông, lâm sản phù hợp							
-	Xác định các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của chính sách							
-	Xây dựng các phương án thực hiện chính sách xuất khẩu nông, lâm sản							
-	Lựa chọn các chính sách phù hợp với các điều kiện của địa phương							

**18.** Đánh giá của Quý vị về quá trình thực thi chính sách xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh ?

STT	Nhân tố	Có	Không	Mức độ (1 – Rất kém, 5-Rất tốt)				
				1	2	3	4	5
1	Thực hiện quy hoạch, kế hoạch các vùng sản xuất, chế biến nông, lâm sản xuất khẩu							
2	Hỗ trợ đẩy mạnh sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu, thực hiện chính sách tài chính, tín dụng và đầu tư phát triển sản xuất hàng xuất khẩu							
3	Chính sách thuế hỗ trợ doanh nghiệp và người sản xuất các mặt hàng nông, lâm sản xuất khẩu							
4	Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao nhận kho vận và đẩy nhanh xã hội hóa hoạt động dịch vụ logistics							
5	Chính sách phát triển thị trường, xúc tiến thương mại xuất khẩu nông, lâm sản, thu hút đầu tư cho doanh nghiệp, người sản xuất.							
6	Hỗ trợ doanh nghiệp, người sản xuất ứng dụng khoa học công nghệ cao trong sản xuất, chế biến nông, lâm sản xuất khẩu							
7	Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xây dựng chiến lược kinh doanh, chú trọng phát triển mặt hàng xuất khẩu chủ lực, xây dựng chương trình cụ thể tiếp cận các thị trường xuất khẩu chủ yếu							
8	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về thị trường, chính sách xuất khẩu hàng hóa, các hiệp định thương mại, các thông tin về hội nhập quốc tế, nghiệp							

	vụ xuất khẩu cho các doanh nghiệp.							
9	Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trình độ quản trị, điều hành; đổi mới cơ cấu tổ chức							
10	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm các sản phẩm nông, lâm sản xuất khẩu, các tiêu cực trong hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản							
11	Phổ biến, tuyên truyền các tiêu chuẩn quản lý chất lượng cho doanh nghiệp, người sản xuất tại thị trường nước xuất khẩu							
12	Tăng cường và nâng cao hiệu quả liên kết, hợp tác giữa các Hiệp hội ngành hàng của tỉnh và giữa các doanh nghiệp hội viên							

**19.** Đánh giá chung của Quý vị về hiệu quả các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh ?

Các hoạt động	Mức độ (1: rất thấp; 5: rất cao)				
	1	2	3	4	5
Tính khả thi của chính sách					
Tính hiệu quả của chính sách					
Tính khả dụng của chính sách					
Tính công bằng của chính sách					
Tính thống nhất của chính sách					

**C. Đề xuất của Quý vị**

*Để góp phần phát triển hoạt động sản xuất, xuất khẩu nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, xin quý vị đề xuất 03 giải pháp:*

.....

.....

.....

.....

*Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý vị !*

**Phụ lục 3: Mẫu phiếu điều tra khảo sát người sản xuất về hoạt động sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh về chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh**

**PHIẾU ĐIỀU TRA**

**Xin kính chào Quý vị !**



1. Nhằm mục đích thu thập cơ sở dữ liệu để đánh giá hiện trạng sản xuất, xuất khẩu nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, đồng thời đưa ra những giải pháp thích hợp trong những năm tới, xin Quý vị vui lòng đánh dấu  vào vị trí thích hợp cho các nội dung của Phiếu khảo sát dưới đây. Những thông tin cung cấp trong phiếu này được đảm bảo bí mật và chỉ phục vụ duy nhất cho mục đích nghiên cứu, không sử dụng vào mục đích nào khác.
2. Bộ câu hỏi này có sẵn trên Web, tại địa chỉ: <http://vinatest.vn>, quý vị có thể truy cập và trả lời trực tuyến.
3. Với những câu hỏi đã có sẵn phương án trả lời, xin chọn cách trả lời thích hợp bằng cách đánh dấu x vào ô  hoặc ô tương ứng trong bảng.
4. Mọi thông tin bổ sung xin liên hệ: Bùi Khắc Bằng, VPUBND tỉnh Hà Tĩnh

***Xin trân trọng cảm ơn!***

**A. Thông tin về Quý vị**

1. Họ và tên: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại:.....
4. Email: .....

**B. Chính sách hỗ trợ sản xuất hàng nông, lâm sản xuất khẩu của Hà Tĩnh hiện nay**

1. Quý vị nhận thấy các tiềm năng xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh hiện nay như thế nào:

Các tiêu chí	Mức độ (1: rất thấp; 5: rất cao)				
	1	2	3	4	5
Nguồn nhân lực lao động sản xuất					
Điều kiện tự nhiên					
Đất đai phục vụ sản xuất					
Nguồn vốn phục vụ sản xuất					
Công nghệ sản xuất, chế biến					

2. Quý vị nhận thấy các sản phẩm nông, lâm sản xuất khẩu của tỉnh Hà Tĩnh hiện nay như thế nào ?

Các tiêu chí	Mức độ (1: rất thấp; 5: rất cao)				
	1	2	3	4	5
Chất lượng sản phẩm					
Sản lượng hàng năm					
Mức độ đa dạng của sản phẩm					
Thương hiệu của các sản phẩm trên thị trường quốc tế					

3. Quý vị hãy cho biết các sản phẩm nông, lâm sản xuất khẩu mà mình đang sản xuất, chế biến, nếu có sản xuất, chế biến, vui lòng cho biết mức độ tiềm năng của các mặt hàng xuất khẩu này ?

Các sản phẩm	Quý vị có tham gia sản xuất, chế biến không ?		Mức độ (1: rất tiềm năng; 5: không tiềm năng)				
			1	2	3	4	5
Cao su	Có	Không					
Sản phẩm gỗ (ván xẻ, gỗ xẻ, SP từ gỗ)							
Dăm gỗ							
Chè các loại							
Tinh bột sắn							
Lúa gạo							
Lạc nhân							
Ốt							
Các loại khác (xin chỉ rõ)..... .....							

4. Hiểu biết của Quý vị về các quy định pháp luật trong và ngoài nước liên quan tới hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản ?

Rất thấp       Thấp       Trung bình       Cao       Rất cao

5. Quý vị thường cập nhật thông tin về quy định pháp luật trong và ngoài nước liên quan tới hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản từ các nguồn nào ?

- Qua phổ biến của cán bộ quản lý
- Qua báo đài, truyền hình
- Tự tìm hiểu thông qua mạng Internet
- Qua các chương trình phổ biến kiến thức về xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh
- Qua phổ biến của các Hiệp hội ngành nghề
- Qua các kênh khác. Bao gồm (Vui lòng ghi rõ quý vị thường xuyên cập nhật các thông tin về quy định pháp luật này từ đâu):.....

6. Quý vị có thường xuyên được các cơ quan, tổ chức Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh phổ biến về các công nghệ sản xuất mới, các chính sách, tiêu chuẩn về chất lượng nông, lâm sản xuất khẩu ?

Rất thường xuyên       Khá thường xuyên       Bình thường

Không thường xuyên       Không được phổ biến

7. Theo quý vị, việc áp dụng các phương pháp, công nghệ sản xuất mới này vào việc sản xuất, phát triển các mặt hàng nông, lâm sản xuất khẩu của Tỉnh có những khó khăn, hạn chế trong cách chính sách nào dưới đây của Tỉnh ?

- Các chính sách ưu đãi của Tỉnh về đất đai, san lấp mặt bằng
- Chính sách thuế

- Chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp
- Chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản, chế biến
- Chính sách hỗ trợ về khoa học công nghệ
- Chính sách về hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và sở hữu trí tuệ
- Chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực và phát triển thị trường
- Chính sách về tư vấn chuyển giao công nghệ, thông tin
- Chính sách hỗ trợ tiếp cận các nguồn lực, các chương trình, dự án

8. Theo Quý vị, khó khăn lớn nhất của người sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh hiện nay là gì ?

- Trình độ lao động sản xuất còn hạn chế
- Thiếu vốn sản xuất
- Công nghệ sản xuất lạc hậu
- Chính sách hỗ trợ của chính quyền chưa hiệu quả
- Chịu nhiều tác động tiêu cực của thiên tai: bão lũ, hạn hán, cháy rừng

9. Theo Quý vị, các chính sách về hỗ trợ vay vốn đầu tư sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh hiện nay như thế nào ?

- Rất thuận lợi
- Khá thuận lợi
- Bình thường
- Ít thuận lợi
- Không thuận lợi

10. Theo Quý vị, hiệu quả của các chính sách dự báo thị trường xuất khẩu và định hướng sản nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh hiện nay như thế nào ?

- Rất thấp
- Thấp
- Trung bình
- Cao
- Rất cao

11. Theo Quý vị, hiệu quả các chính sách giới thiệu sản phẩm và tìm kiếm thị trường xuất khẩu mặt hàng nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh hiện nay như thế nào ?

- Rất thấp
- Thấp
- Trung bình
- Cao
- Rất cao

12. Trong 3 năm gần đây, Quý vị nhận được những ưu đãi, hỗ trợ nào từ phía các chính sách của tỉnh, đánh giá hiệu quả của các chính sách?

Các tiêu chí	Có	Không	Mức độ (1: rất thấp; 5: rất cao)				
			1	2	3	4	5
Trợ cấp sản xuất (chính quyền hỗ trợ trực tiếp bằng tiền)							
Chính sách hỗ trợ đầu vào (ưu đãi khi mua giống, phân bón,...)							
Chính sách tín dụng cho người sản xuất (ưu đãi về lãi suất, mở rộng đối tượng cho vay,...)							
Chính sách khoa học và công nghệ hỗ trợ sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu							
Chính sách hỗ trợ về thông tin thị trường, các quy định pháp luật trong hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản...							

**13.** Quý vị đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới chính sách thúc đẩy nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh:

STT	Nhân tố	Có	Không	Mức độ (1 – Không ảnh hưởng, 5- Rất ảnh hưởng)				
				1	2	3	4	5
1	Tình hình thị trường nông, lâm sản trong nước							
2	Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh							
3	Định hướng phát triển nông, lâm nghiệp của địa phương							
4	Đặc điểm, lợi thế và tiềm năng về sản xuất và xuất khẩu nông, lâm sản của địa phương							
5	Tình hình thị trường nông lâm sản thế giới (Đặc biệt là các thị trường xuất khẩu chủ lực)							
6	Chính sách của các quốc gia nhập khẩu nông, lâm sản trên thế giới							
7	Yêu cầu về chính sách thương mại đối với hàng nông sản của các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới							
8	Các yếu tố khác							
-	Tình hình kinh tế thế giới							
-	Tỉ giá ngoại tệ							
-	Giá cả các mặt hàng có liên quan							
-	Xung đột chính trị, chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh							

**14.** Đánh giá của Quý vị về sự phối hợp của các cơ quan trong việc thực thi chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh ?

Các tiêu chí	Mức độ hiệu quả (1: rất thấp; 5: rất cao)				
	1	2	3	4	5
Sự phối hợp giữa cơ quan quản lý về hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của Tỉnh					
Sự phối hợp giữa doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu với người sản xuất					
Sự phối hợp giữa người sản xuất và các cơ quan quản lý					

**15.** Đánh giá của Quý vị về hiệu quả liên kết sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu giữa hộ nông dân, hợp tác xã với doanh nghiệp ?

Rất thấp    Thấp    Trung bình    Cao    Rất cao

**16.** Sự quan tâm của Quý vị đối với vấn đề đảm bảo an toàn, vệ sinh thực phẩm đối với hàng nông, lâm sản xuất khẩu như thế nào ?

Rất quan tâm    Khá quan tâm    Bình thường

Ít quan tâm    Không quan tâm

**17.** Đánh giá của Quý vị về sự phù hợp của các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh đối với các chính sách khác (tiền tệ, đối ngoại,...)

Rất phù hợp    Khá phù hợp    Bình thường

Ít phù hợp    Không phù hợp

**18.** Đánh giá chung của Quý vị về hiệu quả của các chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh ?

Các hoạt động	Mức độ hiệu quả (1: rất thấp; 5: rất cao)				
	1	2	3	4	5
Tính thực tế của chính sách					
Tính hiệu quả của chính sách					
Tính hữu dụng của chính sách					
Tính công bằng của chính sách					

### **C. Đề xuất của Quý vị**

*Để góp phần phát triển hoạt động sản xuất nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, xin quý vị đề xuất 03 giải pháp :*

.....  
 .....  
 .....

***Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý vị !***

**Phụ lục 4:****DANH SÁCH DOANH NGHIỆP KHẢO SÁT**

<b>TT</b>	<b>Tên doanh nghiệp</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Sản phẩm chủ yếu</b>
1	Công ty TNHH Một thành viên Cao su Hà Tĩnh	TP Hà Tĩnh	Cao su
2	Công ty cổ phần lương thực Hà Tĩnh	TP Hà Tĩnh	Tinh bột sắn
3	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hà Tĩnh	TP Hà Tĩnh	Tinh bột sắn
4	Doanh nghiệp tư nhân Hằng Nga	Can Lộc	Nhựa cây
5	Doanh nghiệp tư nhân Chế biến XNK lâm sản Tiến Đạt	Hương Khê	Gỗ
6	Doanh nghiệp tư nhân Thủy Hỷ	Hương Khê	Gỗ
7	Doanh nghiệp tư nhân Trần Việt	Hương Khê	Gỗ
8	Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Cường	Hương Khê	Gỗ
9	Xí nghiệp xuất nhập khẩu tư nhân Vân Hà	Hương Khê	Gỗ
10	Doanh nghiệp tư nhân Quỳnh Nga	Hương Khê	Gỗ
11	Doanh nghiệp tư nhân Đức Dũng	Hương Sơn	Gỗ
12	Doanh nghiệp tư nhân Phú Hà Phương	Hương Khê	Gỗ
13	Doanh nghiệp tư nhân Công Thành	TP Hà Tĩnh	Nông sản
14	Công ty TNHH TM và Dịch vụ Hằng Cường	TP Hà Tĩnh	Thức ăn chăn nuôi, gạch men
15	Công ty TNHH xuất nhập khẩu Đại Lợi	TP Hà Tĩnh	Gỗ
16	Công ty TNHH Xuân Lâm	Nghi Xuân	Gỗ, các sản phẩm chế biến từ gỗ
17	Công ty TNHH Quang Minh	Can Lộc	Gỗ
18	Công ty TNHH Thương mại Đức Tài	Hương Khê	Gỗ
19	Công ty TNHH Hoàng Sơn Hải	Hương Khê	Gỗ
20	Công ty TNHH Xây dựng và TM Hoàng Ngọc	Hương Khê	Gỗ
21	Công ty TNHH Hoàng Việt	Hương Khê	Gỗ
22	Công ty TNHH Tùng Minh	Hương Khê	Gỗ
23	Công ty TNHH Trà Giang	Hương Khê	Gỗ
24	Công ty TNHH Trần Thanh Thanh	Hương Khê	Gỗ
25	Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Hồ Gia	Hương Khê	Gỗ

26	Công ty TNHH Thủy Triều	Hương Khê	Gỗ
27	Công ty TNHH Thương mại lâm sản Hoàng Anh	Hương Khê	Gỗ
28	Công ty TNHH Thương mại Đức Thắng	Hương Khê	Gỗ
29	Công ty TNHH GOGREEN Việt Nam	TP Hà Tĩnh	Thuốc bảo vệ thực vật
30	Công ty TNHH Anh Dũng	Hương Khê	Gỗ
31	Công ty cổ phần Chè Hà Tĩnh	TP Hà Tĩnh	Chè
32	Công ty cổ phần Hợp Phúc	Hương Sơn	Ngô giống
33	Công ty cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh	TX Hồng Lĩnh	Sợi
34	Công ty cổ phần xây dựng và XNK An Hồng	Nghi Xuân	Gỗ
35	Công ty cổ phần XNK TMI dịch vụ Hoàng Phúc	Hương Khê	Gỗ
36	Công ty cổ phần XNK Thủy sản Nam Hà Tĩnh	Kỳ Anh	Chế biến NLTS XK
37	Công Ty Cổ Phần X N K Thủy Sản Hà Tĩnh	Thạch Hà	Chế biến NLTS XK
38	Công ty cổ phần Thái Phát Đạt	Hương Sơn	Gỗ
39	Công ty cổ phần Dược và thiết bị y tế Hà Tĩnh	TP Hà Tĩnh	NLS
40	Công ty cổ Phần XNK và thương mại Hà Tĩnh	TP Hà Tĩnh	Tinh bột sắn, lạc nhân
41	Công ty TNHH SX nguyên liệu giấy Việt - Nhật	Kỳ Anh	Dăm gỗ
42	Công ty trồng rừng và sản xuất nguyên liệu giấy Hanviha	Kỳ Anh	Dăm gỗ
43	Công ty TNHH Thanh Thành Đạt - Chi nhánh Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu và Làng nghề Phở Hải	Nghi Xuân	Dăm gỗ
44	Nhà máy chế biến tinh bột mì Hà Tĩnh - Công ty cổ phần hữu hạn VEDAN Việt Nam	Kỳ Anh	Tinh bột sắn
45	Hợp tác xã Thiên Phú	Lộc Hà	Nông sản